

THÍCH NHƯ TỊNH

# Tìm lại dấu xưa



NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG



# Lời giới thiệu

Đọc 160 trang sử Phật Giáo hay nói đúng hơn là Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh cũng như Lâm Tế Liễu Quán và Tào Động từ Quảng Bình vào đến Bình Định do Thầy Thích Như Tịnh đương kim Trụ Trì Viên Giác cổ tự tại Hội An Quảng Nam viết, cá nhân chúng tôi vô cùng thán phục. Bởi lẽ sau khi hình thành được tác phẩm giá trị về việc truyền thừa của Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh, Thầy Như Tịnh còn cố công sưu tập đi đến các chốn Tổ đã vang bóng một thời từ Quảng Bình, Quảng Trị, rồi đến Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định v.v... để tìm lại dấu chân xưa chư Tổ đã một thời trác tích. Điều ấy không phải ai cũng dễ thực hiện được. Phải có cái tâm tìm về chốn cũ chùa xưa; nơi những bậc danh Tăng đã một thời ẩn mình thực hiện việc “Phát Túc Siêu Phương” của người xuất gia và phải dành rất nhiều thời gian để đọc, tra cứu, so sánh v.v... và ngồi lại kiểm điểm những sự kiện đã tìm được, lúc ấy mới bắt đầu viết thành lời qua chữ nghĩa.

Thầy Như Tịnh đặt tựa đề sách này là “Tìm Lại Dấu Xưa” để nhớ đến công ơn hoằng hóa truyền thừa của chư Tổ, đặc biệt là của Tông Lâm Tế Chúc Thánh và Lâm Tế Liễu Quán là một điều rất đáng tán dương và hỗ trợ. Bởi lẽ chư Tổ Thiền Tông thường hay ứng dụng câu: “Nhận quá trường không, ảnh trầm hàn thủy. Nhận vô lưu tích chi ý, thủy vô lưu ảnh chi tâm”. Do chỗ không tông tích đó mà tìm cho ra tông tích truyền thừa. Rồi từ chỗ có tông tích đó, lại mất đi dấu tích của cánh nhận lưng trời; nên rồi không vẫn hoàn không. Đây là ý chỉ của Thiền mà các Thiền Sư đã dạy cho chúng ta một bài học vô ngôn như vậy.

Quý Vị đọc sách này chỉ thấy phần Phật Giáo từ Quảng Bình trở vào Nam và phía Bắc thấy không đề cập đến. Bởi thuở ấy Đại Việt của chúng ta bị chia đôi từ bên này và bên kia sông Gianh, ít nhất là từ năm 1558 đến năm 1778, hơn 200 năm như vậy Đàng

Trong và Đàng Ngoài tình hình chính trị, kinh tế khá khác biệt nhau; nên chư Tổ từ Trung Hoa không đến Đàng Ngoài để ty nạn hay hành đạo, mà chọn Đàng trong, vì lẽ sau khi nhà Thanh đoạt ngôi nhà Minh từ năm 1640, những người bài Thanh phục Minh muốn đi xa Trung Quốc nhiều hơn để mưu sinh lập nghiệp; nên họ chọn Hội An để cập bến và dựng thành ngũ bang của phố cổ Hội An ngày nay. Trong thời gian này, vào giữa thế kỷ thứ 17, Ngài Minh Châu Hương Hải đã vào Hội An (Cù Lao Chàm) để dựng chùa Hải Tạng, tiếp Tăng độ chúng và đến năm 1695 Ngài Thạch Liêm Thích Đại Sán thuộc Tào Động Tông đã chính thức đến Hội An và Phú Xuân để kiến đàn truyền giới, qua lời thỉnh cầu của chúa Nguyễn Phúc Chu. Rồi kể từ đó các Ngài Nguyên Thiều, Ngài Minh Hải Pháp Bảo, Ngài Minh Hoàng Tử Dung, Ngài Minh Lượng Thành Đăng v.v... đã quyết định ở lại những nơi này để hoằng hóa độ sanh và tuyên dương Lâm Tế Tông ở Đàng Trong này. Kể từ đó đến nay đã hơn 300 năm lịch sử truyền thừa, đã làm cho Lâm Tế Tông có một chỗ đứng không nhỏ trong lòng Dân Tộc Việt Nam và nhất là những người Phật Tử thuần thành khi hướng tâm về sự truyền thừa cũng như phát triển của Phật Giáo.

Đàng Ngoài hay nói đúng hơn là Phật Giáo giao thời từ thế kỷ thứ nhất cho đến thế kỷ thứ hai do các Ngài Khương Tăng Hội, Ngài Chi Cương Lương, Ngài Mâu Bác v.v... đã có mặt tại đó; nên Phật Giáo miền Bắc ngày nay đã ảnh hưởng không ít bởi các bậc Tổ Đức này suốt trong dòng lịch sử gần 2.000 năm của nước Việt. Ngày nay những học giả hay những sử gia của Phật Giáo đi tìm lại hành trạng xưa của Quý Ngài cũng chỉ mang một ý niệm “âm thủy tư nguyên” mà thôi. Vì cây có cội và nước có nguồn; nên việc tìm hiểu, truy cứu nguồn gốc xa xưa để niệm ân chư Tổ Sư truyền thừa ở vào một thời điểm sơ khai như thế; nhưng Quý Ngài đã không một chút sòn lòng khi mang đạo vào đời để độ sanh; nên ngày nay chúng ta mới có được những chốn Tổ trang nghiêm thanh tịnh như vậy. Đặc



biệt là sự giáo huấn không lời ấy đã giúp cho con dân Phật Tử của Đại Việt thấm nhuần được tư tưởng Từ Bi, Hỷ Xả và Trí Tuệ của Phật Giáo và từ đó họ đóng góp vào sự phát triển cho quê hương đất nước ở nhiều phương diện khác nhau và hôm nay chúng ta đã có một Việt Nam Phật Giáo huy hoàng do chư Tổ đã truyền thừa mạng mạch ấy.

Vào ngày 18 tháng 4 năm 2021 (nhằm ngày mùng 7 tháng 3 năm Tân Sửu), sau hai năm trùng kiến ngôi Đại Hùng Bảo Điện và ngôi Tổ Đường của Viên Giác cổ tự tại Hội An qua hơn 180 năm truyền thừa, Thầy Như Tịnh muốn ân bản này được hình thành; chúng tôi từ phương xa, không về tham dự ngày lễ trọng đại này được; nên chỉ xin có mấy lời trang trọng giới thiệu tác phẩm "Tìm Lại Dấu Xưa" đến Quý Ngài và Quý Vị . Kính mong Quý Ngài và Quý Vị dành ra ít nhiều thời gian để thưởng lãm.

Kính cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho ngôi cổ tự Viên Giác tại Hội An sẽ luôn là chốn Tổ để con cháu sau này dù ở từ muôn phương xa cách vẫn còn có cơ hội để quay về thăm lại mái chùa xưa cũng như đánh lễ các bậc Tổ Đức đã một thời dày công gây dựng nên.

Thích Như Điển, khai sơn Phương Trượng Tổ Đình Viên Giác Hannover, Đức Quốc kính đề. Viết xong lời giới thiệu này tại thư phòng vào ngày 20 tháng 3 năm 2021 nhằm ngày mùng 8 tháng 2 âm lịch năm Tân Sửu nhân lễ vía Đức Phật Thích Ca xuất gia tầm đạo.



# Lời nói đầu

Phật giáo du nhập vào nước ta đã hơn 2000 năm lịch sử. Riêng với các tỉnh từ miền Trung trở vào Nam, nếu tính từ năm 1306, Phật giáo Đại Việt tuy chỉ hiện diện và phát triển khoảng từ 500 đến 700 năm, nhưng trong suốt dặm dài lịch sử đó, Phật giáo đã luôn song hành và cùng gánh chịu bao đổi thăng trầm, thịnh suy với vận mệnh của dân tộc.

Trải qua bao biến động lịch sử và thiên tai bão lũ, nhiều di tích chùa tháp cũng như các nguồn sử liệu Phật giáo có giá trị tại miền Trung đã dần bị mai một, còn chẳng chỉ là những dấu tích rời rạc, những mảnh vụn lấp ghép thăng hoặc vẫn còn đọng lại trên các di vật, các nguồn sử liệu... may mắn vẫn còn được lưu giữ trong các ngôi chùa. Thêm vào đó, chính tinh thần “nhận quá trường không” của giới Phật giáo cũng tác động đáng kể đến thái độ ứng xử đối với các nguồn sử liệu của tiền nhân để lại, khiến cho đàn hậu học hôm nay gặp không ít khó khăn khi muốn tìm hiểu về lịch sử Phật giáo nước nhà.

Trong những năm qua, được sự khuyến khích của chư tôn đức và các vị thiện hữu, thi thoảng chúng tôi có viết một số bài nghiên cứu liên quan đến lịch sử Phật giáo vùng Thuận - Quảng đăng trên các tạp chí Phật học. Nay chúng tôi mạo muội tập hợp và cho in thành tập sách nhỏ với tựa đề **“Tìm lại dấu xưa”** - như tấm lòng thành dâng lên chư tôn đức và thân tặng chư vị thiện hữu làm kỷ niệm nhân lễ An vị Phật chùa Viên Giác. Đây cũng là tâm nguyện mong mọi báo đáp thâm ân trong muôn một đối với chư vị tiền bối đã dày công khai sáng, để ngày nay chúng ta được thừa ân kế tục và phát huy.

Trong khi nghiên cứu và biên tập, chúng tôi không sao tránh khỏi những thiếu sót, kính mong chư vị tôn túc cùng thiện hữu gần xa hoan hỷ bỏ khuyết, để những lần tái bản sau này, nguồn sử liệu thêm phần chuẩn xác và ngày càng phong phú hơn.

*Viên Giác, trọng xuân năm Tân Sửu (2021)*

Tỳ kheo **Như Tịnh**

***Kính ghi***

.

## **BỔ CHÍNH SỬ LIỆU VỀ THIỀN SƯ MINH HẢI PHÁP BẢO<sup>1</sup>**

Thiền sư Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo (1670-1746), là một trong những vị cao tăng của Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ 18. Ngài là Tổ khai sơn tổ đình Chúc Thánh tại Hội An, Quảng Nam và cũng là sơ tổ của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, một dòng thiền góp phần rất lớn vào sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong quá khứ cũng như hiện tại. Nhưng đáng tiếc là những thư tịch cổ Hán Nôm cũng như các tư liệu về Ngài lại rất hiếm, do đó đàn hậu thế đã gặp không ít khó khăn trong khi nghiên cứu về hành trạng của Ngài. Hơn nữa, đa phần chúng ta chỉ được nghe chư tôn đức kể



**Pháp tướng thiền sư Minh Hải  
Pháp Bảo (1670-1742):  
Sơ tổ thiền phái Chúc Thánh.**

*Ảnh Như Tịnh*

vài nét về Ngài chứ chưa từng đọc qua một văn bản Hán Nôm nào cả! Vì thế, "Tam sao" dễ đưa đến "thất bốn", cộng với sự khan hiếm tư liệu văn bản nên hậu nhân viết về Ngài không sao tránh khỏi những nhầm lẫn về niên đại cũng như những sự kiện lịch sử trong đời Ngài. Mới đây, trong chuyến nghiên cứu điền dã tại tổ đình Bảo Sơn, thôn Phong Thăng, xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên chúng tôi đã tìm được một vài tư liệu Hán Nôm liên quan đến Thiền

---

<sup>1</sup> Đăng trên Tập san Suối Nguồn số 2, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 2011.

sư Minh Hải Pháp Bảo đã thất lạc lâu nay, góp phần để chúng tôi minh định lại một số vấn đề sắp chia sẻ dưới đây.

Theo tư liệu gần đây chúng tôi tìm được trong cuốn *Sa di luật nghi yếu lược tăng chú* được tổ Minh Hải Pháp Bảo khắc in tại chùa Chúc Thánh, Hội An. Cuốn sách được in trên giấy dó khổ 20x25cm với 70 tờ gấp đôi gồm 140 trang, mỗi trang chia làm mười cột, mỗi cột chữ lớn nhỏ không đồng nhau vì đây là cuốn sách chú giải. Nội dung cuốn sách chú thích về 24 thiên Oai nghi của một thầy Sa di do Luật sư Châu Hoằng (1612-1685) đời nhà Thanh (Trung Quốc) chú thích, bao gồm hai quyển Thượng-Hạ in chung một cuốn. Cuối sách, lạc khoản có ghi:

康熙丁未仲冬鼎湖山經寮梓玄在  
大越國廣南處奠磐府新福縣順安社凡慈  
祝聖寺得智大師法名明海合本寺等共  
募化奉刊  
沙彌律儀要略增註  
永慶四年歲次壬子仲冬穀日

**Phiên âm:**

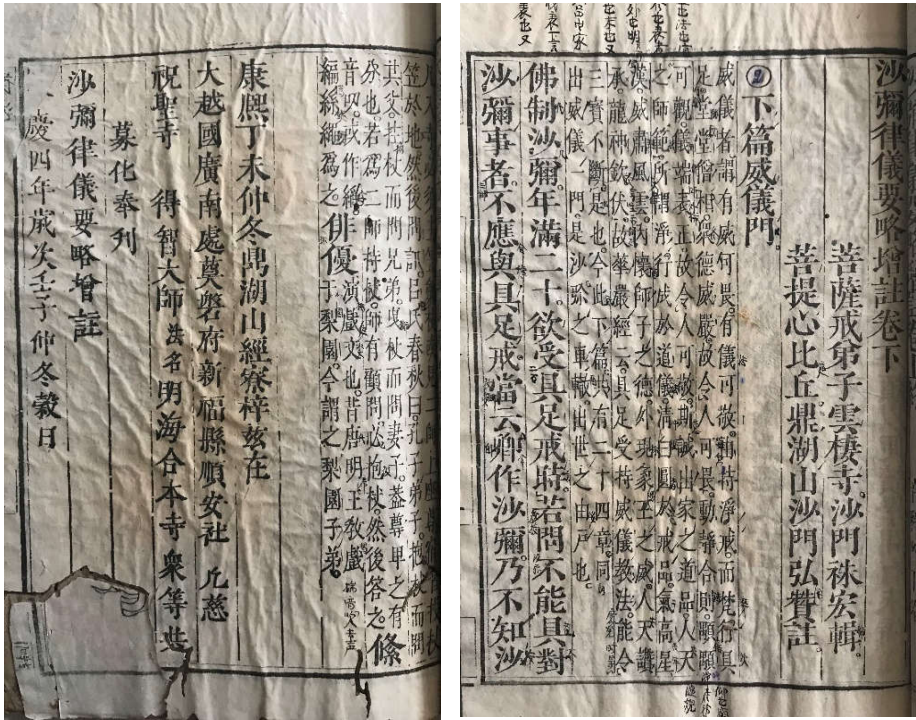
*Khang Hy Đình Mùi trọng Đông đỉnh Hồ Sơn kinh liêu tử Tư tại  
Đại Việt quốc Quảng Nam xứ Điện Bàn phủ Tân Phước huyện  
Thuận An xã phàm từ*

*Chúc Thánh tự Đắc Trí đại sư pháp danh Minh Hải hiệp bốn  
tự chúng đẳng cộng*

*Mộ hóa phụng san*

*Sa di luật nghi yếu lược tăng chú*

*Vĩnh Khánh tứ niên, tuế thứ Nhâm Tý trọng đông cốc nhật*



Bản luật: "Sa Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú"  
do thiền sư Minh Hải Pháp Bảo khắc in  
tại chùa Chúc Thánh vào năm Nhâm Tý (1732)

### Dịch nghĩa:

Kinh làm tại đỉnh Hồ sơn vào tháng 11 Đinh Mùi (1667) đời vua Khang Hy. Nay tại nước Đại Việt, xứ Quảng Nam, phủ Điện Bàn, huyện Tân Phước, xã Thuận An. Nơi chùa Chúc Thánh, Đại sư Đắc Trí pháp danh Minh Hải cùng với Tăng chúng bốn tự quyền góp hóa duyên phụng khắc Sa di luật nghi yếu lược tăng chú.

Niên hiệu Vĩnh Khánh thứ tư, nhằm ngày lành tháng 11 năm Nhâm Tý (1732) <sup>(1)</sup>

Căn cứ vào lạc khoản "Niên hiệu Vĩnh Khánh thứ tư, nhằm ngày lành tháng 11 năm Nhâm Tý (1732)" chúng ta biết được cuốn Sa di luật nghi yếu lược tăng chú được tổ sư Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo in vào tháng 11 năm Nhâm Tý (1732), niên hiệu Vĩnh Khánh

thứ 4 đời vua Lê Đế Duy Phường (1729-1732) nhằm đời Ninh Vương Nguyễn Phúc Chú (1725-1738) tại Đàng Trong.

Mặc dù trong bản văn dòng lạc khoản ngay chỗ chữ 永 (Vĩnh) bị khiếm khuyết nhưng vẫn còn một phần nét "mác" cũng có thể suy đoán ra được chữ "Vĩnh". Tuy nhiên, cẩn thận và trung thực hơn, ta xét những năm có can chi Nhâm Tý thuộc các triều vua có vương hiệu chữ **"...Khánh tứ niên tuế thứ Nhâm Tý trọng đông cốc nhật"** trong giai đoạn đất Quảng Nam được gọi là "Quảng Nam xứ".

Theo địa bạ tỉnh Quảng Nam thì cụm từ "Dinh Quảng Nam" được Tiên chúa Nguyễn Hoàng đặt tên vào năm 1601 và đến năm 1827 được vua Minh Mạng đổi lại là "Trấn Quảng Nam", rồi năm 1832 đổi lại "tỉnh Quảng Nam". Trong các văn bản thời Chúa Nguyễn thì thường dùng là Quảng Nam xứ, từ đời Minh Mạng trở về sau thì gọi là Quảng Nam trấn, sau đó là Quảng Nam tỉnh. Tính từ năm 1601 đến năm 1827 thì có 4 năm thuộc Can chi Nhâm Tý như sau: 1612, 1672, 1732, 1792. Trong 4 năm này, chỉ có năm Nhâm Tý (1732) là thuộc niên hiệu Vĩnh Khánh năm thứ 4 đời vua Lê Đế Duy Phường (1729-1732). Qua đối chiếu địa danh, vương hiệu và năm can chi Nhâm Tý, chúng ta xác định chữ bị khiếm khuyết trong lạc khoản là chữ (Vĩnh). Vì thế, chúng ta có thể khẳng định và bổ khuyết trong lạc khoản này là: *"Vĩnh Khánh tứ niên tuế thứ Nhâm Tý trọng đông cốc nhật"*: Niên hiệu Vĩnh Khánh thứ tư, nhằm ngày lành tháng 11 năm Nhâm Tý (1732).

Bên cạnh đó, trên văn bia tháp tổ Minh Hải Pháp Bảo tại tổ đình Chúc Thánh, Hội An ghi như sau:

祿生庚戌六月廿八戌時壽享七十七歲寂於丙寅十一月初七酉時

### **Phiên âm:**

*Lộc sanh Canh Tuất lục nguyệt trập bát tuất, thời hưởng thọ thất thập thất tuế. Tịch ư Bính Dần thập nhất nguyệt sơ thất Dậu thời.*



## **Dịch nghĩa:**

Sanh giờ Tuất ngày 28 tháng 6 năm Canh Tuất, hưởng thọ 77 tuổi. viên tịch giờ Dậu ngày mồng 7 tháng 11 năm Bính Dần.

Căn cứ vào lòng văn bia này, trước đây có hai nguồn tư liệu về năm sinh và năm tịch (tính từ âm lịch sang dương lịch) của tổ Minh Hải Pháp Bảo như sau:

1. Tại Bình Định, tác giả soạn bản *Lược sử Tổ đình Sơn Long* ghi rằng: "*Tổ Pháp Bảo đã khai sơn tổ đình Chúc Thánh tại Hội An, Quảng Nam Đà Nẵng. Ngài sinh năm Canh Tuất (1610), thị tịch năm Bính Dần (1686)*".<sup>(2)</sup>

2. Trong cuốn *Một số tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức*, tác giả Lê Mạnh Thát tính là: "...*Tổ Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo (1670-1786), người khai sinh ra dòng thiền Chúc Thánh tại nước ta.*"<sup>(3)</sup>

Nay căn cứ vào niên đại cuốn *Sa di luật nghi yếu lược tăng chú* được tổ Minh Hải Pháp Bảo khắc in vào năm Nhâm Tý (1732) thì chúng ta biết được tác giả bản *Lược sử Tổ đình Sơn Long* đã tính nhầm trước một chu kỳ 60 năm, thay vì tính tổ Minh Hải Pháp Bảo sinh năm Canh Tuất (1670) thì lại tính là năm Canh Tuất (1610). Bởi vì, nếu như Tổ Minh Hải Pháp Bảo sinh năm 1610 và tịch năm 1686 thì làm sao năm 1732 Ngài đứng khắc in bộ luật *Sa di luật nghi yếu lược tăng chú*? Trừ phi Ngài sinh năm Canh Tuất (1670) và thị tịch năm Bính Dần (1746) thì năm Nhâm Tý (1732) mới có thể thực hiện việc khắc in bản luật đó được. Qua đó, chúng tôi thấy cách tính của Giáo sư Lê Mạnh Thát là hợp lý hơn. Như vậy, Tổ Minh Hải Pháp Bảo sinh giờ Tuất ngày 28 tháng 6 năm Canh Tuất (1670) và viên tịch giờ Dậu ngày mồng 7 tháng 11 năm Bính Dần (1746), thế thọ 77 tuổi âm, 76 tuổi dương.

Và trong cuốn *Lịch sử Phật giáo Đà Nẵng*, tác giả Nguyễn Hiền Đức có viết:

*"Quảng Phú là người Hoa kiều sống ở Qui Nhơn, chắc hẳn là đệ tử của chùa Thập Tháp Di Đà do Tổ sư Nguyên Thiều khai sơn. Thông và Huệ có lẽ cũng đã quy y thọ giới Bồ tát với Thiền sư Minh Hải-Pháp Bảo ở chùa Chúc Thánh (Quảng Nam) hay quy y với tổ Nguyên Thiều ở chùa Quốc Ân hoặc thọ Đại giới đàn ở chùa Thiên Mụ. Vì vậy, ngày từ năm 1694, sau khi âm mưu nổi loạn trên bị đổ bể, Tổ sư Nguyên Thiều cùng các đệ tử trong phái thiền Lâm Tế như Minh Hải-Pháp Bảo bị liên lụy nên phải bỏ chùa trốn đi nơi khác đổi pháp danh để lánh nạn:*

*- Tổ Nguyên Thiều vào Đồng Nai đổi pháp danh là Siêu Bạch, lập chùa Kim Cang ở Bình Thảo (Bến Cá, Đồng Nai) hoằng hóa.*

*- Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo rời chùa Chúc Thánh vào núi Thiên Ấn ở Quảng Ngãi lập chùa ẩn tu, đổi pháp danh là Pháp Hóa, chùa này sau phát triển thành Tổ đình Thiên Ấn cho đến nay" (4).*

Nhưng trong lục khoản cuốn *Sa di luật nghi yếu lược* tăng chú do tổ sư Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo đứng tên khắc in vào năm Vĩnh Khánh thứ 4, Nhâm Tý (1732) cho thấy: kể từ khi khai sơn chùa Chúc Thánh vào năm 1696 cho đến năm 1732, tổ Minh Hải Pháp Bảo vẫn hành đạo tại Hội An chứ không liên quan đến vụ nổi loạn của người Hoa (thời bấy giờ gọi là cuộc nổi loạn của Linh Vương) vào năm 1694. Và cũng không hề thay tên đổi họ Nguyên Thiều thành Siêu Bạch, Minh Hải thành Pháp Hóa rồi vào lập chùa Kim Cang-Đồng Nai và Thiên Ấn-Quảng Ngãi như tác giả Nguyễn Hiền Đức đã nói trong *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*. Vì tính đến năm 1732, tổ Minh Hải Pháp Bảo đã 63 tuổi, trải qua gần 40 năm hoằng hóa tại Quảng Nam thì Ngài mới đủ uy tín và đức độ để làm một Phật sự to lớn như vậy.

Cũng trong tác phẩm *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, tác giả Nguyễn Hiền Đức cho rằng: *"Ngày 27 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1754), giờ Ngọ, Thiền sư Minh Hải-Pháp Bảo viên tịch tại chùa Thiên Ấn, đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên chùa".(5)*

Như trên chúng tôi đã trình bày, căn cứ vào lạc khoản của cuốn luật in vào năm 1732 tại chùa Chúc Thánh dưới sự chủ trì của Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo đã chứng minh được rằng: Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo và Tổ sư Pháp Hóa Phật Bảo là hai chữ không phải là một. Vì năm 1732, Tổ Minh Hải Pháp Bảo đã 63 tuổi thì không thể vào Quảng Ngãi khai sơn chùa Thiên Ấn được. Bởi Thiên Ấn đã được Sắc tứ từ năm Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717) dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu cai trị Đàng Trong. Do đó đã không phải là Tổ khai sơn Thiên Ấn, cũng không phải trụ trì Thiên Ấn thì dĩ nhiên nhục thân của Ngài không thể được môn đồ an táng tại Thiên Ấn được! Tuy nhiên, từ trước đến nay, có một số vị căn cứ vào dòng chữ (Thượng vọng sáng tạo) trên bia tháp Tổ tại Chúc Thánh mà cho rằng môn đồ làm tháp vọng để tưởng niệm chứ không có nhục thân của Ngài bên trong.

Nhưng trong dịp khánh thành Tổ đình Chúc Thánh vào tháng Giêng năm 2009, chúng tôi được Hòa thượng Thích Nhật Tu<sup>(6)</sup> giải thích về hai chữ "Thượng vọng" như sau: Thượng vọng đây chỉ cho rằm tháng Giêng theo cách nói của người Trung Hoa xưa. Phong tục người Hoa chia một năm ra làm ba tiết: Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên. Vì thế, ngày rằm tháng Giêng còn gọi là Thượng vọng; rằm tháng Bảy là Trung vọng và rằm tháng Mười là Hạ vọng", Ngoài ý nghĩa trông xa ngưỡng vọng thì chữ (vọng) ở đây còn có nghĩa là ngày rằm, Thượng vọng là "ngày rằm tháng Giêng". Như vậy dịch đúng nghĩa cụm từ "Thượng vọng sáng tạo" là: tạo lập vào Rằm tháng Giêng.

Từ đó, đối chiếu với ngày tịch của Tổ Minh Hải Pháp Bảo là mùng 7 tháng 11 năm Bính Dần (1746) thì dĩ nhiên việc kiến lập Bảo tháp và dựng văn bia được tiến hành ngày sau tang lễ và hoàn tất vào những ngày đầu năm sau. Chính vì thế, khi dựng bia tháp, môn đồ đã đề "Thượng vọng sáng tạo" chỉ cho việc lập tháp hoàn tất vào ngày rằm tháng Giêng năm Đinh Mão (1747).



**Tờ đình Chúc Thánh, nơi phát xuất dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh  
do thiền sư Minh Hải Pháp Bảo khai sáng**

Từ lục khoản ghi trong cuốn Sa di luật nghi yếu lược tăng chú do Tờ sư Minh Hải Pháp bảo đã khắc in vào năm Vĩnh Khánh thứ 4, Nhâm Tý (1732)<sup>(7)</sup> chúng ta có thể đính chính và bổ khuyết một số sử kiện liên quan đến hành trạng của Tờ như sau:

- Tờ Minh Hải Pháp Bảo sinh năm 1670 và tịch năm 1746 chứ không phải sinh năm 1610-tịch năm 1686.

- Tờ Minh Hải Pháp Bảo không phải là người khai sơn Tờ đình Thiên Ấn tại Quảng Ngãi.

- Nhục thân của tờ Minh Hải Pháp Bảo được nhập bảo tháp tại tờ đình Chúc Thánh, Quảng Nam chứ không phải tại tờ đình Thiên Ấn, Quảng Ngãi.

Trên đây là một số điều bổ chính của chúng tôi căn cứ vào tư liệu Hán Nôm liên quan đến Tờ sư Minh Hải Pháp bảo được khắc in vào năm Nhâm Tý (1732). Hy vọng vào những điểm bổ chính này sẽ giải tỏa những thắc mắc lâu nay cũng như minh định lại các sử kiện liên quan đến hành trạng của Tờ sư Minh Hải Pháp Bảo mà trước đây vì thiếu tư liệu văn bản nên chúng ta đã ngộ nhận.

## Chú thích:

- [1]. Năm Nhâm Tý (1732) nhằm Long Đức nguyên niên (Lê Thuần Tông) chứ không phải Vĩnh Khánh tứ niên (Lê Đế Duy Phường). Duy Phường chỉ làm vua đến Vĩnh Khánh tam niên, tức năm 1731. Vì Đàng Trong cách trở, không cập nhật kịp, người làm sách đã cho Duy Phường làm vua thêm một năm nữa, nên thay vì ghi Long Đức nguyên niên tuế thứ Nhâm Tý trọng đông cốc nhật, lạc khoản lại đề: Vĩnh Khánh tứ niên tuế thứ Nhâm Tý trọng đông cốc nhật. Dù niên hiệu ghi khác nhau nhưng đều chỉ năm 1732 cả (SN chú thích).
- [2]. Cố Hòa thượng Thích Đồng Quán, *Lược sử Tổ đình Sơn Long*, 1996, bản vi tính năm 2003.
- [3]. Lê Mạnh Thát, *Một số tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức*, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 2005, tr 122.
- [4]. Nguyễn Hiền Đức, *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 1995, tập 2, trang 6.
- [5]. Nguyễn Hiền Đức, *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 1995, tập 2, trang 7.
- [6]. Hòa thượng Nhật Tu là người Hoa, hiện đang trụ trì chùa Thảo Đường, quận 6, TP.Hồ Chí Minh.
- [7]. Bản luật này được thiền sư Tổ Minh Chánh Trực trụ trì chùa Sùng Đức, Gia Định trùng khắc vào năm Mậu Thìn (1808), niên hiệu Gia Long năm thứ 7. Lần trùng khắc này được chứng minh bởi Hòa thượng Khánh Hưng chùa Hội Tông cũng như sự hỷ cúng của chư Tăng Gia Định thời bấy giờ như ngài Tánh Không Huệ Chơn chùa Viên Giác, Tổ Tông Viên Quang chùa Giác Lâm v.v...và tàng bản được lưu tại chùa Long Thiền, Đồng Nai.

## SỬ LIỆU MỚI VỀ THIỀN SƯ TOÀN NHÂM QUÁN THÔNG<sup>2</sup>

Thiền sư Quán Thông (1798-1883) là một trong những vị cao tăng của Phật giáo Quảng Nam nửa cuối thế kỷ 19. Ngài pháp danh Toàn Nhâm, pháp tự Vi Ý, pháp hiệu Quán Thông, nối pháp đời thứ 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 4 pháp phái Chúc Thánh, kế thừa tổ sư Pháp Kiêm Minh Giác (1747-1830) làm trụ trì đời thứ 3 tổ đình Phước Lâm, thấp sáng rực rỡ ngọn đèn thiền dòng Lâm Tế. Đạo hạnh của ngài ảnh hưởng rất lớn đến các thế hệ tăng đồ của các tỉnh miền Trung. Hiện tại, đa phần sự truyền thừa của chư tăng dòng Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Nam đều là hậu duệ của ngài. Tuy nhiên, tư liệu viết về ngài rất hiếm hoi và sơ sài. Duy nhất chỉ trong một văn bản của trụ trì đời thứ sáu chùa Phước Lâm là đại sư Phổ Minh, chỉ viết ngắn gọn về sinh quán, niên đại sinh và tịch chứ không ghi lại hành trạng của ngài.



**Tổ đình Phước Lâm,  
nơi thiền sư Toàn Nhâm Quán Thông (1798-1883) trụ trì**

*Ảnh Như Tịnh*

---

<sup>2</sup> Đăng trên Tập san Suối Nguồn số 3 & 4, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 2012



May thay, vào năm 2010, trong một lần sưu tầm tư liệu tại tổ đình Long Tuyền, Hội An, chúng tôi bắt gặp được tập tư liệu chữ Hán do danh nho Đặng Huy Trứ viết về ngài.

Tập tư liệu được Đặng Huy Trứ viết vào tháng giêng năm Tự Đức thứ 27, Giáp Tuất (1874), trước khi ông mất 7 tháng, vào ngày mùng 7 tháng 8 cùng năm. Tư liệu gồm 3 tờ giấy bồi kích cỡ 16cm x 30cm được đóng lại với nhau bằng sợi chỉ giấy bồi. 3 tờ sáu mặt, mỗi mặt gồm có 7 dòng, mỗi dòng chữ viết nhiều ít tùy theo nội dung. Riêng mặt thứ 6 thì chỉ ghi 6 chữ kết thúc nội dung văn bản.

夫佛之爲教。援有漏之身。超無量之劫。開善誘之門。施度  
之力。以戒律爲教文。以禪定爲真守。極苦海之沉溺。救火  
宅之焚燒。天上天下。與儒道鼎立而三者也。佛之弟子。爲上  
人。自非內有德。智外有勝行。在人之上者。何以當之。是故傳  
灯繼灯。非得其人不可。佛子舊治屬廣南省奠盤府延福縣  
五行山三台官寺住持貫通和尚阮上人。我臨濟正宗也。  
平定省安仁府綏遠縣安義總清廉村人也。前者福林寺。

亦延福一名藍也。有明覺和尚在此修行。弟子信善從者  
雲集。上人慕之。授爲弟子。苦勵工夫。既得真鉢。辭歸平  
定八十塔寺居焉。未幾明覺和尚西歸。我  
仁廟嗣服之十三年壬辰。福林寺眾以繼灯。誰其人。懇請上人主其  
寺眾。以事先和尚之禮事之。蓋其苦行真修。爲眾所推服  
者素矣。乙未中元。春官奉  
旨。啟設普度。幽明水陸道場大齋。茲有送僧之。

命上人與焉歎蒙  
恩賜度牒一戒刀一仍充福林寺住持潛確類書云住者安心覺海永  
息攀緣持者把持萬行無漏無失上人當不負  
恩命矣迺於戊戌之吉增修祝聖寺廢者興焉丁未富安平定廣義  
諸省山僧會開大戒壇進為貫通和尚戒  
皇上嗣德二年己酉疫大作上人發願于會安大占設水陸大齋  
城一七日夜募緣請僧二帖皆出佛子手法事圓成復歸平

定建報恩寺幾十餘年闡揚梵教不一而足壬戌奉  
旨補充三台寺主敎  
九重光顧  
佛法增輝亦上人之德智勝行有以日月之照也從此  
帝道遐昌而上人亦登無量壽則開覺渡迷豈獨造寺修齋事而  
天恩浸淫為日且猶長矣伏子自襟襟  
二嚴以誰養故皈于

三寶發解後遊學廣南得見上人者屢日久見親緒而談政又緒  
而末宣與上人相朝夕久而化為幾不知上人之為真而僕子  
之為俗矣真真俗俗是空也年週而別僕子風塵勞頓  
不自存而上人仍然禪灯也公事之暇自撥數語為上人贈  
天運嗣德萬萬年之二十七並春  
南無佛歡喜日原廣南布政使改派平準今充三宣軍次商辦軍  
務丁未科解元臨濟正尊皈依弟子鄧輝燿法名海德舉書

于河內今覺庵  
天數臨臨萬萬年之二十七並春  
南無佛歡喜日原廣南布政使改派平準今充三宣軍次商辦軍  
務丁未科解元臨濟正尊皈依弟子鄧輝燿法名海德舉書

Toàn bộ nội dung bức thư của Đặng Huy Trứ gửi thiền sư Quán Thông

Ảnh Như Tịnh



Nguyên văn như sau:

夫佛之爲教，援有漏之身，超無量之劫，開善誘之門，施方便之力，以戒律爲教文，以禪定爲真守，極苦海之沉溺，救火宅之焚燒。天上天下與儒道鼎立而三者也。佛之弟子爲上人。自非內有德智，外有勝行，在人之上者，何以當之。是故傳燈繼燈，非得其人不可。佛子，舊治屬廣南省，奠盤府，延福縣，五行山三台官寺住持貫通和尚阮上人，我臨濟正宗也。平定省，安仁府，綏遠縣，安義總，清廉村人也。前者福林寺亦延福一名藍也，有明覺和尚在此修行，弟子信善從者雲集。上人慕之投爲弟子，苦勵工夫，既得真鉢，辭歸平定入十塔寺居焉，未幾明覺和尚西歸。

我仁廟嗣服之十三年壬辰，福林寺眾以繼燈難其人，懇請上人主其寺，眾以事先和尚之禮事之。蓋其苦行真修爲眾所推服者素矣。

乙未中元，春官奉旨啟設普度幽明水陸道場大齋壇，有選僧之命。上人與焉，欽蒙恩賜度牒一，戒刀一，仍充福林寺住持。潛確書云：住者，安心覺海，永息攀緣。持者，把持萬行，無漏無失。上人當不負恩命矣。迺於戊戌之吉增修祝聖寺，廢者興焉。

丁未，富安，平定，廣義諸省山僧，會開大戒壇進爲貫通和尚。

我皇上嗣德二年己酉，疫大作。上人發願于會安大占設水陸大齋壇一七日夜，募緣請僧二帖皆出佛子予。法事圓成，復歸平定建報恩寺，纔十餘年闡揚梵教，不一而足。

壬戌，奉旨補充三台寺主教。九重光顧，佛法增輝，亦上人之德智勝行有以回日月之照也。從此帝道遐昌，而上

人亦登無量壽，則開覺渡迷，豈獨造寺修齋一二事而，天恩憂渥，爲日且猶長矣。

佛子，自襁褓二嚴以難養故，皈于三寶發解後，遊學廣南得見上人者屢日久見親，繼而試政又繼而來宣。與上人相朝夕，而化焉幾不知上人之爲真而。佛子之爲俗矣。真真俗俗，總是空也，年週而別。佛子風塵勞頓幾，不自存而上人仍然禪灯也，公事之暇回掇數語爲上人贈。

天運嗣德萬萬年之二十七孟春。

南無佛歡喜日，原南布政使改派平準今充三宣軍次商辦軍務。丁未科解元，臨濟正尊皈依弟子鄧輝著法名海德盥書。

于河內今覺庵。

### **Phiên âm:**

*Phù Phật chi vi giáo, viên hữu lậu chi thân, siêu vô lượng chi kiếp, khai thiện dụ chi môn, thi phương tiện chi lực, dĩ giới luật vi giáo văn, dĩ thiên định vi chân thủ, cực khổ hải chi trầm nịch, cứu hỏa trạch chi phân thiêu. Thiên thượng thiên hạ dữ Nho Đạo đỉnh lập nhi tam giả dã. Phật chi đệ tử vi Thượng nhân. Tự phi nội hữu đức trí, ngoại hữu thắng hạnh, tại nhân chi thượng giả, hà dĩ đương chi. Thị cố, truyền đăng kế đăng, phi đặc kỳ nhân bất khả. Phật tử, cứu trị thuộc Quảng Nam tỉnh, Điện Bàn phủ, Diên Phước huyện, Ngũ Hành Sơn Tam Thai quan tự trú trì Quán Thông Hòa thượng Nguyễn Thượng nhân, ngã Lâm Tế chánh tông dã. Bình Định tỉnh, An Nhơn phủ, Tuy Viễn huyện, An Nghĩa tổng, Thanh Liêm thôn nhân dã. Tiền giả Phước Lâm tự, diệc Diên Phước nhất danh lam dã, hữu Minh Giác Hòa thượng tại thử tu hành, đệ tử tín thiện tông giả vân tập. Thượng nhân mộ chi đầu vi đệ tử, khổ lệ công phu, ký đắc chân bát, từ quy Bình Định, nhập Thập Tháp tự cư yên, vị kỷ, Minh Giác Hòa thượng tây quy.*

Ngã Nhân miếu tự phục thập tam niên Nhâm Thìn, Phước Lâm tự chúng dĩ kế đăng nan, kỳ nhân khản thỉnh Thượng nhân chủ kỳ tự, chúng dĩ sự tiên Hòa thượng chi lễ sự chi. Cái kỳ khổ hạnh chân tu vị chúng sở suy phục giả tố hỹ.

Át Mùi trung nguyên, xuân quan phụng chỉ khai thiết Phổ độ U minh Thủy lục đạo tràng Đại trai đàn, hữu tuyển tăng chi mệnh. Thượng nhân dĩ yên, khâm mông ân tứ độ điệp nhất, giới đạo nhất, nhưng sung Phước Lâm tự trú trì. Tiếm xác thư vân: trụ giả, an tâm giác hải, vĩnh tức phan duyên. Trì giả, bả trì vạn hạnh, vô lậu vô thất. Thượng nhân đương bất phụ ân mệnh hỹ. Nãi ư Mậu Tuất chi cát, tăng tu Chúc Thánh tự, phát giả hưng yên.

Đinh Mùi, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi chư tỉnh sơn tăng, hội khai Đại giới đàn, tiến vi Quán Thông Hòa thượng.

Ngã hoàng thượng Tự Đức nhị niên Kỷ Dậu, dịch đại tác. Thượng nhân phát nguyện vu Hội An Đại Chiêm thiết Thủy lục Đại trai đàn nhất thất nhật dạ. Mộ duyên thỉnh tăng nhị thiếp giai xuất Phật tử dư. Pháp sự viên thành, phục quy Bình Định kiến Báo Ân tự, tài thập dư niên xiển dương Phạm giáo, bất nhất nhi túc.

Nhâm Tuất, phụng chỉ bổ sung Tam Thai tự chủ giáo. Cửu trùng quang cố, Phật pháp tăng huy, diệc Thượng nhân chi đức trí thắng hạnh, hữu dĩ hồi nhật nguyệt chi chiếu dã. Tùng thử, để đạo hà xương, nhi Thượng nhân diệc đăng vô lượng thọ, tắc khai giác độ mê, khởi độc tạo tự tu trai nhất nhật sự nhi, thiên ân ưu ác, vi nhật thả do trường hỹ.

Phật tử, tự cường bảo nhị nghiêm dĩ nan dưỡng cố. Quy vu Tam bảo phát giải hậu, du học Quảng Nam đắc kiến Thượng nhân giả lũ nhật cửu kiến thân, kế nhi thí chính hựu kế nhi lai tuyên. Dĩ Thượng nhân tương triêu tịch, cửu nhi hóa yên kỷ bất tri Thượng nhân chi vi chân nhi. Phật tử chi vi tục hỹ. Chân chân tục tục, tổng thị không dã, niên chu nhi biệt. Phật tử phong trần lao đồn kỷ, bất

*tự tồn nhi Thượng nhân nhưng nhiên Thiên đấng đã, công sự chi hạ  
hồi xuyên sổ ngữ vi Thượng nhân tặng.*

*Thiên vận Tự Đức vạn vạn niên chi nhị thập thất, Mạnh xuân.*

*Nam mô Phật Hoan Hỷ nhật, nguyên Quảng Nam Bồ chánh  
sứ cải phái Bình chuẩn kim sung Tam tuyên quân thứ Thương biện  
quân vụ. Đinh Mùi khoa giải nguyên, Lâm Tế chánh tôn quy y đệ tử  
Đặng Huy Trứ pháp danh Hải Đức quán thư.*

*Vu Hà Nội Kim Giác am.*

### **Dịch nghĩa:**

"Ôi! Phật lập giáo pháp, cốt cứu thân hữu lậu vượt qua vô lượng kiếp trầm luân, mở pháp môn giáo hóa khéo léo, bày năng lực phương tiện quyền xảo, lấy giới luật để trau dồi oai nghi tế hạnh, dùng thiền định để chứng đắc chơn tâm bản tánh, vớt kẻ trầm luân trong biển khổ, cứu người chết cháy nơi nhà lửa. Trong trời đất này, nhà Phật với Khổng, Lão lập thành thế ba chân. Đệ tử Phật là Thượng nhân đây, nếu chẳng phải là người trong đủ đức trí, ngoài đầy thắng hạnh, thì làm sao đảm đương nổi vị trí cao thượng của nhân loại đó! Thế nên, việc truyền thừa mạng mạch, nếu không gặp được người như thế thì không thể truyền.

Đệ tử trước đây trấn nhậm tỉnh Quảng Nam. Lúc đó chùa quan Tam Thai, Ngũ Hành Sơn, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn có hòa thượng Quán Thông- Thượng nhân họ Nguyễn, vốn dòng Lâm Tế chánh tông ta, đang trụ trì. Thượng nhân vốn là người thôn Thanh Liêm, tổng An Nghĩa, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định.

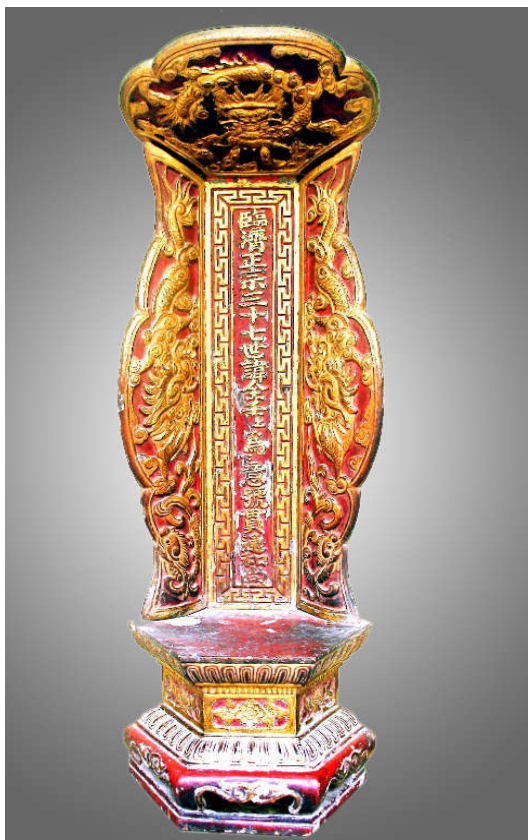
Trước đây, chùa Phước Lâm, cũng là danh lam của huyện Diên Phước, có hòa thượng Minh Giác ở đó tu hành, thiện nam tín nữ quy tụ rất nhiều. Thượng nhân mến đức của ngài nên xin làm đệ tử, cần khổ tu hành. Sau khi được truyền y bát, Thượng nhân xin về ở chùa Thập Tháp tại Bình Định. Sau đó không bao lâu thì hòa thượng Minh Giác viên tịch.

Minh Mạng năm thứ 13, Nhâm Thìn (1832) do tìm người thừa kế không được nên tặng chúng chùa Phước Lâm khăn thỉnh Thượng nhân trụ trì, và lấy lễ thầy trò của hòa thượng trước đây mà thờ ngài. Chính vì sự khổ hạnh chân tu của Thượng nhân, nên trước nay vốn được tặng chúng kính phục.

Trung nguyên năm Ất Mùi (1835), quan kinh thành phụng ý chỉ mở đại trai đàn thủy lục phổ độ u minh, có lệnh vua tuyển lựa tăng, Thượng nhân được mời tham dự, được vua ban một giới đao, một độ điệp, và vẫn tiếp tục đảm nhiệm trụ trì chùa Phước Lâm. Trong Tiềm

xác loại thư ghi: "Trụ là đặt tâm trong biển giác, dứt hẳn phan duyên. Trì là giữ gìn muôn hạnh, không để sơ suất." Thượng nhân quả không phụ thánh ân. Đến này lành năm Mậu Tuất (1838), tu sửa chùa Chúc Thánh, khiến nơi hoang tàn đổ nát thành điện đường trang nghiêm.

Năm Đinh Mùi (1847), chư sơn các tỉnh Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi cùng mở giới đàn, tôn phong Thượng nhân làm hòa thượng đàn đầu.



**Long vị thiền sư  
Toàn Nhâm Quán Thông  
tại tổ đình Phước Lâm, Hội An**  
*Ảnh Như Tịnh*

Vào niên hiệu Tự Đức thứ 2, năm Kỷ Dậu (1849), bệnh dịch lan tràn, Thượng nhân phát nguyện mở trai đàn thủy lục 7 ngày đêm tại Đại Chiêm, Hội An. Hai thiệp quyên góp hóa duyên và thỉnh tăng đều do đệ tử soạn viết. Pháp sự viên thành, Thượng nhân về lại Bình Định xây chùa Báo Ân, mới hơn 10 năm, mở mang chùa viện, giáo hóa đồ chúng, làm nhiều Phật sự.

Năm Nhâm Tuất (1862), Thượng nhân phụng chỉ đảm nhiệm trụ trì chùa Tam Thai.

Ân vua tảo chiếu, Phật pháp huy hoàng, cũng là nhờ đức trí thắng hạnh của Thượng nhân tỏ hơn vàng nhật nguyệt. Từ đây, đạo trị nước của vua hưng thịnh vững bền, đức hóa chúng của Thượng nhân ngày thêm tỏ rạng, thì việc khai nguồn giác độ kẻ mê không chỉ một hai việc dựng chùa lập đàn. Ân vua thắm nhuần, sáng ngời mãi mãi.

Phật tử từ thuở lọt lòng, vì song đường sợ khó nuôi nên sớm cho quy y Tam bảo. Sáu lớn khôn mới cho ra Quảng Nam học hành. Nhờ vậy mà có phước duyên diện kiến Thượng nhân, lâu ngày thân thiết, rồi thì Phật tử đi thi, rồi thì đỗ đạt. Sớm hôm được gần gũi Thượng nhân, dần dần được chuyển hóa, dường như không còn ranh giới phân biệt giữa Thượng nhân là bậc chân tu thực đức, còn Phật tử là kẻ tục gia. Chân chân tục tục thấy đều rỗng rang. Thầy trò thân tình tròn một năm thì cách biệt. Từ đó, Phật tử bị hồng trần vùi dập tưởng chừng không đứng lên nổi, nhưng Thượng nhân vẫn vững bước nổi rạng đèn thiền.

Nhân lúc công sự nhàn rỗi, đệ tử mạo muội góp nhật đôi lời kính về Thượng nhân.

Nam mô ngày Phật hoan hỷ, tháng Giêng (Giáp Tuất-1874), Tự Đức năm thứ 27.

Đệ tử tên Đặng Huy Trứ, quy y Lâm Tế Chánh Tông pháp danh Hải Đức, Giải nguyên khoa thi Đinh Mùi (1847), nguyên Bó

chánh sứ Quảng Nam, cải phái Bình Chuẩn, nay đảm nhiệm chức Tam tuyên quân thứ, thương biện quân vụ, kính cần viết.

Am Kim Giác, Hà Nội

(Đồng Ngộ dịch)

Qua tư liệu này, tuy chưa toát hết hành trạng của thiền sư Quán Thông nhưng phần nào cho chúng ta hiểu được sự nghiệp hoằng pháp của ngài với một số điểm căn bản như sau:

- Thiền sư là người cần tu khổ hạnh. Phạm hạnh của Ngài được đồng môn huynh đệ tôn kính như bậc thầy của mình.

- Trong phú chúc của tổ Minh Giác có cử thiền sư Toàn Định Bảo Tạng (1789-1842) làm đô tự chùa Phước Lâm vào ngày 24 tháng 2 năm Canh Dần (1830) trước khi tổ viên tịch 8 tháng thì không có điểm chỉ của ngài Quán Thông. Đáng lý ra thì ngài Bảo Tạng kế thừa trụ trì chùa Phước Lâm, nhưng trước đó ngài về trùng tu và trụ trì chùa Thắng Quang tại quê nhà (nay thuộc huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định). Vì thế, môn hạ Phước Lâm mời vào Thập Tháp mời ngài Quán Thông về kế vị trụ trì chùa Phước Lâm vào năm Nhâm Thìn (1832), sau khi mãn tang bốn sư là hòa thượng Minh Giác. Chi tiết này trong văn bản đã giải tỏa những thắc mắc từ trước đến nay về nguyên nhân trong tờ phú chúc của tổ Minh Giác không có sự điểm chỉ của tổ Quán Thông.

- Ngoài việc kế thừa trụ trì chùa Phước Lâm, ngài còn được thỉnh làm trụ trì tổ đình Chúc Thánh và đã trùng tu chùa này vào năm Mậu Tuất (1838). Đồng thời ngài còn về quê nhà tại Bình Định khai sơn chùa Báo Ân <sup>(1)</sup> và trụ tại đây gần 10 năm để giáo hóa đồ chúng. Ân đức của ngài tỏa khắp các tỉnh miền Trung nên chư sơn các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú đã khai giới đàn tại chùa Chúc Thánh vào năm Đinh Mùi (1847) và khẩn thỉnh ngài lên ngôi vị đàn đầu hòa thượng để đàn hậu học được thấm nhuần giới pháp.

- Ngoài việc tiếp tăng độ chúng, kiến tạo già lam, sùng hưng chốn tổ, ngài còn chăm lo đến cuộc sống của nhân dân. Đại để như khi nào có dịch bệnh thiên tai thì ngài lập đàn cầu đảo để mọi người được yên ổn. Ngài còn tham dự các pháp sự do triều đình tổ chức để cầu nguyện mưa hòa gió thuận, quốc thái dân an.



**Danh nho Đặng Huy Trứ, người  
chấp bút viết bức thư gửi thiền sư**

**Quán Thông**

*Ảnh Internet*

- Đạo hạnh và học vấn của ngài khiến cho các vị danh nho quan lại đương thời kính mến nể vì. Điều này được thể hiện qua văn bản với chính thủ bút của Đặng Huy Trứ (1825-1874), một danh thần triều Tự Đức từng làm Bố chánh sứ Quảng Nam năm 1864. Danh thần họ Đặng đã hết lòng ca ngợi ngài với danh xưng "Thượng nhân", còn mình khiêm cung xưng là "Phật tử".

Tóm lại, với tư liệu này, chúng ta hiểu rõ hơn phần nào về cuộc đời và hành trạng của thiền sư Toàn Nhâm-Quán

Thông, một bậc danh tăng của thiền phái Chúc Thánh tại tỉnh Quảng Nam. Đồng thời, thấy được tầm ảnh hưởng đạo đức của ngài đến các tầng lớp nhân dân đương thời, đặc biệt là giới quan lại trí thức mà cụ thể là mối quan hệ của ngài với danh nho Đặng Huy Trứ, nguyên Bố chánh sứ Quảng Nam triều Tự Đức.

Mong rằng, trong tương lai, chúng ta còn tìm thêm được nhiều tư liệu về Ngài để đàn hậu học được rõ tường đạo hạnh của một bậc danh tăng.



## **Chú thích:**

- [1]. Trong lần nghiên cứu điền dã tại Bình Định tháng 3 năm 2011, chúng tôi có tìm được điệp quy y của hòa thượng Chơn Giám-Trí Hải (HT.Bích Liên) cấp cho đệ tử Như Ái (tức sư bà Tịnh Viên, trụ trì chùa Hương Quang, Tuy Phước) vào ngày 13 tháng 7 năm Đinh Mão (1927). Bản điệp văn này được đập từ bản khắc gỗ của chùa Báo Ân, góc cuối bên phải bản điệp có ghi dòng chữ: "Báo Ân tự trụ trì Quán Thông hòa thượng, Giáp Dần niên lục nguyệt sóc nhật". Nghĩa là: Hòa thượng Quán Thông trụ trì chùa Báo Ân khắc bản điệp này vào ngày mùng 1 tháng 6 năm Giáp Dần (1854). Tuy nhiên, chúng tôi đã nhiều lần hỏi thăm chư tôn đức tại Bình Định về gốc tích ngôi chùa Báo Ân này, nhưng phần lớn các ngài đều không rõ. Thật là đáng tiếc...

## SỬ LIỆU MỚI VỀ PHÁP SƯ TOÀN NHẬT QUANG ĐÀI<sup>3</sup>

Pháp sư Toàn Nhật Quang Đài (1757-1834) là đệ tử đắc pháp của thiền sư Pháp Chuyên Diệu Nghiêm (1726-1798), thuộc đời 37 dòng Lâm Tế, thế hệ thứ 4 pháp phái Chúc Thánh. Ngài là một pháp sư uyên thâm Phật pháp, là một tác gia lớn của nền văn học Việt Nam nói chung và văn học Phật giáo nói riêng đầu thế kỷ 19. Những tác phẩm của pháp sư để lại đã góp phần rất lớn vào sự phát triển của nền văn học chữ Nôm của nước nhà. Tuy nhiên, từ trước đến nay chúng ta hoàn toàn không rõ về hành trạng của ngài. Duy nhất từ long vị thờ tại chùa Phổ Quang, thôn Phổ Trạch, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, chúng ta chỉ xác định được niên đại sinh và tịch của ngài. Mới đây, chúng tôi được Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang cung cấp cho bản văn *Phật môn pháp yếu tập* do tổ Pháp Chuyên Diệu Nghiêm soạn và pháp sư Toàn Nhật Quang Đài biên tập lại. Trong bài tựa của cuốn sách, pháp sư đã ghi lại rất rõ những việc trong cuộc đời của mình để răn dạy hàng môn đệ tinh tấn tu hành.

Hiện tại có hai văn bản *Phật môn pháp sự yếu tập* được chép tay. Một bản ghi lục khoản chép vào năm Bính Tý<sup>(1)</sup> nhưng không đề tên người chép. Một bản được thiền sư Minh Quang Bảo Châu chùa Quy Sơn chép vào ngày 15 tháng 5 năm Canh Tuất (1910), Duy Tân năm thứ 4. Ở đây, chúng tôi sử dụng bài tựa trong bản Bính Tý (BBT) để cung lục lại hành trạng của ngài và bản Canh Tuất (BCT) dùng để tham cứu bổ khuyết.

Bản Bính Tý được viết trên giấy bồi với khổ 16x19 cm, tổng cộng 55 tờ chép 2 mặt, mỗi trang gồm 10 dòng chữ dài ngắn tùy theo đoạn văn. Phần tựa thuật tiểu truyện pháp sư Toàn Nhật Quang Đài được chép từ trang thứ 3 đến trang 9 của văn bản.

---

<sup>3</sup> Đăng trên Tập san Suối Nguồn số 14, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 2014



自叙終身心事本末。誠是助門弟子依說修行  
余生于丁丑年十一月二十八日巳時。父阮性母黎氏年至  
九歲承感

雙親賜入讀堂。總二年間。堂慈捐館。逾十七歲時。自  
戈忽起。親父被其脅從。應居軍伍。余時依托在外祖  
之家。厥外祖母每日晨昏常誦經禮佛。余乃記得阿彌陀  
經。但知其文字音聲。而不曉義理。深蒙外祖請師教訓。  
習讀史書。然未知理趣之深。持稍效言辭之淺。於二九  
歲時。夢見一老翁持一紙授余。其中見字兩行。云。俟天下  
清平。則出于東郊外。夢見如此。默誌于懷。到二十二歲

成親配偶。從事農桑。戊戌年毀錢佛法。余一日與眾人  
過一慶寺。額曰福興。遂入焉。見一卷經。於案下地上。尋取  
啟之。乃寶壇經也。因暇閒日看之。亦粗解其義理。未識  
其要妙。然見經中偈云。生來坐不卧。死去卧不坐。原是臭  
骨頭。何為立功過。偶然少醒。但在塵中。迷多覺少。踉蹌  
已二十九歲。備歷辛酸。然且耕且學。溫故知新。至于運水  
搬柴。營諸事務。亦忘吾心儒業。暗念學子優登仕之言。  
遂拋細務。決志負屨尋師。幸終燈火之功。席兒半金。自  
棄。冀其立身揚名。以顯父母。少酬生育之恩。圖報劬勞  
之德。豈謝人願如此。天理未泯。倏患。病二年。醫藥弗

愈。於丁未年。吾已三十一矣。於四月佛誕日。歸投  
漕洞正宗圓堂。光上諱下覺本師。授優婆塞戒。蒙  
師傳教。持誦大悲神咒。兼想念觀音菩薩名號。祈病  
安痊。余奉教每夜持誦想念。至第七夜子時。於寢寐間聞  
有聲曰。病何不差。余即而視之。乃觀聖容。相好端嚴。宛如觀  
音畫像。立在床頭。左掌執一茶盞。右手點入。彈指三下。水落  
吾身。清涼潔淨。心甚歡喜。暗念所未如意。舉聲稱菩薩  
名。及覺時方知是夢。此後不藥而病全愈。遂信大士救苦  
不誑。而佛法九堂應也。戊申年余與同學數人。來謁  
臨濟正宗慈光堂上妙嚴和尚。時和尚令做詩以觀其志。

吾輩奉命各呈一首和尚哂之他日我討家兄一買奉使時和尚出外吾寫詞恭陳心事詞內乞求開示頗言前來禮物取辦全無芥字交許侍者然而和尚不受仍和原韻賜詩二首詩曰世間煩惱倍千愁生死何能出了頭當貴黃泉休想念功名蝴蝶莫追求離塵願報慈親道底事任誰鄙酒游矢得早成無上智自他同棄去閑浮○半面騷人豈昧愁全無二字的心頭虛言不動何能信塵地有形可別求度履故鄉須趨路幾錢還贈點胸游滿航持撒身邊夢事理皆如出世浮自此往來日有所益自恨塵網尤堅慧刀不利故未得親炙奉承在再人間未聞棄素但斷諸肉猶散魚鰕書則訓誨童蒙夜半一番禮誦辛酉年臘月偶閱歸元直指至菩薩祖師戒殺文云卽胎濕化形走蟲魚皆未來諸佛之流或過去多生父母遂懷然醒悟慚愧時歲將終願自元旦日以後誓忘長齋僅二日間腹中脹痛大便秘數全是清水禮誦不得默念觀音誦至七日直分夢見外祖持紙一集喚我俗名手授口言此是大悲神呪汝須真讀我兩手捧之應聲曰唯而覺起迨明日二便大滾自後進食漸覺輕安甲寅年次志出家頂禮本師重求度派住圓光寺是外祖所造丁巳年前以去世

次年幸逢慈光和尚重開戒壇余連進三壇戒品後蒙和尚授記付法未幾而和尚西歸壬戌歲皇王收復土宇平定封疆至甲子年大衆請余登壇說法不得已從之但依經解義而宗說難通僅六年餘暗覺身心疲倦深憂生死大事竟辭法席獨住靜堂專一書寫受持讀誦更荷祖堂法兄首座大德授以佛門法事要集日自玩讀見集中所述佛祖戒言約自始出家修煉觀想乃至應世度人各有次第本末條然明白修行妙訣或佛作祖莫越於斯我于數年前雖閱經律兼之誦說而本分事未大發明幸得斯本依法修行如暗遇燈漸開慧性原本共有十卷今念後學識淺難堪更當末法鈍根厭繁喜畧是以採掇數章最切要法別為一本以便弟子習學修行倘欲備覽當閱全本凡要一生取辦超脫輪迴者不可過目便休宜盡心力於是焉故仍為叙歲次甲戌年仲春月吉日圓光堂上門釋全日光吳序

Toàn bộ nội dung Lời tự thuật của pháp sư Toàn Nhật Quang Đài  
trong cuốn Phật Môn Pháp Sự

Ảnh Tư liệu trung tâm Hán Nôm Huế Quang

## Phiên âm:

### Tự tự chung thân tâm sự bồn mạt giới tối môn đệ tử y thuyết tu hành

Dư sanh vu Đình Sứ niên thập nhất nguyệt nhị thập bát nhật Ty thời. Phụ Nguyễn tánh, mẫu Lê thị. Niên chí cửu tuế, thừa cảm song thân tứ nhập học đường, tài nhị niên gian, huyền từ quyền quán. Đãi thập thất tuế thời, Quý Ty niên dã, binh qua hốt khởi, thân phụ bị kỳ hiếp túng, ứng cư quân ngũ. Dư thời y thác tại ngoại tổ chi gia. Quyết ngoại tổ thượng Bảo hạ Sơn, mỗi nhật thân hôn thường tụng kinh lễ Phật. Dư nãi ký đắc *A Di Đà kinh*, dẫn tri kỳ văn tự âm thanh, nhị bất hiểu nghĩa lý. Thâm mộng ngoại tổ thỉnh sư giáo huấn, tập đọc sử thư, nhiên vị tri lý thú chi thâm, đặc sảo hiệu ngôn từ chi thiện.

Ư nhị cửu tuế thời, mộng kiến nhất lão ông trì nhất chỉ thọ dư. Kỳ trung kiến tự lưỡng hàng, vân: Hầu thiên hạ thanh bình, tắc xuất vu đông giao ngoại. Mộng kiến vi thử, điểm chí vu hoài.

Đáo nhị thập nhị tuế, Mậu Tuất niên dã, thành thân phối ngẫu, từng sự nông tang. Mậu Tuất niên, hủy tàn Phật pháp. Dư nhất nhật dữ chúng nhân ngộ nhất phé tự, ngạch viết Phước Hưng, toại nhập yên, kiến nhất quyền kinh ư án hạ địa thượng, tâm thủ khái chi, nãi *Bảo đàn kinh* dã. Nhân nhàn hạ nhật khán chi, diệc thô giải kỳ nghĩa lý, vị thức kỳ yếu diệu trung. Nhiên kiến kinh trung kệ vân:

Sanh lai tọa bất ngoạ,

Tử khứ ngoạ bất tọa.

Nguyên thị xú cốt đầu,

Hà vi lập công quá.

Ngẫu nhiên thiếu tỉnh, dẫn tại trần trung, mê đa giác thiếu.

Tha đà dĩ nhị thập cửu tuế, bị lịch tân toan, nhiên thả canh thả học, ôn cố tri tân, chí vu vận thủy ban sài doanh chư sự vụ, diệc tất lưu tâm Nho nghiệp. Ám niệm học ưu đẳng sĩ chi ngôn, toại phao



tế vụ, quyết chí bần nạp tầm sư, hạnh chung đăng hỏa chi công, thứ miễn bán đồ tự khí. Ký kỳ lập thân dương danh dĩ hiển phụ mẫu, thiếu thù sanh dục chi ân, đồ báo cù lao chi đức. Khởi kỳ nhân nguyện như thử, thiên lý vị nhiên, thúc triêm hoạn bệnh nhị niên, y được phát dữ.

Ư Đinh Mùi niên, ngô dĩ tam thập nhất hỷ. Ư tứ nguyệt Phật đản nhật, quy đầu Tào Động chánh tông Viên Quang đường thượng hựu thượng Đạo hạ Giác bốn sư, thọ Ưu bà tắc giới. Mông sư truyền giáo, trì tụng Đại bi thần chú, kiêm tưởng niệm Quán Âm bồ tát danh hiệu, kỳ bệnh an thuyên. Dư phụng giáo mỗi dạ trì tụng tưởng niệm, chí đệ thất dạ Tý thời, ư tẩm sàng gian, văn hữu thanh viết: “Bệnh hà bất sái?”. Dư ngưỡng diện thị chi, nãi đồ thánh dung tướng hảo đoan nghiêm, uyển như Quán Âm họa tượng, lập tại sàng đầu, tả chưởng chấp nhất trà trản, hữu thủ điểm nhập, đàn chi tam hạ, thủy lạc ngô thân, thanh lương khiết tịnh, tâm kham hoan hỷ. Âm niệm sở cầu như ý, cử thanh xưng bồ tát danh. Cập giác thời phương tri thị mộng. Thử hậu bất được nhi bệnh thuyên dữ, toại tín đại sĩ cứu khổ bất vu, nhi Phật pháp vuơ linh ứng dã.

Mậu Thân niên, dư dữ đồng học sở nhân, lai yết Lâm Tế Chánh tông Từ Quang đường thượng Diệu Nghiêm hòa thượng. Thần hòa thượng lệnh tổ thi dĩ quán kỳ chí. Ngô bối phụng mệnh, các trình nhất thủ. Hòa thượng sản chi. Tha nhật ngã thảo gia huynh nhất quán phụng cúng. Thời hòa thượng xuất ngoại, ngô tả từ cung trần tâm sự, từ nội khát cầu khai thị. Pha ngôn tiền lai lễ vật thủ biện toàn vô đăng tự, giao hứa thị giả. Nhiên nhi hòa thượng bất thọ, nhưng hòa nguyên vận tứ thi nhị thủ. Thi viết:

Thế gian phiền não bội thiên sâu,

Sanh tử hà năng xuất liễu đầu.

Phú quý hoàng lương hư tưởng niệm,

Công danh hồ điệp mạc truy cầu.

Ly trần nguyện báo từ thân đạo,  
Đề sự nhậm thù bi lậu du.  
Thệ đắc tảo thành vô thượng trí,  
Tự tha đồng lạc khứ Diêm Phù.

Bán diện tao nhân khởi muội sâu,  
Toàn vô nhị tự đích tâm đầu.  
Hư ngôn bất động hà năng tín,  
Trần địa hữu hình khả biệt cầu.  
Chích lý cố hương tu toàn lộ,  
Cơ tiền hoàn tặng điểm hung du.  
Vạn ban đầu tẩu thân biên mộng,  
Sự lý giai như xuất thế phù.

Tự thử vãng lai nhật hữu sở ích, tự hận vãng trần vuơu kiên, huệ đạo bất lợi. Cố vị đắc thân chá phụng thừa, nhằm nhiệm nhân gian vị nhàn sát tổ, dẫn đoạn chư nhục, do đam ngư hà. Trú tắc huấn hồi đồng mộng, bán dạ nhất phiên lễ tụng.

Tân Hợi niên lập nguyệt, ngẫu duyệt *Quy nguyên trực chỉ*, chí ‘Phổ Am tổ sư giới sát văn’ vân: “Noãn thai thấp hóa, phi tẩu trùng ngư, giai vị lai chư Phật chi lưu, hoặc quá khứ đa sanh phụ mẫu”, toại áo nhiên tỉnh ngộ tầm quý. Thời tuế tương chung, nguyện tự Nguyên đán nhật dĩ hậu, thệ chí trường trai. Cẩn nhị nhật gian, phúc trung trưởng bệnh, đại tiện loại số, toàn thị thanh thủy, lễ tụng bất đắc. Điểm niệm Quán Âm, nãi chí thất nhật dạ phân, mộng kiến ngoại tổ trì chỉ nhất tập, hoán ngã tục danh, thủ thọ khẩu ngôn: “Thử thị Đại bi thần chú, nhữ tu thực độ”. Ngã lưỡng thủ bồng chi, ứng thanh viết duy, nhi giác khởi. Đãi minh nhật, nhị cánh đại cõn. Tự hậu tấn thực, tiệm giác khinh an.



**Giao vị thiền sư Toàn Nhật Quang  
Đài thờ tại chùa Liên Trì,  
thành phố Phan Thiết,  
tỉnh Bình Thuận**  
*Ảnh Như Tịnh*

Giáp Dần niên, quyết chí xuất gia, đánh lễ bốn sư, trùng cầu độ phái. Trụ Viên Quang tự, thị ngoại tổ sở tạo.

Đinh Ty niên, kinh xoa khứ thể, thứ niên hạnh phùng Từ Quang hòa thượng trùng khai giới đàn, dư liên tấn tam đàn giới phẩm, hậu mộng hòa thượng thọ ký phú pháp. Vị cơ nhi hòa thượng Tây quy.

Nhâm Tuất niên, hoàng vương thâu phục thổ vũ, bình định phong cương. Chí Giáp Tý niên, đại chúng thỉnh dư đăng đàn thuyết pháp, bất đắc dĩ từng chi. Dẫn y kinh giải nghĩa, nhi tông thuyết nan thông. Cẩn lục

niên dư, ám giác thân tâm bì quyện, thâm ưu sanh tử đại sự, cánh từ pháp tịch, độc trụ tĩnh đường, chuyên nhất thư tả thọ trì độc tụng.

Cánh hà, tổ đường pháp huynh thủ tọa đại đức, thọ dĩ *Phật môn pháp sự yếu tập*. Nhật dạ ngoạn độc, kiến tập trung sở thuật Phật tổ thành ngôn, sơ tự thủy xuất gia tu luyện quán tưởng, nãi chí ứng thể độ nhân, các hữu thứ đệ bổn mật, điều nhiên minh bạch, tu hành diệu quyết, thành Phật tác tổ mạc việt ư tư. Ngã vu số niên tiền, tuy duyệt kinh luật, kiêm chi giảng thuyết, nhi bổn phận sự vị đại phát minh. Hạnh đắc tư bổn, y pháp tu hành, như ám ngộ đăng, tiêm khai huệ tánh.

Nguyên bổn cộng hữu thập quyển, kim niệm hậu học thức thiển nan kham, cánh đương mật pháp độn căn, yểm phồn hỷ lược, thị dĩ thái chích sở chương, tối thiết yếu pháp, biệt vi nhất bổn dĩ



tiện đệ tử, tập học tu hành. Thảng dục bị lăm, đương duyệt toàn thư. Phạm yếu nhất sanh thủ biện, siêu thoát luân hồi giả, bất khả ngộ mục tiện hưu, nghi tận tâm lực ư thị yên, cố nhưng vi tự.

Tuế thứ Giáp Tuất niên trọng xuân kiết nhật, Viên Quang đường thượng sa môn Thích Toàn Nhật Quang Đài tự.

### **Dịch nghĩa:**

#### **Lời tựa tự thuật về cuộc đời mình để khuyên dạy hàng đệ tử tu hành**

Ta sinh vào giờ Tỵ ngày 28 tháng 11<sup>(2)</sup> năm Đinh Sửu (1757), cha họ Nguyễn, mẹ họ Lê. Năm lên 9 tuổi, ta được cha mẹ đưa đến trường để học, nhưng mới chừng hai năm thì mẹ qua đời. Cho đến năm Quý Tỵ (1773)<sup>(3)</sup>, ta được 17 tuổi, cũng là khi chiến tranh bất ngờ xảy ra, cha bị bắt ép đi lính, xung vào quân ngũ. Từ đó ta đến nương nhờ nhà ông ngoại. Ngoại ta hiệu thượng Bảo hạ Sơn, mỗi ngày sáng tối ông đều tụng kinh lễ Phật. Nhờ đó ta nhớ được kinh *A Di Đà*, nhưng chỉ biết âm thanh văn tự mà không hiểu được nghĩa lý. May thay được ngoại mời thầy đến giảng dạy về sử thư; nhưng ta vẫn chưa hiểu được nghĩa lý uyên thâm, chỉ hiểu được chút ít về ngôn từ cạn cợt.

Năm 18 tuổi, một đêm ta nằm mộng thấy một ông lão trao cho một tờ giấy, trong đó có hai hàng chữ viết rằng: “Về sau lúc thiên hạ thái bình, nên ra vùng ngoại thành phía đông”. Mộng thấy vậy, ta liền ghi nhớ mãi trong lòng.

Đến năm 22 tuổi, ta lập gia thất và theo việc nhà nông. Năm Mậu Tuất (1778)<sup>(4)</sup>, chiến tranh tàn phá luôn cả Phật giáo. Một hôm, ta cùng chúng bạn gặp một ngôi chùa đổ nát có bảng hiệu Phước Hưng, liền vào xem. Thấy một quyển kinh nằm trên mặt đất bên dưới án thờ, ta nhặt lấy, mở ra xem thì chính là quyển *Bảo đàn kinh*. Nhân những ngày rảnh rỗi ta đem kinh ra đọc, nhưng chỉ hiểu nghĩa lý giản đơn chứ chưa thấu được yếu chỉ thâm diệu của kinh. Khi đọc đến câu kệ:

*Khi sống ngồi không nằm*

*Khi chết nằm không ngồi*

*Vốn là khúc xương thú*

*Làm sao lập công khóa.<sup>(5)</sup>*

Ta chợt có chút tỉnh ngộ, nhưng sống trong cõi trần lao này khiến người ta mê thì nhiều mà ngộ thì ít.

Thời gian lần lữa trôi qua, ta đã 29 tuổi, ném trải bao nhiêu gian khổ, vừa lo ruộng đồng vừa học, ôn cũ học mới, cho đến xách nước chẻ củi tất cả mọi việc ta đều chú tâm vào Nho học. Tự nghĩ nếu học thật tốt thì tất có ngày đỗ đạt, nên ta bỏ những việc nhỏ nhặt, dốc chí khổ cực tìm thầy, mong rằng có ngày sẽ lập được công danh, may ra không bỏ phế giữa đường. Ngõ hầu nên danh làm rạng rỡ cha mẹ, mong phần nào trả ân dưỡng dục, báo đức cù lao. Tuy ước nguyện như vậy nhưng lý trời không chịu lòng người, đột nhiên ta bị bệnh suốt hai năm, thuốc thang không khỏi.

Năm Đinh Mùi (1787), ta được 31 tuổi. Tháng 4 ngày Phật đản sanh, ta quy y với hòa thượng thượng Đạo hạ Giác thuộc tông Tào Động tại chùa Viên Quang, thọ giới ưu bà tắc. Được thầy chỉ dạy trì tụng chú Đại bi và niệm danh hiệu bồ tát Quán Âm, cầu mong khỏi bệnh, ta vâng lời trì tụng tưởng niệm. Đến giờ Tý của đêm thứ 7, đang nằm trên giường, ta nghe có tiếng hỏi: “Sao bệnh không khỏi?”. Ngước mặt nhìn lên, ta thấy một vị thánh có tướng tốt trang nghiêm tựa như bức họa Quán Âm, đứng trên đầu giường ta. Tay trái của ngài bưng một chén trà, tay phải nhúng vào, rồi rảy xuống ba lần, nước rơi xuống thân khiến ta cảm thấy mát mẻ thanh tịnh, trong lòng vui mừng, thầm nghĩ điều nguyện cầu đã được như ý, nên ta liền xưng danh hiệu bồ tát. Khi tỉnh dậy mới biết là mộng, từ đó về sau ta không dùng đến thuốc thang mà bệnh dần dần khỏi hẳn, nên ra tin tưởng chuyện bồ tát cứu khổ là có thật, Phật pháp quả là rất linh diệu.

Năm Mậu Thân (1788), ta cùng các bạn học đến tham vấn hòa thượng Diệu Nghiêm thuộc tông Lâm Tế tại chùa Từ Quang. Hòa thượng bảo ta làm thơ để xem thử chí hướng như thế nào. Ta vâng lời làm một bài thơ trình lên, hòa thượng xem xong mỉm cười. Ngày khác, ta xin anh ta một quan tiền đến cúng dường, nhưng hòa thượng không có ở chùa. Ta mới viết một bài thơ kính cẩn bày tỏ tâm nguyện, nội dung mong cầu được hòa thượng khai thị. Vả lại, lễ vật trong xử sự xưa nay không gì bằng ngôn ngữ. Viết xong ta giao cho vị thị giả. Nhưng mà sau đó hòa thượng không nhận tiền dâng cúng của ta mà còn tặng lại cho ta hai bài thơ họa lại nguyên văn từ bài thơ của ta.

Thơ rằng:

Bài 1:

*Giác mộng trăm năm lắm muộn phiền,  
Vòng tròn sống chết lúc nào yên  
Công danh giấc mộng thôi đừng tưởng  
Phú quý phù du chớ đảo điên  
Thoát tục nguyện đền ơn dưỡng dục  
Mặc ai rong ruổi đắm trần duyên  
Mong tu sớm đắc vô sư trí  
Tất cả cùng vui thoát cõi triền.*

Cuộc mộng trăm năm lắm muộn phiền  
Sống chết làm sao thoát mối giềng  
Canh bạc giàu sang thôi tưởng tượng,  
Mộng vàng phú quý chớ huyên thuyên.  
Xuất thế nguyện báo song thân nghĩa,  
Rớt cuộc ai người tục lụy duyên.  
Thệ nguyện sớm tu thành chánh quả,  
Độ mình độ khắp cả nhân thiên.

## Bài 2:

*Há để tao nhân ủa nét hồng  
Lòng chừ rỗng lặng một miền không  
Lời ngoa không tướng sao tin tưởng  
Hạt bụi có hình há cây trông  
Dép cỏ về quê chân nhẹ bước  
Tiền nông để lại thanh thoi lòng  
Muôn duyên tô điểm bên trời mộng  
Sự lý dung thông thoát cõi hồng.*

Nửa mặt tao nhân há lại buồn  
Chỉ có lòng thoi một chữ không.  
Một lời dối trá đừng tin vội,  
Hạt bụi phù du há ngóng trông.  
Quả dép về Tây là chánh lộ,  
Đồng xu dòn lại chắm được hồng.  
Muôn vản chấp chới bên trời mộng,  
Sự lý in tuồng xuất cõi không.<sup>(6)</sup>

Từ đó về sau, ta ngày càng được nhiều lợi lạc, chỉ tự hận lưới trần quá cứng, kiếm tuệ quá cùn, lại không được gần gũi bậc minh sư để học hỏi phụng thừa. Thời gian thấm thoát trôi qua, sống giữa chốn trần ai, ta vẫn chưa để tâm đến việc ăn chay, chỉ không ăn các loại thịt, còn tôm cá thì vẫn ăn. Ban ngày ta dạy trẻ con học, đêm khuya thì lần lượt lễ Phật tụng kinh.

Tháng chạp năm Tân Hợi (1791), ta có duyên đọc *Quy nguyên trực chỉ*. Khi đọc đến đoạn viết về “Giới sát” của tổ sư Phổ Am: “Các loài sanh từ trứng, từ thai, sanh từ nơi ẩm thấp, và sanh từ biến hóa, các loài chim bay, thú chạy, trùng, cá... đều là chư Phật ở vị lai, hoặc là cha mẹ của ta trong nhiều đời nhiều kiếp”, ta hồi hận tỉnh ngộ, lòng thấy hổ thẹn. Khi đó năm cũ cũng sắp khép lại, ta

nguyện từ tết Nguyên đán về sau quyết chí ăn chay. Thế nhưng ăn chay mới được hai ngày, bụng ta bị trướng lên, đi đại tiện nhiều lần, chỉ toàn là nước trong, không sao lẽ tưng. Ta bèn niệm danh hiệu bồ tát Quán Âm. Đến nửa đêm ngày thứ 7, ta mơ thấy ông ngoại cầm một tập sách, gọi tên tục của ta, trao tập sách và dặn: “Đây là chú Đại bi, con nên đọc tụng cho thuộc”. Ta đưa hai tay đón nhận và đáp: “Dạ”, rồi tỉnh giấc. Đến sáng hôm sau thì đại tiểu tiện đều ổn, từ đó về sau ăn uống từ từ cảm thấy rất nhẹ nhàng.

Năm Giáp Dần (1794), ta quyết chí xuất gia, nên đến đánh lễ thầy bốn sư, cầu thầy ban lại cho điệp phái, và ở tại chùa Viên Quang, nơi ông ngoại đã kiến tạo.

Năm Đinh Tỵ (1797), người bạn đời của ta qua đời. Năm sau<sup>(7)</sup>, duyên lành gặp hòa thượng Diệu Nghiêm chùa Từ Quang mở lại giới đàn, ta được thọ luôn ba đàn. Về sau ta được hòa thượng thọ ký phú pháp, nhưng không bao lâu sau thì hòa thượng viên tịch.

Năm Nhâm Tuất (1802), hoàng vương<sup>(8)</sup> khôi phục đất nước, bình định biên cương. Đến năm Giáp Tý (1804), đại chúng thỉnh ta đăng đàn thuyết pháp, bắt đầu dĩ phải thuận theo, nhưng chỉ theo kinh giải nghĩa còn tông thuyết thì không thông. Trải qua hơn sáu năm, cảm thấy thân tâm mỗi mệt, ưu tư nhiều về việc lớn sanh tử, ta bèn rời pháp tòa, một mình ở trong tịnh thất chuyên chép kinh và thọ trì đọc tụng.

Sau này, nhờ ơn đại đức pháp huynh ở tổ đường<sup>(9)</sup> trao cho quyển *Phật môn pháp yếu sự tập*, ngày đêm ta nghiền ngẫm đọc, thấy trong đó ghi lại những lời dạy của chư Phật, chư tổ, từ khi xuất gia tu tập quán tưởng, cho đến khi nhập thế độ chúng sanh, tất cả đều có thứ tự, mạch lạc rõ ràng. Bí quyết vi diệu để tu hành thành Phật, làm tổ, không gì hơn những lời dạy trong đây. Mấy năm trước tuy ta cũng đọc kinh luật và giảng giải, nhưng vẫn chưa tỏ ngộ được bản tâm. Duyên may nhờ đọc được tập sách này, tu hành theo phương pháp trong đó, ta như người đi trong đêm tối gặp đèn sáng, huệ tánh từ từ khai mở.

Nguyên tập sách gồm có 10 quyển<sup>(10)</sup>, nay nghĩ đến hàng hậu học kiến thức nông cạn khó mà hiểu được, lại thêm trong thời mạt pháp căn trí chậm lụt, ngắn dài dòng, thích ngắn gọn, vì thế ta đã chọn ra một số chương quan trọng, gom lại thành một bản riêng, thuận tiện cho hàng đệ tử học tập tu hành. Còn ai muốn biết đầy đủ thì nên đọc toàn tập. Hễ ai muốn trong đời này làm xong phần sự siêu thoát luân hồi, thì không thể bỏ qua tập sách này, mà nên dốc hết tâm lực để đọc. Vì những điều này, cho nên ta không ngại tài hèn đức kém, mạo muội viết lời tựa này.

Ngày tốt tháng 2 năm Giáp Tuất (1814), trụ trì chùa Viên Quang, sa môn Thích Toàn Nhật hiệu Quang Đài đề tựa.

Qua lời tựa này, chúng tôi rút ra những nhận xét về cuộc đời của pháp sư Toàn Nhật Quang Đài như sau:

- Pháp sư Toàn Nhật Quang Đài gốc người Phú Yên, quê ngoại gần chùa Viên Quang, nay thuộc thôn Phong Niên, xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Ngài không phải là quân sư hay là một yếu nhân trong phong trào Tây Sơn như từ trước đến nay một số nhà nghiên cứu suy đoán theo *Hứa Sử truyện văn*. Theo như lời tự thuật thì có vẻ như ngài không mấy thiện cảm với nhà Tây Sơn qua cách dùng từ chỉ cho việc cha ngài bị bắt đi lính. Điều này chứng tỏ trước khi xuất gia, pháp sư Toàn Nhật Quang Đài chỉ là một Nho sĩ bình thường, không tham chính trong guồng máy chính trị dù là nhà Nguyễn Tây Sơn hay là nhà Nguyễn Gia Long.

- Từ thế kỷ 16, khi tiên chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ tại Đàng Trong thì tinh thần “cư Nho mộ Thích” được các chúa Nguyễn tích cực xiển dương nhằm thiết lập hệ tư tưởng củng cố thế lực của mình. Pháp sư Toàn Nhật Quang Đài cũng là một trong những Nho sĩ chịu ảnh hưởng rất lớn bởi tư tưởng này. Từ thuở nhỏ, ngài theo Nho học với quan niệm học hành đỗ đạt rạng danh cha mẹ, đồng thời ngài cũng thọ giới ưu bà tắc, nghiên cứu kinh điển, tu tập hành trì theo tinh thần của một Phật tử tại gia. Đến khi nhân duyên chín

muỗi thì cắt ái ly thân, thực hiện chí nguyện xuất trần thượng sĩ và ngài đã thực hiện chí nguyện ấy một cách xứng đáng.

- Qua tự truyện, chúng ta thấy người trợ duyên rất lớn trong cuộc đời của ngài chính là ông ngoại ngài, một vị cư sĩ có hiệu Bảo Sơn. Có thể ông ngoại ngài là một vị hào phú nên có đủ điều kiện kinh tế để bảo bọc nuôi nấng dạy dỗ ngài từ lúc thiếu thời cho đến trưởng thành. Không những thế, ông ngoại ngài còn là người đứng ra sáng lập chùa Viên Quang, thỉnh thiền sư Đạo Giác trụ trì. Có thể nói, ông ngoại ngài là một cư sĩ thuần thành, chuyên tâm tu tập và kiến tạo đạo tràng trợ duyên cho chư tăng hoằng pháp. Chính cuộc đời cư sĩ Bảo Sơn đã tác động rất lớn đến chí nguyện xuất trần của pháp sư sau này.

- Ban đầu, pháp sư thọ giới và xuất gia với thiền sư Đạo Giác thuộc tông Tào Động tại chùa Viên Quang. Rất tiếc là pháp sư không ghi rõ pháp danh của thầy bổn sư cũng như pháp danh của mình để chúng ta có dữ liệu tìm hiểu về sự phát triển của tông Tào Động tại Đàng Trong. Đến năm 1798, pháp sư thọ đại giới và cầu pháp với thiền sư Pháp Chuyên Diệu Nghiêm thuộc tông Lâm Tế và được bổn sư phú pháp với pháp danh Toàn Nhật, pháp tự Vi Bảo, pháp hiệu Quang Đài, nối pháp đời 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 4 pháp phái Chúc Thánh. Từ đây, pháp sư lấy pháp danh chính là Toàn Nhật và truyền xuống đệ tử theo bài kệ của tổ sư Minh Hải Pháp Bảo.

- Khi còn là một cư sĩ, pháp sư thường đau ốm nên vâng lời thầy chuyên tâm trì chú Đại bi và niệm danh hiệu bồ tát Quán Thế Âm để nhờ oai lực tam bảo gia bị cho bệnh tật sớm tiêu trừ. Sự chí thành của ngài đã cảm ứng đến bồ tát Quán Âm và được bồ tát gia bị khiến cho thân tâm an lạc. Sự linh ứng của bồ tát khiến cho ngài phát khởi niềm tin bất hoại đối với sự nhiệm mầu của Phật pháp. Đây cũng là một tác nhân chính để ngài chọn con đường xuất gia sau này.

Qua lời tự thuật trên, cộng với những tư liệu có liên quan, chúng ta có thể viết lại niên biểu của pháp sư như sau:

- Sinh giờ Tỵ ngày 28 tháng 11 năm Đinh Sửu (1757).
- Năm Ất Dậu (1765), lên 9 tuổi được theo học chữ Nho.
- Năm Đinh Hợi (1767), lên 11 tuổi thì mẹ qua đời.
- Năm Quý Tỵ (1773), 17 tuổi, cha bị bắt đi lính nên về ở bên nhà ngoại và tiếp tục học chữ Nho.
- Năm Mậu Tuất (1778), 22 tuổi lập gia đình.
- Năm Ất Tỵ (1785), 29 tuổi bị bệnh nặng kéo dài hai năm.
- Năm Đinh Mùi (1787), 31 tuổi quy y với hòa thượng Đạo Giác theo tông Tào Động tại chùa Viên Quang.
- Năm Mậu Thân (1788), 32 tuổi, lần đầu tiên tham vấn với hòa thượng Pháp Chuyên Diệu Nghiêm tông Lâm Tế tại chùa Từ Quang.
- Năm Tân Hợi (1791), 35 tuổi, phát nguyện trường trai.
- Năm Giáp Dần (1794), 38 tuổi xuất gia với hòa thượng Đạo Giác tại chùa Viên Quang.
- Năm Mậu Ngọ (1798), 42 tuổi, ngày 15 tháng 5 thọ tam đàn cụ túc tại chùa Từ Quang do hòa thượng Pháp Chuyên làm Đường đầu, được phú pháp truyền thừa theo tông Lâm Tế.
- Năm Nhâm Tuất (1802), 45 tuổi, vua Gia Long thống nhất giang sơn lập nên nhà Nguyễn.
- Năm Giáp Tý (1804), 47 tuổi, được đại chúng thỉnh giảng kinh thuyết pháp.
- Năm Tân Mùi (1811), 54 tuổi, độc cư tu tập, biên soạn kinh sách.
- Năm Giáp Tuất (1814), 57 tuổi, ngộ đạo nhờ đọc tập *Phật môn pháp sư yếu tập* do tổ Pháp Chuyên soạn. Cảm khái tóm lược thành một tập và viết lời tựa này.



- Năm Mậu Dần (1818), 61 tuổi, cùng với hòa thượng Toàn Thể Vi Lương Linh Nguyên trụ trì chùa Từ Quang và môn hạ chùa Viên Quang khắc in bộ *Địa Tạng bồ tát bốn nguyện kinh yếu giải*.

- Năm Nhâm Thìn (1832), 75 tuổi, chứng minh sự khảo chính lại bản *Đại phương tiện Phật báo ân kinh chú nghĩa* của tổ Pháp Chuyên Diệu Nghiêm do các vị pháp diệt Chương Niệm Tuyên Trục Quảng Giác chùa Từ Quang, Quảng Văn chùa Triều Tôn, Chương Tánh Tông Tiên Quảng Nhuận chùa Linh Sơn đứng khắc in, các đại sư Viên Giác, Hoằng Đạo và Trung Hòa khảo chính viết lời bạt.<sup>(11)</sup>

- Pháp sư viên tịch vào giờ Dần ngày mùng 6 tháng 4 năm Giáp Ngọ (1834), hưởng thọ 78 tuổi, với 36 hạ lạc. Tháp lập tại chùa Viên Quang.

Trải qua gần hai thế kỷ, kể từ khi pháp sư Toàn Nhật Quang Đài viên tịch, đây là tư liệu Hán Nôm viết về ngài mà chúng tôi có nhân duyên gặp được. Qua bản văn này, với sự chấp bút của chính pháp sư viết về cuộc đời mình, chúng tôi tin tưởng độ chính xác của văn bản. Hy vọng rằng trong tương lai, chúng ta sẽ phát hiện thêm nhiều tư liệu cũng như tác phẩm của pháp sư để làm sáng tỏ thêm về cuộc đời và tác phẩm của ngài cũng như giữ gìn truyền lưu hậu thế.



**Chùa Viên Quang tại thôn Phong Niên, xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, nơi thiền sư Toàn Nhật Quang Đài trụ trì**

*Ảnh Như Tịnh*

## Chú thích:

- [1]. Chưa xác định được Bính Tý thuộc năm nào: 1816 hay 1876?
- [2]. Cả hai bản văn đều ghi sinh vào tháng 11. Tuy nhiên, long vị thờ tại chùa Phở Quang ghi ngài sinh vào tháng 10. Có lẽ do hàng đệ tử lập long vị thờ thầy có sự nhầm lẫn?
- [3]. Năm này Nguyễn Nhạc đánh chiếm được thành Quy Nhơn cũng như làm chủ vùng đất từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận. Có thể cha ngài bị bắt đi lính cho quân Tây Sơn?
- [4]. Những năm này, chiến sự giữa quân Tây Sơn và chúa Nguyễn diễn ra liên tục nên đa phần các chùa từ Quảng Nam đến Bình Thuận bị tàn phá nặng nề.
- [5]. Đây là bài kệ khai thị của Lục tổ Huệ Năng cho thiền sư Chí Thành khi vị này từ chỗ Thần Tú đến cầu học Phật pháp.
- [6]. Thích Nguyên Hiền dịch thơ.
- [7]. Theo “Sa môn Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm thiền sư xuất thế nhân do sự tích chí” do đệ tử Linh Nguyên ghi vào năm Gia Long thứ 3, Giáp Tý (1804) thì giới đàn này được mở ngày 15 tháng 5 năm Mậu Ngọ (1798). Sau đó 1 tháng, vào ngày 19 tháng 6 thì tổ Pháp Chuyên viên tịch.
- [8]. Chỉ cho vua Gia Long thống nhất đất nước lập ra triều Nguyễn.
- [9]. Chỉ thiền sư Toàn Thê Vi Lương Linh Nguyên kế vị tổ Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm làm trụ trì chùa Từ Quang.
- [10]. Nguyên bộ Phật môn pháp sự yếu tập do tổ Pháp Chuyên Diệu Nghiêm soạn tại chùa Từ Quang, Phú Yên vào năm Giáp Dần (1794), trước khi ngài thị tịch bốn năm. Tổ sư Diệu Nghiêm sau khi đọc toàn bộ Đại tạng kinh đã chọn lọc những lời dạy của chư Phật, chư tổ, soạn thành 10 tập. Về sau, pháp sư Toàn Nhật Quang Đài rút gọn lại còn 1 tập để cho hàng đệ tử theo đó tu tập.
- [11]. Bản này khắc in hoàn thành vào năm Bính Thân (1836), sau khi ngài viên tịch hai năm.

# **KHẢO SÁT CÁC DÒNG KỆ TRUYỀN THỪA THUỘC THIỀN PHÁI LÂM TẾ TRÊN ĐẤT QUẢNG BÌNH<sup>4</sup>**

## **1. Mở đầu**

Kể từ khi phụng mệnh vua Lê vào trấn thủ đất Thuận Hóa năm 1558 (cai quản vùng đất từ phía nam đèo Ngang đến đèo Hải Vân, tức các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế ngày nay), đến niên hiệu Hoằng Định thứ 4 [1604] triều vua Lê Kính Tông, Tiên chúa Nguyễn Hoàng đã cho đổi ba châu Địa Lý, Bố Chính, Ma Linh thành tên gọi Quảng Bình. Như vậy, địa danh Quảng Bình xuất hiện trong lịch sử tính đến nay đã trên 400 năm, tuy nhiên sự định cư của người dân Đại Việt trên vùng đất này đã có từ năm 1069, tức tính đến nay đã gần 1.000 năm. Xuyên suốt 10 thế kỷ hình thành và phát triển, Phật giáo luôn đồng hành, gắn bó với sự thịnh suy của dân tộc trên mảnh đất này.

Sức sống của Phật giáo Quảng Bình không chỉ được minh chứng qua những sự kiện, những sinh hoạt Phật giáo được ghi chép trong các thư tịch cổ, qua dấu tích các kiến trúc tự viện quy mô, các di sản Phật giáo có giá trị, mà Quảng Bình còn là nơi lưu dấu sự hiện diện của nhiều dòng thiền, có những đóng góp quan trọng đối với lịch sử Phật giáo cũng như lịch sử dân tộc.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ bước đầu khảo sát, giới thiệu khái lược sự hiện diện, truyền thừa của các dòng thiền trên đất Quảng Bình, chủ yếu là khảo sát các dòng kệ truyền thừa thuộc phái Lâm Tế qua các tư liệu mà chúng tôi vừa thu thập được từ những cuộc điền dã gần đây.

---

<sup>4</sup> Đăng trên Tạp chí Liễu Quán số 7, NXB Thuận Hóa 2016.

## 2. Các dòng truyền thừa của thiền phái Lâm Tế tại Quảng Bình

### 2.1. Dòng thiền Trí Bản Đột Không

Vào những thập niên đầu thế kỷ XVII, dòng thiền Trí Bản Đột Không<sup>(1)</sup> đã chính thức được truyền đến nước ta theo bước chân hành hóa của các vị thiền sư Trung Hoa, như thiền sư Viên Văn Chuyết Chuyết - người đã đến Đàng Trong giảng pháp tại Quảng Nam, và sau đó ra Bắc hà xây dựng đạo tràng tại chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) năm 1633; cùng các vị thiền sư Viên Cảnh Lục Hồ, Viên Khoan Đại Thâm hoằng pháp tại Quảng Trị, đó cũng là hai vị thầy đã trực tiếp hóa đạo và truyền pháp cho thiền sư Minh châu Hương Hải sau này.



Bài vị truyền thừa dòng Lâm Tế Trí Bản Đột Không  
tại chùa An Quốc, huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình

*Ảnh Không Nhiên*

Dòng thiền Trí Bản Đột Không là thiền phái có tầm ảnh hưởng sâu rộng và phát triển lớn mạnh tại Đàng Ngoài cũng như Đàng Trong thời bấy giờ, là một trong những dòng thiền hưng thịnh nhất đầu triều các chúa Nguyễn. Vì thế, tại Quảng Bình dòng thiền Trí Bản Đột Không có lẽ cũng đã sớm bén rễ và phát triển, kế thừa dòng

thiền Trúc Lâm Yên Tử duy trì mạng mạch Phật pháp tại đây. Điều này sẽ được minh chứng qua các bài vị hiện được phụng thờ tại chùa An Quốc ở thôn Xuân Mai, xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Tại chùa An Quốc hiện có 12 bài vị<sup>(2)</sup> ghi danh tánh các vị tiền hiền cũng như các vị thiền sư của các dòng họ: họ Cao, họ Hà và họ Trần của thôn Xuân Mai. Qua khảo sát các bài vị chúng tôi thống kê như sau:

| Các họ  | Bài vị tiền hiền | Bài vị thiền sư |
|---------|------------------|-----------------|
| Họ Cao  | Không có         | 6 tấm           |
| Họ Hà   | 3 tấm            | 1 tấm           |
| Họ Trần | 2 tấm            | Không có        |

Căn cứ vào 6 bài vị ghi danh các thiền sư, chúng tôi liệt kê Pháp danh các vị thuộc dòng thiền Trí Bản Đột Không như sau:

| Đời Pháp | Thế Danh       | Pháp Danh       |
|----------|----------------|-----------------|
| Đời 34   | Cao Thế Vinh   | Chân Như Đà Lâm |
| Đời 35   | Cao Danh Thái  | Như Quý         |
| Đời 35   | Cao Danh Diên  | Như Bá          |
| Đời 35   | Cao Danh Thế   | Như Thúy        |
| Đời 36   | Cao Danh Hợp   | Tính Lương      |
| Đời 36   | Cao Văn Hoán   | Tính Minh       |
| Đời 37   | Cao Văn Tri    | Hải Lưu         |
| Đời 37   | Cao Văn Nghiên | Hải Long        |
| Đời 38   | (Khuyết danh)  | (Khuyết danh)   |
| Đời 39   | Cao Văn Thúy   | Chiếu Diệu      |
| Đời 40   | (Khuyết danh)  | (Khuyết danh)   |

|        |                |               |
|--------|----------------|---------------|
| Đời 41 | Hà Ngọc Thành  | Thông Lâm     |
| Đời 41 | Hà Ngọc Lư     | Thông Phương  |
| Đời 41 | Cao Văn Thế    | Thông Truyền  |
| Đời 42 | Cao Văn Thâm   | Tâm Thành     |
| Đời 42 | Cao Văn Thượng | Tâm Trí       |
| Đời 42 | Cao Văn Sang   | Tâm Kính      |
| Đời 42 | Cao Văn Hiệu   | Tâm Thù       |
| Đời 42 | Hà Ngọc Nghiên | Tâm Phong     |
| Đời 43 | (Khuyết danh)  | (Khuyết danh) |
| Đời 44 | Hà Duy Thường  | Quảng Tế      |
| Đời 44 | Hà Mạnh Đạt    | Quảng Tâm     |
| Đời 44 | Cao Văn Mỹ     | Quảng Khai    |
| Đời 44 | Cao Văn Điển   | Quảng Tăng    |
| Đời 44 | Cao Văn Điện   | Quảng Nguyên  |
| Đời 44 | Cao Văn Hoán   | Quảng Hưng    |

Ngoài ra, còn có các vị như: thiền sư Đại Đạo thể danh Cao Văn Tài; thiền sư Pháp Uy Chánh Đạo... được ghi trong một số bài vị, nhưng vì không kiểm được pháp danh, không dám chắc có thuộc dòng Trí Bản Đột Không hay không nên chúng tôi không ghi vào bảng liệt kê trên.

Như vậy, qua khảo sát các bài vị thiền sư hiện được phụng thờ tại chùa An Quốc (thôn Xuân Mai, xã Mai Hóa, Tuyên Hóa) chúng ta thấy có cả thấy 26 vị thiền sư thuộc dòng Trí Bản Đột Không đã kế tục truyền thừa được 10 đời tại vùng đất phía tây Quảng Bình, tuy nhiên có khiếm khuyết ở các đời thứ 38, 40 và 43 - tương ứng với các chữ **Tịch**, chữ **Phổ** và chữ **Nguyên** trong dòng kệ.

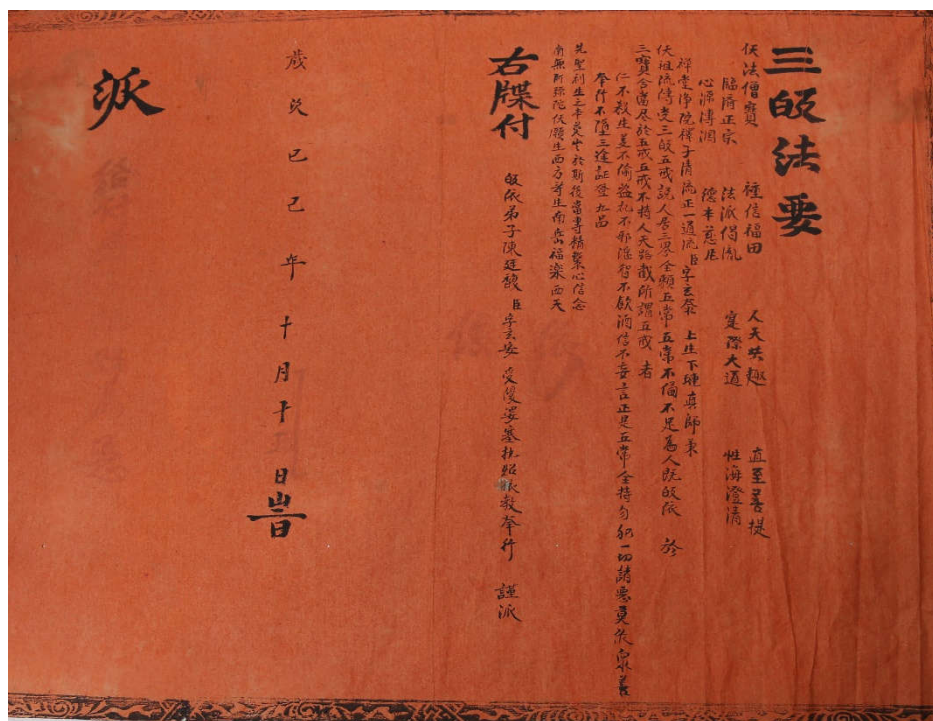
Sử liệu về các vị thiền sư này hầu như không còn gì ngoài bản tư liệu chép tay của ông Cao Đình Đậu - vị cao niên hiện đang lo hương khói ở chùa. Theo đó được biết, dòng thiền Trí Bản Đột Không chính thức xuất hiện tại miền sơn cước này vào năm 1633 (tư liệu ghi 1533, có lẽ nhầm lẫn), do thiền sư Chân Như Đà Lâm (bài vị hiện thờ tại chùa) truyền đến. Ngoài bản tư liệu chép tay này chúng tôi còn tiếp cận được một văn bản có tên “*Tân soạn Tiểu thừa sám pháp Phật môn công văn*” hiện được lưu giữ tại chùa Quan Âm (Đức Trạch, Bố Trạch). Bản tư liệu được viết bằng chữ Nho trên giấy dó, tổng cộng 41 trang, 82 tờ; không thấy ghi niên đại và tác giả, tuy nhiên căn cứ vào nét chữ viết theo lối chữ dòng thư lại ta có thể đoán định nó được ra đời vào khoảng đầu triều Minh Mạng trở về trước. Trong văn bản có một đoạn ghi “*Thần Tăng Du già bộ pháp danh Thông Tánh*”. Thiền sư Thông Tánh thuộc đời 41 dòng thiền Trí Bản Đột Không. Vậy phải chăng, văn bản “*Tân soạn Tiểu thừa sám pháp Phật môn công văn*” vốn có xuất xứ từ miền sơn cước Tuyên Hóa? Và thiền sư Thông Tánh có thể là người đã chấp bút biên soạn hoặc chí ít cũng đã từng sử dụng bản công văn này!

Từ trước đến nay, chúng ta thường thấy các bản công văn được dùng trong nghi lễ của Phật giáo Đại thừa, đa phần sử dụng cho việc ứng phú đạo tràng. Đặc biệt nơi đây, cuốn công văn ghi tựa đề “*Tân soạn Tiểu thừa sám pháp Phật môn công văn*”, có nghĩa văn bản này chỉ dùng cho hệ Phật giáo Tiểu thừa. Điều này có thể khẳng định, các vị thiền sư trước đây hành đạo ở khu vực miền núi phía tây tỉnh Quảng Bình giáp với nước Lào đã uyển chuyển tùy duyên kết hợp nghi thức Phật giáo Đại thừa ứng dụng vào trong Phật giáo Tiểu thừa để giáo hóa nhân tâm.

## **2.2. Dòng thiền Liễu Quán**

Cho đến nay, chúng ta chưa có sử liệu chính thức về các thiền sư dòng Liễu Quán hoằng hóa tại Quảng Bình trước đây. Tuy nhiên, hiện tại ở chùa Quan Âm (xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch) còn lưu

giữ 4 văn bản Phái Quy Y, trong đó có 3 văn bản có ghi kệ phái dòng Liễu Quán. Tất cả các tờ phái này đều ghi tên Ưu-bà-tắc Trần Đình Phúc pháp danh Huệ Trinh tự Huyền An. Tuy nhiên, lòng phái nào cũng chỉ ghi 4 câu đầu của bài kệ dòng Liễu Quán và hầu như đều có sự nhầm lẫn<sup>(3)</sup>.



Phái quy y dòng Lâm Tế Liễu Quán hiện lưu tại chùa Quan Âm, huyện Bồ Trạch, Quảng Bình

*Ảnh Không Nhiên*

Qua bốn văn bản này, ta có thể đoán định rằng ông Trần Đình Phúc pháp danh Huệ Trinh tự Huyền An là một thầy pháp đúng nghĩa hơn là một Tăng nhân hay cư sĩ thuần thành Phật giáo. Có thể do ảnh hưởng đạo đức của các bậc cao Tăng dòng Liễu Quán tại Thuận Hóa mà ông phát nguyện quy y Tam Bảo. Tuy nhiên, trong các lòng phái đều không đề tên thầy Bôn sư truyền giới và pháp danh bắt đầu bằng chữ **Huệ** không có trong kệ pháp của dòng Liễu Quán.



### 2.3. Dòng Thập Thập

Tổ sư Nguyên Thiều thọ giáo hai dòng pháp, một của tổ Vạn Phong Thời Ủy và một của tổ Đạo Môn Mộc Trần. Cả hai ngôi tổ đình lớn của miền Trung là Thập Thập (Bình Định) và Quốc Ân (Huế) đều được ngài song song truyền thừa hai dòng kệ này. Về sau, nhánh tổ đình Thập Thập truyền theo kệ của tổ Vạn Phong Thời Ủy<sup>(4)</sup> nên gọi là dòng Thập Thập; nhánh tổ đình Quốc Ân truyền theo kệ của tổ Đạo Môn Mộc Trần<sup>(5)</sup> nên gọi là dòng Quốc Ân.



**Mộc bản phái quy y dòng Lâm Tế Đạo Môn Mộc Trần  
hiện lưu tại nhà thầy Hồ Hằng Hới, huyện Bố Trạch, Quảng Bình**

*Ảnh Không Nhiên*

Hiện nay tại chùa Phổ Minh, thành phố Đồng Hới tỉnh Quảng Bình còn phụng thờ long vị của tổ sư Liễu Đạo Từ Niệm trụ trì chùa Sắc tứ Minh Đức<sup>(6)</sup>. Lòng vị ghi như sau: “*Sắc tứ Minh Đức tự từ tổ đệ tam thập thất đại hỷ LIỄU ĐẠO hiệu TỪ NIỆM Tổ sư Giác linh chi vị*”.

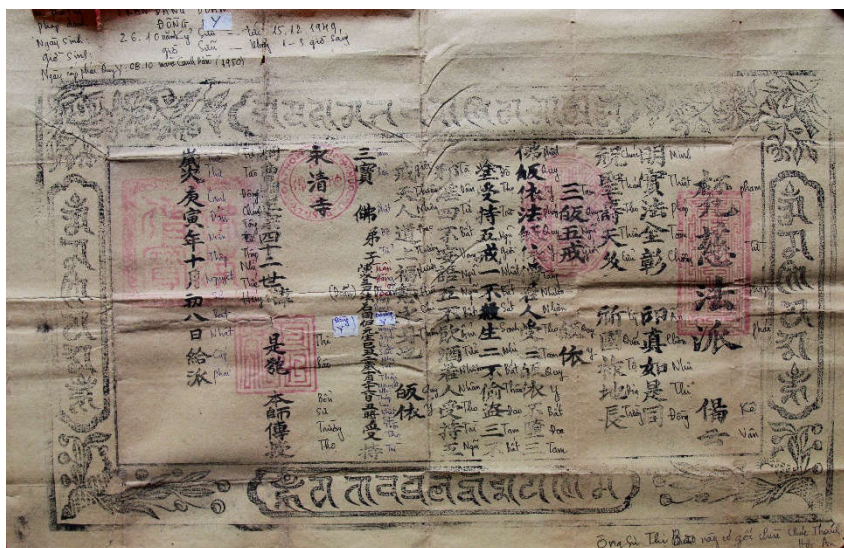
Như vậy, thiền sư Liễu Đạo Từ Niệm thuộc đời 37 dòng phái Thập Thập đã có mặt tại Quảng Bình để hoằng pháp vào khoảng đời Minh Mạng hoặc Thiệu Trị. Có thể ngài là đệ tử của Thiền sư Tế Chánh Bồn Giác - Tăng cang chùa Thiên Mụ, Huế. Thập mộ, tự tích hành trạng của ngài hoàn toàn không còn.

## 2.4. Dòng Chúc Thánh

Dòng thiền Chúc Thánh được tổ Minh Hải Pháp Bảo khai sáng tại tỉnh Quảng Nam vào những năm đầu thế kỷ XVIII, phát triển mạnh vào các tỉnh phía Nam, đến đầu thế kỷ XX dòng thiền này mới có mặt tại tỉnh Quảng Bình.

Nguyên nhân là vào những năm đầu thế kỷ XX tại làng Lý Hòa, xã Hải Trạch, huyện Bố Trạch có một ông hương kiểm mà tục danh gọi là ông Kiểm Ôi. Ông này thường vào miền Nam buôn bán, về sau xuất gia với thiền sư Chơn Thanh Từ Văn tại chùa Hội Khánh tỉnh Bình Dương. Sau khi thọ giới, ông Kiểm Ôi trở lại quê nhà tu tập tại chùa Vĩnh Phước.

Tại chùa Quan Âm (Đức Trạch, Bố Trạch) hiện có thờ một ngôi long vị được chuyển đến từ chùa Vĩnh Phước trước đây. Nội dung long vị ghi: “*Nam kỳ Hội Khánh tự Lâm Tế chánh tông tam thập cửu thế húy thượng ÁN hạ LONG hiệu THIÊN QUÔI Hòa thượng Tổ Sư (Thập nguyệt nhị ngũ chánh kỳ) và Tứ thập thế húy thượng CHƠN hạ THANH hiệu TỪ VĂN Quốc Ân Đại Hòa thượng (Thập nhất nguyệt nhị thập lục chánh kỳ)*”<sup>(7)</sup>.



Phái quy y dòng Lâm Tế Chúc Thánh hiện tôn phụng  
tại chùa Quan Âm, huyện Bố Trạch, Quảng Bình

Ảnh Không Nhiên

Có lẽ ngôi long vị này do chính ông Kiểm Ôi phụng lập để thờ chung Bốn sư Chơn Thanh Từ Văn (đời 40 dòng Chúc Thánh) và Sư ông Ấn Long Thiện Quới [Quý] (đời 39 dòng Chúc Thánh) sau khi từ Bình Dương trở về quê Quảng Bình hành đạo. Và như vậy, nếu ông Kiểm Ôi xuất gia với Hòa thượng Chơn Thanh Từ Văn thì chắc hẳn ông phải có pháp danh đứng đầu là chữ “Như”<sup>(8)</sup>, thuộc đời 41 dòng Chúc Thánh.

Về sau, có lẽ thầy Kiểm Ôi đã cùng với đệ tử của mình, ngài Thị Bào Tâm Nhon lập một ngôi chùa ở làng Trung Đức (xã Đức Trạch, Bố Trạch) lấy tên là “Vĩnh Thanh tự”. Sau khi thầy Kiểm Ôi viên tịch, ngài Thị Bào Tâm Nhon tiếp tục kế thừa trụ trì cả hai ngôi chùa này (Vĩnh Phước và Vĩnh Thanh). Trải qua chiến tranh ly loạn nên không còn lưu lại nhiều tự tích. Chúng ta chỉ biết được ngài Thị Bào Tâm Nhon có một đệ tử vào hành đạo tại Lâm Đồng, đó là cô Hòa thượng Thích Thiện Phước, pháp danh Đồng Quả hiệu Trang Nghiêm, nguyên Phó Ban trị sự kiêm Giám luật Giáo hội Phật giáo tỉnh Lâm Đồng. Và tại đình làng Lý Hòa (Hải Trạch, Bố Trạch) hiện chúng tôi còn tìm thấy một tờ phái quy y<sup>(9)</sup> (bản dập từ ván khắc) mà ngài cấp cho đệ tử Trần Đăng Doãn pháp danh Đồng Y vào ngày mùng 8 tháng 10 năm Canh Dần [1950]<sup>(10)</sup>.

Vào thập niên 80 của thế kỷ XX, ngài Thị Bào Tâm Nhon viên tịch, đệ tử không có người kế thừa nên cả hai ngôi chùa đó cũng dần mai một. Vị đệ của ngài (Trần Đăng Doãn pháp danh Đồng Y) hiện vẫn đang sinh sống tại xã Đức Trạch (Bố Trạch).

### **2.5. Dòng Quốc Ân**

Khi nói đến Phật giáo Quảng Bình, phải nói đến sự đóng góp tích cực của dòng Quốc Ân trong phong trào chấn hưng Phật giáo. Chúng ta được biết vào năm Minh Mạng thứ 6 [1825], thiền sư Tiên Ngô Gia Hội, đệ tử thiền sư Tổ Ấn Mật Hoàng truyền thừa đời 37 tông Lâm Tế đã trùng hưng cổ tự Kim Phong trên núi Thần Đinh. Đồng thời, Quảng Bình cũng chính là quê hương của các thiền sư

Như Thông Đắc Ân (trụ trì chùa Quốc Ân và Thiên Mục); Như Đông Đắc Quang (trụ trì chùa Quốc Ân)... là những bậc danh Tăng của Phật giáo xứ Huế đầu thế kỷ XX. Chính nhị vị Tổ sư Đắc Ân, Đắc Quang đã un đúc tác thành giới thân huệ mạng cho Hòa thượng Hồng Tuyên Chánh Giáo, người đóng vai trò then chốt trong phong trào chấn hưng Phật giáo tại Quảng Bình.

Sau khi vào thọ giáo tu học với thiền sư Như Thông Đắc Ân tại chùa Quốc Ân (Huế), Hòa thượng Hồng Tuyên đã trở về quê nhà làng Đức Phổ, xã Đức Ninh, huyện Quảng Ninh (nay là thôn Đức Trường, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới) khai sơn chùa Phổ Minh vào năm 1920 để tu tập và hành đạo. Từ đây, chùa Phổ Minh trở thành trung tâm đào tạo Tăng tài, góp phần không nhỏ cho phong trào chấn hưng Phật giáo Quảng Bình nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung.

Di chỉ của dòng Quốc Ân hiện còn lưu giữ được tại Quảng Bình gồm ba tư liệu quý: (1) Mộc bản điệp thể độ<sup>(11)</sup>; (2) Điệp đàn Tỳ-kheo<sup>(12)</sup> của thiền sư Lê Hương; (3) Bảng “Chánh pháp nhãn tạng”<sup>(13)</sup> của thiền sư Lê Hương.

**a. Về “Mộc bản điệp thể độ”:** đây là bản khắc gỗ dùng để in phái cấp cho đệ tử xuất gia, có kích thước: dài 55cm, rộng 37cm, dày 5cm; gồm 2 mặt: mặt trước khắc nội dung lòng điệp thể độ có dẫn nguyên dòng kệ phái Quốc Ân; mặt sau chỉ thấy chạm khắc đường viền xung quanh, lòng để trống.

#### ***b. Về điệp đàn Tỳ-kheo của thầy Lê Hương***

Điệp đàn được in trên tờ giấy dó khổ lớn, kích thước 50,5cm x 40cm, được trang trí một cách trang trọng. Viền trên khắc hai con rồng châu vào nhau, hai bên dọc xuống cũng khắc hai con rồng, viền dưới thì khắc hình hoa sen.

Kích thước, cách bài trí và nội dung lòng điệp cũng khác hẳn những bản “Hộ Giới điệp” mà ta thường thấy ở Huế. Bên phải lòng

điệp là dòng chữ: “*Phổ Minh tự Giáo hội Tăng già An cư lập Giới hương trường*”. Bên trái lòng điệp có dòng chữ: “*Phật lịch nhị thiên ngũ bách thập ngũ niên, tuế thứ nhâm thìn thất nguyệt thập ngũ nhật*”. Như vậy bản giới điệp này được Hòa thượng Hồng Tuyên cho khắc in trong lần mở Đại giới đàn vào ngày 15 tháng 7 âm lịch năm Nhâm Thìn [1952] tại chùa Phổ Minh sau khi mãn hạ ba tháng an cư của chư Tăng.

Thành phần **Hội đồng Thập sư** như sau:

**Đường đầu:** Hòa thượng Hồng Tuyên Chánh Giáo Từ Thông

**Yết-ma A-xà-lê:** Hòa thượng Từ Tường

**Giáo thọ A-xà-lê:** Hòa thượng Huyền Cơ

**Tôn chứng:** Đệ nhất: Đại sư Thiên Hải; Đệ nhị: Đại sư Thiên Chơn; Đệ tam: Đại sư Thiên Quang; Đệ tứ: Đại sư Thiên Viên; Đệ ngũ: Đại sư Pháp Tạng; Đệ lục: Đại sư Đồng Chơn; Đệ thất: Đại sư Thiên Ấn.

**Dẫn thỉnh:** Đệ nhất: Đại sư Thiên Phong; Đệ nhị: Đại sư Thiên Thâm; Đệ tam: Đại sư Diệu Hạnh; Đệ tứ: Đại sư Diệu Thế.

Căn cứ vào hồng danh Tam sư, Thất chứng và Tứ vị dẫn thỉnh, ta thấy có đến 7 vị đệ tử của Hòa thượng Hồng Tuyên<sup>(14)</sup> tham dự vào Hội đồng thập sư, trong đó có 5 vị ở ngôi Tôn chứng và 2 vị ở ngôi Dẫn thỉnh. Điều này chứng tỏ rằng, từ năm 1920 đến năm 1952, hơn 30 năm nỗ lực đào tạo Tăng tài, Hòa thượng Hồng Tuyên đã đào tạo được nhiều đệ tử xuất sắc am tường giới luật nên được mời tham dự vào Hội đồng thập sư tại giới đàn này.

### **c. Về bảng “Chánh pháp nhãn tạng” của thầy Lê Hương**

Đây là bảng “Chánh pháp nhãn tạng” do thiền sư Nhật Tường Quảng Phát Thiên Chơn phú pháp cấp cho đệ tử Lê Hương Quảng Thọ Vĩnh Hưng vào ngày 15 tháng 01 năm Kỷ Dậu [1969].

Bảng “Chánh pháp nhãn tạng” còn khá mới, được bảo quản rất cẩn thận tại gia đình thầy Hồ Đăng Hới (pháp danh Trung Cảnh,

đệ tử thầy Lê Hương) tại thôn Trung Đức, xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch. Về nội dung, có hai điểm trong bảng “Chánh pháp nhãn tạng” này chúng ta cần bàn như sau:

- **Thứ nhất:** Thế thứ các đời pháp không đúng với kệ dòng Quốc Ân. Căn cứ vào pháp kệ dòng Quốc Ân thì các đời pháp có chữ **Như** (đời 39), chữ **Hồng** (đời 40), chữ **Nhật** (đời 41), chữ **Lệ** (đời 42). Tuy nhiên trong bảng “Chánh pháp nhãn tạng” này lại ghi là: **Như** (đời 42); **Hồng** (đời 43), **Nhật** (đời 44), **Lệ** (đời 45), tức chênh lệch tới 4 đời.

Sở dĩ có sự chênh lệch này là do ngài **Như Diệu** cầu pháp với Hòa thượng Thanh Thái Phước Chỉ chùa Tường Vân (Huế) nên có pháp hiệu **Tĩnh Diệu** (đồng hàng với các ngài Tịnh Nhãn, Tịnh Hạnh, Tịnh Khiết...). Vì thế, trong bảng “Chánh pháp nhãn tạng” ghi thế thứ tính theo pháp kệ dòng Liễu Quán chứ không tính theo pháp kệ dòng Quốc Ân.

- **Thứ hai:** Về mối liên hệ giữa Hòa thượng Tịnh Diệu và Hòa thượng Hồng Tuyên: theo sử liệu cho biết, Hòa thượng Hồng Tuyên xuất gia tại chùa Quốc Ân với Tổ sư Đắc Ân<sup>(15)</sup>. Tuy nhiên ở bảng “Chánh pháp nhãn tạng” này không thấy ghi tên ngài Đắc Ân trước ngài Hồng Tuyên mà ghi ngài Như Diệu Tịnh Diệu. Như vậy, giữa Hòa thượng Như Diệu Tịnh Diệu và Hòa thượng Hồng Tuyên Từ Thông có mối liên hệ như thế nào?

Được biết, các ngài xuất thân từ Tổ đình Quốc Ân gồm có: Như Hán, Như Thông, Như Diệu, Như Đông..., và đều là đệ tử của thiền sư Minh Đức Bửu Tích (trụ trì Quốc Ân, Tăng cang Thiên Mục)<sup>(16)</sup>. Sau khi bốn sư viên tịch, ngài Như Hán y chỉ với tổ Hải Thiệu Cương Kỷ nên còn có pháp danh Thanh Hy hiệu Nguyên Cát; các ngài Như Thông, Như Đông y chỉ lại sư huynh Như Hán nên có pháp hiệu Đắc Ân, Đắc Quang; còn ngài Như Diệu y chỉ Tổ sư Thanh Thái Phước Chỉ chùa Tường Vân nên có pháp hiệu Tịnh Diệu. Vì thế, trong các bảng “Chánh pháp nhãn tạng” có ghi ngài

Minh Đức Bửu Tích trở về trước nên chúng ta không thể truy nguyên sự truyền thừa của dòng Quốc Ân từ tổ Nguyên Thiệu xuống đến các ngài Như Hán, Như Diệu, Như Thông, Như Đông... như vừa nêu.

Ngài Tịnh Diệu từng được Bộ Lễ Nam triều cử làm trụ trì chùa Thiền Lâm, Huế. Tại đây còn bảo tháp và long vị thờ ngài. Văn bia bảo tháp cho ta biết ngài viên tịch vào mùa xuân năm Giáp Ngọ [1954]. Lòng long vị thờ tại bàn tổ ghi: *“Sắc tứ trụ trì trùng hưng Thiền Lâm tự tứ Lâm Tế tứ thập nhị thế thượng NHƯ hạ DIỆU húy VĨNH THỪA hiệu TỊNH DIỆU Đại sư Giác linh tọa vị”*.

Như vậy, căn cứ vào bảng “Chánh pháp nhãn tạng” trên cho chúng ta biết: Hòa thượng Hồng Tuyên là đệ tử xuất gia của ngài Như Thông Đắc Ân và là đệ tử cầu pháp của ngài Như Diệu Tịnh Diệu.

### **3. Kết luận:**

Qua khảo sát cho thấy, trong quá khứ Phật giáo Quảng Bình đã có sự hiện diện đầy đủ của các dòng phái tông Lâm Tế, và chính các dòng thiền ấy đã góp phần không nhỏ dệt nên những trang sử huy hoàng của Phật giáo Quảng Bình.

Tùy vào từng giai đoạn lịch sử mà mỗi dòng phái đều đóng vai trò nhất định trong sự hình thành, phát triển của Phật giáo Quảng Bình. Theo đó, kể từ đầu thế kỷ XIV đến khoảng năm 1633<sup>(17)</sup> (thời kỳ du nhập và phát triển), có thể dòng thiền Trúc Lâm đóng vai trò chủ đạo ở đây; từ 1633 đến khoảng 1825<sup>(18)</sup> là giai đoạn hưng thịnh của dòng Trí Bản Đột Không và dòng Thập Tháp tại Quảng Bình; từ 1825 đến 1968<sup>(19)</sup> là giai đoạn dòng Quốc Ân và dòng Chúc Thánh đóng vai trò chấn hưng, trong đó dòng Quốc Ân giữ vai trò chủ đạo; khoảng từ 1968 đến 2008 là giai đoạn thoái trào của Phật giáo Quảng Bình; và từ 2009 đến nay, với sự ra đời của Ban trị sự Phật giáo tỉnh, Phật giáo Quảng Bình đang được hồi sinh.

Mặc dù Phật giáo Quảng Bình đã trải qua những giai đoạn cam go như vậy, nhưng rất may chính nhờ có những vị sư ứng phú tại gia mà hạt mầm bồ-đề vẫn còn được ấp ủ trên mảnh đất này, đó là điều hết sức trân quý. Chính nhờ sự gia tâm gìn giữ những đốm lửa còn lại của các vị ấy mà hôm nay chúng ta mới còn cơ duyên để tiếp cận những văn bản, tư liệu quý hiếm, điều mà ai cũng ngỡ sẽ không bao giờ tìm thấy trên đất Quảng Bình.

### Chú thích:

- [1]. Thiền sư Trí Bản Đột Không đời pháp thứ 25 tông Lâm Tế. Sư xuất kệ truyền pháp như sau:

*Trí Tuệ Thanh Tịnh  
Đạo Đức Viên Minh  
Chân Như Tánh Hải  
Tịch Chiếu Phổ Thông  
Tâm Nguyên Quảng Tục  
Bốn Giác Xương Long  
Năng Nhân Thánh Quả  
Thường Diễn Khoan Hoàng  
Duy Truyền Pháp Ấn  
Chánh Ngộ Hội Dung  
Kiên Trì Giới Định  
Vĩnh Kế Tổ Tông.*

Từ trước đến nay có nhiều tư liệu cho rằng ngài Trí Bản Đột Không đời 21 hoặc 28 tông Lâm Tế. Nhưng căn cứ vào cuốn *Phật Tổ Tâm Đứng* thì ngài thuộc đời 25 tông Lâm Tế. Chúng tôi thấy rằng tư liệu này chính xác hơn.

- [2]. Các bài vị này mới được khắc lại trên các tấm đá granit, ghi nhầm khá nhiều chỗ.  
[3]. **Tờ phái thứ nhất** được ghi ngày mùng 10 tháng 10 năm Kỷ Tỵ [1929], bốn câu đầu của kệ pháp Liễu Quán tờ phái này ghi nhầm chữ **Quảng** thành chữ **Bác** và đảo ngược chữ **Thanh Trùng** thành **Trùng Thanh**.

- **Tờ phái thứ 2** được ghi ngày 24 tháng 6 nhuận năm Canh Ngọ (Căn cứ vào cuốn lịch Vạn Niên của Lê Quý Ngu, chúng tôi tra ra năm Canh Ngọ có tháng 6 nhuận là năm 1930. Từ đó suy ra các năm Kỷ Tỵ [1929]; Giáp Thân [1944] và Ưu-bà-tắc Trần Đình Phúc pháp danh Huệ Trinh tự Huyền An sống vào giai đoạn



này). Ở lòng phái này người ghi đã sai đến ba lỗi: đảo lộn hai chữ **Thanh Trùng** thành **Trùng Thanh**; ghi nhầm chữ **Quảng** thành chữ **Phổ**; ghi nhầm chữ **Phong** thành chữ **Bi**.

- **Tờ phái thứ 3** được ghi ngày mồng 10 tháng 7 năm Giáp Thân [1944]. Ở lòng phái này đã ghi sai chữ **Quảng** thành ra chữ **Bác**.

- **Tờ phái thứ 4** được ghi ngày 17 tháng 11 năm Canh Ngọ [1930]. Trong lòng phái này không ghi pháp kệ tổ Liễu Quán mà có tính cách như một sắc dụ phong chức trong Đạo giáo.

- [4]. Bài kệ của tổ Vạn Phong Thời Ủy:

*Tổ Đạo Giới Định Tông*

*Phương Quảng Chứng Viên Thông*

*Hành Siêu Minh Thiệt Tế*

*Liễu Đạt Ngộ Chơn Không.*

- [5]. Bài kệ của tổ Đạo Môn Mộc Trần:

*Đạo Bốn Nguyên Thành Phật Tổ Tiên*

*Minh Như Hồng Nhật Lệ Trung Thiên*

*Linh Nguyên Quảng Nhuận Từ Phong Phổ*

*Chiếu Thế Chơn Đăng Vạn Cổ Truyền.*

- [6]. Chùa này hiện không còn.

- [7]. Long vị hiện được phụng thờ tại chùa Quan Âm, xã Đức Trach, huyện Bố Trạch.

- [8]. Trải qua chiến tranh, chùa Vĩnh Phước đã hoang tàn (nay vừa được trùng tu) nên tự tích về ngài Kiểm Ôi không truy tầm được, chưa xác định được thể danh cũng như Pháp danh, pháp hiệu của ngài.

- [9]. Lá phái này hiện được lưu giữ tại đình làng Lý Hòa, xã Hải Trạch, huyện Bố Trạch.

- [10]. Ở tờ phái quy y này có hai điều đáng quan tâm:

- **Thứ nhất:** Tờ phái ghi tên chùa là “Vĩnh Thanh tự” nhưng lại đóng dấu “Vĩnh Phước tự, Lý Hòa thôn”. Điều này xác quyết rằng chùa Vĩnh Thanh có mối liên hệ mật thiết với chùa Vĩnh Phước.

- **Thứ hai:** Nơi dòng ghi Bốn sư truyền thọ được khắc ghi như sau: “Tự Tào Động chánh tông tứ thập nhị thế hỷ THỊ BẢO Bốn sư truyền thọ”. Cách ghi này có lẽ do sự nhầm lẫn của thầy Kiểm Ôi hoặc ngài Thị Bào Tâm Nhơn, bởi phần trước thì khắc bài kệ của tổ Minh Hải Pháp Bảo nhưng phần sau thì ghi là “Tào Động chánh tông”.

- [11]. Mộc bản này đang được lưu giữ tại nhà thầy Hồ Đăng Hới (pháp danh Trung Cảnh, đệ tử ngài Lệ Hương).

- [12]. “Điệp Đàn Tỳ-kheo” này hiện được trân tàng tại chùa Quan Âm.

- [13]. Bảng “Chánh Pháp Nhân Tạng” hiện được trân tàng tại nhà thầy Hồ Đăng Hới (đệ tử ngài Lê Hương).
- [14]. Hòa thượng Hồng Tuyên phú pháp cho đệ tử bằng chữ THIỀN đứng đầu. Vì thế các vị có pháp hiệu chữ THIỀN đều là đệ tử của ngài.
- [15]. *Trí Quang Tự Truyện*, trang 14, Nxb. TP.HCM, 2011.
- [16]. Hiện nay vẫn chưa có tư liệu nào ghi lại hành trạng của tổ Minh Đức Bửu Tích.
- [17]. Túc tính từ khi Phật Hoàng Trần Nhân Tông đến trại Bồ Chính năm 1301; còn mốc 1633 là thời điểm ngài Viên Vãn Chuyết Chuyết ra Bắc hành hóa và có dừng chân lại Thanh Hóa; đó chính cũng là thời điểm ngài Chân Như Đà Lâm được Hân Thọ hầu Hà Phúc Chính - cháu nội của vị khai canh thôn Xuân Mai (xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa) thỉnh rước từ Thanh Hóa vào đây hành đạo.
- [18]. Tạm tính từ thời ngài Viên Vãn Chuyết Chuyết du Bắc đến năm ngài Tiên Ngộ Gia Hội trùng hưng lại chùa cổ trên núi Thần Đinh.
- [19]. Từ mốc ngài Tiên Ngộ Gia Hội tái lập chùa Kim Phong cho đến khi ngài Hồng Tuyên Từ Thông - người đóng vai trò then chốt trong phong trào chấn hưng Phật giáo Quảng Bình tiền bán thế kỷ XX viên tịch.

## LỊCH ĐẠI TỔ SƯ TRÚ TRÌ CHÙA QUỐC ÂN<sup>5</sup>

Tổ đình Quốc Ân là ngôi tổ đình đầu tiên của dòng Thiền Lâm Tế tại Đàng Trong. Chùa được Tổ sư Nguyên Thiệu Thọ Tông đời 33 tông Lâm Tế khai sơn vào năm 1683 tại xứ Thuận Hóa. Tính từ khi Tổ sư Nguyên Thiệu khai sơn đến nay, Tổ đình Quốc Ân đã trải qua 333 năm với cả thảy 17 đời trú trì. Từ nơi đây, các đệ tử của Tổ sư Nguyên Thiệu Thọ Tông đã hoằng hóa khắp các tỉnh miền Trung và miền Nam, xây dựng nền tảng cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam về sau.

Vì thế, việc tìm hiểu về hành trạng lịch đại trú trì chùa Quốc Ân là một việc làm cần thiết để tỏ tường hơn về công hạnh của chư Tổ cũng như sự truyền thừa của ngôi Tổ đình lịch sử này.



Toàn cảnh tổ đình Quốc Ân, thành phố Huế

*Ảnh Không Nhiên*

### A. Các đời trú trì chùa Quốc Ân

#### 1. Thiền sư Nguyên Thiệu Thọ Tông [1648-1728]

Thiền sư pháp danh Nguyên Thiệu, hiệu Thọ Tông hay còn có pháp danh khác là Siêu Bạch, hiệu Hoán Bích, nổi pháp đời 33 tông

<sup>5</sup> Đăng trên Tạp chí Liễu Quán số 08, NXB Thuận Hóa 2016

Lâm Tế, truyền thừa cả hai pháp kệ của phái Tổ Định Tuyết Phong và phái Đạo Môn Mộc Trần.

Ngài họ Tạ, sinh ngày 18 tháng 5 năm Mậu Tý [1648] tại Trình Hương, Triều Châu, Quảng Đông, Trung Quốc. Ngài xuất gia và đắc



**Pháp tướng tổ sư  
Nguyên Thiều Siêu Bạch (1648-1728):  
Khai sơn Tổ đình Quốc Ân  
*Ảnh Không Nhiên***

pháp với Thiền sư Bồn Quả Khoáng Viên hay còn gọi là Hành Quả Khoáng Viên tại chùa Báo Tư. Năm 1677, Ngài sang Việt Nam lập chùa Thập Tháp ở tỉnh Bình Định. Đến năm 1683 Ngài ra Phú Xuân lập chùa Quốc Ân và sau đó được chúa Nguyễn sắc dụ trú trì chùa Hà Trung.

Ngài viên tịch vào ngày 19 tháng 10 năm Mậu Thân [1728], hưởng thọ 81 tuổi. Tháp mộ được kiến lập tại xứ Cửa Hóa, Huế.

Sau khi Ngài viên tịch, Quốc chúa Nguyễn Phúc Chú đã ngự tứ văn bia và ban cho hiệu là Hạnh Đoan Thiền sư.

Long vị thờ tại Quốc Ân ghi: “敕賜國恩堂上臨濟正宗三十三世諱元韶上壽下宗謚行端老和尚猊座” (Sắc Tứ Quốc Ân Đường thượng Lâm Tế chánh tông Tam thập tam thế hựu Nguyên Thiều thượng Thọ hạ Tông thụy Hạnh Đoan lão Hòa thượng nghệ tòa).

Thiền sư Nguyên Thiều Thọ Tông hay còn gọi là Siêu Bạch Hoán Bích được tôn xưng là Sơ tổ của dòng Lâm Tế tại Đàng Trong.

Các đệ tử của Ngài đã hành đạo khắp các tỉnh thành ở Đàng Trong thời bấy giờ như: Minh Hằng Định Nhiên (trú trì chùa Quốc Ân, Huế); Minh Trí Thiện An (trú trì chùa Tây Thiên, Huế); Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo (khai sơn chùa Chúc Thánh, Quảng Nam); Minh Lượng Thành Đăng Nguyệt Ân (khai sơn chùa Phổ Bảo<sup>(1)</sup>, Bình Định); Minh Dung Thành Chí Pháp Thông (khai sơn chùa Hoàng Long); Minh Giác Thành Đạo Kỳ Phương (trú trì chùa Thập Tháp, Bình Định); Minh Vật Nhất Tri (khai sơn chùa Kim Cang, Đồng Nai); Thành Nhạc Ân Sơn (khai sơn chùa Châu Thới, Bình Dương); Thành Ngộ Nghiêm Am (trú trì chùa Linh Thứu); Thành Duyệt (khai sơn chùa Quang Yên<sup>(2)</sup>, Quảng Nam).

Từ nơi Ngài, phái thiền Lâm Tế phát triển sâu rộng tại Đàng Trong và Quốc Ân trở thành Tổ đình chính của tông Lâm Tế tại Việt Nam.

## **2. Thiền sư Minh Hằng Định Nhiên [? -1793]**

Thiền sư pháp danh Minh Hằng, hiệu Định Nhiên nổi pháp đời 34 tông Lâm Tế theo kệ phái Tổ Đình Tuyết Phong. Ngài là đệ tử của Thiền sư Nguyên Thiều Siêu Bạch và kế thừa trú trì chùa Quốc Ân sau khi Bôn sư viên tịch vào năm 1728. Như vậy, thời gian Ngài trú trì Quốc Ân cả thảy 64 năm cho đến ngày viên tịch vào năm 1793. Dưới thời Ngài trú trì, diện tích đất ruộng chùa Quốc Ân lên đến 10 mẫu. Tuy nhiên vào lúc cuối đời Ngài, Tây Sơn binh hỏa và chùa Quốc Ân bị điêu tàn trong chiến tranh. Thiền sư Minh Hằng Định Nhiên viên tịch vào năm Quý Sửu [1793]. Tháp mộ Ngài ban đầu được lập cạnh tháp Tổ Nguyên Thiều. Đến năm 2001, vì nhà nước phóng đường nên được cải táng về khu mộ tháp chùa Quốc Ân tại Hòn Thiên (núi Bân). Hằng năm kỵ Ngài vào ngày 26 tháng 10 âm lịch, long vị thờ tại Tổ đường Quốc Ân ghi: “嗣臨濟正宗三十四世諱明恒上定下然大老和尚覺靈貌座” (Tự Lâm Tế chánh công Tam thập tứ thế húy Minh Hằng thượng Định hạ Nhiên Đại lão Hòa thượng Giác linh nghệ tòa).

Đệ tử của Ngài có các vị như: Phật Thuận Quảng Đức, Phật Tánh Phước Thành, Thiệt Tánh Trí Hải...v.v, trong đó các ngài Phật Thuận Quảng Đức và Thiệt Tánh Trí Hải kế nhau trú trì chùa Quốc Ân.

### **3. Thiền sư Phật Thuận Quảng Đức<sup>(3)</sup> [ ? - ? ]**

Thiền sư pháp danh Phật Thuận, hiệu Quảng Đức, nổi pháp đời 35 tông Lâm Tế theo kệ phái Đạo Môn Mộc Trần. Ngài là đệ tử của Thiền sư Minh Hằng Định Nhiên<sup>(4)</sup>. Ngài kế thừa Bồn sư trụ trì chùa vào năm 1793 và tịch năm nào không rõ. Có thể Ngài tịch sau Bồn sư không lâu và trong thời Tây Sơn binh lửa nên tự tịch không được ghi tường tận.

Mộ tháp Ngài nằm phía trước trong vườn chùa, không có long vị tại Tổ đường nhưng tự phổ có ghi pháp danh và pháp hiệu của Ngài như sau: “三十五世諱佛順上廣下德大師” (Tam thập ngũ thế huý Phật Thuận thượng Quảng hạ Đức Đại sư).

Ngài có các đệ tử như: Tổ Trạm Chí Toàn; Tổ Chơn Đức Bồn; Tổ Hiện Chí Từ; Tổ Thể Nhật Minh; Tổ Thắng Thiên Tọa...v.v, có ghi trong tự phổ nhưng không thấy long vị thờ cũng như mộ tháp.

### **4. Thiền sư Thiệt Tánh Trí Hải [ ?-1805 ]**

Thiền sư pháp danh Thiệt Tánh hiệu Trí Hải nổi pháp đời 35 tông Lâm Tế theo kệ phái Tổ Định Tuyệt Phong. Ngài là đệ tử của Thiền sư Minh Hằng Định Nhiên và kế nghiệp Sư huynh Phật Thuận Quảng Đức trú trì chùa Quốc Ân.

Sau khi Gia Long phục quốc, vào năm Ất Sửu [1805], công chúa Long Thành pháp danh Tế Minh hiệu Thiên Nhật theo lời chỉ dạy của Bồn sư là Hòa thượng Thiệt Thành Liễu Đạt phát tâm cúng dường 300 lạng bạc để đại trùng tu chùa Quốc Ân. Tuy nhiên, công việc trùng tu vừa khởi sự thì Ngài viên tịch, mộ tháp lập trong khuôn viên chùa Quốc Ân. Long vị thờ tại Tổ đường ghi: “嗣臨濟正宗第三十五世重興國恩諱實性字智海謚勤信覺靈之位”

(Tự Lâm Tế chánh tông Tam thập ngũ thế trùng hưng Quốc Ân hỷ Thiệt Tánh hiệu Trí Hải thụ Cẩn Tín Giác linh chi vị).

Đệ tử của Ngài ghi trong tự phổ có Tế Lịch Chánh Văn và Tế Đạt Phước Châu. Trong đó, đệ tử Tế Lịch Chánh Văn kế thừa Ngài trụ trì chùa Quốc Ân.

### **5. Thiền sư Tế Lịch Chánh Văn [ ?-1817]**

Thiền sư pháp danh Tế Lịch, hiệu Chánh Văn, nối pháp đời 36 tông Lâm Tế theo kệ phái Tổ Định Tuyết Phong. Ngài là đệ tử của Thiền sư Thiệt Tánh Trí Hải và kế nghiệp Thầy trụ trì chùa Quốc Ân đồng thời cũng là người thừa đương công việc trùng tu chùa Quốc Ân vừa được khởi xướng. Thiền sư trụ trì chùa Quốc Ân được 12 năm và viên tịch vào năm Đinh Sửu [1817]. Mộ tháp Ngài cải táng một lần với tháp Tổ Minh Hằng Định Nhiên về khu vực mộ tháp chùa Quốc Ân tại Hòn Thiên (núi Bân), long vị thờ tại Tổ đường ghi: “嗣臨濟正宗第三十六世諱際喲上正下聞大師之位” (Tự Lâm Tế chánh tông Đệ tam thập lục thế hỷ Tế Lịch thượng Chánh hạ Văn Đại sư chi vị).

Đệ tử của Ngài có Liễu Thông Huệ Giám về sau tiếp tục trụ trì chùa Quốc Ân.

### **6. Thiền sư Tổ Ấn Mật Hoằng [1754-1825]**

Thiền sư pháp danh Tổ Ấn, hiệu Mật Hoằng nối pháp đời 36 tông Lâm Tế theo kệ phái Đạo Mân Mộc Trần. Ngài họ Nguyễn, sinh quán tại Phù Cát, Bình Định và là đệ tử của Thiền sư Phật Ý Linh Nhạc tại chùa Đại Giác, Biên Hòa. Ngài được vua Gia Long triệu ra Kinh đô Thuận Hóa phong chức Tăng cang chùa Thiên Mụ vào năm 1814. Cũng trong năm này, Ngài mở Giới đàn tại chùa Thiên Mụ. Năm 1817, sau khi Thiền sư Tế Lịch Chánh Văn viên tịch, Ngài được bổ làm trụ trì và có công rất lớn trong việc trùng tu kiến chùa Quốc Ân. Ngoài ra Ngài còn có công trong việc trùng tu các Tổ đình thuộc pháp phái Nguyên Thiều như chùa Thập Tháp ở

Bình Định; chùa Từ Ân ở Gia Định, chùa Đại Giác ở Biên Hòa...v.v. Đệ tử của Ngài rất nhiều và hành đạo khắp các tỉnh thành từ miền Trung cho đến miền Nam thời bấy giờ.

Thiền sư sinh năm Giáp Tuất [1754] và thị tịch vào ngày mùng 1 tháng 10 năm Ất Dậu [1825], thọ 73<sup>(5)</sup> tuổi. Bảo tháp được lập sau chùa Quốc Ân, long vị thờ tại Tổ đường ghi: “敕賜天姥住持重建國恩臨濟正宗第三十六世諱祖印上蜜下弘老和尚猊座” (Sắc tứ Thiền Mục trú trì, trùng kiến Quốc Ân, Lâm Tế chánh tông Tam thập lục thế húy Tổ Ấn thượng Mật hạ Hoằng lão Hòa thượng nghệ tòa).

Tại Huế, Ngài có các đệ tử như Tiên Ngô Minh Giác (Tăng cang chùa Thiên Mục); Tiên Đạt Nguyên Long; Tiên Chơn Chánh Thiện; Tiên Cổ Chánh Kiên...v.v, kế thế nhau trú trì chùa Thiền Lâm, Huế.

### **7. Thiền sư Liễu Thông Huệ Giám [ ?-1844]**

Thiền sư pháp danh Liễu Thông, hiệu Huệ Giám, nổi pháp đời 37 tông Lâm Tế theo kệ phái Tổ Định Tuyết Phong. Ngài là đệ tử của Thiền sư Tế Lịch Chánh Văn. Sau khi Bồn sư viên tịch, có thể Ngài còn nhỏ tuổi nên chưa được cử trú trì hoặc giả chùa Quốc Ân được sự ưu ái của triều đình nên đã cử Tăng cang Mật Hoằng đảm nhiệm trú trì. Bởi lẽ với uy tín của Thiền sư Mật Hoằng, việc trùng kiến chùa Quốc Ân sẽ dễ dàng được tiến hành một cách thuận lợi. Vì thế, sau khi Thiền sư Mật Hoằng viên tịch, Ngài chính thức kế thừa trú trì từ năm 1825 đến năm 1844, tổng cộng 11 năm.

Ngài viên tịch vào ngày 26 tháng 2 năm Giáp Thìn [1844], mộ tháp lập tại đồi Hòn Thiên (núi Bân) bên ngoài khuôn viên chùa Quốc Ân. Long vị thờ tại Tổ đường ghi: “臨濟家譜第三十七國恩住持諱了通上慧下鑑大師覺靈之位” (Lâm Tế gia



phổ Đệ tam thập thất, Quốc Ân trú trì húy Liễu Thông thượng Huệ hạ Giám Đại sư Giác linh chi vị).



**Vườn tháp trong khuôn viên Tổ đình Quốc Ân**

*Ảnh Không Nhiên*

## **8. Thiền sư Tế Chánh Bồn Giác [ ?-1851]**

Thiền sư pháp danh Tế Chánh, hiệu Bồn Giác, nổi pháp đời 36 tông Lâm Tế theo kệ phái Tổ Định Tuyết Phong. Ngài là đệ tử của Thiền sư Thiệt Thành Liễu Đạt tại chùa Từ Ân, Gia Định.

Sau khi ngài Thiệt Thành Liễu Đạt về Gia Định, triều đình đã sắc phong ngài Tế Chánh Bồn Giác làm Tăng cang chùa Thiên Mụ. Năm Thiệu Trị nguyên niên, Ngài cùng với trú trì chùa Quốc Ân là Liễu Thông Huệ Giám đứng đơn xin trùng tu chùa Quốc Ân. Công việc trùng tu kéo dài đến năm 1843 mới hoàn thành.

Năm Minh Mạng thứ 11, Canh Dần [1830], Ngài được cung thỉnh làm Hòa thượng Đường đầu tại Giới đàn chùa Thiên Mụ.

Năm Minh Mạng thứ 13, Nhâm Thìn [1832], Ngài và tăng chúng<sup>(6)</sup> Quốc Ân khắc in bộ “Tịnh Độ Thần Chung”, 2 quyển. Năm

Canh Tý [1840], Ngài có chú tạo một quả chuông nặng 662 cân và tôn trí tại chùa Quốc Ân.

Ngài viên tịch vào ngày 15 tháng 12 năm Canh Tuất [1851]. Mộ tháp lập gần tháp ngài Tổ Ân Mật Hoàng trong vườn chùa Quốc Ân, long vị ghi: “賜依鉢禪杖天姥僧剛重興國恩嗣祖第三十六世諱際正本覺和尚覺靈之位” (Tứ y bát thiên trượng Thiên Mục Tăng cang, trùng hưng Quốc Ân từ tổ Đệ tam thập lục thế húy Tế Chánh Bản Giác Hòa thượng Giác linh chi vị).

Đệ tử nổi pháp của Ngài rất nhiều như: Liễu Kiến Từ Hòa, Liễu Triệt Từ Minh, Liễu Chơn Từ Hiếu: kế vị nhau làm trú trì chùa Quốc Ân; Liễu Thuật Từ Lượng (trú trì chùa Khánh Vân); Liễu Tánh Huệ Cảnh (tức ngài Tánh Hoạt Huệ Cảnh - khai sơn chùa Tường Vân); Liễu Đạo Từ Niệm (trú trì chùa Minh Đức, Quảng Bình).

### **9. Thiền sư Liễu Kiến Từ Hòa [ ?-1863]**

Thiền sư pháp danh Liễu Kiến, hiệu Từ Hòa, nổi pháp đời 37 tông Lâm Tế theo kệ phái Tổ Định Tuyết Phong. Ngài là đệ tử của Thiền sư Tế Chánh Bản Giác. Trong thời gian trú trì chùa Quốc Ân, Ngài đã xây dựng am Thánh Mẫu và miếu Ngũ Hành trong chùa để đáp ứng tín ngưỡng của nhân dân.

Ngài viên tịch vào ngày 28 tháng 7 năm Quý Hợi [1863], bảo tháp được kiến lập trong khuôn viên chùa. Ngài trụ trì Quốc Ân được 12 năm. Long vị thờ tại Tổ đường ghi: “賜刀牒嗣臨濟家譜三十七代國恩寺住持諱了見上慈下和大師覺靈之猊位” (Tứ đao điệp tự Lâm Tế gia phổ Tam thập thất đại Quốc Ân tự trú trì húy Liễu Kiến thượng Từ hạ Hòa Đại sư Giác linh chi nghê vị).

### **10. Thiền sư Liễu Triệt Từ Minh [ ?-1882]**

Ngài thế danh Đoàn Xuân Thu, pháp danh Liễu Triệt, hiệu Từ Minh, là đệ tử của Thiền sư Tế Chánh Bản Giác, huynh đệ với tiền nhiệm trú trì là Liễu Kiến Từ Hòa. Ngài đảm nhận trú trì Quốc Ân

được ba năm và ra khai sơn chùa Viên Quang (nay là chùa Linh Quang), tiếp đó được triều đình bổ làm Tăng cang chùa Giác Hoàng.

Ngài viên tịch ngày 26 tháng 6 năm Nhâm Ngọ [1882], bảo tháp lập trong khuôn viên chùa Quốc Ân, long vị thờ tại Tổ đường ghi: “覺皇僧剛開建圓光寺諱了徹號慈明和尚之覺靈” (Giác Hoàng Tăng cang, khai kiến Viên Quang tự húy Liễu Triệt hiệu Từ Minh Hòa thượng chi Giác linh).

### **11. Thiền sư Liễu Chơn Từ Hiếu [1814-1890]**

Thiền sư pháp danh Liễu Chơn, hiệu Từ Hiếu, nối pháp đời 37 tông Lâm Tế theo kệ phái Tổ Định Tuyết Phong. Ngài là đệ tử của Thiền sư Tế Chánh Bồn Giác. Ngài từng đảm nhận trú trì chùa Long Quang, Tăng cang Giác Hoàng, sau đó là Tăng cang Thiên Mục.

Ngài đã tạo hai pho tượng Phật và mua 5 mẫu ruộng ở làng Thần Phù để làm tự điền cho Quốc Ân.

Ngài có công rất lớn trong việc khắc lại văn bia tháp mộ Tổ Nguyên Thiều để ngày nay đàn hậu học còn biết được những tư liệu quý báu về vị Tổ sư đầu tiên của dòng Lâm Tế tại Đàng Trong.

Ngài viên tịch vào ngày 9 tháng 5 năm Canh Dần [1890], hưởng thọ 77 tuổi. Mộ tháp lập trong chùa, long vị thờ tại Tổ đường ghi: “敕賜靈姥寺僧剛重興國恩嗣祖三十七世諱了真慈孝覺靈之座位” (Sắc tứ Linh Mục tự Tăng cang, trùng hưng Quốc Ân từ tổ Tam thập thất thế húy Liễu Chơn Từ Hiếu Giác linh chi tọa vị).

### **12. Thiền sư Minh Đức Bửu Tích [ ?-1908]**

Thiền sư pháp danh Minh Đức, hiệu Bửu Tích, thế danh Bùi Tích được triều đình cử làm Tăng cang chùa Thiên Mục và trú trì chùa Quốc Ân.

Đời Ngài kiến tạo công Tam quan đồ sộ nhưng bị cơn bão năm 1904 thổi sụp hoàn toàn.

Ngài viên tịch vào năm Mậu Thân [1908], tháp lập tại đồi Hòn Thiên (núi Bân), bên cạnh tháp Tổ Huệ Giám. Long vị thờ tại Tổ đường ghi: “敕賜天姥僧剛臨濟正宗四十一世嗣國恩住持諱明德號寶積大師覺靈猊座” (Sắc tứ Thiên Mục Tăng cang Lâm Tế chánh tông tứ thập nhất thế, tự Quốc Ân trú trì húy Minh Đức hiệu Bửu Tích Đại sư Giác linh nghê tòa).

Tuy nhiên, lòng bia tháp Ngài lại ghi như sau: “敕賜天姥僧剛嗣國恩寺住持臨濟正尊四十一上明下德號慧嚴大師之塔 - 維新二年歲次戊申四月日造” (Sắc tứ Thiên Mục Tăng cang, tự Quốc Ân trú trì, Lâm Tế chánh tông tứ thập nhất, thượng Minh hạ Đức hiệu Huệ Nghiêm Đại sư chi tháp - Duy Tân nhị niên, tuế thứ Mậu Thân tứ nguyệt nhật tạo).

Ở đây chúng ta thấy có sự khác biệt về pháp hiệu của ngài Minh Đức. Long vị ghi hiệu là Bửu Tích nhưng bảo tháp ghi là Huệ Nghiêm. Chúng tôi sẽ lý giải sự khác biệt ấy ở phần cuối của bài viết này.

Đệ tử của Ngài rất đông, trong đó có Như Hán Nguyên Cát; Như Thông Đắc Ân; Như Đông Đắc Quang kế tiếp nhau trú trì chùa Quốc Ân.

### **13. Thiền sư Như Hán Nguyên Cát [ ?-1914]**

Thiền sư pháp danh Như Hán, đệ tử của ngài Minh Đức Bửu Tích. Sau khi bốn sư quy tịch, Ngài cầu pháp với Tổ Hải Thiệu Cương Kỷ nên còn có pháp danh Thanh Hy, hiệu Nguyên Cát. Ngài đảm nhiệm trú trì chùa Quốc Ân vào khoảng năm 1908 đồng thời kiêm nhiệm trú trì chùa Linh Quang. Ngài đã xây dựng lại cổng Quốc Ân bị tàn phá do cơn bão vào năm 1904. Đồng thời Ngài làm một cái long đình lớn để thờ Tam Thế Phật mà hiện nay vẫn còn tại chánh điện của chùa.

Thiền sư viên tịch vào ngày 12 tháng 4 năm 1914, mộ tháp sau vườn chùa. Long vị thờ ở Tổ đường ghi: “敕賜靈光寺住持重

興國恩嗣祖四十一世諱如漢謚元吉號清熙大師覺靈猊座”(Sắc tứ Linh Quang tự trú trì, trùng hưng Quốc Ân, từ tổ Tứ thập nhất thế húy Như Hán thụ Nguyên Cát hiệu Thanh Hy Đại sư Giác linh nghê tòa).

#### **14. Thiên sư Như Thông Đắc Ân [1873-1935]**

Thiên sư pháp danh Như Thông, hiệu Đắc Ân, thế danh Đặng Kỳ Định, sinh năm 1873 tại Quảng Bình. Ngài xuất gia năm lên 10 tuổi với Thiên sư Minh Đức Bửu Tích tại chùa Linh Mục; thọ Đại giới tại chùa Báo Quốc năm 1894 do ngài Hải Thuận Lương Duyên làm Đường đầu.

Sau đó Ngài về tu học và đắc pháp với pháp huynh Như Cát và kế nghiệp trú trì chùa Quốc Ân. Ngài có công trùng tu chánh điện năm 1915 và Đông đường, Tây đường. Năm 1917 được triều đình cử làm trú trì chùa Thiên Mục. Năm 1924 làm Đệ Tam tôn chứng Giới đàn chùa Từ Hiếu, Huế.

Ngài viên tịch vào ngày 26 tháng 3 năm 1935, hưởng thọ 62 tuổi, tháp mộ lập tại chùa. Long vị thờ tại Tổ đường ghi: “敕賜天姥寺住持重興國恩寺嗣臨濟四十二世諱如通字其錠號得恩尊證阿闍黎覺靈猊座”(Sắc tứ Thiên Mục tự trú trì, trùng hưng Quốc Ân tự, tự Lâm Tế tứ thập nhị thế húy Như Thông tự Kỳ Định hiệu Đắc Ân Tôn chứng A-xà-lê Giác linh nghê tòa).

Đệ tử của Ngài có ngài Hồng Tuyên Chánh Giáo Từ Thông - trú trì chùa Phổ Minh, Quảng Bình và truyền xuống các vị như có Hòa thượng Thích Thuyền Ấn (pháp danh Nhật Liên, tự Thiện Giải), Hòa thượng Thích Trí Quang (pháp danh Nhật Quang hiệu Thiên Minh), Hòa thượng Thích Nhật Thiện đều là những vị danh Tăng thời cận đại của Phật giáo Việt Nam.

## 15. Thiền sư Như Đông Đắc Quang [ ?-1947]

Thiền sư pháp danh Như Đông, hiệu Đắc Quang, là bảo đệ của Thiền sư Như Thông Đắc Ân. Ngài kế vị trú trì chùa Quốc Ân sau khi pháp huynh Như Thông Đắc Ân viên tịch.

Năm 1941, Ngài có mở Giới đàn tại chùa Quốc Ân. Giới đàn này ngài Trí Độ thọ Tỳ-kheo; ngài Trí Tịnh thọ Sa-di. Đến năm 1944, Ngài được cung thỉnh làm Giáo thọ A-xà-lê tại Giới đàn chùa Thiền Tôn, Huế.

Ngài viên tịch vào năm 1947, mộ tháp lập tại chùa, lòng long vị ghi: “嗣臨濟四十二世天姥寺僧剛重興國恩寺上如下東號得光教授阿闍黎師覺靈猊座” (Tự Lâm Tế tứ thập nhị thế, Thiền Mục tự Tăng cang, trùng hưng Quốc Ân tự thượng Như hạ Đông hiệu Đắc Quang Giáo thọ A-xà-lê sư Giác linh nghê tòa).

Đệ tử của Ngài có các vị như: Hồng Chân<sup>(7)</sup> tức Hòa thượng Thích Trí Độ, người có công rất lớn trong thời kỳ chấn hưng Phật giáo; Hồng Cảnh Viên Dung Huyền Nghĩa (trú trì chùa Khánh Vân); Hồng Nam Hương Mãn Huyền Không (trú trì chùa Quốc Ân); Hồng Nhân Phát Huệ Huyền Vân (chùa Thiền Lâm)...v.v.

## 16. Thiền sư Hồng Nam Huyền Không [1906-1983]

Hòa thượng pháp danh Hồng Nam, tự Hương Mãn, hiệu Huyền Không, thế danh Trần Đức Triêm, sinh ngày mùng 8 tháng 4 nhuận năm Bính Ngọ [1906] tại Bình Sơn, Quảng Ngãi. Ngài xuất gia năm 1920 tại Quốc Ân và thọ Tỳ-kheo năm 1938 tại chùa Đại Bi (Thanh Hóa), do ngài Huệ Minh làm Đường đầu. Tháng 4 năm 1958, Ngài chính thức trú trì chùa Quốc Ân.

Ngài được cung thỉnh làm Tôn chứng cho nhiều Giới đàn tại Thừa Thiên Huế. Ngài có công trùng tu Quốc Ân trong những giai đoạn khó khăn sau năm 1975. Ngài viên tịch ngày 17 tháng 1 năm 1983, tháp lập trong khuôn viên chùa. Long vị ghi như sau: “嗣臨濟四十三世國恩寺住持諱紅楠號玄空和尚猊座” (Tự

Lâm Tế tứ thập tam thế, Quốc Ân tự trú trì húy Hồng Nam hiệu Huyền Không Hòa thượng nghệ tòa).

Đệ tử của Ngài có các vị như: Nhật Minh Diệu Tánh Viên Huệ (trú trì chùa Quốc Ân hiện nay); Nhật Khánh Diệu Quả Viên Tâm (hiện trú trì chùa Phổ Minh, Long Khánh).

**17. Thiền sư Nhật Minh Diệu Tánh Viên Huệ**

Đương kim trú trì chùa Quốc Ân hiện nay là Hòa thượng pháp danh Nhật Minh, tự Diệu Tánh, hiệu Viên Huệ.

**B. Một số nhận định**

Như vậy, kể từ khi Tổ sư Nguyên Thiều chân tích khai sơn tính đến nay chùa Quốc Ân trải qua 17 đời trú trì. Qua hành trạng chư Tổ, chúng tôi có những nhận xét như sau:

**1. Niên đại các đời trú trì chùa Quốc Ân**

Căn cứ vào năm sinh, năm tịch của chư Tổ tại Tổ đình Quốc Ân, chúng tôi tạm lập biểu đồ về khung niên đại các đời trú trì của chùa như sau:

| Đời trú trì | Pháp danh - Pháp tự   | Năm sinh - tịch | Năm trú trì |
|-------------|-----------------------|-----------------|-------------|
| 01          | Nguyên Thiều Thọ Tông | 1648 - 1728     | 1682 - 1728 |
| 02          | Minh Hằng Định Nhiên  | ? - 1793        | 1728 - 1793 |
| 03          | Phật Thuận Quảng Đức  | ? - ?           | 1793 - ?    |
| 04          | Thiệt Tánh Trí Hải    | ? - 1805        | ? - 1805    |
| 05          | Tế Lịch Chánh Văn     | ? - 1917        | 1805 - 1917 |
| 06          | Tổ Ấn Mật Hoằng       | 1754 - 1825     | 1817 - 1825 |
| 07          | Liễu Thông Huệ Giám   | ? - 1844        | 1825 - 1844 |
| 08          | Tế Chánh Bồn Giác     | ? - 1851        | 1844 - 1851 |

|    |                      |             |              |
|----|----------------------|-------------|--------------|
| 09 | Liễu Kiến Từ Hòa     | ? - 1863    | 1851 - 1863  |
| 10 | Liễu Triệt Từ Minh   | ? - 1882    | 1863 - 1866  |
| 11 | Liễu Chơn Từ Hiếu    | 1814 - 1890 | 1866 - 1890  |
| 12 | Minh Đức Bửu Tích    | ? - 1908    | 1890 - 1908  |
| 13 | Như Hán Nguyên Cát   | ? - 1914    | 1908 - 1914  |
| 14 | Như Thông Đắc Ân     | 1873 - 1935 | 1914 - 1935  |
| 15 | Như Đông Đắc Quang   | ? - 1947    | 1935 - 1947  |
| 16 | Hồng Nam Huyền Không | 1906 - 1983 | 1947 - 1983  |
| 17 | Nhật Minh Diệu Tánh  |             | 1983 đến nay |

## **2. Các đời trú trì chùa Quốc Ân có khi không tương tục từ thầy xuống trò:**

Căn cứ vào Pháp danh của chư vị trú trì, chúng ta thấy rằng sự truyền thừa tại chùa Quốc Ân không xuyên suốt tương tục từ thầy xuống trò như một số Tổ đình khác. Chẳng hạn như ngài Tế Lịch Chánh Văn viên tịch thì ngài Tổ Ân Mật Hoằng đương kim Tăng cang chùa Thiên Mục được cử làm trú trì Quốc Ân. Hoặc sau khi ngài Mật Hoằng viên tịch thì ngài Liễu Thông Huệ Giám đệ tử của ngài Tế Lịch Chánh Văn đảm nhiệm trú trì...v.v. Sự truyền thừa không tương tục này bắt đầu từ đầu đời vua Minh Mạng cho đến cuối thế kỷ XIX. Sở dĩ có sự đan xen như vậy vì chùa Quốc Ân được triều đình xếp vào ngạch chùa công nên việc trú trì còn tùy thuộc vào sự phân bổ của triều đình.

## **3. Các đời trú trì chùa Quốc Ân không xuyên suốt một hệ pháp:**

Như trên đã trình bày, Tổ sư Nguyên Thiều còn có pháp danh Siêu Bạch, đời pháp 33 tông Lâm Tế. Như vậy, Tổ thọ cả hai pháp hệ của Tổ Vạn Phong Thời Ủy và Tổ Đạo Môn Mộc Trần. Vì thế, khi truyền pháp sang Đàng Trong, Tổ cũng cho đệ tử song song hai pháp danh của hai hệ phái. Do đặc điểm đó mà chư Tổ trú trì chùa



Quốc Ân có sự đan xen cả hai kệ phái Vạn Phong Thời Ủy và Đạo Mân Mộc Trần. Tuy nhiên, tất cả các Ngài đều là hậu duệ của Tổ sư Nguyên Thiều Siêu Bạch.

Chúng tôi căn cứ vào pháp danh thờ tại Tổ đường và “Tự phổ” hiện còn phụng thờ tại chùa làm biểu đồ đối chiếu như sau:

| <b>Đời trú<br/>trì</b> | <b>Pháp danh - Pháp tự</b> | <b>Đời<br/>pháp</b> | <b>Thuộc Kệ phái</b> |
|------------------------|----------------------------|---------------------|----------------------|
| 01                     | Nguyên Thiều Thọ Tông      | 33                  | Đạo Mân Mộc Trần     |
| 02                     | Minh Hằng Định Nhiên       | 34                  | Tổ Định Tuyết Phong  |
| 03                     | Phật Thuận Quảng Đức       | 35                  | Đạo Mân Mộc Trần     |
| 04                     | Thiệt Tánh Trí Hải         | 35                  | Tổ Định Tuyết Phong  |
| 05                     | Tế Lịch Chánh Văn          | 36                  | Tổ Định Tuyết Phong  |
| 06                     | Tổ Ân Mật Hoằng            | 36                  | Đạo Mân Mộc Trần     |
| 07                     | Liễu Thông Huệ Giám        | 37                  | Tổ Định Tuyết Phong  |
| 08                     | Tế Chánh Bồn Giác          | 36                  | Tổ Định Tuyết Phong  |
| 09                     | Liễu Kiến Từ Hòa           | 37                  | Tổ Định Tuyết Phong  |
| 10                     | Liễu Triệt Từ Minh         | 37                  | Tổ Định Tuyết Phong  |
| 11                     | Liễu Chơn Từ Hiếu          | 37                  | Tổ Định Tuyết Phong  |
| 12                     | Minh Đức Bửu Tích          | 38                  | Đạo Mân Mộc Trần     |
| 13                     | Như Hán Nguyên Cát         | 39                  | Đạo Mân Mộc Trần     |
| 14                     | Như Thông Đắc Ân           | 39                  | Đạo Mân Mộc Trần     |
| 15                     | Như Đông Đắc Quang         | 39                  | Đạo Mân Mộc Trần     |
| 16                     | Hồng Nam Huyền Không       | 40                  | Đạo Mân Mộc Trần     |
| 17                     | Nhật Minh Diệu Tánh        | 41                  | Đạo Mân Mộc Trần     |

#### 4. Đồng chức trú trì Tổ đình Quốc Ân:

Theo những gì ông L.Cadière ghi lại và khảo chứng niên đại các đời trú trì chùa Quốc Ân, chúng tôi thấy có một số Thiền sư đồng đảm nhiệm vai trò trú trì Tổ đình Quốc Ân hay nói cách khác là Chứng minh đạo sư của Tổ đình. Bởi lẽ các Ngài đều là những bậc danh Tăng đương đại, với đạo hạnh và uy tín của mình, các Ngài đã vực dậy sức sống của chùa Quốc Ân trong vườn thiền Thuận Hóa. Đó là các Thiền sư Tổ Ấn Mật Hoằng, Tế Chánh Bồn Giác, Minh Đức Bửu Tích.

Các ngài Tổ Ấn Mật Hoằng, Tế Chánh Bồn Giác đều là đồ tôn của Tổ Nguyên Thiệu Siêu Bạch. Các Ngài ngoài trách nhiệm với chùa của Bồn sư mình như Đại Giác ở Biên Hòa, chùa Từ Ân ở Gia Định còn có bổn phận trùng hưng chốn Tổ Quốc Ân, chiếc nôi của thiền phái Lâm Tế Đàng Trong. Vì thế, Ngài Tổ Ấn Mật Hoằng và Tế Chánh Bồn Giác bằng uy tín của mình đã vận động trùng tu chùa Quốc Ân mà đến nay các công trình ấy vẫn còn hiện hữu, tạo sự uy nghiêm của một ngôi đại già-lam nơi xứ Huế.

Chẳng hạn như ngài Tế Chánh Bồn Giác đã cùng đứng đơn với trú trì chùa Quốc Ân là Liễu Thông Huệ Giám xin triều đình cấp kinh phí trùng tu chùa vào năm Thiệu Trị nguyên niên [1841].

Riêng ngài Minh Đức Bửu Tích, ông L.Cadière cho rằng ngài là chú của ngài Như Hán Nguyên Cát, nên ngài Như Hán để ngài Minh Đức chức vị trú trì danh dự chùa Quốc Ân. Điều này không thể khả tín. Bởi vì ghi tên trú trì một ngôi chùa không thể do ai tự ý làm được. Lại thêm chùa Quốc Ân thuộc diện chùa công nên việc bổ nhiệm trú trì thời bấy giờ đều lệ thuộc vào triều đình nhà Nguyễn. Theo chúng tôi, có thể ngài Minh Đức Bửu Tích đương là Tăng cang Thiền Mục được triều đình cử làm trú trì Quốc Ân. Tuy nhiên, Ngài không trực tiếp ở Quốc Ân nhiều nên giao cho đệ tử Như Hán Nguyên Cát trông coi Phật sự tại Quốc Ân. Đây cũng là điều mà chúng ta thường gặp trong thiền môn tại Thuận Hóa.

## 5. Sự lệch đời pháp từ Ngài Minh Đức Bửu Tích về sau:

Kể từ đời ngài Minh Đức Bửu Tích trú trì cho đến nay, chùa Quốc Ân truyền thừa xuyên suốt từ thầy xuống trò theo kệ phái Đạo Mân Mộc Trần. Khi khảo cứu các lòng long vị, chúng tôi thấy có sự sai lệch đời pháp so với bài kệ của Tổ Đạo Mân Mộc Trần.

Theo kệ phái Tổ Đạo Mân Mộc Trần thì các thiền sư có pháp danh chữ **Minh** thuộc đời 38; pháp danh chữ **Như** thuộc đời 39, pháp danh chữ **Hồng** thuộc đời 40, pháp danh chữ **Nhật** thuộc đời 41... Tuy nhiên, tại Tổ đình Quốc Ân từ ngài Minh Đức Bửu Tích trở về sau này có sự sai lệch đời pháp và cụ thể như sau:

| STT | Pháp danh            | Ghi đúng đời pháp | Ghi lệch đời pháp |
|-----|----------------------|-------------------|-------------------|
| 01  | Minh Đức Bửu Tích    | Đời 38            | Đời 41            |
| 02  | Như Hán Nguyên Cát   | Đời 39            | Đời 41            |
| 03  | Như Thông Đắc Ân     | Đời 39            | Đời 42            |
| 04  | Như Đông Đắc Quang   | Đời 39            | Đời 42            |
| 05  | Hồng Nam Huyền Không | Đời 40            | Đời 43            |
| 06  | Nhật Minh Diệu Tánh  | Đời 41            | Đời 44            |

Nguyên nhân của sự sai lệch ấy được lý giải qua các đời trú trì như sau:

- Về Thiền sư **Minh Đức<sup>(8)</sup> Bửu Tích**: theo long vị Thiền sư Minh Đức Bửu Tích ghi đời 41 tông Lâm Tế. Tuy nhiên, khi khảo sát thực tế khu vực tháp mộ chùa Quốc Ân tại Hòn Thiên (núi Bân), chúng tôi thấy có một ngôi tháp ghi pháp danh Minh Đức, hiệu Huệ Nghiêm và năm phụng lập là Duy Tân thứ 2, Mậu Thân [1908]. Điều này chúng tôi thấy khế hợp với năm mất của ngài Minh Đức Bửu Tích. Như vậy chứng tỏ ngài Minh Đức Bửu Tích và Minh Đức Huệ Nghiêm chỉ là một. Đồng thời, theo kệ dòng Đạo Mân Mộc Trần thì

chữ Minh thuộc đời pháp 38 nhưng nơi đây lại ghi đời 41. Và pháp hiệu Huệ Nghiêm có thể lý giải cho chúng ta sự sai lệch này.

Như chúng ta đã biết, Thiền sư Hải Thiệu Cương Kỷ chùa Từ Hiếu phú pháp cho đệ tử có pháp hiệu chữ Huệ đứng đầu như: Thanh Tú Huệ Pháp (chùa Thiên Hưng); Thanh Thái Huệ Minh (chùa Từ Hiếu); Thanh Trí Huệ Giác (chùa Quảng Tế)...v.v. Ngài Hải Thiệu Cương Kỷ thuộc đời pháp 40 dòng Liễu Quán nên cho xuống pháp hiệu chữ Huệ đứng đầu thuộc đời 41.

Lại nữa, trong “Hàm Long Sơn Chí”, nơi phân ghi lại các đệ tử đắc pháp của Hòa thượng Hải Thiệu Cương Kỷ, trong đó có một vị có pháp danh Thanh Đức, hiệu Huệ Nghiêm. Kệ phú pháp như sau:

妙法廣無邊

昭彰萬古傳

荷擔諸佛祖

繼世永綿綿.

*Diệu pháp quảng vô biên*

*Chiêu chương vạn cổ truyền*

*Hà đàm chư Phật Tổ*

*Kế thế vĩnh miên miên.*

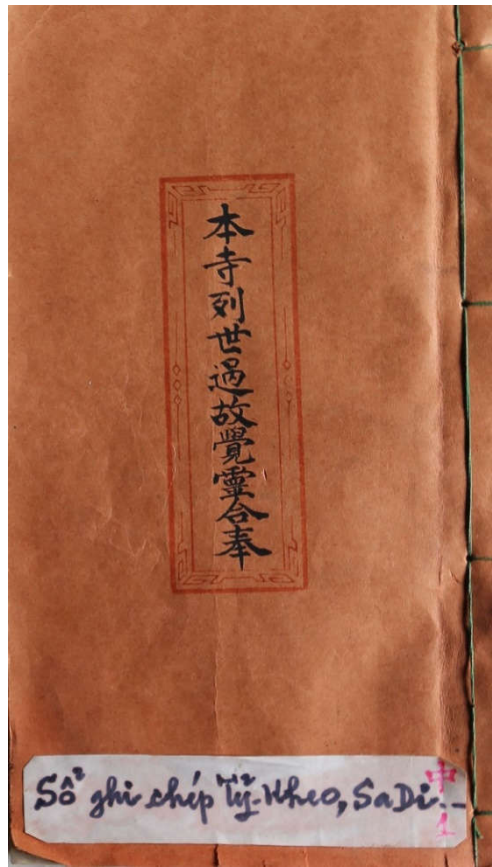
Căn cứ vào các chi tiết từ Minh Đức Bửu Tích đến Minh Đức Huệ Nghiêm và cuối cùng là Thanh Đức Huệ Nghiêm chúng ta có thể khẳng định rằng cả ba vị chỉ là một. Như thế ngài Minh Đức Bửu Tích đã cầu pháp với Hòa thượng Hải Thiệu Cương Kỷ nên còn có pháp danh Thanh Đức Huệ Nghiêm.

Như vậy, đời pháp 41 tông Lâm Tế của ngài Minh Đức<sup>(9)</sup> được ghi trên long vị và mộ tháp chính là tính theo kệ phái dòng Liễu Quán: **Tánh** (39), **Hải** (40), **Thanh** (41), **Trùng** (42) chứ không phải của pháp phái Đạo Mân Mộc Trần. Có nghĩa là tính đời pháp theo dòng “phú pháp” chứ không tính theo dòng “thế độ”.

- Về Thiền sư Như Hán Nguyên Cát: Thiền sư Như Hán Nguyên Cát là đệ tử của Thiền sư Minh Đức, nhưng long vị vẫn ghi đời pháp 41 tông Lâm Tế. Đáng lý ra, ngài Minh Đức đã ghi đời thứ 41 thì ngài Như Hán phải là đời thứ 42 mới đúng. Tuy nhiên, ngài Như Hán lại cầu pháp với Tổ Hải Thiệu Cương Kỷ nên còn có pháp danh Thanh Hy. Như vậy, cả hai thầy trò Minh Đức và Như Hán đều là đệ tử cầu pháp với Tổ Hải Thiệu Cương Kỷ nên có cùng một đời pháp 41.

- Về Thiền sư Như Thông Đắc Ân: Long vị ngài Như Thông Đắc Ân ghi đời pháp 42. Bởi vì, ngài Như Đông Đắc Ân cầu pháp với pháp huynh Như Hán Nguyên Cát, mà ngài Như Hán Nguyên Cát thuộc đời 41 nên ngài Như Thông Đắc Ân thuộc đời thứ 42.

- Về Thiền sư Như Đông Đắc Quang: Căn cứ theo pháp quyền của Hòa thượng Diệu Tánh thì chúng tôi biết được ngài Như Đông Đắc Quang cầu pháp với ngài Thanh Tâm Diệu Ứng, mà ngài Thanh Tâm Diệu Ứng là đệ tử Tổ Hải Toàn Linh Cơ chùa Tường



Tự phổ Tổ đình Quốc Ân, nơi lưu giữ  
danh hiệu Lịch đại trụ trì  
và Tăng chúng qua các thế hệ  
*Ảnh Không Nhiên*

Vân. Vì thế, đời pháp của ngài Như Đông Đắc Quang vẫn là 42 tính theo hệ của Tổ Hải Toàn Linh Cơ chùa Tường Vân chứ không tính theo hệ ngài Hải Thiệu Cương Kỷ chùa Từ Hiếu.

Tính từ đời ngài Minh Đức Bửu Tích đến nay, chùa Quốc Ân truyền thừa liên tục không có gián đoạn. Tuy nhiên, pháp danh thì vẫn đặt theo bài kệ của Tổ Đạo Mân Mộc Trần nhưng khi tính đời pháp thì tính theo bài kệ của Tổ Thiệt Diệu Liễu Quán. Nguyên nhân chính là do từ đời ngài Minh Đức trở về sau, các vị Thiền sư ở Quốc Ân cầu pháp với các thiền sư dòng Liễu Quán nên khi viên tịch thì tính theo thứ tự đời pháp của kệ phái Liễu Quán.

Trên đây là khái lược hành trạng lịch đại chư Tổ trú trì Tổ đình Quốc Ân. Ở bước đầu tìm hiểu này, chúng tôi sắp xếp thứ tự các đời trú trì cũng chỉ mang tính cách tương đối, vì tư liệu vẫn còn hạn chế. Hy vọng trong tương lai, chúng ta sẽ có thêm nhiều tài liệu mới để bổ túc cho những gì còn khiếm khuyết trong bài viết này.

### Chú thích

- [1]. Chùa này đã bị tàn phá thời Tây Sơn. Chùa Phổ Bảo hiện nay tại Tuy Phước do Thiền sư Toàn Ý Phổ Bảo đời 37 kệ phái Chúc Thánh khai sơn.
- [2]. Chùa này xưa thuộc tổng Phú Chiêm, phủ Điện Bàn. Nay đã mất tích.
- [3]. Theo ông L.Cadière in trong tập “Những Người Bạn Cổ Đô Huế” - B.A.V.H [1915] cho rằng ngài Quảng Đức có trú trì chùa Quốc Ân trước hoặc sau ngài Trí Hải. Theo thiện ý chúng tôi ngài Quảng Đức trú trì trước thì đúng hơn vì tháp mộ Ngài được làm theo phong cách và chất liệu thời chúa. Vì thế ở bài này chúng tôi đặt ngài Quảng Đức trú trì trước ngài Trí Hải.
- [4]. Thiền sư Nguyên Thiều còn có pháp danh Siêu Bạch. Ngài tiếp nối cả hai kệ phái Tổ Đình Tuyết Phong và Đạo Mân Mộc Trần. Vì thế khi cho pháp danh đệ tử, Ngài cũng cho song song hai pháp danh như: Minh Dung Thành Chí, Minh Lượng Thành Đăng, Minh Giác Thành Đạo...v.v, các vị khác như Minh Hải Pháp Bảo, Minh Vật Nhất Tri, Minh Hằng Định Nhiên, Minh Trí Thiện An...v.v cũng có thể có pháp danh chữ Thành nhưng không được ghi lại. Từ đó, các Tổ sư cho xuống đệ tử cũng theo hai dòng kệ. Chẳng hạn Tổ Minh Giác Thành Đạo Kỳ

Phương truyền cho đệ tử ở Thập Tháp là ngài Thiệt Kiến Liễu Triệt theo kệ phái Tổ Định Tuyết Phong, ngoài ra Ngài còn cho đệ tử chữ “Phật” theo kệ phái Đạo Mân Mộc Trần, như Phật Đăng Nhật Lệ (chùa Thập Tháp); Phật Tinh Từ Nghiêm (chùa Hưng Long, Gia Định).

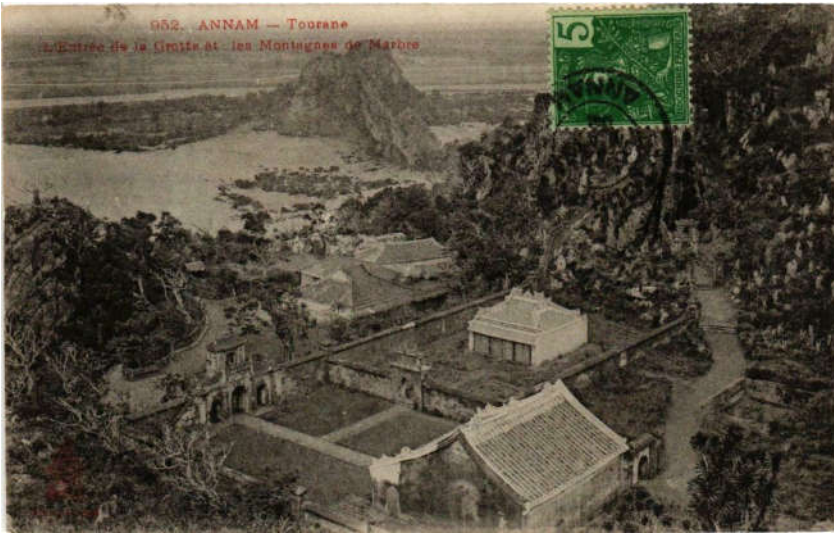
- [5]. Có thuyết cho rằng Thiền sư Tổ Ấn Mật Hoàng sinh năm 1735 và tịch năm 1835, thượng thọ 101 tuổi. Nhưng theo những gì ông L.Cadière đọc được từ “Tự phổ” của chùa Quốc Ân thì Ngài sinh 1754 và tịch 1825, thọ 73 tuổi.
- [6]. Tăng chúng ghi tên gồm có các vị: Liễu Tánh, Tiên Thiện, Liễu Tâm, Liễu Nghĩa, Liễu Thông, Tiên Kế, Tiên Lễ, Tiên Hiếu, Liễu Thọ, Hải Nguyên, Thanh Tịnh, Trùng Hội, Toàn Thiện, Minh Khánh, Minh Tông, Minh Giám, Minh Huệ, Minh Thanh.
- [7]. Hòa thượng Thích Trí Độ tên thật là Lê Kim Hoa (hay đọc trại là Lê Kim Ba), quy y với Hòa thượng Chơn Giám Trí Hải chùa Bích Liên nên có pháp danh Như Đăng, tự Giải Chiếu. Cầu pháp quyền cư sĩ với Hòa thượng Phước Huệ chùa Thập Tháp nên có hiệu là Trí Độ. Thời kỳ ngài dạy tại Báo Quốc vẫn còn hình thức cư sĩ. Sau đó Ngài xuất gia cầu thọ giới Cụ túc với Hòa thượng Đắc Quang tại chùa Quốc Ân nên còn có pháp danh Hồng Chân. Như vậy, tính theo dòng thế độ thì Ngài chính thức là đệ tử xuất gia của Hòa thượng Đắc Quang.
- [8]. Theo Hòa thượng Thích Trung Hậu và Thích Hải Ấn trong cuốn “Chư Tôn Thiền Đức và Cư Sĩ Hữu Công Thuận Hóa” thì ngài Minh Đức Bửu Tích là đệ tử Thiền sư Tiên Bồn Tịnh Căn. Nhưng theo sự khảo cứu của chúng tôi tại chùa Thiền Lâm (Huế) thì có khả năng ngài Minh Đức Bửu Tích có thể là đệ tử của ngài Tiên Ngộ Minh Giác (Tăng cang chùa Thiên Mục, trú trì chùa Thiền Lâm). Bởi vì theo “Tự phổ” chùa Thiền Lâm còn có một vị đời 38 có pháp danh Minh Tâm Bửu Hành. Như vậy có thể Minh Đức Bửu Tích và Minh Tâm Bửu Hành là đồng môn huynh đệ chăng.
- [9]. Trường hợp này tương tự với ngài Tánh Hoạt Đức Giai. Ngài Tánh Hoạt là đệ tử của Tổ Đạo Minh Phổ Tịnh, sau cầu pháp với Tổ Tế Chánh Bồn Giác nên còn có pháp danh Liễu Tánh Huệ Cảnh. Về sau Ngài vẫn cho theo kệ của Tổ Liễu Quán xuống đệ tử chữ “Hải” chứ không cho xuống chữ “Đạt”. Giống như ngài Minh Đức cho xuống chữ “Như” chứ không phải chữ “Trùng”.

## Tài liệu tham khảo:

- Khảo sát thực địa long vị, văn bia mộ tháp tại chùa Quốc Ân, Huế.
- Thích Trung Hậu, Thích Hải Ấn, *Chư Tôn Thiền Đức và Cư Sĩ Hữu Công Thuận Hóa*, Xxb Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 2011.
- L.Cadière. *Chùa Quốc Ân: Các Vị Trụ Trì* trong tập “Những Người Bạn Cổ Đô Huế B.A.V.H [1915]”, Nxb Thuận Hóa, 1997.
- Như Như đạo nhân, *Hàm Long Sơn Chí*, bản chữ Nho.
- Tự Phổ chùa Quốc Ân, bản chữ Nho.

## DANH TẮNG NÚI NGŨ HÀNH<sup>6</sup>

Ngũ Hành Sơn là một trong những danh thắng nổi tiếng của đất Quảng Nam<sup>(1)</sup>, là một trong những trung tâm Phật giáo xưa nhất tại xứ Quảng, nơi đã lưu xuất nhiều vị tăng tài qua các thế hệ, kế thừa mạng mạch Phật pháp.



**Toàn bộ cảnh chùa Tam Thai chụp từ trên cao xuống**

*Ảnh Internet*

Với một hệ thống hang động dày đặc, thâm u, Ngũ Hành Sơn chính là nơi lý tưởng cho những ai có hạnh ỷ tu, xa lìa cõi tục. Từ những di chỉ của người Chăm còn lại, chúng ta có thể biết người Chăm Thành trước đây cũng đã chọn nơi này làm chỗ tế tự. Đến khi mảnh đất này thuộc về Đại Việt, Phật giáo Đại thừa từ miền Bắc theo dòng người di dân đã đến và đặt nền tảng tại đây. Chùa Tam Thai là một trong những ngôi cổ tự được người Việt tạo lập khá sớm tại núi Ngũ Hành. Về sau, số lượng các ngôi tự viện dần dần được kiến tạo thêm, Ngũ Hành Sơn do đó đã trở thành một trong những trung tâm Phật giáo lớn của xứ Quảng.

---

<sup>6</sup> Đăng trên Tạp chí Liễu Quán số 10, NXB Thuận Hóa 2017.



Trải qua hơn 4 thế kỷ, các ngôi cổ tự tại Ngũ Hành Sơn đã có nhiều vị danh Tăng thạc đức tu tập và hoằng hóa như sau:

### **1. Thiền sư Huệ Đạo Minh (? - ?)**

Trong lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo Ngũ Hành Sơn thì Thiền sư Huệ Đạo Minh được coi là vị còn lưu lại tự tích xưa nhất tại thánh địa này.

Theo văn bia “Ngũ Uẩn Sơn cổ tích Phật tích diệt lạc” do Thiền sư Huệ Đạo Minh lập năm Tân Mùi [1831], hiện còn lưu lại tại động Vân Thông, có ghi như sau:

“Đại Việt quốc, Quảng Nam xứ, Lễ Dương huyện, Du Xuyên xã, Tỳ-kheo Huệ Đạo Minh trùng tu khai sáng trụ trì, phân hương chúc Thánh, hồi hướng Tam bảo, hữu vĩnh lưu truyền chi vạn đại. Phổ nguyện phụ mẫu pháp giới đa sanh...” [大越國廣南處醴陽縣瑜川社比丘惠道明重修開創住持焚香祝聖回向三寶有永流傳之萬代普願父母法界多生]. Nghĩa là: “Tỳ-kheo Huệ Đạo Minh ở xã Du Xuyên, huyện Lễ Dương, xứ Quảng Nam, nước Đại Việt trùng tu, khai sáng và trụ trì; đốt hương cầu nguyện cho đức vua được sống lâu, hồi hướng Tam bảo, lưu truyền muôn đời. Nguyện khắp pháp giới đa sinh phụ mẫu...”.

Đồng thời, nội dung văn bia “Phổ Đà Sơn linh trung Phật” hiện còn lưu lại tại động Huyền Không, cũng do Thiền sư Huệ Đạo Minh tạo lập năm Canh Thìn [1640], cho biết thân thế Ngài như sau:

“Đại Việt quốc, Quảng Nam xứ, Tĩnh Gia phủ, Ngọc Sơn huyện, Du Xuyên xã Phạm Văn Nhân (Nhơn) tự Huệ Đạo Minh Thiền sư hốt kiến Phật tích phả hữu đời tệt, khuyến thiện tri thức cộng phát gia tài dụng tâm công đức trùng tu, khai sáng thượng Phổ Đà sơn, tân tạo hạ Bình An tự. Nhị cảnh viên thành, cư công vân tất. Trụ trì thiêu hương chúc Thánh, hồi hướng Tam bảo, thượng báo tứ ân, hạ tế tam đồ, nguyện đồng sinh Cực lạc quốc, Phật tích

vĩnh lưu truyền...”[大越國廣南處靖嘉府玉山縣瑜川社范文仁字惠道明禪師忽見佛跡頗有頹弊勸善知識共發家財用心功德重修開創上普陀山新造下平安寺二景圓成鳩工云畢。住持燒香祝聖回向三寶。上報四重恩下濟三途。願同生極樂國。佛跡永流傳]。Nghĩa là: “Thiền sư Huệ Đạo Minh, tục danh Phạm Văn Nhân (Nhơn), xã Du Xuyên, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, xứ Quảng Nam, nước Đại Việt bỗng trông thấy Phật tích hoang phế bèn vận động các vị thiện tri thức phát tâm trùng tu hai cảnh chùa. Trên là chùa Phổ Đà Sơn và dưới là chùa Bình An, nay đã thành tựu. Trụ trì (Huệ Đạo Minh) đốt hương cầu chúc Thánh quân và hồi hướng Tam bảo, trên báo đáp bốn ân, dưới tế độ ba đường. Nguyên cùng sinh về nước Cực lạc, Phật tích mãi truyền lưu hậu thế...”.

Căn cứ vào hai văn bia này, ta có thể biết khái lược thân thế của Ngài như sau: Thiền sư Huệ Đạo Minh có thế danh Phạm Văn Nhân (Nhơn), tổ tiên vốn người xã Du Xuyên, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa vào định cư tại xã Du Xuyên, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Hoa, xứ Quảng Nam (nay thuộc quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng).

Chúng ta chưa biết Thiền sư Huệ Đạo Minh xuất gia ở chùa nào và bốn sư là ai? Căn cứ vào pháp danh của Ngài, ta có thể khẳng định Ngài thọ pháp và truyền thừa theo dòng hậu Trúc Lâm, bởi đồng thời với Ngài, tại Quảng Nam còn có các vị thiền sư dòng hậu Trúc Lâm cư ngụ và hoằng pháp như: Thiền sư Huệ Lâm Đức (Phạm Công Triều) ở chùa Linh Sơn, làng Cẩm Lệ; Thiền sư Huệ Minh Giác (Lại Văn An) ở chùa Linh Sơn, làng Cẩm Lệ; Thiền sư Huệ Quang Minh ở chùa Minh Giác, Bàu Mưng; Thiền sư Huệ Đạo Minh (Nguyễn Văn Tài), chùa Bảo Khánh v.v....

Theo văn bia “Phổ Đà sơn linh trung Phật” thì ngài Huệ Đạo Minh có công trùng tu các chùa trên Ngũ Hành Sơn như chùa Phổ

Đà và chùa Bình An. Sau khi việc sửa sang hoàn tất, Ngài đảm nhiệm trụ trì cả hai ngôi chùa. Danh sách tín đồ phát tâm cúng dường rất nhiều, bao gồm người Việt, người Hoa và kể cả người Nhật Bản ở khắp các xã huyện tại Quảng Nam thời bấy giờ. Điều này chứng tỏ uy tín của ngài Huệ Đạo Minh rất lớn đối với cộng đồng dân cư đa sắc tộc tại Quảng Nam.

Theo nội dung hai văn bia chúng ta biết được Ngài tu theo pháp môn Tịnh độ, thành tâm niệm Phật và khuyến người thực hành pháp môn này. Như vậy, Thiền sư Huệ Đạo Minh hành đạo tại Ngũ Hành Sơn vào những thập niên 30-40 của thế kỷ XVII. Ngài viên tịch năm nào và mộ tháp ở đâu chưa rõ. Chúng ta có thể tôn xưng Thiền sư Huệ Đạo Minh là Sơ Tổ của thắng tích Phật giáo Ngũ Hành Sơn.

## **2. Thiền sư Minh Phước Quảng (? - 1682)**

Cho đến nay, chúng ta hoàn toàn không có tư liệu về hành trạng của Thiền sư Minh Phước Quảng. Dấu tích của Ngài chỉ còn một tấm bia đá tại động Huyền Không với dòng chữ như sau: “Minh Phước Quảng Sa-môn Thích tử chế đề chi bi. Tuế thứ Nhâm Tuất niên...nguyệt...nhật” [明-福廣沙門釋子制底之碑. 歲次壬戌年...月...日]. Nghĩa là: “Văn bia của Sa-môn Thích tử hiệu Phước Quảng người nhà Minh. Ngày.... tháng... năm Nhâm Tuất [1682]”.

Căn cứ vào lòng bia này, chúng ta có thể biết được Thiền sư Phước Quảng người Trung Hoa sang hành đạo và tu tập tại Ngũ Hành Sơn vào cuối thế kỷ XVII. Sở dĩ ta biết được Ngài là người Trung Hoa vì đầu dòng văn bia ghi chữ “Minh -明) trước tiên. “Minh” ở đây chỉ cho người nhà Minh (Trung Hoa). Và đây cũng là cách dùng chữ trên văn bia của người xưa để khẳng định người mất thuộc quốc gia nào. Với đạo hiệu Phước Quảng, ta không thể khẳng định Ngài thuộc tông Tào Động hay Lâm Tế.

Với mật hạnh ẩn tu, như cánh nhạn ngang qua bầu trời không lưu lại dấu vết, Thiền sư Minh Phước Quảng chẳng lưu lại một hành trạng nào để hậu nhơn tri tường. Căn cứ niên đại trên văn bia, chúng ta có thể đoán định Ngài mất vào năm Nhâm Tuất [1682].

### 3. Thiền sư Quả Hoằng (? - ?)

Thiền sư pháp danh Hưng Liên, hiệu Quả Hoằng, truyền pháp đời 30 tông Tào Động. Ngài là đệ tử của Thiền sư Đại Sán Thạch Liêm tại chùa Trường Thọ, Quảng Đông, Trung Hoa.

Trong “Hải ngoại kỷ sự”, Hòa thượng Thạch Liêm cho biết trong những năm 1695-1696 Thiền sư Quả Hoằng được chúa Nguyễn trọng dụng phong làm Quốc sư và cử làm trụ trì chùa trên núi Tam Thai. Chính Thiền sư Quả Hoằng làm nhịp cầu nối để Quốc chúa cung thỉnh Hòa thượng Thạch Liêm sang Đàng Trong hoằng pháp. Trong suốt thời gian Hòa thượng Thạch Liêm sang Việt Nam, Thiền sư Quả Hoằng đã đón tiếp thầy rất trang trọng và phụ thầy trong việc kiến lập các đàn truyền giới.

Ngoài việc điều hành Phật sự tại núi Tam Thai, Thiền sư Quả Hoằng chú tâm đến việc trùng tu các tự viện khác trong vai trò Quốc sư của mình. Cụ thể, Ngài chủ trương trùng tu chùa Di Đà tại Hội An và thỉnh Bốn sư mình viết lời kêu gọi: *“Chùa Di Đà này ở nơi xung yếu, khách vân thủy thập phương qua lại đều nghỉ ngơi nơi này; nay vì lâu năm gió mưa đổ nát, tôi muốn tu bổ lại một phen, cúi xin Lão Hòa thượng giúp cho một lời làm tiền dẫn. Lão Hòa thượng thường lấy bút mực làm việc Phật, chút tình bực bạch, xin từ bi nhận lời”*<sup>(2)</sup>.

Thiền sư viên tịch năm nào, mộ tháp ở đâu cho đến nay vẫn chưa xác định được. Ngoài những thông tin trong “Hải ngoại kỷ sự”, chúng ta hoàn toàn không biết được hành trạng của Ngài. Đây cũng là điều đáng tiếc cho đàn hậu học muốn tìm hiểu về công hạnh của các vị cao Tăng đời trước.

#### 4. Thiền sư Chân Đĩnh (1658-1720)<sup>(3)</sup>

Thiền sư họ Lưu, sinh vào khoảng năm Mậu Tuất [1658], người tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Hiện nay, ta chưa rõ Ngài xuất gia với Tổ sư nào tại Trung Quốc. Ngài có pháp danh Chân Đĩnh, hiệu Đương Cơ, nổi pháp đời 33 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 9 dòng thiền Trí Bản Đột Không<sup>(4)</sup>.

Ngài sang hành đạo tại Đàng Trong từ năm nào không rõ. Theo văn bia “Thái Bình tự thạch bi” lập năm 1721 cho biết, Ngài trụ trì chùa Thái Bình được 24 năm, như vậy thời gian Ngài ở Ngũ Hành Sơn từ năm Bính Tý [1696] đến năm Canh Tý [1720]. Đạo hạnh của Ngài được đệ tử ghi lại như sau: “*Cuộc sống tu hành của Ngài có thể sánh với những cao Tăng của xứ Ấn Độ*”<sup>(5)</sup>. Điều này quả thật không sai. Hơn hai thập kỷ trụ trì chùa Thái Bình, Ngài đã quy y cho hơn 3.000 tín đồ. Chính với uy tín của Ngài, tín đồ đã hiến cúng rất nhiều ruộng đất khắp vùng Quảng Nam cho chùa Thái Bình, lên đến 73 mẫu; đồng thời, chùa được nhà vua tặng cho số tiền mặt là 13 quan 50.

Hiện nay, bảo tháp lưu giữ nhục thân Ngài còn được bảo lưu bên hông chùa Phật Tâm Tông tại Ngũ Hành Sơn. Hiện tại, chùa Thái Bình cũng như các chùa trong cụm Ngũ Hành Sơn không có long vị thờ Ngài. Tuy nhiên, tại chùa Hội Khánh, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định có thờ thần chủ của Ngài với long vị như sau:

“Phụng vị thân giáo sư thượng ĐƯƠNG hạ CƠ hựu DĨNH CÔNG Lão Hòa thượng liên tòa. Thập nhị nguyệt sơ tứ nhật kỷ” [奉為親教師上當下機諱穎公老和尚蓮座. 十二月初四日忌]. Nghĩa là: “Tòa sen của vị Lão Hòa thượng thân giáo sư thượng Đương hạ Cơ tên húy là Đĩnh Công. Kỷ vào ngày mùng 4 tháng 12 âm lịch”.

Chúng tôi cũng chưa lý giải được nguyên nhân nào chùa Hội Khánh có thần chủ thờ Ngài. Nơi đây, chúng tôi ngờ rằng các vị thiền sư hành đạo tại Bình Định như: Như Diệu Giám Huyền, Tánh Quán Tịnh Trí chùa Quang Hoa, Tánh Ban Thiện Trì chùa Linh Phong, Tánh Đề Đạo Nguyên chùa Thập Tháp... theo pháp kệ Tổ Trí Bản Đột Không có mối quan hệ mật thiết trong tông môn với Thiền sư Chân Dĩnh Đường Cơ (?).

### **5. Thiền sư Bảo Đài (? - 1800)**

Thiền sư họ Nguyễn, không rõ năm sinh và quê quán<sup>(6)</sup>. Ngài có pháp danh Pháp Tràng, tự Quang Chánh, hiệu Bảo Đài, nối pháp đời 36 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 pháp phái Chúc Thánh. Ngài là đệ tử của Thiền sư Thiệt Hội Viên Quang, là pháp tôn của Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo.

Vào những năm đầu của vua Lê Hiển Tông (1740-1780), Ngài đến ngụ tại núi Ngũ Hành. Ban đầu, Ngài lập thảo am lấy hiệu là “Dưỡng Chơn Am”. Một thời gian sau, Ngài dời đến trước động Tàng Chơn và đổi lại là “Dưỡng Chơn Đường”, tức tiền thân chùa Linh Ứng ngày nay<sup>(7)</sup>.

Ngày 21 tháng 10 năm Canh Thân [1800], Ngài an nhiên viên tịch. Bảo tháp được kiến lập phía nam chùa Linh Ứng.

### **6. Thiền sư Chơn Như (1791- 1841)**

Thiền sư họ Nguyễn, sinh năm 1791 tại thôn Bạch Thạch, tỉnh Phú Yên. Ngài xuất gia đắc pháp với Thiền sư Tổ Ấn Mật Hoằng tại chùa Thiên Mục - Huế nên có pháp danh Tiên Trực, hiệu Chơn Như, nối pháp đời 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 7 pháp phái Thiên Đồng.

Năm Minh Mạng thứ 7, Bính Tuất [1826], từ chùa Long Quang - Huế, Ngài được triều đình cử vào trụ trì chùa Ứng Chơn ở Quảng Nam (tức chùa Linh Ứng ngày nay). Công hạnh của Ngài được “Ngũ Hành Sơn lục” nhận xét: “*Ngài là người nhiệt huyết tu*

*hành, giỏi về pháp thuật, hàng phục yêu ma” [修行慷慨妙法灵符衆魔降伏... - Tu hành khảng khái, diệu pháp linh phù, chúng ma hàng phục...].*

Vào ngày 18 tháng 10 năm Tân Sửu [1841], Ngài không bệnh, an nhiên thị tịch, hưởng thọ 51 năm và trụ trì chùa Linh Ứng được 16 năm. Bảo tháp lưu giữ nhục thân Ngài được kiến tạo tại phía đông ngọn Thổ sơn.

## **7. Thiền sư Viên Trùng (1777-1853)**

Thiền sư thế danh Trần Văn Trùng, sinh năm Đinh Dậu [1777] tại thôn Long Bình, tổng Xuân Đài, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Ngài xuất gia đắc pháp với Thiền sư Tổ Ấn Mật Hoàng tại chùa Thiên Mục - Huế với pháp danh Tiên Thường, hiệu Viên Trùng, nối pháp đời 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 7 pháp phái Thiên Đồng.

Năm Minh Mạng thứ 7, Bính Tuất [1826], Ngài được triều đình cử từ chùa Thiên Mục - Huế vào trụ trì chùa Tam Thai. Tại nơi đây, Ngài tinh tấn tu trì, xiển dương chánh pháp. Đạo hạnh của Ngài được ghi lại trong “Ngũ Hành Sơn lục” như sau: “*Ngài tinh tấn tham thiền nhập định, ngày ăn một bữa vào giờ Ngọ, sau mỗi bữa thường kinh hành, tay lần tràng hạt bồ-đề, lần một hạt thì niệm “Nam mô A Di Đà Phật”. Rạng sáng khi thức dậy, Tăng đồ còn thấy một vị thần giống như Hộ pháp thường đứng ở đầu giường bảo vệ cho Ngài...*”. [修行勤敏参禪入定午中一食每飯經行手捻菩提子串念南無阿彌陀佛兩指均磨胼睡辰僧徒倘見有神像似如護法像常住其頂衛護... - Tu hành cần mẫn, tham thiền nhập định, Ngọ trung nhất thực, mỗi phạn kinh hành thủ niệm bồ-đề tử xuyên, niệm “Nam mô A Di Đà Phật” lưỡng chỉ quân ma, tỉnh thùý thần Tăng đồ thắng kiến hữu thần tượng tợ như Hộ pháp tượng thường trụ kỳ đánh vệ hộ...].

Vào ngày mùng 01 tháng 12 năm Quý Sửu [1853], niên hiệu Tự Đức thứ 6, Ngài nhóm họp môn đồ lại dặn: “*Nếu như ta chứng*

*quả thì về sau các con thấy tháp luôn luôn màu trắng”. Sau đó, Ngài sai Tăng chúng đốt đèn, đánh chuông trống tụng kinh cầu nguyện vãng sanh Lạc bang rồi viên tịch, thọ 77 tuổi.*

Ngài trụ trì chùa Tam Thai được 27 năm, độ Tăng chúng rất nhiều. Bảo tháp được kiến lập tại phía đông của ngọn Thổ Sơn.

### **8. Thiền sư Phước Nghi (? - 1861)**

Thiền sư thế danh Trần Văn Nghi, là em út của Thiền sư Viên Trừng và Hoằng Ân. Ngài có pháp danh Hải Nghiêm, hiệu Phước Nghi, nối pháp đời 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 6 pháp phái Liễu Quán. Cho đến nay, chưa có tư liệu chính xác về Bôn sư của Ngài cũng như hành hoạt của Ngài trước khi về trụ trì chùa Linh Ứng.

Ngài được triều đình cử làm trụ trì chùa Ứng Chơn vào năm Tự Đức thứ 7, Giáp Dần [1854] thay thế cho Thiền sư Hoằng Ân sang trụ trì chùa Tam Thai. Ngài trụ trì tại đây được 8 năm và viên tịch vào ngày 14 tháng 10 năm Tân Dậu [1861]. Bảo tháp được kiến tạo bên tháp Thiền sư Viên Trừng.

### **9. Thiền sư Hoằng Ân (? - 1862)**

Thiền sư thế danh Trần Văn Ân, sinh quán tại thôn Long Bình, tổng Xuân Đài, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Ngài là em ruột Thiền sư Viên Trừng và là anh của Thiền sư Phước Nghi. Ngài xuất gia đắc pháp với Thiền sư Toàn Nhật Quang Đài tại chùa Viên Quang - Phú Yên nên có pháp danh Chương Tín, tự Tuyên Khánh, hiệu Hoằng Ân, nối pháp đời 38 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 5 pháp phái Chúc Thánh.

Năm Tân Sửu [1841], Ngài được triều đình bổ làm trụ trì chùa Linh Ứng. Đến năm Giáp Dần [1854], Ngài được cải bổ làm trụ trì chùa Tam Thai sau khi Thiền sư Viên Trừng viên tịch. Vào ngày 19 tháng 9 năm Nhâm Tuất [1862], Ngài viên tịch. Mộ tháp được kiến lập bên cạnh tháp Thiền sư Viên Trừng và Thiền sư Phước Nghi.



“Ngũ Hành Sơn lục” ghi lại công hạnh của Ngài như sau:  
“Ngài là người tu hành đắc đạo, thông thạo kinh điển, mô phạm nơi chốn thiên lâm, giáo hóa đồ chúng rất đông” [修持得道通經模範教傳衆多... - Tu trì đắc đạo, thông kinh mô phạm, giáo truyền chúng đa...].

Đệ tử của Ngài rất nhiều, nhưng tiêu biểu nhất là Thiền sư Ân Thanh Chí Thành.



**Ảnh chư Tăng tại Ngũ Hành Sơn đầu thế kỷ XX  
được in trong tập san B.A.V.H do Hội Đồ Thành Hiếu Cổ in**

*Ảnh sưu tầm*

## **10. Thiền sư Huệ Quang (? - 1873)**

Thiền sư thế danh Đặng Văn Quang, sinh quán xã Đức An, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Ngài xuất gia với Tổ Toàn Nhâm Quán Thông tại chùa Phước Lâm - Hội An nên có pháp danh Chương Tư, tự Tuyên Văn. Ngài nói pháp đời 38 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 5 pháp phái Chúc Thánh.

Sau khi thọ Đại giới, Ngài vân du vào Phú Yên tham học với các vị Tổ sư tại chùa Từ Quang - Đá Trắng. Ngài đắc pháp với Thiền sư Toàn Đức Thiệu Long tại chùa Khánh Sơn với pháp hiệu Huệ Quang.

Năm Tân Dậu [1861], Ngài được triều đình cử làm trụ trì chùa Linh Ứng. Năm sau, Nhâm Tuất [1862], Ngài được cải bổ trụ trì chùa Tam Thai thay thế cho Thiền sư Hoằng Ân vừa viên tịch.

Năm Kỷ Tỵ [1869], Ngài được cung thỉnh làm Đường đầu Truyền giới Tôn sư tại Đại giới đàn chùa Phước Lâm - Hội An. Ngài là bậc mô phạm trong chốn tông lâm, đồng mãnh tinh tấn, suốt cuộc đời không hề đau ốm.

Ngày 22 tháng 6 năm Quý Dậu [1873], Ngài viên tịch tại chùa Tam Thai. Bảo tháp được kiến lập tại phía nam ngọn Âm Hỏa Sơn. Đệ tử Ngài rất nhiều, trong đó tiêu biểu nhất là Thiền sư Ấn Bồn Vĩnh Gia, trụ trì chùa Phước Lâm - Hội An.

### **11. Thiền sư Mật Hạnh (1822-1884)**

Thiền sư thế danh Hồ Viết Châu, sinh năm Nhâm Ngọ [1822] tại châu Hà Mật, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Điện Phong, Thị xã Điện Bàn). Ngài xuất gia đắc pháp với Thiền sư Toàn Nhâm Quán Thông tại chùa Phước Lâm nên có pháp danh Chương Quảng, tự Tuyên Châu, hiệu Mật Hạnh, nối pháp đời 38 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 5 pháp phái Chúc Thánh.

Năm Nhâm Tuất [1862], Ngài được triều đình bổ làm trụ trì chùa Linh Ứng. Đến năm Quý Dậu [1873], Ngài được cải bổ làm trụ trì chùa Tam Thai sau khi pháp huynh là Thiền sư Huệ Quang viên tịch.

Đối với Phật pháp, Ngài hết lòng lo lắng, tạo tượng đúc chuông, chỉnh trang chốn thiền môn ngày càng thêm quy mô tráng lệ. Mỗi ngày Ngài chỉ ăn một bữa vào giờ Ngọ, mọi công việc nội tự Ngài đều đích thân lo chu toàn.

Ngày mồng 4 tháng 4 năm Giáp Thân [1884], Ngài viên tịch tại chùa Tam Thai, hưởng thọ 63 tuổi. Bảo tháp của Ngài được kiến tạo tại vị trí giữa ngọn Thổ sơn và Thủy sơn.

Đệ tử của Ngài rất nhiều, tiêu biểu là các vị Ấn Lan Từ Trí - Tăng cang chùa Tam Thai; Ấn Diệu Từ Nhân - trụ trì chùa Tam Thai; Ấn Bính Phổ Bảo - trụ trì chùa Chúc Thánh, Hội An...

## **12. Thiền sư Chí Thành (1841-1895)**

Thiền sư thế danh Trần Văn Thành, sinh năm Tân Sửu [1841] tại thôn Long Bình, tổng Xuân Đài, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Ngài xuất gia với Thiền sư Chương Tín Hoằng Ân tại chùa Linh Ứng với pháp danh Ấn Thanh, tự Tổ Đạo, nối pháp đời 39 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 6 pháp phái Chúc Thánh.

Năm Nhâm Tuất [1862], Bồn sư viên tịch, Ngài cầu pháp với Thiền sư Chương Tư Huệ Quang nên có pháp hiệu là Chí Thành. Năm Quý Dậu [1873], Ngài được bổ làm trụ trì chùa Ứng Chơn. Đến năm Giáp Thân [1884], Ngài được cải bổ trụ trì chùa Tam Thai thay thế Thiền sư Chương Quảng Mật Hạnh vừa viên tịch.

Năm Quý Tỵ [1893], Ngài cùng Thiền sư Chương Đạo Quảng Viên chủ đại hồng chung tại Tổ đình Chúc Thánh, sau đó kiến lập giới đàn truyền trao giới pháp cho chư Tăng tu học. Giới đàn này cung thỉnh Ngài làm Đường đầu Hòa thượng; Hòa thượng Chơn Tâm Pháp Tạng chùa Từ Quang - Phú Yên làm Yết-ma; Hòa thượng Ấn Bồn Vĩnh Gia chùa Phước Lâm làm Giáo thọ.

Ngài tánh tình nghiêm cẩn, dũng mãnh tu hành, sáng tối hai thời kinh chú đều đặn không bao giờ trễ nãi. Suốt cuộc đời hành đạo, Ngài chưa một lần đau ốm.

Vào ngày 25 tháng 4 năm Ất Mùi [1895], Ngài nhuốm bệnh, tập họp đồ chúng dặn dò và viên tịch ở tuổi đời 55. Bảo tháp của Ngài được lập cạnh tháp Thiền sư Huệ Quang tại phía nam ngọn Âm Hỏa Sơn.

Đệ tử đặc pháp của Ngài rất đông, tiêu biểu có năm vị được gọi là Tam Thai Ngũ Phước: Chơn Pháp Phước Trí - Tăng cang chùa Tam Thai; Chơn Đỉnh Phước Thông - trụ trì chùa Tam Thai; Chơn Nhẫn Phước Điền - trụ trì chùa Vĩnh An; Chơn Đức Phước Long - trụ trì chùa Mân Thái; Chơn Bồn Phước Khánh - trụ trì chùa Từ Vân. Ngoài ra Ngài còn có đệ tử đặc pháp là Quốc sư Chơn Luận Phước Huệ<sup>(8)</sup>, vị thầy của phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX.

### 13. Thiền sư Từ Trí (1852-1921)

Thiền sư thế danh Nguyễn Viết Lư (Lô), sinh năm Nhâm Tý [1852] tại xã An Bình, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Năm Tự Đức 19, Bính Dần [1866] khi vừa tròn 15 tuổi, Ngài xuất gia với Thiền sư Chương Quảng Mật Hạnh tại chùa Linh Ứng, có pháp danh Ấn Lan,

tự Tổ Huệ, hiệu Từ Trí, nối pháp đời 39 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 6 pháp phái Chúc Thánh.

Năm Tự Đức 29, Bính Tý [1876], Ngài được cử làm Tăng mục tại chùa Linh Ứng. Đến năm Bính Tuất [1886], Ngài được triều đình bổ làm trụ trì chùa Linh Ứng. Năm Ất Mùi [1895], triều đình sắc phong Ngài làm Tăng cang, cai quản hai chùa Tam Thai và Linh



**Pháp tướng Thiền sư Ấn Lan Từ Trí (1852-1921),  
vị Tăng cang đầu tiên  
của Phật giáo Ngũ Hành Sơn**

*Ảnh Internet*

Ứng. Trong lịch sử Phật giáo Ngũ Hành Sơn, Ngài là vị Tăng cang đầu tiên vậy.

Năm Giáp Ngọ [1894], Ngài được cung thỉnh làm Tôn chứng tại Đại giới đàn chùa Báo Quốc - Huế. Năm Nhâm Dần [1902], Ngài tổ chức Đại trai đàn tại chùa Linh Ứng, đích thân vua Thành Thái vào tham dự và ban cho Ngài sáu chiếc ca-sa để tưởng thưởng cho Phật sự này. Năm Bính Thìn [1916], Ngài khai Đại giới đàn tại chùa Tam Thai và được cung thỉnh làm Đường đầu Hòa thượng.

Ngày mồng 2 tháng 7 năm Tân Dậu [1921], Ngài viên tịch ở tuổi đời 70. Bảo tháp được kiến lập bên tháp Bồn sư Mật Hạnh phía nam ngọn Thủy Sơn.

Ngài là người đứng ra chủ trương biên soạn cuốn “Ngũ Hành Sơn lục” được sơ thảo từ năm 1916. Đây là một tác phẩm rất có giá trị về mặt lịch sử, rất cần cho những ai để tâm nghiên cứu về lịch sử văn hóa và Phật giáo tại Ngũ Hành Sơn.

Đệ tử của Ngài có các vị tiêu biểu như: Chơn Quyên Hưng Long - khai sơn chùa Vu Lan, Đà Nẵng; Chơn Cảnh Huệ Duyệt - Tăng cang chùa Vĩnh An, Duy Xuyên; Chơn Lăng Đường Khánh - trụ trì chùa Nghĩa Trùng, Điện Bàn; Chơn Trùng Đường Nhật - khai sơn chùa Khánh Lâm (Hóc Môn, Sài Gòn); Chơn Tá Tôn Bảo - trụ trì chùa Vu Lan, Đà Nẵng.

#### **14. Thiền sư Từ Nhẫn (1859-1921)**

Thiền sư thế danh Lê Văn Sáng, sinh năm Kỷ Mùi [1859] tại xã Gia Phước, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Năm Tự Đức 22, Kỷ Ty [1869], Ngài xuất gia với Thiền sư Chương Quảng Mật Hạnh tại chùa Linh Ứng với pháp danh Ấn Diệu, tự Tổ Truyền, hiệu Từ Nhẫn, nối pháp đời 39 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 6 pháp phái Chúc Thánh.

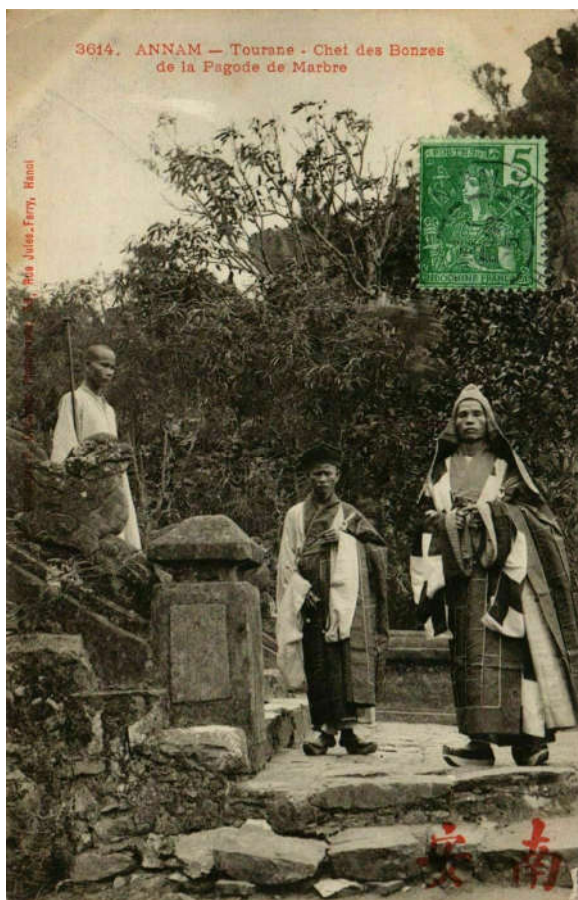
Đến năm Tự Đức 34, Tân Ty [1881], Ngài được cử làm Tăng mục chùa Linh Ứng. Năm Ất Mùi [1895], được triều đình cử làm trụ trì chùa Linh Ứng.

Năm Đinh Dậu [1897], Ngài được vua Thành Thái ban cho hai chiếc “Tam thọ ngân tiền” để tưởng thưởng đạo hạnh của Ngài. Năm Giáp Thìn [1904], được cải bổ làm trụ trì chùa Tam Thai.

Ngài bảm tính thuần hậu, tiếp Tăng độ chúng với tâm từ vô lượng không có sự phân biệt. Ngài

viên tịch vào ngày mùng 3 tháng 11 năm Tân Dậu [1921] hưởng thọ 63 tuổi, bảo tháp Ngài được kiến lập bên cạnh tháp Thiền sư Mật Hạnh và Thiền sư Từ Trí.

Đệ tử đặc pháp của Ngài có các vị như: Chơn Phương Thiện Trung - trụ trì chùa Tam Thai; Chơn Đạt Thiện Ân - Yết-ma tại Gia Định; Chơn Tâm Viên Minh - khai sơn chùa Sùng Đức, Phan Rang...



**Ảnh Tăng cang Ấn Lan Từ Trí (1852-1921)  
và trụ trì Ấn Diệu Từ Nhẫn (1859-1921)  
tại Ngũ Hành Sơn**

*Ảnh Internet*

## 15. Thiền sư Phước Trí (1867-1932)

Thiền sư thế danh Nguyễn Văn Diệu, sinh năm Đinh Mão [1867] tại xã Mỹ Khê, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc phường An Hải, quận Sơn Trà, Đà Nẵng).

Năm Tự Đức 28, Ất Hợi [1875] Ngài xuất gia với Thiền sư Ân Thanh Chí Thành tại chùa Linh Ứng với pháp danh Chơn Pháp, tự Đạo Diệu, hiệu Phước Trí, nối pháp đời 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 7 pháp phái Chúc Thánh.

Năm Ất Mùi [1895], Ngài được cử làm Tăng mục chùa Linh Ứng. Năm Giáp Thìn [1904], được triều đình cử làm trụ trì chùa Linh Ứng. Bốn năm sau, Ngài được bốn đạo mời ra Huế trùng tu lại chùa Sắc tứ An Hội và hành đạo tại đất Thần kinh một thời gian dài.

Năm Mậu Thìn [1928], Ngài được triều đình Sắc phong Tăng cang Tam Thai - Linh Ứng nhị tự. Cũng trong năm này, Thiền sư Quảng Hưng kiến khai giới đàn tại chùa Từ Vân - Đà Nẵng và cung thỉnh Ngài làm Đường đầu Hòa thượng.

Ngài là người tinh thông kinh luật, thường thọ trì kinh *Hoa Nghiêm* tại động Tàng Chơn. Ngài viên tịch vào ngày mùng 2 tháng Chạp năm Nhâm Thân [1932], hưởng thọ 66 tuổi. Bảo tháp được lập tại khu vực Thủy Sơn.

Đệ tử của Ngài có những vị nổi danh như: Như Thông Tôn Nguyên - trụ trì chùa Linh Ứng; Như Tiến Quảng Hưng - khai sơn chùa Từ Vân (Đà Nẵng) và chùa Pháp Bảo (Phan Thiết). Đệ tử cầu pháp có các vị: Chơn Tá Tôn Bảo - trụ trì chùa Vu Lan (Đà Nẵng); Trùng Kệ Tôn Thắng - khai sơn chùa Phổ Đà (Đà Nẵng) là những vị danh Tăng của Phật giáo Đà Nẵng thời cận đại.

## 16. Thiền sư Phước Thông (1866-1951)

Thiền sư thế danh Lê Hữu Đạt, sinh năm Bính Dần [1866] tại làng Lê Sơn, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc Hòa Vang, Đà Nẵng).

Ngài xuất gia với Thiền sư Ấn Thanh Chí Thành tại chùa Linh Ứng nên có pháp danh Chơn Định, tự Đạo Đạt, hiệu Phước Thông, nổi pháp đời 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 7 pháp phái Chúc Thánh.

Năm Đinh Hợi [1887], Ngài về khai sơn chùa Phước Thiện tại quê nhà. Năm Canh Dần [1890], xây dựng Tam Tôn đường để làm nơi nhập thất tham thiền. Năm Ất Mùi [1895], Ngài được triều đình bổ nhiệm làm trụ trì chùa Tam Thai. Năm Đinh Dậu [1897], vua Thành Thái ban cho Ngài hai chiếc “Tam thọ ngân tiền” để tưởng thưởng công đức tu hành cũng như đạo hạnh của Ngài. Năm Bính Ngọ [1906], sau 11 năm trụ trì chùa Tam Thai, vì bệnh duyên nên Ngài từ chức trụ trì và trở về Tam Tôn đường để tịnh dưỡng tu tập. Năm Mậu Thìn [1928], Ngài được cung thỉnh làm Yết-ma A-xà-lê tại Đại giới đàn chùa Từ Vân, Đà Nẵng.

Ngày 21 tháng 2 năm Tân Mão [1951], Ngài viên tịch, thọ 86 tuổi. Bảo tháp của Ngài được lập bên cạnh tháp Thiền sư Phước Trí tại khu vực Thủy Sơn. đệ tử của Ngài rất nhiều, tiêu biểu nhất là Thiền sư Như Điền Huệ Chấn - trụ trì của Hưng Long (Quận 10, Sài Gòn).

### **17. Thiền sư Trí Hữu (1912-1975)**

Thiền sư thế danh Lê Thùy, sinh năm Quý Sửu [1912] tại làng Quá Giáng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Năm 17 tuổi, Ngài xuất gia với Thiền sư Như Thông Tôn Nguyên tại chùa Linh Ứng với pháp danh Thị Năng, tự Trí Hữu, hiệu Hương Sơn, nổi pháp đời 42 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 9 pháp phái Chúc Thánh.

Ngài theo học Phật học đường Phổ Thiên - Đà Nẵng năm 1935, sau đó ra tham học tại Phật học đường Báo Quốc. Năm 1948, Ngài vào miền Nam khai sơn chùa Ứng Quang (nay là chùa Ấn Quang) và tham gia giảng dạy tại Phật học đường Nam Việt.



Năm 1957, Ngài trở về lại Đà Nẵng kế nghiệp trụ trì Tổ đình Linh Ứng sau một thời gian dài không người chăm sóc.

Năm 1961, Ngài giữ chức vụ Trụ sự trưởng Giáo hội Tăng-già Quảng Nam Đà Nẵng. Năm 1962, Ngài được Giáo hội Tăng-già cử làm trụ trì chùa Tỉnh hội Đà Nẵng, đồng thời cung thỉnh làm Giám viện Phật học viện Phổ Đà.

Mùa Pháp nạn năm 1963, Ngài là vị lãnh đạo tối cao của Phật giáo Đà Nẵng trong việc đòi hỏi quyền tự do tôn giáo. Ngài có công trùng tu Tổ đình Linh Ứng vào năm 1972 cũng như khai sơn các chùa như: chùa Từ Quang (Điện Bàn), chùa Hòa Phước (Hòa Vang), chùa Bảo Minh (quận Cẩm Lệ)...

Ngài thường được cung thỉnh vào hàng Thập sư tại các Đại giới đàn Hải Đức - Nha Trang năm 1957; Đại giới đàn Vĩnh Gia - Đà Nẵng năm 1970; Đại giới đàn Quảng Đức tại Thủ Đức năm 1971; và làm Yết-ma, Giáo thọ tại các Tiểu giới đàn tại Phật học viện Long Tuyền - Quảng Nam.

Ngài viên tịch ngày 28 tháng 11 năm Ất Mão [1975] tại chùa Ấn Quang - Sài Gòn, hưởng thọ 64 tuổi. Sau lễ trà tỳ, môn đồ cung thỉnh xá-lợi Ngài về nhập bảo tháp tại Tổ đình Linh Ứng - Đà Nẵng.

### **18. Thiền sư Trí Giác (1915-2005)**

Thiền sư thế danh Dương Đức Thanh, tức Liễu, sinh năm Ất Mão [1915] tại làng Cẩm Văn, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Năm 1942, Ngài xuất gia tại chùa Chúc Thánh với ngài Tăng cang Thiện Quả nên có pháp danh Như Nhàn, tự Giải Lạc, hiệu Trí Giác, nối pháp đời 41 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 8 pháp phái Chúc Thánh.

Năm 1944, sau khi thọ Sa-di, Ngài vào Nam và sang Cam-pu-chia tham học với các vị trưởng lão trong tông môn. Năm 1949, Ngài thọ Cụ túc giới tại Đại giới đàn Hộ Quốc chùa Báo Quốc -

Huế. Năm 1950, Ngài đảm nhiệm trú trì chùa Tỉnh hội và thành lập tổ chức Sơn môn Tăng-già Quảng Nam. Năm 1954, Ngài đảm nhiệm trú trì Tổ đình Phước Lâm và giữ chức vụ Hội trưởng Hội Phật học Quảng Nam vào năm 1956. Đến năm 1958, Ngài được mời làm Trị sự trưởng Giáo hội Tăng-già Quảng Nam. Năm 1960, Ngài được Sơn môn cử làm trú trì Quốc tự Tam Thai tại Ngũ Hành Sơn.

Trong mùa pháp nạn năm 1963, Ngài là lãnh đạo tối cao của phong trào đấu tranh Phật giáo tại Quảng Nam. Cũng trong thời gian này, một số người muốn dựng Thánh giá trên ngọn Thủy Sơn, bằng hùng lực của mình, Ngài đã ngăn chặn được âm mưu ấy. Việc giữ gìn danh thắng Ngũ Hành Sơn là thánh tích của Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng có thể nói Ngài có công rất lớn.

Từ năm 1964 đến năm 1975, Ngài đảm nhận chức vụ Chánh đại diện GHPGVNTN tỉnh Quảng Nam. Năm 1980, Ngài trở về kiêm nhiệm trú trì Tổ đình Phước Lâm sau khi Hòa thượng Thích Như Vạn viên tịch. Năm 1992, Ngài được cung thỉnh làm Trưởng môn phái Lâm Tế Chúc Thánh cho đến ngày viên tịch.

Ngoài việc trùng tu Tổ đình Phước Lâm và Quốc tự Tam Thai, Ngài còn đứng ra trùng tu và chủ trương xây dựng các chùa như: chùa Nghĩa Trung (Điện Bàn); chùa Quan Thế Âm (Ngũ Hành Sơn); chùa Bảo Quang (Đà Nẵng)...

Ngài viên tịch ngày 26 tháng 8 năm Ất Dậu [2005], hưởng thọ 91 tuổi. Bảo tháp được kiến lập bên phải Tổ đình Tam Thai.

\*\*\*

Trải qua hơn 400 năm hình thành và phát triển, trung tâm Phật giáo Ngũ Hành Sơn đã đào tạo nhiều thế hệ Tăng tài để hoằng dương đạo pháp. Đặc biệt đây cũng là nơi đã lưu lại dấu tích của nhiều thiền phái như Trúc Lâm, Tào Động và các chi của dòng Lâm Tế.

Khởi thủy là Thiền sư Huệ Đạo Minh thuộc dòng thiền hậu Trúc Lâm từ miền Bắc vào; kế đó là Thiền sư Chân Dĩnh thuộc dòng Lâm Tế Trí Bản Đột Không; rồi đến Thiền sư Quả Hoằng thuộc tông Tào Động một thời hành đạo tại đây. Thời Tây Sơn có Thiền sư Pháp Tràng thuộc dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh; đến thời Minh Mạng có các Thiền sư Tiên Thường Viên Trừng, Tiên Trục Chơn Như thuộc dòng Lâm Tế Nguyên Thiệu; Thiền sư Hải Nghiêm Phước Nghi thuộc dòng Lâm Tế Liễu Quán. Kể từ thời Tự Đức cho đến thời cận đại, các thiền sư thuộc dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển Phật giáo với hai ngôi Tổ đình chính là Tam Thai và Linh Ứng.

Chính sự tiếp thu và dung hòa tư tưởng các dòng thiền đã tạo nên một sắc thái đa dạng và đặc thù của trung tâm Phật giáo Ngũ Hành Sơn. Vì vậy, Ngũ Hành Sơn là một nét son lớn trong dòng chảy của lịch sử Phật giáo Việt Nam, và mãi là niềm tự hào của người con Phật xứ Quảng.

### **Chú thích**

- [1]. Nay thuộc thành phố Đà Nẵng.
- [2]. Thích Đại Sán, “Hải ngoại ký sự”, Viện Đại học Huế, 1963, tr. 156.
- [3]. Theo văn bia “Thái Bình tự thạch bi” do đệ tử ngài là Nguyễn Phước An, pháp danh Như Minh lập vào ngày 11 tháng 7 năm Tân Sửu [1721], triều vua Vĩnh Thịnh 17, ghi ngài thọ 63 tuổi. Đồng thời căn cứ long vị thờ Ngài tại chùa Hội Khánh (Bình Định) ghi ngày kỵ của Ngài là mùng 4 tháng 12. Như vậy, Ngài phải tịch vào ngày mùng 4 tháng 12 năm Canh Tý [1720], tức 6 tháng trước khi đệ tử Như Minh lập văn bia vào ngày 11 tháng 7 năm Tân Sửu [1721]. Lấy năm viên tịch trừ cho số tuổi 63 (tính theo âm lịch), có thể Ngài sinh vào năm Mậu Tuất [1658].
- [4]. “Thái Bình tự thạch bi” ghi: “Lâm Tế chánh tôn cửu đại Hòa thượng Lưu Chân Dĩnh”. Xét theo kệ truyền pháp của Tổ Trí Bản Đột Không: “Trí Tuệ Thanh Tịnh/ Đạo Đức Viên Minh/ Chân Như Tánh Hải...” chúng ta thấy, tính từ Tổ Trí Bản Đột Không (đời 25 tông Lâm Tế và là Sơ tổ dòng Trí Bản Đột Không) trở xuống thì ngài Chân Dĩnh Đương Cơ thuộc đời 33 tông Lâm Tế, và thuộc đời thứ 9

dòng Trí Bản Đột Không. Ở văn bia này, đệ tử Như Minh tính thế thứ của Ngài theo dòng Trí Bản Đột Không.

- [5]. “Ngũ Hành Sơn”, Albert Sallet, Nxb. Đà Nẵng, 1996.
- [6]. Tuy nhiên hiện nay thân tộc Ngài vẫn còn ở tại dưới chân núi Ngũ Hành Sơn, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.
- [7]. Minh Mạng năm thứ 6 [Đinh Hợi - 1825], nhà vua cho xây dựng “Ứng Chơn đường” và sau đổi thành “Ứng Chơn tự”. Đến năm Thành Thái thứ 3 [Tân Mão - [1891], vì ty hủy chữ “Chơn” nên sắc cải thành “Linh Ứng tự” như hiện nay.
- [8]. Hòa thượng Chơn Luận Phước Huệ xuất gia tại Tổ đình Thập Tháp với Thiền sư Ngô Thiệu Minh Lý. Ngài được Bôn sư cho pháp danh Chơn Luận. Năm 1889, Thiền sư Minh Lý viên tịch, Ngài Chơn Luận nghe tin Thiền sư Chí Thành tại núi Tam Thai - Quảng Nam là bậc tu hành tinh thông kinh luật nên tìm đến học đạo và cầu pháp. Ngài được Hòa thượng Chí Thành phú pháp hiệu là Phước Huệ. Từ đó, Ngài chủ yếu dùng đạo hiệu Phước Huệ làm danh xưng cho đến cuối đời.

# VỀ HAI VĂN BẢN MA NHAI THỜI ĐỒNG KHÁNH TẠI ĐỘNG HUYỀN KHÔNG<sup>7</sup>

Về danh thắng Ngũ Hành Sơn, mở đầu *Ngũ Hành Sơn lục* có viết: “Ngũ Hành Sơn, Nam châu đệ nhất danh thắng” [五行山南洲第一名勝] - “Ngũ Hành Sơn là danh thắng bậc nhất ở trời Nam”. Lời nói ấy quả thật không ngoa. Danh thắng Ngũ Hành Sơn từ bao đời nay đã thu hút biết bao thế hệ tao nhân mặc khách khắp nơi đến thưởng ngoạn, viếng thăm.

Với cảnh quan hùng vĩ, hệ thống hang động dày đặc huyền ảo đã khiến bao nhiêu danh thần văn sĩ không tiếc ngôn từ ca ngợi, tán thán, đặc biệt là với động Huyền Không - một trong những hang động đẹp nhất nằm tại ngọn Thủy Sơn. Động có nền bằng phẳng, vòm mái hình tròn, có 5 lỗ lớn nhỏ thông ra bên ngoài ánh sáng theo đó tràn vào tạo nên cảnh sắc lung linh huyền ảo, khiến người đến viếng thăm như lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh.

Trên vách động Huyền Không hiện còn lưu dấu khá nhiều tư liệu văn khắc Hán Nôm, bao gồm bi ký, thơ văn của các vị cao tăng, thủ bút của vua Minh Mạng và các đại thần triều Nguyễn cùng bao thế hệ tao nhân mặc khách. Trong đó đáng chú ý là hai văn bản ma nhai - bài tán của Lý Triệu Tuấn và bài thơ của Bùi Văn Dị - lưu đề trên vách động Huyền Không vào năm Đồng Khánh Đinh Hợi [1887], được xem là những bài thơ vịnh có niên đại xuất hiện sớm nhất tại hang động nổi tiếng này.

## 1. Về bài “tán” của Lý Triệu Tuấn

Về tác giả Lý Triệu Tuấn - người lưu đề bài “tán” trên vách động Huyền Không năm Đinh Hợi [1887] hiện chúng tôi chưa truy tầm được lai lịch. Tuy nhiên căn cứ vào dòng lạc khoản ở cuối bài - “Quỳnh phủ Xuân hữu Lý Triệu Tuấn thư” [瓊府春友李肇浚書]

---

<sup>7</sup> Đăng trên Tạp chí Liễu Quán số 16, NXB Thuận Hóa 2019.

thì chúng ta có thể đoán định ông là người Hoa kiều. Bởi thường thấy, đa phần người Hoa khi sang định cư tại Việt Nam thường lập hội quán để thờ tự tổ tiên của mình và sinh hoạt theo các hội đồng hương của mỗi tỉnh tại bản quán. Thông thường hội quán của mỗi bang đều được đặt tên riêng như bang Phước Kiến đặt tên là “Phước Kiến hội quán”, bang Quảng Đông là “Quảng Triệu hội quán”, bang Triều Châu là “Triều Châu hội quán”, bang Hải Nam là “Quỳnh Phủ hội quán”. Như vậy, rất có thể Lý Triệu Tuấn là người gốc Hải Nam ở Trung Hoa. Tuy nhiên cộng đồng người Hoa Hải Nam khi di cư sang Việt Nam ở rải rác khắp nơi, và cả nước có rất nhiều “Quỳnh Phủ hội quán”, nên chúng ta không thể biết được Lý Triệu Tuấn định cư địa phương nào tại Việt Nam.

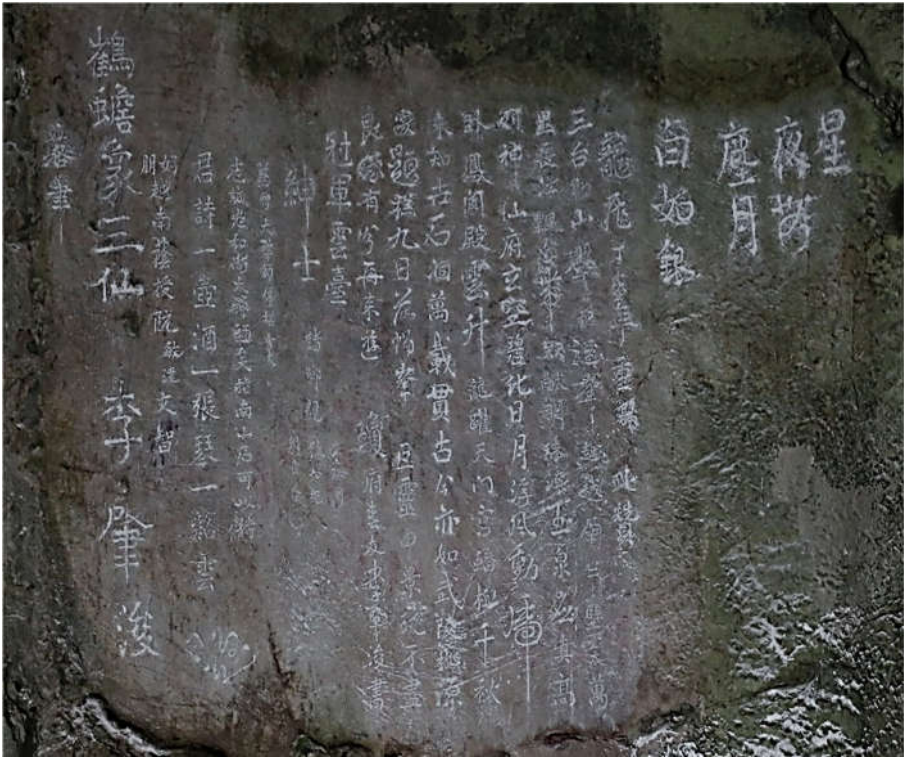
Về thời gian, căn cứ dòng lạc khoản ở đầu bài ghi: “Long phi Đinh Hợi niên, trùng dương đáo thử tán” [飛丁亥年重陽到此贊] chúng ta biết, Lý Triệu Tuấn đã ghé thăm lưu đề bài tán này lên vách động Huyền Không vào tiết trùng dương - mùng 9 tháng 9 năm Đinh Hợi [1887], niên hiệu Đồng Khánh thứ 3, cùng năm với bài thơ của Bùi Văn Dị.

Qua khảo sát thực tế chúng tôi nhận thấy, vị trí văn bản ma nhai này nằm ngay vách đá phía sau chùa Trang Nghiêm [Hoa Nghiêm] của động Huyền Không hiện nay, với kích thước khá lớn: 154cm x 110cm, và có lẽ đây là văn bản ma nhai có kích thước lớn nhất so với các văn bản còn lại tại Ngũ Hành Sơn. Toàn bộ văn bản cả thấy có 22 dòng chữ, được viết theo lối chữ chân [thẳng hoặc đá thảo], kích cỡ chữ lớn nhỏ sai khác, số chữ trong mỗi dòng dài ngắn không đồng đều - dòng dài nhất có 16 chữ, dòng ngắn nhất chỉ 01 chữ. Tuy nhiên, nội dung văn bản không chỉ có “bài tán”, mà cuối bài tán còn có phần “ký” - do chính tác giả Lý Triệu Tuấn “lạc bút” ghi thêm những thông tin khác.

Theo đó, bài tán có tiêu đề “*Tinh dạ vô trần, nguyệt bạch như ngân*” [星夜無塵月白如銀] - “Đêm sao tĩnh lặng, trăng sáng lóng lánh như dát bạc”; và phần ký có tiêu đề “*Quán quân vân đài*” [冠

軍雲臺]. Tuy nhiên, với phần ký này, vì không nắm rõ hoàn cảnh lưu đề của tác giả nên thật khó lòng để chúng ta tìm được sự “nối kết” với nội dung bài tán nói trên và xem chúng như một chỉnh thể văn bản.

Cũng cần nói thêm rằng, đây là văn bản duy nhất được viết theo thể “tán” trong toàn bộ hệ thống ma nhai tại Ngũ Hành Sơn mà chúng tôi khảo sát được. Do thế nó có một vị trí khá đặc biệt. “Tán” là một thể tài trong văn học cổ Trung Hoa, mà về mặt cú pháp tuy có vần điệu như thơ nhưng không quá khắt khe về mặt niêm luật hay câu chữ. Ngoài tiêu đề và lạc khoản, bài tán của Lý Triệu Tuấn cả thảy có 14 câu thất ngôn, trong đó 4 câu đầu ca ngợi cảnh sắc Tam Thai, 10 câu sau cảm thán trước vẻ đẹp huyền ảo “bồng lai tiên cảnh” của Huyền Không động.



Bài tán của Lý Triệu Tuấn trên ma nhai động Huyền Không

Ảnh Không Nhiên

Dưới đây, chúng tôi lần lượt giới thiệu nội dung “bài tán” và “phần ký” của văn bản ma nhai này:

### 1.1. Nội dung bài tán

*Nguyên văn*

星夜無塵月白如銀

飛丁亥年重陽到<sup>(1)</sup>此贊

三台名山翠相連

峯起越南半壁天

萬里長江飄金帶

雙猷明珠滾玉泉

應真高列神仙府

玄空碧化日月浮

風動虎臥鳳閣殿

雲升躍天門宮

蟠桃千秋未知世

石洞萬載貫古今

亦如武陵桃源處

題樣九月落帽峯

巨靈申景玩不尽

良緣有分再來遊。

瓊府春友李肇浚書。

*Phiên âm*

**Tinh dạ vô trần nguyệt bạch như ngân**

*Long phi Đình Hội niên, trùng dương đảo thử tán*

*Tam Thai danh sơn thủy tương liên*

*Phong khởi Việt Nam bán bích thiên*



Vạn lý trường giang phiêu kim đới  
Song hiển minh châu cổn ngọc tuyến.  
Ứng Chơn cao liệt thần tiên phủ  
Huyền Không bích hóa nhật nguyệt phù  
Phong động hồ ngọa phụng các điện  
Vân thăng long dưc thiên môn cung.  
Bàn đào thiên thu vị tri thế  
Thạch động vạn tải quán cổ kim  
Diệp như Vũ Lăng đào nguyên xứ  
Đề dạng cửu nguyệt lạc mảo phong  
Cự linh thân cảnh ngoạn bất tận  
Lương duyên hữu phận tái lai du.  
Quỳnh phủ xuân hữu Lý Triệu Tuấn thư.

**Dịch thơ**

**Đêm sao tĩnh lặng, trăng lóng lánh như dát bạc**

Ba ngọn Tam Thai nối tiếp nhau  
Giữa đất trời Nam biếc một màu  
Muôn dặm sông dài vàng một dải  
Hai tầng ngọc biếc ánh khe sâu.  
Huyền Không bích động bầu tinh tú  
Ứng Chơn thần điện phủ nhiệm mầu  
Gió nhẹ, hồ nằm nơi phụng điện  
Mây vãn, rồng lượn giữa thiên lâu.  
Muôn thuở bàn đào khôn biết được  
Ngàn năm thạch động suốt xưa sau  
Nhu chón đào nguyên Vũ Lăng xứ  
Tháng chín dạo non lạc bút đầu [đề].

*Cảnh vật linh thiêng hoài thương ngoạn*

*Hữu duyên trở lại mãi vân du.*

**Tiết trùng dương năm Đinh Hợi [1887], đến thăm Ngũ Hành Sơn đề tán.**

**Bạn du xuân Quỳnh phủ Lý Triệu Tuấn đề.**

*(Thích Nguyên Hiền dịch)*

## **1.2. Nội dung phần ký**

**Nguyên văn**

**冠軍雲臺**

紳士諸鄉親: 李珠川, 陳如紀, 劉章發。

慈智大禪師停棋會友。志誠老和尚大禪師笑指  
南山石可以待。

君詩一壺酒, 一張琴, 一谿雲。

好朋: 越南蔭授阮敏達文智。

鶴蟾象三仙。

李肇浚落筆。

**Phiên âm**

**Quán quân vân đài**

*Thân sĩ chư hương thân: Lý Châu Xuyên, Trần Như Kỳ, Lưu Chương Phát.*

*Từ Trí đại thiền sư đình kỳ hội hữu, Chí Thành lão Hòa thượng đại thiền sư tiểu chỉ Nam sơn thạch khả dĩ đãi.*

*Quân thi nhất hồ tửu, nhất trương cầm, nhất Khê vân.*

*Hảo bằng: Việt Nam ăm thọ Nguyễn Mẫn Đạt Văn Trí.*

*Hạc thiềm tượng tam tiên.*

*Lý Triệu Tuấn lạc bút.*

## ***Dịch nghĩa***

### **Quán quân vân đài**

Chư thân sĩ, bằng hữu [hội hữu] tại hương thôn gồm: Lý Châu Xuyên, Trần Như Kỷ, Lưu Chương Phát.

Từ Trí đại thiên sư cho dừng hội chơi cờ, Chí Thành lão Hòa thượng đại thiên sư mỉm cười, chỉ ngọn núi đá phía Nam nói [nơi ấy] có thể tiếp đãi [các ông].

Mỗi người một bình rượu, một đàn cầm, một cung mây.

Hảo bằng hữu là Việt Nam ẩm thọ Nguyễn Văn Trí, hiệu Mẫn Đạt.

Hạc Tiềm Tượng Tam Tiên.

Lý Triệu Tuấn đề bút.

## **2. Về bài thơ đường luật của đại thần Bùi Văn Dị**

Đại thần Bùi Văn Dị (1833-1895) xuất thân trong một gia đình khoa bảng tại làng Châu Cầu, huyện Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, là một danh sĩ, nhà ngoại giao, và là đại thần giữ nhiều chức vụ quan trọng trải qua 7 đời vua Nguyễn<sup>(2)</sup>. Ông sinh ngày 28 tháng 3 năm Quý Tỵ [1833], mất ngày 22 tháng 9 năm 1895, thọ 62 tuổi. Ông đi học rất sớm, đỗ cử nhân năm Ất Mão [1855], đỗ Phó bảng năm Ất Sửu [1865], từng làm Chánh sứ đi sứ nhà Thanh. Đặc biệt, ông là người duy nhất trong lịch sử Khoa bảng Việt Nam tuy mới đỗ Phó bảng nhưng được triều Nguyễn ban học vị Tiến sĩ và khắc tên riêng trong một văn bia dựng tại Văn Thánh - Huế.

Năm Đinh Hợi, niên hiệu Đồng Khánh thứ 3 [1887], ông được vua triệu về Kinh, trên đường đi ông ghé bước văn cảnh Ngũ Hành Sơn, thăm Huyền Không động và cảm tác bài thơ ca ngợi cảnh đẹp nơi đây.

Bài thơ của Bùi Văn Dị được khắc trên vách động Huyền Không, tại vị trí vách đá đối diện từ hướng đi ngoài vào, văn bản có kích thước 127cm x 56cm. Toàn bộ bài thơ cũng như lạc khoản

được viết trong 6 dòng, trong đó 4 dòng đầu là nội dung bài thơ, mỗi dòng từ 13 đến 14 chữ; 2 dòng sau ghi lạc khoản, chữ nhỏ hơn.



**Bài tán của Bùi Văn Dị trên ma nhai động Huyền Không**

*Ảnh Không Nhiên*

Bài thơ được viết theo thể Đường luật thất ngôn bát cú, với lối chữ hành đá thảo, nét bút phóng khoáng. Nội dung bài thơ như sau:

## Nguyên văn

五行秀色鬱嵒嶢  
海上三神定不遙  
日月九天迴洞口  
波濤萬頃盪岩腰  
晴空石壁生寒雨  
夜半鐘聲落嫩潮  
覽此江山奇勝絕  
坐教瑰磊<sup>(3)</sup>一辰消。

同慶丁亥冬至後一日。

奉召入京舟程過此留題原北圻經畧副使回休河  
內金榜裴文禊海農作併書。

## Phiên âm

Ngũ Hành tú sắc uất thiêu nghiêu  
Hải thượng tam thần định bất diêu  
Nhật nguyệt cửu thiên hồi động khẩu  
Ba đào vạn khoảnh đãng nham yêu.  
Tinh không thạch bích sinh hàn vũ  
Đạ bán chung thanh lạc nộn triều  
Lâm thử giang sơn kỳ thắng tuyệt  
Tọa giao quỹ lỗi nhất thần tiêu.

Đồng Khánh Đình Hợi, đông chí hậu nhất nhật, phụng chiếu  
nhập Kinh, chu trình quá thử lưu đề.

Nguyên Bắc kỳ Kinh lược Phó sứ hồi hưu, Hà Nội Kim Bảng  
Bùi Văn Dị Hải Nông tác tịnh thư.

## **Dịch thơ**

*Huyền ảo, chênh vênh dáng Ngũ Hành*

*Trót vời ba ngọn giữa mông mênh*

*Chín tầng nhật nguyệt tràn lưng động*

*Muôn lớp ba đào dội vách xanh.*

*Trời quang đá tỏa làn mưa nhẹ*

*Đêm thắm chuông treo ngọn sóng duyên*

*Thường lâm gian san bao tú lệ*

*Trông vời một sớm dạ chênh vênh.*

Năm Đinh Hợi triều Đồng Khánh, sau tiết Đông chí một ngày.

Nguyên Bắc kỳ Kinh lược Phó sứ hồi hưu, Bùi Văn Dị tự Hải Nông ở Kim Bảng - Hà Nội nhân phụng chiếu đi thuyền về Kinh, ngang qua núi Ngũ Hành ghé lại, cảm tác và lưu đề bài thơ này.

*(Thích Nguyên Hiền dịch)*

## **3. Một vài nhận định**

Toàn bộ nội dung văn bản ma nhai Ngũ Hành Sơn có niên đại sáng tác từ năm Đồng Khánh thứ 3 [1887] đến năm đầu triều Khải Định [1916] đều được sao lục khá đầy đủ trong cuốn **Ngũ Hành Sơn lục** - một tư liệu chữ Hán do Tú tài Hồ Thăng Doanh biên soạn, dưới sự cổ vấn và đóng góp công sức rất lớn của Thiền sư Ấn Lan Từ Trí trong việc cung lục các tự tích căn nguyên cũng như hành trạng lịch đại Tổ sư núi Ngũ Hành. Tác phẩm này chính thức được hoàn chỉnh vào năm Bính Thìn, Khải Định nguyên niên [1916], với sự tham gia duyệt chánh, nhuận sắc của Lãnh binh Quảng Nam Lê Viết Nghiêm, Lễ bộ Thượng thư sung Quốc sử quán Toàn tu Lưu Đức Xung, Cử nhân khoa Đinh Dậu - nguyên Tri huyện Cẩm Thủy - Long Xuyên Lê Huy Cận, và Cử nhân khoa Bính Ngọ - Học bộ Viên ngoại lang Võ Thái.

**Ngũ Hành Sơn lục** là một tác phẩm văn học quý hiếm của thiền môn xứ Quảng hiện còn. Bài tán của Lý Triệu Tuấn và bài thơ của Bùi Văn Dị cũng được sao lục trong tác phẩm này.

Về bài thơ của Bùi Văn Dị, những ghi chép trong **Ngũ Hành Sơn lục** hoàn toàn chân xác với nội dung của ma nhai khắc trên vách động Huyền Không hiện tại. Riêng bản bản ma nhai của Lý Triệu Tuấn, nội dung có sự sai biệt khá nhiều. Theo đó, với văn bản lưu đề trước tác của Lý Triệu Tuấn, **Ngũ Hành Sơn lục** chỉ chép lại toàn bộ nội dung “bài tán”, nhưng “phần ký” ở sau thì hoàn toàn bỏ sót!

Vậy phải chăng, chủ đích của người biên soạn **Ngũ Hành Sơn lục** chỉ sao chép “bài tán” của Lý Triệu Tuấn chứ không lưu tâm đến “phần ký” ở cuối bài? Hoặc giả, “phần ký” ấy, có thể trong một dịp nào đó sau thời điểm 1916, Lý Triệu Tuấn trở lại Ngũ Hành Sơn và cho khắc thêm vào, khi tác phẩm **Ngũ Hành Sơn lục** đã được nhuận sắc, hoàn chỉnh?

Căn cứ năm viên tịch của Thiền sư Chí Thành (ngày 25 tháng 4 năm Ất Mùi [1895]) thì ta thấy giả thuyết đầu tiên có sức thuyết phục hơn. Bởi thời điểm năm Đinh Hợi [1887], khi Lý Triệu Tuấn ghé thăm Ngũ Hành Sơn và lưu đề bài tán tại động Huyền Không thì Thiền sư Chí Thành còn tại thế. Hơn thế nữa, “phần ký” ở cuối bài còn xác nhận việc Lý Triệu Tuấn được diện kiến, đàm đạo cùng Chí Thành lão Hòa thượng và Từ Trí đại thiền sư, do thế, nếu cho rằng “phần ký” được khắc thêm vào sau thời điểm 1916 hoàn toàn không có cơ sở, vì lúc này Thiền sư Chí Thành đã viên tịch.

Vậy là đã quá rõ, chủ đích của người biên soạn **Ngũ Hành Sơn lục** chỉ cho chép nội dung “bài tán” là chính, còn “phần ký” đã hoàn toàn bị bỏ qua. Đọc nội dung “phần ký” trên ma nhai hiện tại chúng ta hiểu thêm một số thông tin khá thú vị, đặc biệt là thấy rõ mối quan hệ khăng khít của các vị thiền sư với giới nhân sĩ đương thời - họ gặp nhau để đàm đạo thiền cơ, hoặc cùng trầm tư trước

những ván cờ còn dang dở... Có lẽ thế sự nhiều nhưng thời bấy giờ khiến họ có một sự đồng cảm tương lân...

Hiện tại, trong động Huyền Không còn lưu giữ khá nhiều bài thơ của các thế hệ tao nhân mặc khách ca tụng cảnh đẹp và sự thiêng liêng của thắng tích núi Ngũ Hành, trong đó bài thơ của Bùi Văn Dị và bài tán của Lý Triệu Tuần là hai văn bản có niên đại xuất hiện sớm nhất, chỉ sau các văn bia thời chúa Nguyễn và thủ bút ngự tứ của vua Minh Mạng. Đặc biệt, bài “tán” của Lý Triệu Tuần còn góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho các loại hình tác phẩm văn học được lưu giữ tại nơi đây.

Văn biết “trăm năm bia đá cũng mòn”, nhưng với những tâm tư, tình cảm của bao thế hệ tiền nhân gửi gắm vào thắng tích núi Ngũ Hành chắc chắn vẫn mãi hòa điệu, trường tồn trong lòng hậu thế.

### **Chú thích**

- [1]. Chữ “đáo” [到] này trên ma nhai đã khá mờ.
- [2]. Ông làm quan dưới các triều Tự Đức, Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc, Hàm Nghi, Đồng Khánh và Thành Thái.
- [3]. Quý lỗi [瑰磊]: Những khối đá chồng lên nhau (hoặc cây cối rậm rạp nhiều cành lá) cao thấp đủ loại, không bằng phẳng. Sau, phái sinh nghĩa dùng chỉ những gì chứa chất mãi trong lòng không yên.



# **VÁN KHẮC PHÁI QUY Y, ĐIỆP THẾ ĐỘ, HỘ GIỚI ĐIỆP & PHÁP QUYỂN TẠI QUẢNG NAM<sup>8</sup>**

Trong công cuộc hoằng dương truyền bá Chánh pháp, việc ấn tống kinh sách để Tăng tín đồ có tư liệu tu học là việc không thể thiếu. Chính vì thế chư Tổ trước đây thường hay khắc ván in kinh để lưu truyền lời dạy của Đức Thế Tôn. Đồng thời, để tông môn được truyền thừa theo quy củ thiền gia, các Ngài còn cho khắc các bản phái quy y, điệp thế độ, pháp quyền, điệp thọ giới,... để việc truyền dạy đệ tử có thứ hệ rõ ràng. Tùy theo sự truyền thừa của các bài kệ truyền pháp mà nội dung của các mộc bản điệp phái cũng khác nhau.

Tại Quảng Nam hiện nay, các chùa vẫn còn lưu giữ một số mộc bản in điệp phái, nhưng chủ yếu là sự truyền thừa của dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh. Bởi lẽ mảnh đất này không chỉ là nơi phát tích thiền phái Chúc Thánh mà xuyên suốt từ thế kỷ XVIII cho đến hôm nay, trải hơn ba thế kỷ, thiền phái Chúc Thánh luôn đóng vai trò chủ đạo trong sự truyền bá Chánh pháp tại đất Quảng Nam. Đến nửa đầu thế kỷ XX, thiền Liễu Quán mới bắt đầu phát triển tại Đà Nẵng nên việc khắc ván in điệp của dòng phái này rất là hiếm hoi. Trong bài viết này, chúng tôi thống kê các mộc bản khắc phái, điệp mà các chùa tại Quảng Nam và Đà Nẵng vẫn còn bảo tồn lưu giữ.

## **I. Ván khắc phái quy y**

Nội dung của phái Quy y là truyền thọ Tam quy - Ngũ giới cho hàng Phật tử tại gia. Tất cả những thiện nam tín nữ khi phát nguyện quy y Tam Bảo thì được Thầy truyền giới cấp cho một lá phái Quy y với đầy đủ các thông tin về giới điều thọ nhận, những gì nên làm và không nên làm..., và đặc biệt là tên tuổi, quê quán cũng như pháp danh của người thọ giới được ghi rõ ràng trong lá phái, giúp họ biết rõ tên trong đạo của mình là gì, bổn sư của mình là ai,

---

<sup>8</sup> Đăng trên Tạp chí Liễu Quán số 17, NXB Thuận Hóa 2019

mình được tiếp nhận sự truyền thừa theo dòng phái nào,... Tại Quảng Nam và Đà Nẵng hiện nay, một số chùa còn lưu giữ mộc bản phái Quy y như sau:

### **1.1. Ván khắc phái Quy y của Tổ đình Chúc Thánh - Hội An**

Hiện tổ đình Chúc Thánh còn lưu giữ một mộc bản khắc phái Quy y. Ván khắc tương đối cổ xưa, có kích thước 38cm x 50cm, chung quanh viền chạm khắc 36 hình hoa sen mãn khai khá tinh xảo cùng bài chú “Tỳ-lô Quán đảnh Chơn ngôn” bằng chữ Phạn. Lòng mộc bản khắc bài kệ truyền pháp của Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo, nhưng chỉ ghi 4 câu đầu:

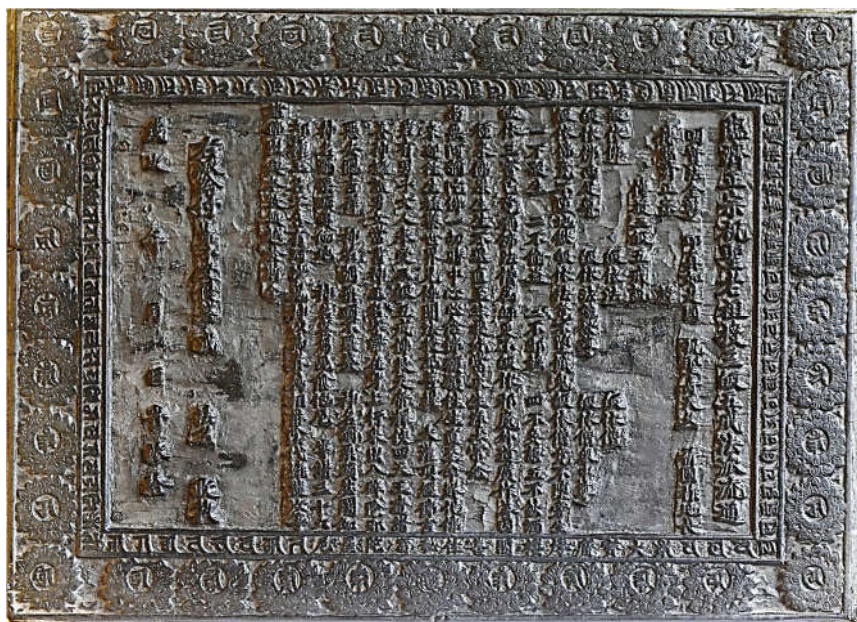
*Minh Thiệt Pháp Toàn Chương*

*Ấn Chơn Như Thị Đồng*

*Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu*

*Kỳ Quốc Tộ Địa Trường.*

Mộc bản này được chư Tăng dòng Chúc Thánh tại Quảng Nam sử dụng rộng rãi từ trước đến nay.



**Mộc bản Phái Quy Y tại chùa Chúc Thánh, Hội An**

*Ảnh Không Nhiên*

## **1.2. Ván khắc pháp Quy y của Tổ đình Phước Lâm - Hội An**

Tổ đình Phước Lâm hiện còn lưu giữ hai mộc bản khắc pháp Quy y, trong đó một ván thuộc dòng Chúc Thánh, một ván thuộc dòng Liễu Quán.

Mộc bản dòng Chúc Thánh tàng bản chùa Phước Lâm có khắc dòng chữ “Phước Lâm tự pháp phái”, với kích thước 48cm x 28cm, chung quanh viền được chạm trổ hoa sen. Nội dung ván khắc cũng tương tự như ván khắc pháp Quy y chùa Chúc Thánh. Ván khắc được thực hiện giữa thế kỷ XIX, trong thời gian Hòa thượng Toàn Nhâm Quán Thông (1799-1883) trụ trì. Hiện trạng ván đã hư hoại, nhiều chữ không thể đọc được.

Mộc bản của dòng Liễu Quán còn rất mới, kích thước 54cm x 38cm, có hình thức giống như mộc bản của chùa Vu Lan - thành phố Đà Nẵng. Chung quanh viền khắc chữ Phạn và liên vạn, hiện trạng ván còn rất tốt, có lẽ do chưa được sử dụng nhiều. Chúng tôi có thể đoán định ván này được Hòa thượng Thích Tôn Thắng - trụ trì chùa Phổ Thiên (tức Phổ Đà ngày nay) tại Đà Nẵng thực hiện để lưu truyền pháp phái.

## **1.3. Ván khắc pháp Quy y của Tổ đình Long Tuyền - Hội An**

Hiện tại Tổ đình Long Tuyền còn lưu giữ một mộc bản pháp quy y của chùa Thiên Tôn, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Ván khắc có kích thước 32cm x 57cm, chung quanh viền khắc hoa văn, truyền thừa theo pháp kệ của dòng Liễu Quán, do Hòa thượng Thanh Kế Huệ Đăng thực hiện khắc bản sau khi ngài lập chùa Thiên Tôn vào năm Tân Ty [1941]. Trong thời chiến tranh, từ thời Pháp thuộc đến trước 1975, chùa Thiên Tôn bị hư hoại, pháp khí cũng phân tán. May thay, mộc bản pháp Quy y chùa Thiên Tôn được một người sưu tầm đồ cổ biếu tặng Thượng tọa Thích Như Dũng trân tàng tại Tổ đình Long Tuyền.

#### **1.4. Ván khắc phái Quy y lưu giữ tại chùa Viên Giác - Hội An**

Tại chùa Viên Giác hiện còn lưu giữ 2 mộc bản khắc phái Quy y của dòng Chúc Thánh, trong đó một ván của Tổ đình Tam Thai, một ván của Tổ đình Vu Lan - Đà Nẵng.

Mộc bản của Tổ đình Tam Thai có kích thước 32cm x 51cm, chung quanh viền khắc chữ Nho, bốn góc có hoa sen và liên vạn. Hiện trạng ván đã bị hư một góc phía trên bên phải. Có lẽ ván khắc này được thực hiện khoảng đầu thế kỷ XX, bởi nội dung khắc lưỡng tự - vừa chữ Nho vừa chữ Quốc ngữ.

Mộc bản của Tổ đình Vu Lan có kích thước 35cm x 51cm, chung quanh viền khắc chữ Phạn. Mộc bản này được Hòa thượng Thích Tôn Bảo thực hiện vào những thập niên 30-40 của thế kỷ XX, khi ngài kế nghiệp Hòa thượng Hưng Long trụ trì chùa Vu Lan.

#### **1.5. Ván khắc phái Quy y lưu giữ tại chùa Tam Tôn - Đà Nẵng**

Hiện tại chùa Tam Tôn - Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng còn lưu giữ 2 mộc bản phái Quy y, cả hai đều thuộc dòng Lâm Tế Chúc Thánh, và đều có ghi dòng chữ “Tam Thai pháp phái”. Trong đó, một mộc bản được khắc vào thời Hòa thượng Ấn Thanh Chí Thành, có kích thước 49cm x 38cm, chung quanh khung viền khắc chữ Nho; mộc bản được khắc sau này, có kích thước 49cm x 38cm, chung quanh khung viền khắc chữ Phạn.

#### **1.6. Ván khắc phái Quy y lưu giữ tại Trung tâm Bảo tồn Di tích Hội An**

Đây là mộc bản tương đối khá xưa và không còn nguyên vẹn. Viền chung quanh ván đã bị hư hoại. Nội dung của lòng phái thuộc kệ truyền thừa dòng Lâm Tế Chúc Thánh nhưng không rõ của chùa nào. Bên góc phải chỉ còn đọc được mấy chữ “Từ [...] pháp phái” nên không xác định được xuất xứ. Theo lý lịch cổ vật hiện lưu tại Trung tâm Bảo tồn Di tích Hội An, ván khắc này trước đây được lưu trữ tại chùa Thiên Đức (tức chùa Lư, nay là Đình tộc từ đường)

tại phường Tân An, thành phố Hội An, được đưa về bảo quản tại Trung tâm Bảo tồn Di tích Hội An.

## **II. Ván khắc điệp thể độ**

“Điệp thể độ” là lá phái được vị thầy Bồn sư cấp cho những đệ tử xuất gia, hay nói cách khác là Điệp cấp cho các vị Sa-di Thập giới. Nội dung lòng phái này hoàn toàn khác hẳn với phái Quy y. Sau bài kệ truyền thừa thì có ghi hồng danh của chư Tổ truyền thừa - từ Tổ sư khai phái cho đến vị Bồn sư thể độ.

Đặc biệt, riêng với “Điệp thể độ” của dòng Chúc Thánh, bài kệ truyền pháp thường ghi đủ cả 8 câu [trong khi phái Quy y cho Phật tử chỉ ghi 4 câu đầu]:

*Minh Thiệt Pháp Toàn Chương*

*Ấn Chơn Như Thị Đồng*

*Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu*

*Kỳ Quốc Tộ Địa Trường.*

*Đắc Chánh Luật Vi Tôn*

*Tổ Đạo Giải Hạnh Thông*

*Giác Hoa Bồ Đề Thọ*

*Sung Mãn Nhân Thiên Trung.*

Hiện tại ở Quảng Nam còn lưu giữ 4 mộc bản “Điệp thể độ” của dòng Chúc Thánh như sau:

### **2.1. Điệp Thể độ Tổ đình Chúc Thánh**

Mộc bản có kích thước 35cm x 50cm, chung quanh viền khắc “Đại Quán Đảnh Thần Chú kinh” bằng chữ Nho. Có lẽ mộc bản điệp Thể độ Tổ đình Chúc Thánh được khắc vào khoảng đầu thế kỷ XX, dưới thời Hòa thượng Chơn Chứng Thiện Quả trụ trì. Bởi lẽ trong mộc bản có ghi: “Sắc tứ Chúc Thánh tự”, mà chùa Chúc Thánh được phong “Sắc tứ” vào thời vua Bảo Đại.

## 2.2. Điệp Thế độ Tổ đình Phước Lâm

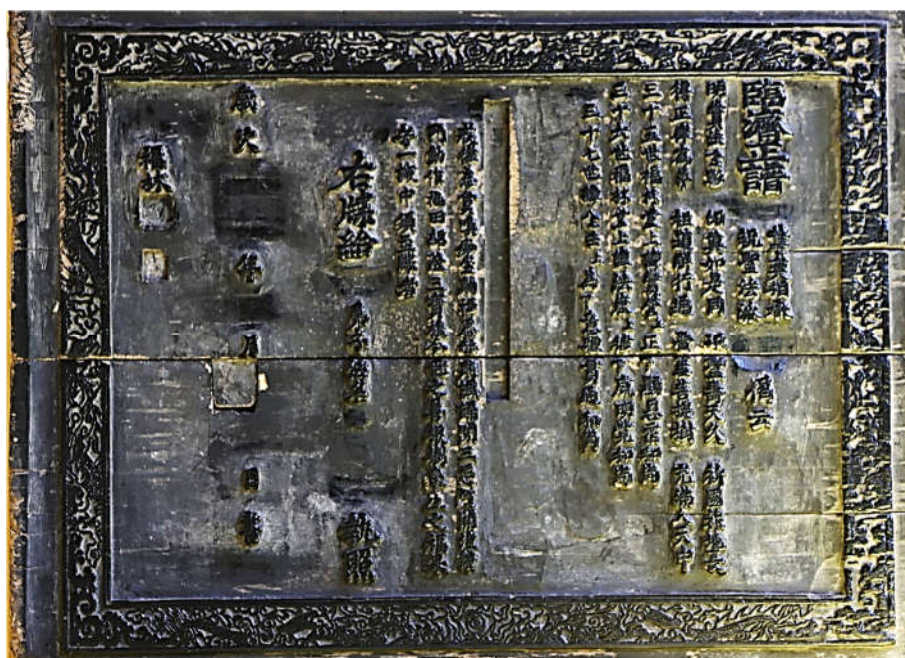
Mộc bản được khắc trong giai đoạn Hòa thượng Quán Thông trụ trì. Nội dung ván khắc có ghi hồng danh các vị Hòa thượng sau:

- Tam thập ngũ thế Phước Lâm đường thượng hựu Thiệt Dinh thượng Chánh hạ Hiển Ân Triêm Hòa thượng.

- Tam thập lục thế Phước Lâm đường thượng hựu Pháp Kiêm thượng Luật hạ Oai Minh Giác Hòa thượng.

- Tam thập thất thế Phước Lâm đường thượng hựu Toàn Nhâm thượng Vi hạ Ý hiệu Quán Thông Hòa thượng.

Hiện trạng ván bị hư hoại, nhiều chữ không còn đọc rõ nét.



Mộc bản Điệp Thế Độ tại chùa Phước Lâm, Hội An

*Ảnh Không Nhiên*

## 2.3. Điệp Thế độ bảo lưu tại chùa Viên Giác

Mộc bản điệp Thế độ tại chùa Viên Giác được đưa về từ chùa Tam Thai. Ván có kích thước 38cm x 55cm, chung quanh viền có chạm khắc hình “lưỡng long triều nhật”. Lòng ván chỉ khắc hồng



danh Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo. Chư tổ kế thừa không có ghi cụ thể, chỉ ghi 5 dòng “Lâm Tế Chánh Tông...” [khoảng sau để trống] để người sau in ra và tùy nghi điền tôn danh vào.



**Mộc bản Diệp Thế Độ tại chùa Tam Thai, Ngũ Hành Sơn,  
hiện trên tường tại chùa Viên Giác**

*Ảnh Không Nhiên*

#### **2.4. Diệp Thế độ bảo lưu tại chùa Tam Tôn, thành phố Đà Nẵng**

Ván khắc chùa Tam Tôn cũng thuộc mộc bản “Tam Thai pháp phái”. Ván có kích thước 53cm x 33cm, viền khắc chạm “lưỡng long triều nhật”. Lòng ván chỉ khắc hồng danh chư Tổ từ đời 37 tông Lâm Tế [tức thế hệ thứ 4 pháp phái Chúc Thánh] trở về sau:

- Từ Tổ tam thập thất đại hựu Toàn Nhật hiệu Quang Đài Hòa thượng.

- Độ tam thập bát đại thượng Chương hựu Tín hạ Tuyên tự Khánh hiệu Hoằng Ân Hòa thượng.

- Độ tam thập cửu đại thượng Ấn hựu Thanh hạ Tổ tự Đạo hiệu Chí Thành.

Qua ván khắc này, chúng ta được biết rõ hơn sự truyền thừa của Thiền sư Toàn Nhật Quang Đài - một Thiền sư lỗi lạc của Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XIX. Ngoài các vị đệ tử hoằng pháp tại Phú Yên và Bình Định, Thiền sư Toàn Nhật Quang Đài còn có 1 vị đệ tử là Chương Tín Hoằng Ân hành đạo tại chùa Tam Thai núi Ngũ Hành Sơn. Từ đó pháp mạch truyền xuống ngài Ân Thanh Chí Thành rồi tiếp tục xuống các ngài Chơn Đỉnh Phước Thông, Chơn Pháp Phước Trí,...

### III. Ván khắc hộ giới điệp

Mộc bản khắc chứng điệp thọ giới cấp cho Tăng Ni qua các Đại giới đàn nói chung được gọi là bản “Hộ giới điệp”, hoặc “Điệp đàn Tỳ-kheo”. Đây là văn bản công nhận một vị tu sĩ Phật giáo đã thọ giới Sa-di hay Tỳ-kheo và chỉ sử dụng trong các Đại giới đàn. Trước đây, tại Tổ đình Phước Lâm có lưu giữ một ván khắc “Hộ giới điệp” của Đại giới đàn năm Canh Tuất [1910], do Tổ Vĩnh Gia làm Đường đầu Hòa thượng, nhưng đến nay ván khắc này không còn.

Hiện tại, chùa Viên Giác ở Hội An còn lưu giữ một ván khắc “Hộ giới điệp” của Đại giới đàn “Long Tiên



**Mộc bản Hộ Giới Điệp được lưu giữ  
tại chùa Viên Giác**

*Ảnh Không Nhiên*



Thạch Động tự” do Hòa thượng Ấn Hướng Pháp Nhãn làm Đường đầu Hòa thượng vào năm Bính Thân [1896]. Mộc bản có kích thước 50cm x 110cm; chung quanh viền được khắc hình 8 con rồng châu vào nhau. Nội dung của mộc bản “Hộ giới điệp” nói về duyên khởi kiến lập Đàn giới cũng như các Giới đàn được tổ chức tại Trung Hoa. Phần cuối là phương danh của Hòa thượng Đường đầu, Yết-ma A-xà-lê, Giáo thọ A-xà-lê, Thất vị tôn chứng và Tứ vị dẫn thỉnh Đại sư. Cuối bản khắc [có hàng để trống] để ghi pháp danh - pháp tự của giới tử và giới phẩm mà vị ấy thọ Sa-di hay Tỳ-kheo.

Chúng tôi cho cung lục lại tôn hiệu của Hội đồng thập sư qua ván khắc tại Đại giới đàn chùa Long Tiên Thạch Động như sau:

- Đường đầu Hòa thượng: *Ấn Hướng Tổ Đồng Pháp Nhãn Hòa thượng.*

- Yết ma A-xà-lê: *Từ Lâm Hòa thượng*

- Giáo thọ A-xà-lê: *Phục Lễ Hòa thượng*

- Đệ nhất tôn chứng: *Hoằng Tuấn Đại sư*

- Đệ nhị tôn chứng: *Hoằng Tiếp Đại sư*

- Đệ tam tôn chứng: *Hoằng Giảng Đại sư*

- Đệ tứ tôn chứng: *Hoằng Tịnh Đại sư*

- Đệ ngũ tôn chứng: *Hoằng Pháp Đại sư*

- Đệ lục tôn chứng: *Hoằng Long Đại sư*

- Đệ thất tôn chứng: *Hoằng Đề Đại sư*

- Đệ nhất dẫn thỉnh: *Hoằng Du Thượng tọa*

- Đệ nhị dẫn thỉnh: *Hoằng Hiệp Thượng tọa*

- Đệ tam dẫn thỉnh: *Hoằng Cứu Thượng tọa*

- Đệ tứ dẫn thỉnh: *Hoằng Giáo Thượng tọa.*

Giới đàn này được tổ chức vào ngày mùng 6 tháng 7 năm Bính Thân, niên hiệu Thành Thái thứ 8 [1896] tại chùa Tiên Long Thạch Sơn (dân gian gọi là chùa Hang). Chùa này được Thiền sư Ấn

Hương Pháp Nhãn - tức Mộc Y Hòa thượng người Quảng Ngãi sáng lập tại xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Giới tử thọ giới tại Giới đàn này có ngài Chơn Cảnh, tự Đạo Hoằng, hiệu Huệ Duyệt về sau làm Tăng cang chùa Vĩnh An, huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam.

#### IV. Văn khắc pháp quyền

“Pháp quyền” còn có tên gọi khác là bảng “Chánh Pháp Nhãn Tạng”. Văn bản này chỉ được sử dụng khi vị thầy Bỏn sư ấn chứng và ban Pháp hiệu cho đệ tử. Vị đệ tử sau khi được thầy Bỏn sư truyền trao Pháp quyền thì được gọi là “Đắc pháp Đại sư”.

Thông thường, các vị đệ tử sau khi thọ giới Tỳ-kheo, phải nương theo Bỏn sư tu tập một thời gian tối thiểu 5 năm [theo luật định] mới được truyền trao Pháp quyền. Đôi khi, có những vị xuất sắc trong sự tu học nên được Bỏn sư đặc cách trao Pháp quyền trước hoặc trong khi thọ Đại giới.

Nội dung của Pháp quyền ghi sự truyền thừa từ Phật Thích-ca xuống 28 vị Tổ Tây Thiên [Ấn Độ], tiếp theo là các vị Tổ sư Trung Hoa và các vị Tổ sư truyền pháp tại Việt Nam. Cuối bảng Pháp quyền có một bài kệ truyền pháp của thầy Bỏn sư ấn chứng cho vị Pháp tử của mình. Đa phần các Pháp quyền tại Huế đều viết tay, riêng tại Quảng Nam thì được khắc thành mộc bản để lưu truyền.



**Mộc bản Pháp Quyền tại chùa Phước lâm, Hội An  
do tổ Toàn Nhâm Quán Thông đứng khắc**

*Ảnh Không Nhiên*

Mộc bản Pháp quyền lưu giữ tại chùa Phước Lâm được khắc in dưới thời Hòa thượng Quán Thông trụ trì. Lúc bấy giờ ngài kiêm

nhiệm trụ trì chùa Chúc Thánh nên mộc bản ghi là “Chúc Thánh tự Quán Thông Hòa thượng”. Vì Mộc bản có kích thước giới hạn nên các đời chư Tổ từ Tây Thiên đến Trung Hoa được tóm lược. Riêng từ Tổ sư Nguyên Thiều đời 33 đến ngài Quán Thông đời 37 được ghi rất cụ thể như sau:

- *Đệ tam thập tam thế húy thượng Siêu hạ Bạch tự Hoán Bích hiệu Thọ Tông Hòa thượng.*

- *Đệ tam thập tứ thế húy thượng Minh hạ Hải tự Đắc Trí hiệu Pháp Bảo Hòa thượng.*

- *Đệ tam thập ngũ thế húy thượng Thiệt hạ Dinh tự Chánh Hiển hiệu Ân Triêm Hòa thượng.*

- *Đệ tam thập lục thế húy thượng Pháp hạ Ấn tự Tường Quang hiệu Quảng Độ Hòa thượng.*

- *Đệ tam thập lục thế húy thượng Pháp hạ Kiêm tự Luật Oai hiệu Minh Giác Hòa thượng.*

- *Đệ tam thập thất thế húy thượng Toàn hạ Nhâm tự Vi Ý hiệu Quán Thông Hòa thượng.*

Đồng thời tổ Quán Thông khắc luôn bài kệ truyền pháp như sau:

*Pháp pháp bốn lai pháp*

*Pháp pháp nhữ tâm trung*

*Mộc tánh chơn thị hỏa*

*Tham cứu tử tế tâm.*

Từ đây về sau, chư Tăng tại Quảng Nam thường lấy mộc bản này để in và truyền trao cho đệ tử của mình. Vì vậy mà kệ truyền pháp hoàn toàn giống nhau, chỉ duy nhất một bài kệ truyền pháp như vừa nói, không có phong phú đa dạng như các nơi khác.

Hiện tại, mộc bản Pháp quyền tại chùa Phước Lâm đã bị hư hoại rất nhiều, các chữ đều bị xâm thực không còn rõ nét. Nếu không có những bản in trước đây thì chúng ta khó có thể đọc hết được văn bản của Pháp quyền.

## V. Thống kê & lời kết

Tạm thời, chúng tôi lập bảng thống kê các mộc bản pháp phái như sau:

| Nơi lưu giữ     | Phái quy y | Điệp thể độ | Pháp quyền | Hộ giới điệp |
|-----------------|------------|-------------|------------|--------------|
| Chùa Chúc Thánh | 01 tấm     | 01 tấm      | 0          | 0            |
| Chùa Phước Lâm  | 02 tấm     | 01 tấm      | 01 tấm     | 0            |
| Chùa Long Tuyền | 01 tấm     | 0           | 0          | 0            |
| Chùa Viên Giác  | 01 tấm     | 01 tấm      | 0          | 1 tấm        |
| Chùa Tam Tôn    | 02 tấm     | 01 tấm      | 0          | 0            |
| Bảo tàng Hội An | 01 tấm     | 0           | 0          | 0            |

Như vậy, hiện nay tại khu vực Quảng Nam và Đà Nẵng, các chùa còn bảo lưu được tổng cộng 15 mộc bản về phái Quy y, điệp Thể độ, Hộ giới điệp và Pháp quyền. Đây không chỉ là những di sản vô giá mà các bậc tiên đức để lại cho đàn hậu bối chúng ta, mà qua đó, với những thông tin được ghi lại trên các mộc bản còn là nguồn tư liệu vô cùng quý giá, góp phần làm sáng rõ hơn những vấn đề lịch sử, truyền thừa cũng như giúp chúng ta hiểu rõ tình hình sinh hoạt của Phật giáo Xứ Quảng cách đây hàng mấy thế kỷ.

Với ý nghĩa đó, thiết nghĩ, việc bảo quản hệ thống mộc bản Phật giáo Quảng Nam nói chung, ván khắc phái điệp nói riêng cần được chú trọng và có phương pháp cụ thể, nhằm hạn chế sự hư hao, xâm thực. Có như vậy chúng ta mới báo đáp được thâm ân của chư vị Tổ sư đã dày công giáo hóa.

## TRUYỀN THỪA THIỀN PHÁI LIỄU QUÁN TẠI QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG<sup>9</sup>

Thiền phái Liễu Quán được Tổ sư Thiệt Diệu Liễu Quán (1667-1742) khai sáng vào cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII tại núi Thiên Thai xứ Thuận Hóa. Tổ sư thuộc đời pháp thứ 35 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 14 pháp phái Vạn Phong Thời Ủy, đắc pháp với Tổ sư Minh Hoàng Tử Dung tại chùa Ấn Tôn (Tù Đàm). Sau đó, Ngài ra khai sơn chùa Thuyền Tôn và biệt kê truyền pháp như sau:

*Thiệt tế đại đạo*

*Tánh hải thanh trừng*

*Tâm nguyên quảng nhuận*

*Đức bốn từ phong*

*Giới định phước huệ*

*Thể dụng viên thông*

*Vĩnh siêu trí quả*

*Mật khế thành công*

*Truyền trì diệu lý*

*Diễn xướng chánh tông*

*Hành giải tương ứng*

*Đạt ngộ chơn không.*

Hơn 50 năm hoàng dương chánh pháp, Tổ sư Liễu Quán đã kiến lập nhiều đạo tràng tại Thuận Hóa và Phú Yên. Đặc biệt, với 49 vị đệ tử xuất gia đắc pháp tỏa ra hoàng pháp khắp mọi nơi khiến cho Phật giáo Đàng Trong ngày càng hưng thịnh. Từ đó, đạo mạch thiền phái Liễu Quán Nam Hà không ngừng phát triển cho đến tận ngày hôm nay.

---

<sup>9</sup> Đăng trên Tạp chí Liễu Quán số 18, NXB Thuận Hóa 2019

Quảng Nam, mảnh đất cận kề Kinh đô Thuận Hóa nên sớm đón nhận bước chân vân du hoằng hóa của các đệ tử Tổ sư Liễu Quán, đặc biệt là Thiền sư Tế Hiệp Hải Điện - người có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo hai miền Thuận - Quảng lúc bấy giờ.

Thiền sư Tế Hiệp Hải Điện 際合海奠 (? - 1775) là đệ tử lớn của Tổ sư Liễu Quán. Ngài kế thừa trú trì Tổ đình Thuyền Tôn vào năm 1742, sau khi Tổ sư Thiệt Diệu Liễu Quán viên tịch. Tuy nhiên, tại chùa Diệu Giác, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi có thờ long vị Ngài. Long long vị ghi như sau:

“Sắc tứ Lâm Tế đệ tam thập lục đại, Viên Tôn đường hủý TẾ HIỆP thượng HẢI hạ ĐIỆN thụy VIÊN MINH Hòa thượng nghệ tọa” [勅賜臨濟第三十六代圓宗堂諱際合上海下奠謚圓明和尚貌座].

Theo những sử liệu còn lưu lại tại chùa Diệu Giác thì trước đây chùa có tên là “Sắc tứ Viên Tôn tự”, về sau do tị húy vua Thiệu Trị, chùa được đổi tên thành Diệu Giác. Chùa được sắc tứ vào thời các chúa Nguyễn, nơi lưu dấu hành đạo của các vị cao tăng miền Thuận - Quảng, trong đó có Thiền sư Tế Hiệp Hải Điện. Từ đó ta có thể khẳng định: Thiền sư Tế Hiệp Hải Điện đã trụ trì chùa Sắc tứ Viên Tôn trước năm 1742. Sau khi Tổ sư Liễu Quán viên tịch, Ngài rời Viên Tôn đường để về kế vị tổ nghiệp chùa Thuyền Tôn tại núi Thiên Thai, xứ Thuận Hóa.

Tại Viên Tôn đường, đệ tử nổi truyền của Ngài có Đại sư Đại Niệm Hoằng Từ thuộc đời Lâm Tế thứ 37, thế hệ thứ 3 pháp phái Liễu Quán. Long vị thờ ngài Đại Niệm Hoằng Từ ghi như sau:

“Tự Lâm Tế chánh tông tam thập thất thế húý ĐẠI NIỆM thượng HOẰNG hạ TỪ hiệu QUẢNG TRIỆT Đại sư nghệ tọa” [嗣臨濟正宗三十七世諱大念上弘下慈號廣徹大師貌座].

Theo tiểu truyện của Thiền sư Pháp Chuyên Diệu Nghiêm 法專妙嚴 (1726-1798) khai tổ chùa Từ Quang, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thì vào tháng 3 năm 1745, Ngài đến chùa Bảo Lâm<sup>(1)</sup> ở

huyện Diên Khánh (nay là huyện Thăng Bình) thọ Cụ túc giới với Hòa thượng Hải Điện. Điều này chứng tỏ Thiền sư Tế Hiệp Hải Điện có một uy tín rất lớn đối với giới tăng lữ miền Thuận - Quảng lúc bấy giờ nên được cung thỉnh làm Hòa thượng Đàn đầu tại Đại giới đàn chùa Bảo Lâm, do Thiền sư Thiệt Uyên Chí Bảo 實淵致寶 làm Chánh chủ đàn.

Sau ngài Tế Hiệp Hải Điện thì tại Quảng Nam có 4 vị thiền sư thuộc đời pháp 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 pháp phái Liễu Quán tiếp tục hành đạo. Đó là Thiền sư Đại Tri 大知, Thiền sư Đại Quảng Trí Quang 大廣智光, Thiền sư Đại Hưng Trường Long 大興長隆, Thiền sư Đại Đồng Siêu Căn 大踴超根. Cho đến nay, chúng ta cũng chưa rõ hành trạng của 4 vị thiền sư này, và cũng chưa thể biết các vị ấy có liên hệ với Thiền sư Tế Hiệp Hải Điện như thế nào. Họ là đệ tử hay pháp đệ trong tông môn? Câu hỏi này vẫn còn bỏ ngõ, hy vọng trong tương lai chúng ta có đủ sử liệu để khẳng định mối quan hệ trên.

Cả 4 vị thiền sư đều có pháp danh chữ Đại, thuộc thế hệ thứ 3 pháp phái Liễu Quán, hành đạo tại Quảng Nam cuối thế kỷ XVIII, những tự tích còn lưu lại mà ta biết như sau:

- Thiền sư Đại Hưng Trường Long trụ tại chùa Vạn Đức, xã Thanh Hà, huyện Hà Đông, phủ Thăng Hoa, xứ Quảng Nam (nay thuộc xã Cẩm Hà, thành phố Hội An). Vào năm Cảnh Hưng thứ 25, Giáp Thân [1764], Ngài chủ trì đứng khắc bộ “Đại Bi xuất tượng Đà-la-ni kinh” và cung thỉnh Hòa thượng Phổ Triêm 普霑<sup>(2)</sup> chứng minh. Hiện tại, bản in kinh này chưa được tìm thấy, nhưng ván khắc của nó<sup>(3)</sup> vẫn còn được bảo lưu khá đầy đủ tại Tổ đình Phước Lâm, thành phố Hội An.

- Thiền sư Đại Tri trụ trì chùa Bửu Long, tại xã Cẩm Phô, huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn, xứ Quảng Nam (nay thuộc phường Cẩm Phô, thành phố Hội An). Vào năm Cảnh Hưng thứ 29, Mậu Tý [1768], Ngài đứng khắc in bộ “Không môn Nhật dụng tông

tập yếu” gồm 2 quyển thượng - hạ. Công việc khắc in đến mùa hạ năm Kỷ Sửu [1769] mới hoàn tất. Ván khắc hiện không còn. Bản in hiện được Đại đức Thích Đồng Dưỡng sưu tập, lưu tại chùa Ba Phong, huyện Duy Xuyên<sup>(4)</sup>.

- Thiền sư Đại Quảng Trí Quang trụ trì chùa Sắc tứ Cẩm An tại xã Cẩm Phô, huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn, xứ Quảng Nam (nay thuộc phường Cẩm Phô, thành phố Hội An). Vào năm Cảnh Hưng thứ 32, Tân Mão [1771], Ngài đứng ra quyền mộ khắc in bộ “Diệm khẩu Du-già tập yếu Thí thực khoa nghi”, 1 quyển.

- Thiền sư Đại Đồng Siêu Căn khai sơn chùa Phước Khánh tại làng An Quán, tổng An Nhơn, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn. Cuối thế kỷ XIX, làng An Quán bị sạt lở, chùa nhiều lần di dời và cuối cùng hiện nay thuộc thôn Đông Khương, xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn. Còn tháp mộ của Thiền sư Đại Đồng Siêu Căn được đưa về cải táng trong vườn tháp tổ đình Chúc Thánh, Hội An. Lòng bia tháp ghi:

“Tự Lâm Tế tông đệ tam thập lục<sup>(5)</sup> thế, khai sơn hựu ĐẠI DỒNG hiệu SIÊU CĂN Thiền sư pháp tọa” [嗣臨濟宗第三十六世開山諱大踴號超根禪師法座].

Đồng thời trên bia tháp có ghi bài kệ phú chúc như sau:

幾十餘年順世情

今朝一覺辨無明

無無明盡光始現

至靈至湛本無生

*Kỷ thập dư niên thuận thế tình*

*Kim triều nhất giác biện vô minh*

*Vô vô minh tận quang thủy hiện*

*Chí linh chí tràm bản vô sanh.*



Tạm dịch:

Mấy chục năm qua thuận thế tình

Hôm nay thấu triệt lẽ vô minh

Vô minh vắng bóng, tuệ quang chiếu

Linh trạm tốt cùng vốn không sinh.



**Bảo tháp Thiền sư Đại Đồng Siêu Căn, đời 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3  
thiền phái Liễu Quán, khai sơn chùa Phước Khánh, thị xã Điện Bàn.**

**(Bảo tháp hiện lưu tại tổ đình Chúc Thánh, Hội An)**

*Ảnh Như Tịnh*

Đến thời Tây Sơn binh biến, các ngôi chùa như Bảo Long, Cẩm An, Bảo Lâm v.v... bị thiêu hủy hoàn toàn, môn nhơn thất tán và không có cơ may phục dựng nên dần dần chìm vào quên lãng. May thay, công hạnh của các Ngài vẫn còn được lưu giữ qua những trang kinh mà ngày hôm nay chúng ta còn may mắn bảo tồn được.

Năm Nhâm Tuất [1802], Gia Long lên ngôi thống nhất sơn hà, tình hình Phật giáo dần dần đi vào sinh hoạt ổn định dưới sự ủng hộ

của triều đình nhà Nguyễn. Tuy nhiên, chúng ta vẫn không thấy có sự hành hoạt của các bậc tăng nhân dòng thiền Liễu Quán trên đất Quảng Nam.

Đến niên hiệu Tự Đức thứ 7, Giáp Dần [1854], chúng ta mới bắt gặp một vị thiền sư thuộc hàng chữ “Hải” của kệ phái Liễu Quán xuất hiện và hành đạo tại đây. Đó là Thiền sư Hải Nghiêm Phước Nghi 海嚴福儀, được triều đình bổ nhiệm làm trụ trì chùa Ứng Chơn (tức chùa Linh Ứng ngày nay). Thiền sư Hải Nghiêm hiệu Phước Nghi, thế danh Trần Văn Nghi, sinh quán tại thôn Long Bình, tổng Xuân Đài, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên (nay là phường Long Bình, thị trấn Sông Cầu, Phú Yên), là em út của Thiền sư Tiên Thường Viên Trùng và Chương Tín Hoằng Ân. Ngài trụ trì chùa Ứng Chơn được 8 năm và viên tịch vào ngày 14 tháng 10 năm Tân Dậu [1861]. Bảo tháp được kiến tạo bên cạnh tháp Thiền sư Viên Trùng. Đến nay, ta vẫn chưa biết nhiều về hành trạng của Thiền sư Hải Nghiêm Phước Nghi. Căn cứ pháp danh Hải Nghiêm hiệu Phước Nghi ta chỉ biết Ngài nối pháp đời 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 6 pháp phái Liễu Quán chứ không biết Ngài xuất gia với ai và tại đâu? Ngài chỉ đến chùa Ứng Chơn, núi Ngũ Hành Sơn hành đạo được 7 năm thì viên tịch, không có đệ tử kế thừa nên hành trạng dần mai một.

Những thập niên 20-30 của thế kỷ XX, chư tăng từ Kinh đô Huế vào tỉnh Quảng Nam lập chùa hành đạo ngày càng nhiều, từ đó thiền phái Liễu Quán tại Quảng Nam - Đà Nẵng dần dần long thịnh trở lại và phát triển sâu rộng cho đến ngày hôm nay.

Năm Mậu Ngọ [1918], Hòa thượng Trùng Kệ Như Nhu 澄偈如柔 từ chùa Báo Quốc (Huế) vào Quảng Nam tu học. Ngài cầu pháp với tổ Chơn Pháp Phước Trí tại chùa Tam Thai, với pháp hiệu Tôn Thắng. Hội đủ nhân duyên, Ngài khai sơn chùa Phổ Thiên tại làng Bình Thuận, nay chính là chùa Phổ Đà, quận

Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ngài đã hiến cúng chùa Phổ Đà cho Giáo hội thành lập Phật học viện để đào tạo Tăng tài. Hòa thượng Trừng Kệ Tôn Thắng thuộc đời pháp 42 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 8 pháp phái Liễu Quán. Ngài đã đào tạo được những vị đệ tử hữu danh góp phần rất lớn cho công cuộc hoằng truyền Chánh pháp tại Quảng Nam, Đà Nẵng và các tỉnh thành khác, tiêu biểu như: Cố Hòa thượng Thích Chơn Ngộ pháp danh Tâm Căn (1913-2013) - trụ



**Hòa thượng Trừng Kệ Tôn Thắng (1889-1976): Khai sơn chùa Phổ Đà, người có công truyền thừa thiền phái Liễu Quán tại Quảng Nam Đà Nẵng**

*Ảnh Không Nhiên*

trì Tổ đình Tịnh Độ, Tam Kỳ; cố Hòa thượng Thích Từ Ý pháp danh Tâm Niệm (1920-1990) - trụ trì chùa Hòa An, Tam Kỳ; cố Hòa thượng Thích Từ Mẫn pháp danh Tâm Lượng (1932-2007) - trụ trì chùa Phổ Đà, chùa Diệu Pháp - Đà Nẵng; cố Hòa thượng Thích Tâm Thanh hiệu Chơn Nghiêm (1931-2004) - khai sơn Vĩnh Minh tự viện, Lâm Đồng; Hòa thượng Thích Từ Tánh pháp danh Tâm Giác - đương kim trụ trì chùa Phổ Đà, Đà Nẵng; Hòa thượng Thích Từ Nhơn pháp danh Tâm Hoa - Giáo thọ trường Phật học Đại Tông Lâm, Bà Rịa Vũng Tàu v.v...



**Chùa Phổ Đà, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng,  
tổ đình thiền phái Liễu Quán tại Quảng Nam Đà Nẵng**

*Ảnh sưu tầm*

Cùng thời với Hòa thượng Trừng Kệ Tôn Thắng còn có hai vị Hòa thượng từ Huế vào hành đạo tại Đà Nẵng. Đó là Hòa thượng Trừng Phước Hưng An 澄福興安 - khai sơn chùa Tường Quang, và Hòa thượng Trừng Ngô Hưng Giáo 澄悟興教 - khai sơn chùa Bửu Nghiêm. Cả hai vị là đệ tử của Ngài Thanh Đức Tâm Khoan tại chùa Báo Quốc, nổi pháp đời 42 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 8 pháp phái Liễu Quán.

Năm 1954, Hòa thượng Thích Quang Thê (1922-2005) pháp danh Nguyên Phước, hiệu Đạt Minh, là đệ tử của Đại lão Hòa thượng Tâm Thái Thiện Trí chùa Hiếu Quang (Huế) sau khi tu học tại Huế về lại thị xã Đà Nẵng hành đạo, đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng của Giáo hội qua các thời kỳ. Năm 1959, Ngài khai sơn chùa Thọ Quang tại xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, nay thuộc quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hòa thượng nổi pháp đời 44 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 10 pháp phái Liễu Quán. Từ đạo tràng Thọ Quang, Ngài đã đào tạo được nhiều đệ tử như: Cố Hòa thượng Thích Huệ

Hướng pháp danh Quảng Chí (1940-1995) - trụ trì chùa Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn; Hòa thượng Thích Huệ Đạt pháp danh Quảng Phát - trụ trì chùa An Long, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi; Hòa thượng Thích Huệ Thường pháp danh Quảng An - trụ trì chùa Long Hoa, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng; Hòa thượng Thích Huệ Chính pháp danh Quảng Hương - trụ trì chùa Thọ Quang, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng; Thượng tọa Thích Huệ Vinh - trụ trì chùa Quan Thế Âm, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng v.v...



**Từ trái qua phải: HT. Trường Ngô Hưng Giáo:(,,,-1965):  
Khai sơn chùa Bửu Nghiêm; HT. Trường Phước Hưng An (1878-1939):  
Khai sơn chùa Tường Quang; HT.Trường Kế Tôn Thắng (1889-1976):  
Khai sơn chùa Phổ Đà, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng**

*Ảnh Như Tịnh*

Theo chân các bậc tiền bối, một số chư tăng từ Huế vào Quảng Nam - Đà Nẵng hành đạo đã đóng góp rất lớn cho sự nghiệp hoàng dương chánh pháp như:

- Cố Hòa thượng Thích Trí Việt (1934-2013): Hòa thượng pháp danh Tâm Hậu, tự Trí Việt, hiệu Long Vân, nổi pháp đời 43 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 9 pháp phái Liễu Quán. Hiện nay chưa rõ

Hòa thượng xuất gia tại chùa nào và bổn sư là ai? Chỉ biết Hòa thượng cầu pháp với cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu tại chùa Thiên Mụ (Huế) nên có pháp tự Trí Việt. Những thập niên 50-60 của thế kỷ XX, Hòa thượng là một trong những tăng sĩ đóng vai trò quan trọng của Phật giáo thị xã Đà Nẵng. Ngài đã đóng góp rất nhiều công sức trong việc khai sơn, trùng tu xây dựng các chùa như: chùa Hải Vân Sơn, chùa Quang Minh, chùa Báo Ân, chùa Viên Quang, chùa Pháp Hội, chùa Sơn Trà, chùa Phước Lộc v.v... Đệ tử của Hòa thượng hiện còn hành đạo tại Đà Nẵng là Hòa thượng Thích Minh Thành pháp danh Nguyên Chí - trụ trì chùa Viên Quang.

- Cố Hòa thượng Thích Như Ý (1908-1987): Hòa thượng pháp danh Nguyên Tuyết, tự Như Ý, nổi pháp đời 44 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 10 pháp phái Liễu Quán, trụ trì chùa Tra Am (Huế) và chùa Sơn Trà (Đà Nẵng). Năm 1968 chiến tranh lan rộng, Hòa thượng tạm rời chùa tổ Tra Am vào nhận trụ trì chùa Sơn Trà. Đến năm 1975, chiến tranh kết thúc, Hòa thượng trở về Cố đô Huế tiếp tục sứ mệnh của mình. Trong khoảng thời gian 7 năm tại Sơn Trà, Hòa thượng đã để lại các vị đệ tử hành đạo tại Đà Nẵng như: Cố Hòa thượng Thích Bửu Toàn pháp danh Quảng Trí (1935-1999) - trụ trì chùa Kỳ Viên; Hòa thượng Thích Bửu Thiện pháp danh Quảng Đạo - trụ trì chùa An Sơn; Thượng tọa Thích Bửu Minh pháp danh Quảng Độ - trụ trì chùa Sơn Trà v.v...

- Cố Hòa thượng Thích Minh Tuấn (1935-2015): Hòa thượng pháp danh Nguyên Bình, tự Minh Hòa, hiệu Minh Tuấn nổi pháp đời 44 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 10 pháp phái Liễu Quán, khai sơn Thiền viện Bồ Đề - quận Liên Chiểu, Đà Nẵng. Hòa thượng có công đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni cũng như sinh viên học sinh thuộc hệ thống trường trung học Bồ Đề trực thuộc Tổng vụ giáo dục của GHPGVNTN trước năm 1975.

- Cố Hòa thượng Thích Giác Viên (1930-2012): Hòa thượng pháp danh Nguyên Nhuận, tự Giác Viên, hiệu Long Hoa, nổi pháp



đời 44 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 10 pháp phái Liễu Quán, trụ trì chùa Pháp Lâm, khai sơn Tịnh thất Giác Hoàng Viên. Ngài kế nhiệm cố Hòa thượng Thích Quang Thê trong cương vị Trưởng ban trị sự GHPGVN thành phố Đà Nẵng.

- Cố Hòa thượng Thích Chí Mẫn (1943-2017): Hòa thượng pháp danh Trùng Viên, tự Chí Mẫn, hiệu Viên Dung, nổi pháp đời 42 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 8 pháp phái Liễu Quán. Năm 1968, Ngài vào Đà Nẵng khai sơn chùa Pháp Vân. Trải qua các thời kỳ, Ngài đảm nhận nhiều trọng trách do Giáo hội giao phó. Năm 2017, Ngài được suy cử làm Trưởng Ban trị sự GHPGVN thành phố Đà Nẵng.

Vào những năm 1950, một số chư vị tôn túc truyền thừa theo pháp kệ Tổ sư Liễu Quán đã hành đạo tại phủ Tam Kỳ, về sau là tỉnh Quảng Tín (nay là các huyện Thăng Bình, Núi Thành, Tiên Phước, Phú Ninh, thành phố Tam Kỳ v.v...). Các Ngài đã tích cực hoằng dương Chánh pháp, khiến lòng người ngày càng quy hướng về với Phật Đà. Tiêu biểu có các vị tôn túc như:

- Cố Hòa thượng Thích Minh Thê (1900-1964): Hòa thượng pháp danh Nguyên Quảng, tự Minh Thê, hiệu Đạt Thê, nổi pháp đời 44 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 10 pháp phái Liễu Quán. Hòa thượng xuất gia với Hòa thượng Tâm Thông Quảng Nhuận tại chùa Linh Quang - Đà Lạt, sau đó về Quảng Nam hoằng pháp. Năm 1959, Ngài khai sơn chùa Hòa Quang và đào tạo được một số vị đệ tử như: Cố Hòa thượng Thích Chí Đạo pháp danh Quảng Trai - trụ trì chùa Hòa Quang; Cố Thượng tọa Thích Quảng Cầm v.v...

- Cố Hòa thượng Thích Từ Ý (1919-1990): Hòa thượng pháp danh Tâm Niệm, tự Từ Ý, hiệu Chơn Thiện, nổi pháp đời 43 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 9 pháp phái Liễu Quán. Ngài xuất gia đắc pháp với Hòa thượng Tăng cang Thích Tôn Thắng tại chùa Phổ Thiên, Đà Nẵng. Năm 1954, Ngài về Tam Kỳ hành đạo và đảm nhận trụ trì chùa Hòa An, chi hội Phật học thị xã Tam Kỳ. Ngài có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo địa phương tại các huyện Nam Quảng Nam

như Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành, Phú Ninh, Tiên Phước v.v... và hiện nay đa số chư tăng các huyện này đều là đệ tử hay đồ tôn của Ngài.

Ngài giáo dưỡng rất nhiều vị đệ tử hữu danh hiện đang hành đạo tại tỉnh Quảng Nam cũng như các tỉnh thành trong cả nước và hải ngoại như: Hòa thượng Thích Thiện Tường pháp danh Nguyên Lợi - trụ trì chùa Hòa An, Tam Kỳ; Hòa thượng Thích Thiện Thành pháp danh Nguyên Hương - trụ trì chùa Hưng Quang, Núi Thành; Hòa thượng Thích Thiện Giác pháp danh Nguyên Quang - trụ xứ chùa Long Sơn, Nha Trang; Hòa thượng Thích Thiện Phương pháp danh Nguyên Sanh - trụ trì chùa Tam Bảo, Tam Kỳ; Hòa thượng Thích Thiện Toàn pháp danh Nguyên Hoàng - trụ trì chùa Thanh Hà, Đà Nẵng; Hòa thượng Thích Phước Minh pháp danh Nguyên Hộ - trụ trì chùa Long Hoa, Tam Kỳ; Hòa thượng Thích Phước Châu pháp danh Nguyên Tâm - trụ trì chùa Bảo Châu, Thăng Bình; cố Hòa thượng Thích Thiện Tánh pháp danh Nguyên Trí (1922-2016) - trụ trì chùa Giác Nguyên, Thăng Bình v.v...

- Cố Hòa thượng Thích Viên Mãn (1922-2001): Hòa thượng pháp danh Tâm Trì, tự Chánh Không, hiệu Viên Mãn, nổi pháp đời 43 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 9 pháp phái Liễu Quán. Ngài xuất gia làm đệ tử Hòa thượng Trừng Phổ Quảng Tu chùa Thiên Hưng, Huế. Năm 1955, Hòa thượng theo lời chỉ dạy của Hòa thượng Thích Tôn Thắng vào đảm nhận trụ trì chùa Tịnh Độ, thị xã Tam Kỳ. Đến năm 1960, Hòa thượng ra khai sơn chùa Kỳ Viên và gần như ẩn tu mật hạnh. Đệ tử kế thừa có Thượng tọa Thích Chánh Huệ pháp danh Nguyên Hải.

- Cố Hòa thượng Thích Chơn Ngộ (1913-2013): Hòa thượng pháp danh Tâm Cần, tự Từ Thực, hiệu Chơn Ngộ, nổi pháp đời 43 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 9 pháp phái Liễu Quán. Ngài xuất gia đắc pháp với Hòa thượng Tăng Cang Thích Tôn Thắng tại chùa Phổ Thiên, Đà Nẵng. Năm 1961, Ngài được Hòa thượng Bồn sư trách



cử trụ trì chùa Tịnh Độ. Hơn 100 năm trụ thế, với 52 năm thừa đương Phật sự tại Tổ đình Tịnh Độ, Hòa thượng đã tài bồi chốn tổ khang trang như ngày hôm nay.

- Hòa thượng Thích Thiện Duyên: Đương kim Phó pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN, phương trượng chùa Đạo Nguyên, thành phố Tam Kỳ. Hòa thượng pháp danh Quảng Thành, tự Thiện Duyên, hiệu Quán Ngôn, xuất gia đắc pháp với cố Hòa thượng Thích Giác Tánh - trụ trì chùa Hưng Long và Thiên Đức ở Bình Định, nối pháp đời 45 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 11 pháp phái Liễu Quán. Năm 1957, sau khi tốt nghiệp Phật học viện Hải Đức Nha Trang, Ngài được Giáo hội Trung phần cử làm Giảng sư tại Quảng Nam. Năm 1962, tỉnh Quảng Tín thành lập và năm 1963, Ngài khai sơn chùa Đạo Nguyên để làm trụ sở của Giáo hội tỉnh Quảng Tín. Trải qua các thời kỳ, Ngài đảm nhận những chức vụ quan trọng Giáo hội. Hiện nay, Ngài là bậc kỳ túc trưởng lão trong ngôi nhà Phật giáo Quảng Nam nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung.

Những năm đầu thế kỷ XX, nữ giới xuất gia ngày càng đông và Ni bộ dần dần được hình thành. Thế hệ đầu tiên của Ni giới đa phần là đệ tử thế độ của chư vị Hòa thượng tôn túc. Tại vùng đất Quảng Nam trong những năm 1945 đến 1947 đã có nhiều vị Ưu-bà-di xuất gia. Mãi đến năm 1952, chư Ni lần đầu tiên an cư tại chùa Tịnh hội của Hội An Nam Phật học tỉnh Quảng Nam (nay là chùa Pháp Bảo, Hội An) gồm các vị như: Ni sư Đàm Minh, Sư cô Từ Hạnh, Sư cô Như Hương, Sư cô Đạt Hương, Sư cô Diệu Lý v.v... Đến năm 1954, Giáo hội Tăng già Quảng Nam đã dành chùa Bảo Thắng làm trú xứ để chư Ni tu học, Ni sư Đàm Minh và Sư cô Như Hương được cử làm chánh phó trụ trì. Đến năm 1960, Ni sư Đàm Minh ra Đà Nẵng đảm nhận trụ trì chùa Bảo Quang, từ đó Ni sư hành đạo tại đây cho đến lúc viên tịch. Dần dần, các chùa do chư Ni đảm nhiệm trụ trì ngày càng nhiều và Ni bộ ngày càng phát triển.

Sự phát triển của chư Ni truyền thừa theo kệ phái Liễu Quán tại Quảng Nam - Đà Nẵng đa phần do sự giáo dưỡng của ba vị Sư trưởng, đó là Sư trưởng Thích Nữ Đàm Minh - trụ trì chùa Bảo Quang, Đà Nẵng; Sư trưởng Thích Nữ Từ Hạnh - trụ trì chùa Châu Phong, Điện Bàn; Sư trưởng Thích Nữ Diệu Lý - trụ trì chùa Quang Minh, Đà Nẵng. Cả ba vị Sư trưởng đều có pháp danh chữ Tâm, thuộc đời 43 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 9 pháp phái Liễu Quán.

- Sư trưởng Thích Nữ Đàm Minh (1912-1992): Sư trưởng pháp danh Tâm Quang, tự Đàm Minh, hiệu Minh Đức là đệ tử của Cố Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, trụ trì chùa Tường Vân, Huế. Sư trưởng vào Quảng Nam đảm nhận trụ trì chùa Bảo Thắng vào năm 1954 và đến năm 1960 ra thị xã Đà Nẵng trụ trì chùa Bảo Quang. Sư trưởng đã đào tạo được nhiều vị Ni trưởng đang hành đạo khắp nơi như: Ni trưởng Thích Nữ Diệu Tâm - Viện chủ chùa Bảo Quang, Đức quốc; Ni trưởng Thích Nữ Diệu Cảnh - trụ trì chùa Bảo Quang, Đà Nẵng; Ni trưởng Thích Nữ Diệu Thực - trụ trì chùa Xuân Hòa, Đà Nẵng; Ni trưởng Thích Nữ Diệu Thuần - trụ trì chùa Bảo Tịnh, Đà Nẵng v.v...

- Sư trưởng Thích Nữ Từ Hạnh (1920-2016): Sư trưởng pháp danh Tâm Tánh, tự Từ Hạnh, hiệu Diệu Hữu, đệ tử của cố Đại lão Hòa thượng Thích Tôn Thắng chùa Phổ Đà, Đà Nẵng. Sau khi xuất gia, Sư trưởng từng tham học với pháp sư Giải Ngạn chùa Hưng Ký tại miền Bắc, sau đó tu học tại Ni viện Diệu Đức, Huế. Năm 1960, Sư trưởng về quê nhà lập chùa Châu Phong để tiếp độ Ni chúng. Đệ tử thành danh của Sư trưởng có các vị như: Cố Ni trưởng Thích Nữ Hạnh Nguyên; Ni trưởng Thích Nữ Hạnh Từ - đương kim trụ trì chùa Châu Phong; Ni trưởng Thích Nữ Hạnh Châu - trụ trì chùa Từ Tâm, Điện Bàn v.v...

- Sư trưởng Thích Nữ Diệu Lý (1922-2017): Sư trưởng pháp danh Tâm Dung, tự Diệu Lý, đệ tử của cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu tại chùa Thiên Mụ, Huế. Trước năm 1975, Sư trưởng hành

đạo tại Huế và Quảng Trị. Đến năm 1975, Sư trưởng đảm nhận trụ trì chùa Quang Minh, quận Liên Chiểu cho đến ngày viên tịch. Sư trưởng giáo dưỡng được các vị đệ tử như: Ni trưởng Thích Nữ Tịnh Đức - trụ trì chùa Quang Minh, Đà Nẵng; cố Ni trưởng Thích Nữ Giới Quang, Mỹ quốc; Ni trưởng Thích Nữ Giới Châu - trụ trì chùa Quang Minh, Mỹ quốc v.v...

Thiền phái Lâm Tế Liễu Quán do Tổ sư Liễu Quán là người Việt biệt lập nên. Với hơn 300 năm hình thành và phát triển, thiền phái Liễu Quán đã đóng góp rất lớn cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong quá khứ và hiện tại. Riêng tại Quảng Nam và Đà Nẵng, chúng ta thấy sự hình thành và phát triển của dòng thiền Liễu Quán phân ra 3 giai đoạn rõ rệt:

- Giai đoạn 1: Giữa và cuối thế kỷ thứ XVIII, dòng thiền Liễu Quán đã có mặt tại vùng đất Quảng Nam. Tuy nhiên chỉ có một vài vị mà hiện nay tư liệu còn rất khan hiếm nên chưa làm rõ được công hạnh của các Ngài đối với Phật giáo Quảng Nam.

- Giai đoạn 2: Xuyên suốt cả thế kỷ XIX, gần như tăng nhân dòng thiền Liễu Quán không thấy hành đạo tại Quảng Nam. Chỉ duy nhất có ngài Hải Nghiêm Phước Nghi tại Ngũ Hành Sơn mà thôi.

- Giai đoạn 3: Từ đầu thế kỷ thứ XX cho đến nay, dòng thiền Liễu Quán phát triển nhanh tại đất Quảng Nam. Các vị như Hòa thượng Thích Tôn Thắng, Hòa thượng Thích Từ Ý, Hòa thượng Thích Quang Thế đã đào tạo được nhiều đệ tử hữu danh góp phần rất lớn cho sự phát triển của Phật giáo tại Quảng Nam - Đà Nẵng.

Cho đến hôm nay, thiền phái Liễu Quán đã phát triển sâu rộng tại Quảng Nam - Đà Nẵng, trọng tâm là thành phố Đà Nẵng và các huyện thị Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành, Phú Ninh, Tiên Phước và Hiệp Đức thuộc Quảng Nam, tiếp tục góp phần xây dựng ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam cũng như phát triển tông môn tại mảnh đất chưa mưa đã thấm này.



## Chú thích

- [1]. Chùa Bảo Lâm tọa lạc tại xã Lạc Cầu, huyện Diên Khánh, thuộc hai phủ Thăng Hoa và Điện Bàn, xứ Quảng Nam (nay thuộc thôn Lạc Cầu, xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam). Đây là một đạo tràng lớn do Thiền sư Thiệt Uyên Chánh Thông Chí Bảo trụ trì. Chùa đã bị tàn phá lâu năm nên đến nay không còn tự tích. Hiện tại còn lưu giữ các bản kinh khắc in tại chùa như: “Đi Đà Sớ Sao” (in năm 1766); “Pháp Giới An Lập Đồ” (in năm 1770); “Quy Sơn Cảnh Sách cú thích ký” (không rõ năm)...
- [2]. Ở nơi đây chúng tôi hồ nghi giữa Tổ sư Phổ Triêm Phước Sơn và Thiền sư Đại Hưng Trường Long có mối quan hệ thầy trò. Căn cứ vào long vị và bia tháp Tổ sư Phổ Triêm tại chùa Vạn Đức cũng như gia phả của tộc Lê tại xã Sơn Phô, tổng Phú Triêm hạ, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn (nay thuộc phường Cẩm Châu, Hội An) do tự tôn Lê Hữu Hoàng tự Viên hiệu Nhật Quang sao lục vào ngày mùng 02 tháng Giêng năm Thành Thái thứ 12, Canh Tý [1900] cho ta biết, Thiền sư Phổ Triêm có thể danh Lê Công Mạo thuộc đời pháp 36 tông Lâm Tế. Ngài sinh năm 1675 và mất ngày 25 tháng Chạp năm Nhâm Thìn [1772], thọ 98 tuổi. Tất cả các nguồn tư liệu đều không ghi rõ pháp danh của Ngài, chỉ biết Ngài hiệu Phổ Triêm, thụy Phước Sơn, thuộc đời 36 tông Lâm Tế. Tuy nhiên, theo một bản “Đại Bi xuất tượng Đà-la-ni kinh” do Thiền sư Đại Hưng Trường Long chủ trì khắc in tại chùa Vạn Đức vào năm 1764, dưới sự chứng minh của Hòa thượng Phổ Triêm, chúng ta thấy, Thiền sư Đại Hưng Trường Long thuộc đời pháp 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 pháp phái Liễu Quán. Căn cứ vào đời pháp của ngài Phổ Triêm và ngài Đại Hưng ta có thể suy đoán hai vị này có mối quan hệ sư đồ. Bởi lẽ năm 1764 thì Tổ Phổ Triêm đã 90 tuổi nên lui vào ngôi Phương trượng để tịnh tu và giao việc điều hành bổn tự lại cho đệ tử là Thiền sư Đại Hưng Trường Long. Nếu quả thật như vậy thì Thiền sư Phổ Triêm phải có pháp danh chữ Tế đứng đầu và là đệ tử của Tổ sư Thiệt Diệu Liễu Quán. Đây cũng chỉ là giả định suy luận, mong rằng trong tương lai chúng ta có đủ tư liệu để khẳng định chính xác hơn.
- [3]. Xem: Tập san *Liễu Quán 17*, số ra tháng 5-2019 của Trung tâm VHPG Liễu quán - Huế.
- [4]. Xem: Tập san *Liễu Quán 17*, tlđd.
- [5]. Theo pháp kệ thì chữ ĐẠI thuộc đời 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 pháp phái Liễu Quán. Tuy nhiên trên văn bia của Tổ ghi đời 36. Có thể người viết bia nhầm chăng? Hoặc giả Tổ cầu pháp với một vị Tổ sư thuộc đời 35 nên môn nhơn ghi là đời 36.

## Tài liệu tham khảo:

- Thích Trung Hậu, Thích Hải Ấn, *Chư tôn thiền đức và Cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa*, tập 1 & tập 2, Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2011.
- Thích Trung Hậu, Thích Hải Ấn, *Chư tôn thiền đức và Cư sĩ hữu công Phật giáo Thuận Hóa*, tập 3, Nxb. Hồng Đức, 2013.
- Thích Đức Trí, *Lược khảo Phật giáo sử Đà Nẵng*, Nxb. Tôn giáo, 2013.
- Khảo sát bia tháp ngài Đại Đồng Siêu Căn tại chùa Chúc Thánh, Hội An; Long vị chùa Diệu Giác ở Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi và chùa Từ Quang thành phố Huế.
- Pháp quyền của Thiền sư Tâm Minh Huyền Giác cấp cho đệ tử Nguyên Chủng Phước Hậu ngày 30 tháng 7 năm Bính Tuất [1946].
- Tập Trung - Đặng Quý Dịch, *Những ngôi chùa tiêu biểu tỉnh Bình Định*, bản thảo năm 1999.

# **DẤU ẤN THIỀN PHÁI LIỄU QUÁN TRONG DÒNG CHẢY PHẬT GIÁO ĐẠI LỘC<sup>10(1)</sup>**

## **1. Tổng quan**

Sau khi đắc pháp với Tổ sư Minh Hoàng Tử Dung tại chùa Ấn Tôn (Tứ Đàm), Thiền sư Thiệt Diệu Liễu Quán (1667-1742) khai mở đạo tràng tại chùa Viên Thông và chùa Thiền Tôn xứ Thuận Hóa, biệt kê truyền thừa lập nên thiền phái Liễu Quán. Từ đây, các hàng đệ tử và pháp tôn của Ngài tiếp tục sứ mệnh hoằng dương Chánh pháp và truyền thừa pháp kệ của thiền phái Liễu Quán rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước.

Quảng Nam là một tỉnh tiếp giáp với Kinh đô Thuận Hóa nên cũng sớm đón nhận bước chân hoằng hóa của các vị tổ sư dòng thiền Liễu Quán. Qua các thư tịch xưa, chúng ta biết được dưới thời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chư vị thiền sư thuộc dòng thiền Liễu Quán đã khai sơn cũng như trụ trì nhiều ngôi chùa lớn tại Quảng Nam, chủ yếu là tại Hội An và Điện Bàn. Đó là Thiền sư Đại Tri 大知 - trụ trì chùa Bửu Long ở xã Cẩm Phô, Hội An; Thiền sư Đại Quảng Trí Quang 大廣智光 - trụ trì chùa Sắc tứ Cẩm An ở xã Cẩm Phô, Hội An; Thiền sư Đại Hưng Trường Long 大興長隆 - chùa Vạn Đức, Thanh Hà, Hội An; Thiền sư Đại Đồng Siêu Căn 大踴超根 - khai sơn chùa Phước Khánh, Điện Phương, Điện Bàn. Cả 4 vị thiền sư đều có pháp danh ở hàng chữ Đại (大) thuộc đời 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 thiền phái Liễu Quán. Tuy nhiên, sự truyền thừa của các vị thiền sư này về sau gần như không còn được kể đăng trên vùng đất Quảng Nam.

Vừa qua, đầu xuân Canh Tý (2020), trong các đợt khảo cứu tư liệu Hán Nôm tại huyện Đại Lộc cùng đoàn nghiên cứu thuộc Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán Huế, chúng tôi phát hiện được

---

<sup>10</sup> Đăng trên Tạp chí Liễu Quán số 20, NXB Thuận Hóa 2020

một số tư liệu mang dấu ấn của các vị thiền sư thuộc thiền phái Liễu Quán hoằng pháp tại vùng đất này. Địa danh Đại Lộc (大祿) chỉ chính thức xuất hiện trên địa bạ hành chính nước ta kể từ năm 1899, dưới triều vua Thành Thái. Trước đây, vùng đất này thuộc về huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn và có một truyền thống Phật giáo lâu đời. Trong quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo Đại Lộc thì chùa Cổ Lâm là tổ đình chính và có tầm quan trọng đối với đời sống tinh thần của Tăng Ni, Phật tử Đại Lộc từ bao đời nay.

## 2. Tổ đình Cổ Lâm và những lưu dấu về thiền phái Liễu Quán

Tổ đình Cổ Lâm hiện tọa lạc tại thôn Hà Nha, xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Đây là một ngôi tổ đình lớn của dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh thuộc khu vực phía Tây Quảng Nam và có niên đại ra đời khá sớm, cùng thời với tổ đình Chúc Thánh, tổ đình Phước Lâm tại Hội An.



**Tổ đình Cổ Lâm, ngôi chùa xưa nhất của Phật giáo Đại Lộc, có nhiều mối quan hệ với chư Tăng dòng thiền Liễu Quán**

*Ảnh Như Tịnh*

Theo tư liệu *Lược sử chùa Cổ Lâm*, ngôi cổ tự này hiện diện tại xứ Đại Lộc từ lâu đời, do Thiền sư Lương Nhất Lễ khai sơn và



ngài đã viên tịch dưới thời Vĩnh Thịnh (1705-1720), lúc 80 tuổi - điều đó có nghĩa, niên đại tạo lập chùa không thể muộn hơn thế kỷ XVIII. Chính hệ thống long vị phụng thờ tại tổ đường Cổ Lâm hiện nay, mặc dù có thể chưa đầy đủ, nhưng đã phản ánh bề dày lịch sử của ngôi chùa.

Trải qua thời gian và chiến tranh loạn lạc, chùa Cổ Lâm cũng rơi vào tình cảnh đổ nát, hoang tàn như bao ngôi chùa khác của xứ Quảng. Chùa hiện được trùng tạo khá khang trang, điều đáng quý là vẫn bảo lưu được nhiều bảo vật giá trị, nhất là hệ thống pháp tượng và long vị lịch đại tổ sư của chùa. Tiêu biểu như tượng Đức Phật Thích Ca tọa thiền (bằng gang), cùng hệ tượng gỗ Hộ pháp, Kiên lao, Bồ-đề Đạt Ma, Quan Thánh... với những đường nét tạo hình uyển chuyển, tinh tế, mặc dù trải qua bao lớp thời gian và hậu thế nhiều lần cho phủ lớp sơn ta bên ngoài, nhưng nhìn chung các pho tượng vẫn giữ được hồn cốt ban sơ và còn khá nguyên vẹn.

Qua phụng khảo hệ thống long vị xưa tại tổ đình Cổ Lâm, chúng tôi phát hiện có long vị của Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên 性覺頓圓<sup>(2)</sup>, thuộc đời pháp thứ 39 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 5 thiền phái Liễu Quán.

Long vị Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên được chạm trổ khá tinh xảo, với trán long vị chạm mặt thái tuế hay thường gọi là “long hàm thọ”; hai bên chạm hình long ẩn vân đạp trên sóng thủy ba; lòng long vị chạm hồi văn kỷ hà; đế long vị hình như được phục chế lại về sau, vì trông khá đơn giản và không đồng bộ so với chính thể. Nội dung lòng long vị ghi:

*“Từ Lâm Tế chánh tông tam thập cửu thế, hỷ Tánh Giác, thượng Đôn hạ Viên Hòa thượng giác linh nghệ tọa - 嗣臨濟正宗三十九世諱性覺上頓下圓和尚覺靈貌座”.*

Trong hệ thống long vị cổ còn sót lại tại tổ đình Cổ Lâm, nếu xét về hình thức thì long vị Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên có quy cách gần giống với long vị của Thiền sư Chương Lý Trí Quang - vị tổ có công phục hưng tổ đình Cổ Lâm.



**Long vị thiền sư Tánh Giác Đốn Viên,  
đời 39 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 5  
thiền phái Liễu Quán thờ tại tổ  
đường chùa Cổ Lâm, Đại Lộc**

*Ảnh Như Tịnh*

Như chúng ta biết, tổ đình Cổ Lâm là một trong những tổ đình lớn truyền thừa theo thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh. Sự xuất hiện long vị của Thiền sư Tánh Giác Đốn Viên thuộc thiền phái Liễu Quán trong tổ đường chùa Cổ Lâm tạo cho chúng ta bao mối phân vân: Thiền sư Tánh Giác Đốn Viên là ai? Được truyền thừa xuống từ vị bổn sư nào (thuộc hàng chữ Đạo 道) tại xứ Quảng Nam, hay từ Thuận Hóa truyền vào? Ngài có mối quan hệ như thế nào với chùa Cổ Lâm mà được phối thờ một cách trang trọng tại đây? Chúng ta thử tìm

hiểu lịch sử truyền thừa chùa Cổ Lâm để tìm ra lời giải đáp thỏa đáng cho những nghi vấn này.

Căn cứ vào tờ khai *Lược sử chùa Cổ Lâm* do cố Hòa thượng Thích Đồng Phước khảo soạn vào ngày 29 tháng 6 năm 1964, trong đợt kê khai tự viện do Giáo hội tỉnh Quảng Nam thời đó thực hiện, ghi lại lịch đại trụ trì chùa như sau:

Khai sơn chùa Cổ Lâm là Hòa thượng Lương Nhất Lễ, tục gọi thầy Nhẫn, ngài viên tịch vào niên hiệu Vĩnh Thịnh<sup>(3)</sup>, thọ 80 tuổi. Kế tục truyền thừa có các vị: Hòa thượng Trí Quang, Hòa thượng Hoằng Giáo (Thiệu Trị nguyên niên), Hòa thượng Trùng Định, Hòa thượng Quảng Lao, Hòa thượng Quảng Thành, Hòa thượng Hoằng Cam (Duy Tân nguyên niên). Kể từ năm 1945, chùa do Hòa thượng Chơn Thông hiệu Đồng Phước trụ trì, cho đến năm kê khai là 1964.

Ở nơi đây, chúng tôi không bàn đến vấn đề ai là người khai sơn chùa Cổ Lâm cũng như việc sắp xếp thứ hệ các đời trụ trì của cổ Hòa thượng Thích Đồng Phước, bởi bản kê lục năm 1964 có sự nhầm lẫn. Vấn đề quan trọng ở đây là trong lịch đại trụ trì chùa Cổ Lâm hoàn toàn không có nhắc đến tôn hiệu Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên. Như vậy, điều xác quyết của chúng tôi là Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên chắc chắn không phải trụ trì ngôi tổ đình này. Việc xuất hiện long vị của Ngài tại tổ đường chùa Cổ Lâm có thể xuất phát từ những nguyên nhân sau:

- Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên có thể trụ trì một ngôi chùa nào đó thuộc vùng Đại Lộc, về sau do chiến tranh chùa bị sụp đổ nên long vị được thỉnh về phụng thờ tại tổ đình Cổ Lâm. Điều này có thể xảy ra, tương tự như long vị của Hòa thượng khai sơn chùa Kim Liên ở Hội An hiện được phụng thờ tại tổ đường chùa Chúc Thánh, hay mộ tháp Thiền sư Đại Đồng Siêu Căn - tổ khai sơn chùa Phước Khánh ở Điện Phương - Điện Bàn lại được di thỉnh về cải táng trong khuôn viên tổ đình Chúc Thánh - khi các chùa ấy bị tàn phá bởi chiến tranh hoặc lý do thiên tai.

- Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên có thể có một mối liên hệ mật thiết với một trong các vị trụ trì tổ đình Cổ Lâm đời trước. Có thể Ngài là Hòa thượng Đường đầu truyền giới hoặc Hòa thượng phú pháp... của một vị Đại sư nào đó trụ trì tổ đình Cổ Lâm nên được giới tử, pháp tử lập vọng phụng thờ. Điều này chúng tôi đã từng gặp ở tổ đường chùa Hồng Khê tại Huế - ngôi chùa do Hòa thượng

Trùng Huệ Giác Viên khai sơn. Hòa thượng Giác Viên là đệ tử của Thiền sư Thanh Ninh Tâm Tịnh - tổ khai sơn chùa Tây Thiên, nhưng lại là giới tử đắc pháp với Thiền sư Ấn Bản Vĩnh Gia tại chùa Phước Lâm, Hội An. Sau khi khai sơn chùa Hồng Khê, ngài có lập long vị Hòa thượng Đường đầu Ấn Bản Vĩnh Gia và long vị bổn sư Thanh Ninh Tâm Tịnh phối thờ tại tổ đường. Điểm đặc biệt là long vị ngài Vĩnh Gia thờ chính giữa còn long vị ngài Tâm Tịnh thờ một bên.

- Căn cứ vào cụm từ “Lâm Tế chánh tông” (臨濟正宗) thì chúng ta có thể khẳng định Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên viên tịch trước khi vua Thiệu Trị lên ngôi vào năm Tân Sửu [1841]. Vua Thiệu Trị có tên húy là Nguyễn Phúc Miên Tông (阮福綿宗), nên sau khi lên ngôi, vì kỵ húy nên chữ Tông (宗) không được phép sử dụng, phải trải qua chữ Tông (宗 thiếu nét), chữ Tuyên (宣), hoặc chữ Tôn (尊). Như vậy, Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên có thể sống từ giai đoạn thời Tây Sơn, trải qua các đời vua Gia Long và đến cuối đời Minh Mạng. Đồng thời pháp với Ngài trong giai đoạn này có các vị như Tánh Thiên Nhất Định (1784-1847) - khai sơn chùa Từ Hiếu, Tánh Hoạt Huệ Cảnh (1798-1869) - khai sơn chùa Tường Vân ở Huế; Tánh Thông Giác Ngộ (1756-1842) - khai sơn chùa Bát Nhã ở Phú Yên; Tánh Tông Thiên Khánh (1768-...?) - trùng hưng chùa Long Khánh ở Quy Nhơn...

- Theo văn bản *Lược sử chùa Cổ Lâm* do Hòa thượng Đồng Phước soạn năm 1964 nói trên, có nhắc đến Hòa thượng Trùng Định 澄定 từ Huế vào trụ trì chùa 3 năm nhưng không ghi cụ thể thời gian nào. Căn cứ kệ truyền thừa của Tổ sư Liễu Quán thì chữ Trùng (澄) thuộc đời pháp 42 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 8 thiền phái Liễu Quán. Như vậy, ngài Trùng Định đã hoằng pháp tại Cổ Lâm được 3 năm và sau này về lại Huế. Theo sự truyền thừa tại Huế, pháp kệ tổ Liễu Quán truyền đến chữ Trùng rơi vào khoảng những thập niên 20 - 30 của thế kỷ XX trở đi. Như vậy ngài Trùng Định thuộc thế

hệ chữ Trùng của thiền phái Liễu Quán ở Huế vào trụ trì chùa Cổ Lâm, và chắc chắn là sau thời ngài Trí Quang và ngài Hoàng Cam. Như đã biết, kể từ cuối thế kỷ XIX, chùa Cổ Lâm bị chính quyền Pháp và Nam triều khám xét khủng bố do liên hệ với chí sĩ Trần Cao Vân trong phong trào kháng Pháp miền Trung. Vì thế Hòa thượng Chương Lý Trí Quang (1834-1905) lánh về tổ đình Chúc Thánh và viên tịch nhập tháp tại đây. Mãi đến năm Duy Tân nguyên niên (1917), Hòa thượng Ấn Mục Hoàng Cam mới kế nghiệp trụ trì. Có thể sau thời ngài Hoàng Cam, Hòa thượng Trùng Định mới đảm nhận trụ trì chùa Cổ Lâm trong vòng 3 năm. Không rõ nguyên nhân nào Hòa thượng Trùng Định từ Huế vào trụ trì cũng như trở lại bốn quán sau 3 năm phụng sự Tam bảo. Nhưng qua đây chúng ta có thể thấy được mối quan hệ khá mật thiết của chư tăng tại Đại Lộc và xứ Huế trước đây.

### **3. Về gia phả tộc họ Quách ở Đại Lãnh - Đại Lộc**

Một tư liệu Hán Nôm nữa có liên quan đến một vị thiền sư dòng thiền Liễu Quán mà chúng tôi muốn đề cập trong bài viết này, đó chính là gia phả của tộc Quách tại thôn Hà Dục Tây, xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc.

Theo tư liệu gia phả tộc Quách còn lưu giữ thì từ giữa thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX, hương hào làng Hà Dục Tây đã 4 lần tổ chức lễ cầu siêu truy tiền chư vị tiền hiền khai khẩn cũng như cầu an tại chùa Phước Quang (nay là chùa Tây An) của bản thôn. Cả 4 lần này được ghi trong 4 văn bản đều có đạo hiệu của các vị thiền sư chứng minh đại lễ như sau:

- Lần 1: Văn bản 1 (Vb1): Ngày mùng 8 tháng 4 năm Mậu Dần, do Thiền sư Hải Thọ Khánh Long chứng minh chủ trì.

- Lần 2: Văn bản 2 (Vb2): Ngày 29 tháng 4 năm Tân Hợi, do Thiền sư Hải Tĩnh Tục Đăng chứng minh chủ trì.

- Lần 3: Văn bản 3 (Vb3): Ngày 22 tháng Giêng năm Tân Sửu, do Thiền sư Ấn Hồng Tổ Như chứng minh chủ trì.

- Lần 4: Văn bản 4 (Vb4): Ngày 15 tháng 7 năm Mậu Thân, do Thiền sư Chơn Bằng chứng minh chủ trì.

Qua 4 văn bản ghi lại 4 lần hương chức làng Hà Dục Tây mở trai đàn cầu an, cầu siêu tại chùa Phước Quang cho thấy, cả 4 văn bản đều ghi lại đạo hiệu các vị thiền sư chứng minh cử hành pháp sự. Hai văn bản đầu ghi Thiền sư Hải Thọ Khánh Long và Hải Tĩnh Tục Đăng, hai văn bản sau do Thiền sư Ấn Hồng Tổ Như và Chơn Bằng chủ trì. Hai vị sau chắc chắn thuộc về kệ phái Lâm Tế Chúc Thánh. Ở đây, chúng ta thử tìm hiểu hai vị Hải Thọ Khánh Long và Hải Tĩnh Tục Đăng có phải thuộc kệ phái Lâm Tế Liễu Quán hay không?

Xét về văn bản 1 (Vb1), lạc khoản ghi ngày mồng 8 tháng 4 năm Mậu Dần, Thiền sư Hải Thọ Khánh Long chứng minh trai đàn. Như vậy Mậu Dần thuộc năm nào: 1758, 1818, 1878 hay 1838? Văn bản 1 ghi lại địa danh thôn Hà Dục Tây lúc đó như sau:

*“Đại Việt quốc, Quảng Nam xứ, Điện Bàn phủ, Phú Châu thuộc, Đại An tổng thượng, Hà Dục Tây châu”* [大越國廣南處奠磐府富洲屬大安總上河育西洲]. Căn cứ vào cụm từ *“Đại Việt quốc, Quảng Nam xứ...”* thì ta có thể xác định đây thuộc giai đoạn các chúa Nguyễn trị vì Đàng Trong. Như vậy, năm Mậu Dần phải là năm 1758, thuộc niên hiệu Cảnh Hưng thứ 19, nhằm giai đoạn trị vì của Quốc vương Nguyễn Phúc Khoát. Vậy Thiền sư Hải Thọ Khánh Long có phải truyền thừa theo kệ phái Liễu Quán không?

Như đã biết, Thiền sư Thiệt Diệu Liễu Quán (1667-1742) biệt kệ khai phái tại chùa Thiền Tôn, chùa Viên Thông - Cố đô Thuận Hóa với bài kệ:

*Thiệt Tế Đại Đạo*

*Tánh Hải Thanh Trìng*

*Tâm Nguyên Quảng Nhuận*

*Đức Bốn Từ Phong ...*

Xét về chữ “Hải” trong kệ phái Liễu Quán thì ta thấy: Từ chữ “Thiệt” đến chữ “Hải” phải trải qua năm đời. Xét từ thời điểm 1741 - năm Tổ sư Liễu Quán viên tịch đến năm 1758 - thời điểm làng Hà Dục Tây ở Đại Lộc mở trai đàn dưới sự chứng minh của Thiền sư Hải Thọ Khánh Long chỉ có 17 năm. Với khoảng thời gian 17 năm ngắn ngủi ấy, kệ phái Liễu Quán không thể truyền đến chữ “Hải” được. Cùng thời gian đó, chúng ta thấy ở Quảng Nam xuất hiện các vị thiền sư có pháp danh chữ “Đại” thuộc kệ phái Liễu Quán như: Đại Quảng Trí Quang, Đại Tri, Đại Hưng Trường Long, Đại Đồng Siêu Căn v.v... Như vậy, chúng ta khẳng định ngài Hải Thọ Khánh Long không thuộc kệ phái Liễu Quán. Vậy Thiền sư Hải Thọ Khánh Long truyền theo kệ phái nào?

Nhìn lại lịch sử Phật giáo Quảng Nam trong những năm đầu thế kỷ XVII, trước khi Tổ sư Nguyên Thiều sang nước ta hành đạo, hay trước lúc các tổ Minh Hải Pháp Bảo, Thiệt Diệu Liễu Quán biệt kệ truyền phái thì các thiền sư dòng Lâm Tế Trí Bản Đột Không đóng vai trò chủ đạo trong sự hoằng pháp tại đây. Các vị Thiền sư Viên Văn Chuyết Chuyết (1590-1644); Minh Châu Hương Hải (1628-1715); Chơn Dĩnh Đường Cơ (1658-1720) v.v... đều thuộc kệ phái Trí Bản Đột Không, đã có một thời gian dài hoằng pháp tại Quảng Nam và có ảnh hưởng rất lớn đến sự tu tập của tăng tín đồ Phật giáo lúc bấy giờ.

Thiền sư Trí Bản Đột Không thuộc đời 25 tông Lâm Tế, xuất kệ truyền thừa gồm 48 chữ:

*Trí Tuệ Thanh Tịnh*

*Đạo Đức Viên Minh*

*Chơn Như Tánh Hải*

*Tịch Diệu Phổ Thông ...*

Đối chiếu thế thứ truyền thừa tông Lâm Tế qua kệ phái Trí Bản Đột Không chúng ta thấy, Thiền sư Viên Văn Chuyết Chuyết thuộc đời 31 Lâm Tế (thế hệ thứ 7 kệ phái Trí Bản Đột Không); Thiền sư Minh Châu Hương Hải đời 32 Lâm Tế (thế hệ thứ 8 kệ phái Trí Bản Đột Không); Thiền sư Chơn Dĩnh Đường Cơ đời 33 tông Lâm Tế (thế hệ thứ 9 kệ phái Trí Bản Đột Không)...v.v. Trong bài kệ này, ta thấy chữ “Hải” thuộc về đời 36 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 12 của kệ phái Trí Bản Đột Không. Nhìn lại lịch sử Phật giáo Quảng Nam, khoảng niên đại 1758 thì dòng kệ Trí Bản Đột Không tại Quảng Nam đã truyền xuống đến các chữ “Tĩnh” và “Hải”. Vì thế, chúng ta có thể khẳng định chữ “Hải” của Thiền sư Hải Thọ Khánh Long trong Vb1 nói trên chắc chắn thuộc kệ phái Trí Bản Đột Không chứ không thể thuộc kệ phái Thiệt Diệu Liễu Quán.

Xét văn bản 2 (Vb2), lạc khoản ghi ngày 29 tháng 4 năm Tân Hợi, do Thiền sư Hải Tĩnh Tục Đăng chứng minh chủ trì. Vậy năm Tân Hợi thuộc năm nào trong các năm: 1731, 1791, 1851 hay 1911?

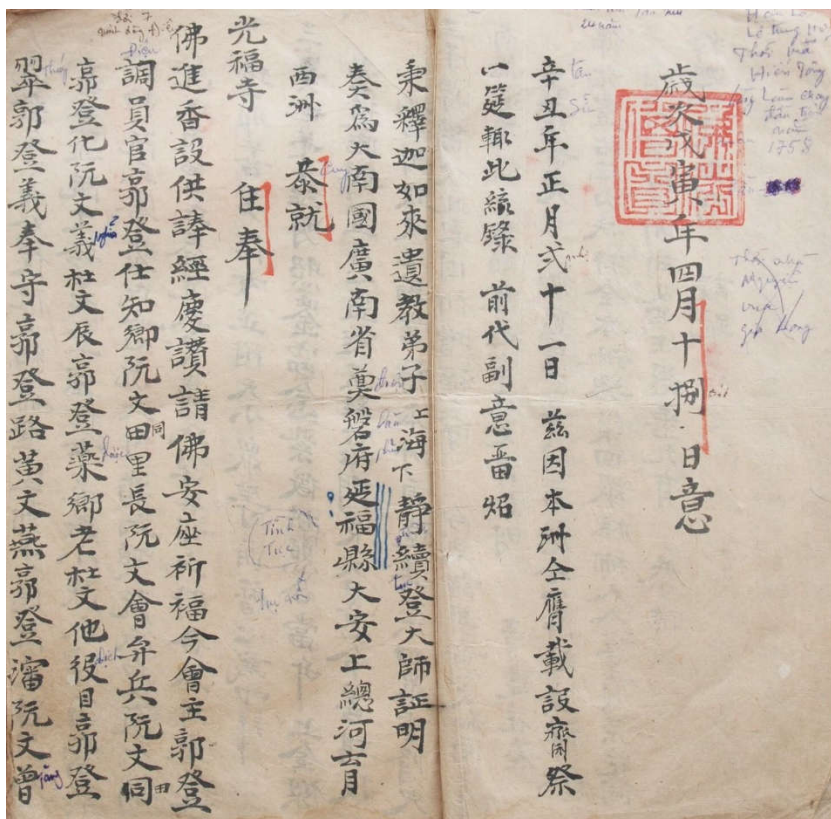
Căn cứ thông tin địa danh ở Vb2 ghi: “*Đại Nam quốc, Quảng Nam tỉnh, Điện Bàn phủ, Diên Phước huyện, Đại An thượng tổng, Hà Dục Tây châu...*” [大南國廣南省奠磐府延福縣大安上總河育西洲]. Chúng ta thấy, dưới thời các chúa Nguyễn, quốc hiệu Việt Nam được ghi là Đại Việt, xứ Quảng Nam (gồm từ Quảng Nam vào tận Phú Yên) được gọi là Quảng Nam xứ. Vb2 lại ghi “*Đại Nam quốc, Quảng Nam tỉnh...*” thì chắc chắn phải khởi đi từ thời Minh Mạng<sup>(4)</sup> trở về sau. Như vậy chúng ta loại trừ các năm Tân Hợi thuộc năm 1731 và 1791. Còn lại, năm Tân Hợi là 1851 hay 1911?



Địa danh Đại Lộc được triều đình nhà Nguyễn đặt để vào năm Thành Thái thứ 2 [1890] sau khi triều đình chấp nhận sự đô hộ của người Pháp tại Trung kỳ. Vì thế, trong văn bản 3 lập năm Tân Sửu ghi: “*Đại Nam quốc, Quảng Nam tỉnh, Điện Bàn phủ, Đại Lộc huyện, Đại An thượng tổng, Hà Dục Tây châu*” [大南國廣南省奠磐府大祿縣大安上總河育西洲]. Văn bản 4 lập năm Mậu Thân ghi địa danh giống văn bản 3. Như vậy các năm Tân Sửu phải là năm 1901 và Mậu Thân phải là năm 1908. Theo đó, năm Tân Hợi phải là năm 1851 chứ không thể là năm 1911. Bởi rằng, nếu Tân Sửu thuộc năm 1911 thì chắc chắn phải có ghi “Đại Lộc huyện”.

Trở lại văn bản 2 ghi làng Hà Dục Tây thiết đại trai đàn vào ngày 29 tháng 4 năm Tân Hợi do Thiền sư Hải Tĩnh Tục Đăng chứng minh chủ trì. Năm Tân Hợi ở đây phải là năm 1851 chứ không thể năm nào khác, và chữ “Hải” của Thiền sư Hải Tĩnh Tục Đăng chắc chắn phải thuộc về hệ phái Thiệt Diệu Liễu Quán.

Như vậy, vào năm Tân Hợi [1851], Thiền sư Hải Tĩnh Tục Đăng, đời pháp 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 6 hệ phái Liễu Quán đã chứng minh trai đàn tại chùa Phước Quang (nay là chùa Tây An). Đối chiếu niên đại, chúng ta thấy Thiền sư Hải Tĩnh Tục Đăng sống đồng thời với các vị thiền sư có cùng đời pháp chữ “Hải” như: Hải Nghiêm Phước Nghi (...?-1861): trụ trì chùa Linh Ứng, Ngũ Hành Sơn; Hải Thiệu Cương Kỷ (1810-1899): trụ trì chùa Từ Hiếu, Huế; Hải Thuận Lương Duyên (1806-1895): trụ trì chùa Báo Quốc, Huế; Hải Toàn Linh Cơ (1823-1896): trụ trì chùa Tường Vân, Huế; Hải Khoát Chí Thanh (1818-1886): trụ trì chùa Long Khánh, Quy Nhơn. Hải Bình Bảo Tạng (1818-1872): khai sơn chùa Châu Viên, Bà Rịa Vũng Tàu v.v...



Văn bản Trai đàn tộc họ Quách - thôn Hà Dục Tây, xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tổ chức năm Tân Hợi [1851], do Thiền sư Hải Tinh Tục Đăng (thiền phái Liễu Quán) chứng minh chủ trì

Ảnh Không Nhiên

Qua sự khảo biện về long vị của Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên ở trên, chúng tôi khẳng định ngài sống và viên tịch trước khi vua Thiệu Trị lên ngôi, tức năm Tân Sửu [1841]. Lấy mốc lịch sử từ khi vua Thiệu Trị lên ngôi 1841 cho đến năm Tân Hợi [1851] - khi Thiền sư Hải Tinh Tục Đăng chứng minh chủ trì trai đàn tại chùa Phước Quang có khoảng cách thời gian 10 năm. Với hai đời pháp kế tiếp nhau thuộc chữ “Tánh” (Tánh Giác Đôn Viên) và chữ “Hải” (Hải Tinh Tục Đăng) trong hệ truyền pháp của Tổ Liễu Quán, chúng ta có thể thiết lập mối quan hệ của hai vị thiền sư này. Có thể hai vị Tánh Giác và Hải Tinh có mối quan hệ thầy trò, hoặc có thể có mối quan hệ sư thúc, sư bá trong tông môn.

## Lời kết

Kể từ năm 1858, khi người Pháp nổ tiếng súng đầu tiên tại Đà Nẵng để đánh chiếm Việt Nam cho đến khi nước nhà thống nhất vào năm 1975, là 117 năm. Hơn một thế kỷ Việt Nam chìm ngập trong chiến tranh triền miên nên các đình chùa trong cả nước bị tàn phá nặng nề. Những ngôi cổ tự, những tư liệu lịch sử liên quan đến các tự viện cũng như các vị danh tăng đều bị thiêu hủy rất nhiều. Các tự viện và sử liệu của Phật giáo Đại Lộc cũng không thoát khỏi những kiếp nạn đó.

Hiện nay, khi tìm hiểu về sự hình thành và phát triển của thiền phái Liễu Quán tại Đại Lộc chúng ta chỉ còn vồn vện long vị Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên tại chùa Cổ Lâm và vài dòng Hán tự ghi tên Thiền sư Hải Tịnh Tục Đăng trong gia phả họ Quách tại thôn Hà Dục Tây, xã Đại Lãnh. Chúng ta hoàn toàn không biết gì về danh tánh, năm sinh, năm viên tịch, nguồn gốc xuất thân, bốn sư thế độ hay hành trạng của hai vị thiền sư này. Bấy nhiêu sử liệu chưa thể phác họa rõ vai trò của thiền phái Liễu Quán tại huyện Đại Lộc thời ấy, nhưng chắc chắn giúp chúng ta khẳng định một điều: Trong những năm đầu và giữa thế kỷ XIX, hoặc trước hơn nữa, các thiền sư thuộc kệ phái Liễu Quán đã có mặt hành đạo và đóng một vai trò thiết yếu trong đời sống tinh thần của Phật tử nơi đây.

## Chú thích

- [1]. Trong bài viết này, chúng tôi xin được đóng khung niên đại khảo sát kể từ Tổ sư Thiệt Diệu Liễu Quán (1667-1742) cho đến năm 1945, khi nhà Nguyễn cáo chung.
- [2]. Đây là long vị cổ xưa được cất giữ trong tủ của tầng trên tổ đường chùa Cổ Lâm. Hiện tại, trên bàn Tổ tại tổ đường chùa Cổ Lâm, long vị Thiền sư Tánh Giác Đôn Viên đã được làm lại và thờ chung với Thiền sư Ấn Võ Tổ Truyền. Tuy nhiên, trong lòng long vị mới ghi ngài là “Đại sư” chứ không ghi “Hòa thượng” như long vị xưa kia. Đây là lỗi sao chép của người đời nay vậy.
- [3]. Niên hiệu Vĩnh Thịnh (永盛) kéo dài 16 năm, từ 1705 đến 1720, thuộc đời vua Lê Dụ Tông; tức rơi vào giai đoạn trị vì Nam Hà của Minh Vương Nguyễn Phúc Chu.
- [4]. Về địa danh Quảng Nam: Thời các chúa Nguyễn, địa danh Quảng Nam được gọi là Quảng Nam xứ (gồm chỉ vùng đất rộng lớn kéo dài từ Quảng Nam đến tận Phú Yên), đến khi vua Gia Long lên ngôi đổi lại là Quảng Nam doanh. Đời vua Minh Mạng, vào năm 1831, đổi thành Quảng Nam tỉnh.

Sử liệu về

## TRƯỜNG HƯƠNG

và ĐẠI GIỚI ĐÀN

Năm 1928 tại chùa Từ Vân - Đà Nẵng<sup>11</sup>

Trong lịch sử hoằng truyền Chánh pháp, việc đào tạo Tăng tài kế thừa mạng mạch Phật pháp luôn được đặt làm trọng tâm hàng đầu. Vì thế, dù ở thời đại nào hay trong bất kỳ hoàn cảnh nào, chư tôn đức luôn kiến lập Đàn giới để truyền trao giới pháp cho Tăng Ni tu học. Tinh thần “Tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức” luôn được các thế hệ Tăng-già thực hiện để Chánh pháp luôn luôn hiện hữu trên thế gian này.

Với tinh thần cao cả thiêng liêng ấy, vào năm Mậu Thìn [1928], Hòa thượng Trang Quảng Hưng đã tổ chức Trường Hương và Đại giới đàn tại chùa Sắc tứ Từ Vân, Đà Nẵng. Đây là một trong những Giới đàn lớn tại miền Trung vào những năm đầu thế kỷ XX. Thông qua một vài thư tịch Hán Nôm còn lưu giữ, chúng tôi xin ghi lại những thông tin về Trường Hương và Đại giới đàn Từ Vân năm 1928 để phần nào làm rõ vai trò của chùa Từ Vân đối với Phật giáo Đà Nẵng trong giai đoạn tiền chấn hưng Phật giáo.

### 1. Lược sử chùa Sắc tứ Từ Vân

Vào tháng 5 năm Nhâm Tuất [1922], Hòa thượng Trang Quảng Hưng từ Nam Kỳ về kiến lập bảo tháp của Hòa thượng Phước Điền tại Ngũ Hành Sơn. Sau đó, Hòa thượng làm đơn xin Công sứ Đà Nẵng được xây dựng một ngôi chùa tại xã Thạc Gián<sup>(1)</sup>, tổng Bình Thới hạ, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn và đặt tên là “Từ Vân tự”. Đến tháng 10 cùng năm thì làm đơn xin khánh thành và chủ nguyện đúc một quả chuông<sup>(2)</sup> nặng 112kg. Năm Khải Định thứ 9, Giáp Tý [1924], Hòa thượng Trang Quảng Hưng được Chính quyền đương

---

<sup>11</sup> Đăng trên Tạp chí Liễu Quán số 21, NXB Thuận Hóa 2020.

thời chính thức công nhận Tự chủ. Ngày 21 tháng Giêng năm Đinh Mão, Bảo Đại thứ 2 [1927], chùa Từ Vân được triều đình ban biển ngạch Sắc tứ, Hòa thượng Trang Quảng Hưng đã cung thỉnh Hòa thượng Chơn Bồn Phước Khánh làm trú trì, pháp đệ Trang Văn Tại, pháp danh Như Niệm hiệu Bảo Toàn làm Tự trưởng.



**Sắc tứ Từ Vân Tự**

*Ảnh sưu tầm*

Tháng 2 năm Mậu Thìn [1928], Hòa thượng làm đơn xin tỉnh tòa Đà Nẵng cho mở Trường Hương và đến tháng 7 khai đàn truyền giới với sự tham dự của chư sơn khắp các tỉnh thành thuộc Trung Kỳ và Nam Kỳ. Đây có thể là một trong những Giới đàn lớn của miền Trung thời bấy giờ.

Năm 1938, Hòa thượng Phước Khánh viên tịch, Hòa thượng Bảo Toàn kế nhiệm trú trì chùa Từ Vân. Từ đây, Hòa thượng tiếp tục xây dựng chùa Từ Vân cũng như nhiếp hóa đồ chúng. Năm 1970, Hòa thượng Thích Bảo Toàn viên tịch, trưởng tử là Đại đức Thích Mỹ Quang kế thừa y bát, trú trì chùa Từ Vân. Đến năm 1973, Đại đức Thích Mỹ Quang vào Nam hành đạo, giao quyền Tri sự cho Đại đức Thích Bửu Trí.

Năm 1975, hòa bình lập lại, Đại đức Thích Bửu Trí về lại quê hương Thăng Bình, chùa Từ Vân giao cho thân tộc họ Trang chăm nom hương khói. Từ đó về sau, với nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, chùa Từ Vân không còn sinh hoạt trong ngôi nhà Phật giáo Đà Nẵng. Và đến nay, chùa Từ Vân đã không còn hiện hữu trên mảnh đất mà gần 100 năm trước, Hòa thượng Trang Quảng Hưng đặt viên đá đầu tiên kiến tạo.

## 2. Hành trạng Hòa thượng Trang<sup>(3)</sup> Quảng Hưng

Căn cứ tiểu truyện Hòa thượng Trang Quảng Hưng ghi trong “Trang tộc thế phổ hệ” (do chính Hòa thượng biên tập năm Đinh Mão - 1927), và theo nội dung văn bia chùa Từ Vân (thác bản do Trường Viễn Đông Bác Cổ sao dập, ký hiệu: 19271), Hòa thượng thế danh Trang Văn Trí, sinh giờ Hợi, ngày 24 tháng 4 năm Quý Ty, niên hiệu Thành Thái thứ 5[1893], tại châu Hà Nhuận, tổng Mỹ Khê, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc thôn Hà Nhuận, xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên). Thân sinh ngài là cụ ông Trang Văn Lư, pháp danh Chơn Hương và thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Chút, pháp danh Chơn Xuân.



**Hòa thượng Như Tiến Quảng Hưng  
(1893-1946): Khai sơn chùa  
Sắc tứ Từ Vân, Đà Nẵng**

*Ảnh Như Tịnh*

Tổ tiên ngài vốn người thuộc huyện Tấn Giang, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến, Trung Quốc, sang Việt Nam định cư tại làng Cẩm Phô, phố Hội An vào những năm đầu thời Tự Đức. Khi

sang Việt Nam, trong gia tộc ngài có những vị xuất gia đầu Phật với tổ Quán Thông tại chùa Phước Lâm, Hội An. Vì lẽ đó, gia đình ngài thấm nhuần tư tưởng Phật giáo và chủng tử ấy hiện rõ trong ngài khi tóc còn để chỏm.

Vào năm Ất Tỵ [1905], khi vừa lên 13 tuổi, ngài được phụ thân cho xuất gia, làm đệ tử của ngài Tăng Cang Phước Trí tại chùa Tam Thai, được bốn sư ban cho pháp danh Như Tiến. Năm Bính Ngọ [1906], sau một năm tu học, ngài được bốn sư cho thọ Sa-di tại Giới đàn chùa Từ Quang tỉnh Phú Yên, do Hòa thượng Chơn Chánh Pháp Tạng - trú trì chùa Phước Sơn làm Đàn đầu truyền giới. Sau khi thọ giới về, ngài được bốn sư ban pháp tự Giải Hình, nối pháp đời 41 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 8 thiền phái Chúc Thánh.

Năm Kỷ Dậu [1909], tuy mới giới phẩm Sa-di nhưng ngài được thân hào làng Hải Châu, Đà Nẵng thỉnh làm Tri sự chùa Sắc tứ Phước Hải. Sang năm sau, Canh Tuất [1910], vào tháng 4 ngài được đăng đàn thọ Đại giới với Hòa thượng Vĩnh Gia tại chùa Phước Lâm, Hội An, lúc bấy giờ ngài mới 18 tuổi. Đồng thọ giới với ngài còn có các vị như: Hòa thượng Thích Giác Viên, Hòa thượng Thích Giác Nhiên, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết v.v... tại Huế.

Năm Tân Hợi [1911], ngài được chư sơn thiên lữ cử làm trú trì chùa Thạch Châu, xã Thạch Thang.

Năm Quý Sửu [1913], ngài cầu pháp nhân duyên với Hòa thượng Chơn Nhẫn Phước Điền, trú trì chùa Ngự Kiến Vĩnh An tại Duy Xuyên, Quảng Nam với pháp hiệu Quảng Hưng. Cũng trong năm này, ngài xin bốn sư cho được du phương tham học với chư vị tôn túc ở các tỉnh thành miền Nam.

Năm Kỷ Mùi [1919], Khải Định năm thứ 5, Hòa thượng Tịnh Hạnh khai Đại giới đàn tại chùa Thiên Lâm thuộc hạt Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, ngài được cung thỉnh làm Thống sự kiêm Thư ký tại Giới đàn này. Sau khi Giới đàn hoàn tất, ngài đến chùa Linh Sơn cổ thạch nhập thất tịnh tu, mỗi ngày chỉ ăn một bữa vào giờ Ngọ.

Năm Tân Dậu [1921], ngài được mời chủ trì lễ cầu siêu chiến sĩ trận vong trong 2 ngày tại am Quảng Tế thuộc Đà Lạt, tỉnh Lâm Viên, sau đó lại chủ trì đại lễ trai đàn chùa Linh Bảo tại thôn Khánh Hội, tổng Kinh Doanh, tỉnh Khánh Hòa. Đến tháng 9 cùng năm, ngài vào tỉnh Gia Định làm đơn xin thành lập chùa Thiên Ân tại thôn Chí Hòa. Trong thời gian này, Hòa thượng Diệu Đại trú trì chùa Tịnh Độ tại thôn Tân Sơn Nhứt khai Đại giới đàn đã cung thỉnh ngài làm Đệ nhị Tôn chứng sư.

Năm Nhâm Tuất [1922], Khải Định thứ 7, ngài trở về Quảng Nam kiến lập bảo tháp của Hòa thượng Phước Điền đã viên tịch vào năm Mậu Ngọ [1918]. Trong thời gian này, ngài làm đơn lên tòa tỉnh Đà Nẵng mua đất kiến tạo chùa Từ Vân tại xã Thạch Gián.

Đến năm Giáp Tý [1924], ngài tiếp tục mua đất và chỉnh trang chùa Từ Vân bởi sự phát tâm quyên góp của bà Nguyễn Thị Lan, pháp danh Trùng Hoàn tự Giải Ngọc. Sau đó, ngài cung thỉnh Hòa thượng Chơn Bồn Phước Khánh trụ trì chùa Từ Vân.

Vào ngày 15 tháng 2 năm Bính Dần [1926], Hòa thượng Phổ Tế trú trì chùa Tân Long tại ấp Cao Lãnh tỉnh Sa Đéc khai Đại giới đàn, đã cung thỉnh ngài làm Đệ nhất Tôn chứng sư.

Đạo hạnh và uy tín của ngài ảnh hưởng rất lớn không những đối với Phật giáo mà còn đối với Nam triều cũng như Chính phủ bảo hộ Pháp nên vào ngày 21 tháng Giêng năm Đinh Mão [1927], Bảo Đại năm thứ 2, chùa Từ Vân được ban biểu ngạch Sắc tứ. Cũng trong năm này, Hòa thượng khai kỳ kiết hạ an cư đầu tiên. Vào ngày 18 tháng 2 năm Mậu Thìn [1928], ngài đưa đơn lên tòa Tổng đốc Quảng Nam xin mở Trường Hương. Sau đó, ngài tổ chức Đại giới đàn tại chùa Từ Vân và được thỉnh làm Hóa chủ. Giới đàn này đã cung thỉnh Hòa thượng Phước Trí chùa Tam Thai làm Đàn đầu và vị giới tử xuất sắc nhất là Hòa thượng Thích Trí Thủ - một vị cao tăng của Phật giáo Việt Nam thời cận đại.



Bảo Đại năm thứ 8, Quý Dậu [1933], vào ngày mồng 9 tháng 11, ngài được triều đình Sắc tứ Tăng cang, ban cho Giới đao Độ điệp, lúc bấy giờ ngài vừa tròn 41 tuổi. Năm 1935, ngài được Thống đốc Nam Kỳ cấp bằng Y khoa bào chế. Vì thế, trong thời gian hành đạo tại Phan Thiết, ngài có lập tiệm thuốc Bắc lấy hiệu Phật Huệ, nên mọi người còn gọi ngài là Trang Phật Huệ.

Ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần [1938], chùa Phước Long tại thôn Tân Lý, ấp Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho khai Đại giới đàn, Hòa thượng được cung thỉnh làm Chánh chủ kỳ. Đến ngày 15 tháng 2, chùa Phước Hựu tại tổng Hòa Đồng trung, tỉnh Gò Công khai đàn giới, Hòa thượng được cung thỉnh làm Chánh chủ kỳ. Tháng 4, chùa Linh Bảo tại thôn Tân Thái cùng tỉnh khai đàn truyền giới, ngài lại được cung thỉnh làm Tuyên luật sư tại đàn giới này.

Đến ngày mồng 09 tháng 9 năm Mậu Dần [1938], ngài được cung thỉnh làm Hòa thượng Chánh chủ kỳ tại Giới đàn chùa Thiên Lâm, Phan Thiết. Sau khi Giới đàn hoàn mãn, ngài đến phường Lạc Đạo khai sơn chùa Pháp Bảo và trụ tại đây.

Ngày 22 tháng Giêng năm Kỷ Mão [1939], chùa Linh Sơn Trường Thọ tại huyện Hàm Tân khai Đại giới đàn, ngài được cung thỉnh làm Chánh chủ kỳ. Đến ngày mồng 9 tháng 2, chùa Long Thạnh tại thôn Bình Điền, tỉnh Mỹ Tho khai Đại giới đàn, ngài lại được cung thỉnh làm Chánh chủ sự.

Ngài viên tịch ngày 17 tháng 12 năm Bính Tuất [1946], hưởng dương 54 thế tuế. Bảo tháp lưu giữ nhục thân ngài được kiến lập tại chùa Pháp Bảo, thành phố Phan Thiết.

Hòa thượng Trang Quảng Hưng là một trong những vị tăng tiêu biểu xuất sắc của Quảng Nam trong những năm đầu và giữa thế kỷ XX. Hòa thượng là người mang tư tưởng canh tân, cổ súy việc học và phiên dịch kinh điển sang chữ Quốc ngữ. Điều này đã được

Hòa thượng khẳng định qua việc trả lời phỏng vấn tờ báo *Đông Pháp*, số 455 ra ngày 17-12-1927 như sau:

[1]. *Làm trường học tại chùa, rước thầy giáo đến dạy các đạo [điêu] nhỏ, trước phải học hai buổi công phu hôm khuya, và bốn cuốn luật của nhà chùa. Sự học này toàn bằng chữ Quốc ngữ cả.*

[2]. *Nuôi kẻ nghèo khổ ăn học cho biết hai thứ chữ Tàu và chữ Quốc ngữ.*

[3]. *Dịch kinh Phật ra Quốc ngữ. Trước đây phải tìm kiếm các thơ ca truyện giảng trong nhà Phật của các bậc tiền bối để lại, đem dịch ra Quốc văn, cho bá tánh biết tích lớp mà tu hành. Sau sẽ thỉnh các vị cao tăng bác học để dịch Đại Tạng chư kinh, để truyền bá cho kẻ hữu tâm, rõ nghĩa “Tứ bi vô thượng” của Đức Phật Như Lai.*

Cuộc đời hành đạo của ngài trải dài khắp các tỉnh thành từ miền Trung cho đến miền Nam. Đi đến đâu ngài cũng lập chùa để hoằng dương Chánh pháp, cùng với chư sơn khai đàn giới tiếp dẫn hậu lai và tại các đàn giới ngài được thỉnh cử vào những chức vụ quan trọng.

Ngài biên soạn một số tác phẩm như: *Bát Nhã tịnh tâm*, in năm 1927; *Luật ông Thầy chùa*, in năm 1928; *Tịnh độ khuyến tu*, in năm 1930 v.v... cũng như một số thơ văn khác. Tuy nhiên những tác phẩm này cho đến nay đã thất lạc, chưa tìm được nguyên bản.

Về truyền thừa, tại Quảng Nam ngài có các vị đệ tử như: Thị Tín, tự Hạnh Kiệt, hiệu Ngô Thái (thế danh Trang Văn Nhơn); Thị Trung tự Hạnh Ký hiệu Ngô Thông (thế danh Trang Văn Phú); pháp hiệu Ngô Minh (thế danh Nguyễn Văn Nguyên). Tuy nhiên những vị này về sau không thấy hành trạng cụ thể. Tại Phan Thiết, ngài có các vị đệ tử cầu pháp như: Hòa thượng Trùng Phong, tự Phước Nhân hiệu Chánh Pháp - khai sơn chùa Pháp Diên, Đức Long, Phan Thiết; Hòa thượng Như Tâm hiệu Phước Như - khai sơn chùa Phước Tường, Phan Thiết v.v...

### 3. Các đời trú trì chùa Từ Vân

Kể từ khi thành lập vào năm 1922 cho đến năm 1975, trải qua 53 năm sinh hoạt trong dòng chảy Phật sử Đà Nẵng, chùa Sắc tứ Từ Vân trải qua 5 đời trú trì, tri sự như sau:

| STT | Đạo hiệu           | Năm trú trì | Năm sinh-tịch | Chức vụ      |
|-----|--------------------|-------------|---------------|--------------|
| 01. | Trang Quảng Hưng   | 1922 - 1924 | 1893 - 1946   | Khai sơn     |
| 02. | Nguyễn Phước Khánh | 1925 - 1938 | 1858 - 1938   | Trú trì      |
| 03. | Thích Bảo Toàn     | 1939 - 1970 | 1899 - 1970   | Trú trì      |
| 04  | Thích Mỹ Quang     | 1970 - 1973 | 1940 - 2014   | Trú trì      |
| 05. | Thích Bửu Trí      | 1973 - 1975 | 1936 - 2019   | Chánh tri sự |

- Hòa thượng Nguyễn Phước Khánh: Thế danh Nguyễn Văn Nguyên, sinh năm Mậu Ngọ [1858] tại tổng An Hải, Đà Nẵng. Ngài xuất gia đắc pháp với tổ Ấn Thanh Chí Thành tại chùa Tam Thai nên có pháp danh Chơn Bồn, tự Đạo Nguyên, hiệu Phước Khánh, đời pháp 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 7 thiền phái Chúc Thánh. Năm 1925, ngài được cung thỉnh làm trú trì chùa Từ Vân. Năm 1928, ngài làm Đệ ngũ Tôn chứng Giới đàn mở tại chùa. Sau đó, ngài kiêm nhiệm trú trì chùa Hoa Sơn tại Nam Ô. Ngài viên tịch ngày mùng 2 tháng 9 năm Mậu Dần [1938]. Tháp mộ lập tại chùa Hoa Sơn.

- Hòa thượng Thích Bảo Toàn: Thế danh Trang Văn Tại, sinh năm Kỷ Hợi [1899] tại châu Hà Nhuận, tổng Mỹ Khê, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc thôn Hà Nhuận, xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên). Ngài là bào đệ của Hòa thượng Trang Quảng Hưng, xuất gia với ngài Tăng cang Phước Trí chùa Tam Thai nên có pháp danh Như Niệm, tự Giải Khoan, hiệu Bảo Toàn. Thọ Tỳ-kheo năm 1928 tại Giới đàn Từ Vân, Đà Nẵng. Năm 1927, được triều đình cấp bằng Tự trưởng chùa Từ Vân và chính thức trú trì vào năm 1939 sau khi Hòa thượng Phước Khánh viên tịch. Năm 1957, ngài khai sơn chùa Hải Hội tại làng Mân Quang và giao cho sư đệ

là ngài Như Tài Bảo Tạng trú trì. Năm 1958, ngài đảm nhận Kiểm tăng của Giáo hội Tăng già Quảng Nam - Đà Nẵng. Ngài thị tịch ngày 22 tháng Giêng năm Canh Tuất [1970] tại chùa Từ Vân, thọ 72 tuổi.

- Hòa thượng Thích Mỹ Quang: Thế danh Lê Đức Thờ, sinh năm Canh Thìn [1940] tại làng Mân Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng. Ấu niên xuất gia với Hòa thượng Bảo Toàn tại chùa Sắc tứ Từ Vân. Thọ Đại giới năm 1964 tại Việt Nam Quốc Tự, được bốn sư cho pháp danh Thị Ngộ, tự Hạnh Viên, hiệu Mỹ Quang, nối pháp đời 42 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 9 thiền phái Chúc Thánh. Từ năm 1965 đến 1970, Hòa thượng đảm nhận trú trì chùa Tỉnh hội Đà Nẵng (tức Pháp Lâm ngày nay). Năm 1970, Hòa thượng bốn sư viên tịch, ngài về đảm nhận chức vụ trú trì chùa Từ Vân. Tại đây, ngài tiến hành xây dựng Trường Bồ Đề Từ Vân để góp phần giáo dục thanh thiếu niên Phật tử. Năm 1973, ngài vào Nam hành đạo nên cử Đại đức Thích Bửu Trí làm Chánh tri sự và Đại đức Thích Chơn Đức làm Phó Tri sự chùa Từ Vân. Đến năm 1975, đất nước hòa bình, ngài nhận trú trì chùa Phú Hòa, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Là người giỏi nghi lễ nên ngài được cung thỉnh làm Phó Ban Nghi lễ Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ngài viên tịch ngày 23 tháng 2 năm Giáp Thân [2004], thọ 65 tuổi. Nhục thân nhập bảo tháp tại tổ đình Chúc Thánh, Hội An.

- Đại đức Thích Bửu Trí: Thế danh Phan Long, sinh năm 1936 tại xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Năm 1960, xuất gia với Hòa thượng Thích Trí Hữu tại chùa Linh Ứng nên có pháp danh Đồng Phụng, hiệu Bửu Trí. Năm 1970, Đại đức Thích Mỹ Quang lập Trường Bồ Đề Từ Vân và mời Đại đức về cộng sự giảng dạy tại bốn trường. Năm 1973, Đại đức Thích Mỹ Quang vào Nam hành đạo và có giấy ủy quyền cho Đại đức Thích Bửu Trí (thế danh Phan Long) làm Chánh tri sự và Đại đức Thích Chơn Đức (thế danh Huỳnh Văn Đô) làm Phó Tri sự, toàn quyền điều hành Phật sự

tại chùa Từ Vân. Tuy nhiên, sau năm 1975, với tình hình mới nên các ngài đều trở về hình thức cư sĩ và giao chùa Từ Vân cho thân tộc họ Trang quản lý. Năm 1989, cư sĩ Phan Long lập lại nguyên xưa, xuất gia với Hòa thượng Thích Thiện Duyên tại chùa Đạo Nguyên, Tam Kỳ nên có pháp danh Nhuận Phụng, tự Viên Tuệ, hiệu Từ Niệm. Đại đức viên tịch vào ngày 11 tháng 11 năm Kỷ Hợi [2019], thọ 84 tuổi, tháp lập tại quê nhà.

#### **4. Sử liệu về Trường Hương và Đại giới đàn Từ Vân năm Mậu Thìn [1928]**

Theo tinh thần giới luật Phật chế, hàng năm vào 3 tháng mùa hạ (từ 16 tháng 4 đến 16 tháng 7 âm lịch) chư tăng phải kiết hạ an cư. Tuy nhiên, theo sự tìm hiểu của chúng tôi, trước năm 1945 đa phần chư tăng an cư tại chùa chứ không có tập trung kiết hạ. Bởi lẽ lúc bấy giờ các tự viện cơ sở vật chất còn thô sơ, điều kiện kinh tế hạn hẹp, không đủ đảm bảo cho chư tăng tập chúng tu học trong ba tháng. Thỉnh thoảng ở một số tỉnh thành có tổ chức Trường Hương để tập chúng an cư tu học. Và thông thường cuối hạ thường tổ chức đàn giới để truyền trao giới pháp cho chúng tăng.

Vào năm Bảo Đại thứ 3, Mậu Thìn [1928], Hòa thượng Trang Quảng Hưng đã mở Trường Hương cũng như Đại giới đàn tại chùa Từ Vân. Đây là một Phật sự trọng đại mà Hòa thượng Quảng Hưng đã làm được trong thời gian ngài hành đạo tại Quảng Nam. Hiện tại, còn hai văn bản ghi lại sự kiện này: [1] Văn bản thứ nhất ghi lại danh sách chức sự Trường Hương và đại chúng tham dự, lập ngày 15 tháng 4 năm Bảo Đại thứ 3, do chủ tự Trang Quảng Hưng và người viết là Tự trưởng Trang Văn Tại đồng ký. [2] Văn bản thứ hai ghi lại danh sách Hội đồng Thập sư cũng như chức sự giới đàn, lập vào tháng 6 cùng năm, có ấn ký của các ngài: Tăng cang chùa Tam Thai là Nguyễn Văn Diệu (tức Hòa thượng Phước Trí); trú trì chùa Linh Ứng là Phan Trúc (tức Hòa thượng Chơn Phương Thiện Trung); Chủ tự kiêm Hóa chủ Giới đàn Trang Quảng Hưng; Chánh

chủ hương Lê Hoi hiệu Quang Minh; Phó chủ hương Võ Như Ngô hiệu Tôn Hội; và người tả đơn là Thư ký Trường Hương Nguyễn Trà hiệu Huệ Chấn.

#### **4.1. Về Trường Hương chùa Từ Vân**

Văn bản thứ nhất ghi rõ và chia ra hai thành phần tham dự: Phần thứ nhất là “Đương đàn Chức sự tọa thiền” (tức danh sách chư tôn đức trong chức sự Trường Hương) và phần thứ hai là “Đại chúng nhập thiền đường kiết hạ” (tức chư tăng tham dự kiết hạ).

##### **4.1.1. Danh sách đương đàn Chức sự tọa thiền**

- Chứng minh: Hòa thượng Pháp Ngũ<sup>(4)</sup>, trú trì chùa Sắc tứ Từ Quang, tỉnh Phú Yên.

- Chứng đàn: Hòa thượng Phước Trí<sup>(5)</sup>, Tăng cang Ngự chế Tam Thai và Linh Ứng, tỉnh Quảng Nam.

- Chứng đàn: Hòa thượng Hoàng Tịnh<sup>(6)</sup>, Tăng cang chùa Sắc tứ Phước Quang, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thị sự: Hòa thượng Phước Thông<sup>(7)</sup>, nguyên trú trì Ngự chế Tam Thai, tỉnh Quảng Nam.

- Pháp sư: Hòa thượng Phổ Minh<sup>(8)</sup>, trú trì chùa Sắc tứ Phước Lâm, Hội An.

- Pháp sư: Hòa thượng Giác Viên<sup>(9)</sup>, trú trì chùa Hồng Khê, phủ Thừa Thiên.

- Bồ-tát: Hòa thượng Diệu Quang<sup>(10)</sup>, trú trì chùa Sắc tứ Thiên Ân, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bồ-tát: Hòa thượng Phước Khánh<sup>(11)</sup>, trú trì chùa Sắc tứ Từ Vân, Đà Nẵng.

- Thiền chủ: Hòa thượng Bảo Sơn<sup>(12)</sup>, trú trì chùa Long Triều, hạt Chợ Đệm, Nam Kỳ.

- Hộ đàn: Hòa thượng Phước Hậu<sup>(13)</sup>, trú trì chùa Sắc tứ Linh Quang, phủ Thừa Thiên.

- Chánh chủ hương: Hòa thượng Quang Minh<sup>(14)</sup>, Quản lãnh chùa Sắc tứ Linh Ứng, tỉnh Quảng Nam.

- Phó chủ hương: Hòa thượng Tôn Hội<sup>(15)</sup>, trú trì chùa An Hội, phủ Thừa Thiên.

- Chủ sự: Hòa thượng Phổ Trí<sup>(16)</sup>, trú trì chùa Văn Thánh, tỉnh Gia Định, Nam Kỳ.

- Thống sự: Hòa thượng Phước Huệ<sup>(17)</sup>, trú trì chùa Sắc tứ Kim Quang, phủ Thừa Thiên.

- Chánh sự: Hòa thượng Thiện Quả<sup>(18)</sup>, trú trì chùa Sắc tứ Chúc Thánh, tỉnh Quảng Nam.

Tổng cộng, Ban Chúc sự Trường Hương bao gồm 16 vị Hòa thượng (tính luôn Hòa thượng Quảng Hưng trong chức vụ Hóa chủ).

#### **4.1.2. Danh sách chư Tăng tham dự kiết hạ**

- Phạm Hòa: Pháp danh Chơn Đài, tự Đạo Hòa, hiệu Khánh Lâm, trụ trì chùa Quang Lộc, tỉnh Quảng Ngãi. Quê ở xã Phước Lộc, tổng Nghĩa Hạ, phủ Tư Nghĩa, sanh năm Tân Mão [1891], 38 tuổi, giữ chức Chánh duy na.

- Phạm Thống: Pháp danh Chơn Thống, tự Đạo Tô, hiệu Phước Hậu, thủ tọa chùa Sắc tứ Phước Quang, tỉnh Quảng Ngãi. Quê ở xã Phước Lộc, tổng Nghĩa Hạ, phủ Tư Nghĩa, sanh năm Ất Tỵ [1905], 24 tuổi, giữ chức Phó duy na.

- Nguyễn Nhiều: Pháp danh Tâm Hòa, tự Truyền Giáo, hiệu Huyền Đạo, thủ tọa chùa Cảnh Phước, tỉnh Phú Yên. Quê ở xã Ngân Sơn, tổng An Sơn, phủ Tuy An, sanh năm Đinh Hợi [1887], 42 tuổi, giữ chức Chánh duyệt chúng.

- Bùi Hóa: Pháp danh Như Khai, tự Giải Nhụy, hiệu Từ Ân, Giám tự chùa Sắc tứ Thạch Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Quê ở tổng An Nghĩa, phủ Tư Nghĩa, sanh năm Kỷ Hợi [1899], 33 tuổi, giữ chức Phó duyệt chúng.

- Nguyễn Trà: Pháp danh Như Điền, tự Giải Trà, hiệu Huệ Chấn, quản lãnh Ngự chế Tam Thai tự, tỉnh Quảng Nam. Quê xã Ngân Hà, tổng Thanh Kiều trung, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, sanh năm Bính Tuất [1886], 43 tuổi, giữ chức Chánh thư ký.

- Nguyễn Thành: Pháp danh Như Mai, tự Giải Tường, hiệu Nguyên Hoa, thủ tọa chùa Linh Quang, tỉnh Bình Định. Quê thôn Quy Hội, tổng Nhơn Ân, phủ Tuy Phước; sanh năm Nhâm Ngọ [1882], 47 tuổi, giữ chức Chánh sự.

- Nguyễn Chí: Pháp danh Như Khanh, tự Giải Lăng, hương đăng chùa Sắc tứ Chúc Thánh, tỉnh Quảng Nam. Quê xã Ngân Hà, tổng Thanh Kiều trung, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn. Sanh năm Ất Tỵ [1905], 24 tuổi.

- Thái Văn Phùng: Pháp danh Chơn Chi, tự Đạo Diệp, tri sự chùa Trúc Lâm, tỉnh Quảng Nam. Quê xã Phí Bình, tổng Thanh Kiều trung, huyện Diên Phước; sanh năm Quý Dậu [1873], 56 tuổi.

- Lê Hữu Lâm: Pháp danh Như Tường, tự Giải Kính, đệ tử Ngự chế Tam Thai tự, Tam Tôn đường. Quê xã Lệ Sơn, tổng An Thái thượng, huyện Diên Phước; sanh năm Canh Tý [1900], 29 tuổi.

- Nguyễn Văn Nguyên: Pháp hiệu Ngô Minh, tri sự chùa Sắc tứ Từ Vân, Đà Nẵng. Quê xã Mỹ Khê, tổng Đà Nẵng; sanh năm Đinh Mùi [1907], 22 tuổi.

- Nguyễn Trác: Pháp danh Như Hoàn, hiệu Huệ Tràng, quản lãnh Ngự chế Tam Thai tự, tỉnh Quảng Nam; sanh năm Giáp Ngọ [1894], 35 tuổi.

- Nguyễn Văn Năng: Pháp danh Như Linh, tự Giải Quang, thủ khó Ngự chế Tam Thai tự, tỉnh Quảng Nam. Quê xã Thúy La, tổng Đa Hòa thượng, huyện Diên Phước; sanh năm Tân Sửu [1901], 28 tuổi.

- Lương Dư: Pháp danh Như Tài, tự Giải Trân, hương đăng Ngự chế Tam Thai tự, tỉnh Quảng Nam. Quê thôn Tân An, tổng Thanh Kiều An Lưu hạ, huyện Diên Phước; sanh năm Bính Ngọ [1906], 23 tuổi.

- Từ Linh: Pháp danh Chơn Thịnh, tự Đạo Truyền, hương đăng Sắc tứ Thạch Sơn tự tỉnh Quảng Ngãi. Quê xã Minh Hương, tổng Nghĩa Hà, phủ Tư Nghĩa; sanh năm Nhâm Tý [1912], 19 tuổi.



- Trần Gia: Pháp danh Trùng Thanh, tự Chí An, Phó duy na chùa Quan Thánh, tỉnh Quảng Ngãi. Quê xã Thu Xà, tổng Nghĩa Hà, phủ Tư Nghĩa; sanh năm Mậu Thân [1908], 21 tuổi.

- Nguyễn Tài: Pháp danh Chơn Tài, tự Đạo Ty, thủ khố chùa Khánh Long, tỉnh Quảng Ngãi. Quê xã Long Phụng, tổng Lại Đức, huyện Mộ Đức; sanh năm Mậu Thân [1908], 21 tuổi.

- Từ Thính: Pháp danh Chơn Tụng, tự Đạo Hoa, thủ khố chùa Thiên Hậu, tỉnh Quảng Ngãi. Quê xã Minh Hương, tổng Nghĩa Hà, phủ Tư Nghĩa; sanh năm Mậu Thân [1908], 21 tuổi.

- Trương Văn Đương: Pháp danh Chơn Sự, tự Đạo Chức, Duyệt chúng chùa Sắc tứ Phước Quang tỉnh Quảng Ngãi. Quê xã Hào Môn, tổng Nghĩa Hà, phủ Tư Nghĩa; sanh năm Đinh Mùi [1907], 22 tuổi.

- Võ Sanh: Pháp danh Trùng Diên, tự Vạn Sanh, hiệu Hưng Phước, thư ký chùa Sắc tứ Báo Quốc, phủ Thừa Thiên. Quê xã Diên Phước, tổng Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi; sanh năm Quý Tỵ [1893], 36 tuổi.

- Võ Cao: Pháp danh Thị Ý, tự Hành Chỉ, hiệu Xuân Quang, thủ tọa chùa Liên Trì, tỉnh Phú Yên. Quê thôn Phong Thắng, tổng An Hải, phủ Tuy An; sanh năm Nhâm Dần [1902], 27 tuổi.

- Lê Trác: Pháp danh Thị Bảo, tự Hành Châu, hiệu Bảo Quang, trú trì chùa Châu Lâm, tỉnh Phú Yên. Quê xã Phú Hòa, tổng Xuân Đài, huyện Đồng Xuân; sanh năm Quý Tỵ [1893], 36 tuổi.

- Bùi Ninh: Pháp danh Thị Hinh, tự Hạnh Hương, thư ký chùa Thiên Long, tỉnh Phú Yên. Quê thôn Bình Chính, tổng An Sơn, phủ Tuy An; sanh năm Kỷ Dậu [1909], 20 tuổi.

- Lê Yên: Pháp danh Thị Lưu, tự Hành Thông, hiệu Phước Cơ, tăng chúng chùa Phước Sơn, tỉnh Phú Yên. Quê thôn Phước Long, tổng Xuân Đài, huyện Đồng Xuân; sanh năm Nhâm Dần ([1902], 27 tuổi.

- Huỳnh Văn Nghĩa: Pháp danh Thị Chí, tự Hành Thiện, hiệu Phúc Hộ, tăng chúng chùa Phước Sơn, tỉnh Phú Yên. Quê thôn Triều

Sơn, tổng Xuân Đài, huyện Đồng Xuân; sanh năm Giáp Thìn [1904], 25 tuổi.

- Nguyễn Thiện: Pháp danh Thị Thiện, tự Hạnh Tín, hiệu Phước Trạch, tăng chúng chùa Phước Sơn, tỉnh Phú Yên. Quê thôn Phong Thăng, tổng An Hải, phủ Tuy An; sanh năm Đinh Mùi [1907], 22 tuổi.

- Trần Nhơn: Pháp danh Thị Nghĩa, tự Hành Lễ, hiệu Phổ Triêm, thủ khổ chùa Bảo Sơn, tỉnh Phú Yên. Quê thôn Phú Long, tổng Xuân Đài, huyện Đồng Xuân; sanh năm Bính Ngọ [1906], 23 tuổi.

- Cao Tâm Quang: Pháp danh Chơn Văn, tự Đạo Quang, hiệu Tâm Quang, tăng chúng chùa Khánh Sơn, tỉnh Phú Yên; sanh năm Ất Mùi (1895), 34 tuổi.

Như vậy, số lượng chư tăng tập chúng nhập thiền đường an cư kiết hạ tại Trường Hương Từ Vân năm Mậu Thìn [1928] gồm 27 vị Tỳ-kheo và Sa-di.

Tổng số lượng chư Tăng trong Ban Chức sự cũng như nhập chúng Trường Hương Từ Vân tổng cộng 43 vị. Đa phần chư tăng thuộc các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và một số các vị thuộc Nam Kỳ.

## **4.2. Đại giới đàn Từ Vân**

Đến tháng 6 cùng năm, Hòa thượng Trang Quảng Hưng nhân danh Tự chủ kiêm Hóa chủ Trường Hương, một lần nữa đệ đơn lên tòa công sứ xin mở Đại giới đàn. Phương danh Hội đồng Thập sư cũng như Ban Chức sự Giới đàn như sau:

### **4.2.1. Phương danh Hội đồng Thập sư<sup>(19)</sup>**

- Truyền giới Đường đầu Hòa thượng: Hòa thượng Phước Trí, thế danh Nguyễn Văn Diệu, Tăng cang Ngự chế Tam Thai tự.

- Yết-ma A-xà-lê: Hòa thượng Phước Thông, thế danh Lê Hữu Định, trú trì Ngự chế Tam Thai tự và Tam Tôn đường.

- Giáo thọ A-xà-lê: Hòa thượng Phổ Minh, thế danh Lê Thê, trú trì chùa Sắc tứ Phước Lâm, Hội An, Quảng Nam.

- Đệ nhất Tôn chứng: Đại sư<sup>(20)</sup> Thiện Quả, thế danh Dương Y, trú trì chùa Sắc tứ Chúc Thánh, Hội An, Quảng Nam.

- Đệ nhị Tôn chứng: Đại sư Phổ Thoại<sup>(21)</sup>, thế danh Nguyễn Thọ, trú trì chùa Long Tuyền, Hội An; sung Tri sự chư sơn Quảng Nam.

- Đệ tam Tôn chứng: Đại sư Tâm Thiền<sup>(22)</sup>, nguyên trú trì Ngự chế Diệu Đế tự, khai sơn Tịnh Giác tự tại phủ Thừa Thiên.

- Đệ tứ Tôn chứng: Đại sư Phước Điền<sup>(23)</sup>, trú trì chùa Sắc tứ Tịnh Quang, tỉnh Quảng Trị.

- Đệ ngũ Tôn chứng: Đại sư Phước Khánh, thế danh Nguyễn Văn Nguyên, trú trì chùa Sắc tứ Từ Vân, Đà Nẵng.

- Đệ lục Tôn chứng: Đại sư Giác Hải<sup>(24)</sup>, trú trì chùa Giác Lâm, phủ Thừa Thiên.

- Đệ thất Tôn chứng: Đại sư Tịnh Phổ<sup>(25)</sup>, trú trì chùa Bảo Vân, phủ Thừa Thiên.

- Đệ nhất Dẫn thỉnh: Thượng tọa Hưng Nghĩa<sup>(26)</sup>, trú trì chùa Phổ Tế, phủ Thừa Thiên.

- Đệ nhị Dẫn thỉnh: Thượng tọa Đương Khánh<sup>(27)</sup>, trú trì chùa Sắc chuẩn Nghĩa Trừng tự, Quảng Nam.

- Đệ tam Dẫn thỉnh: Thượng tọa Hưng An<sup>(28)</sup>, trú trì chùa Tường Quang, Đà Nẵng.

- Đệ tứ Dẫn thỉnh: Thượng tọa Tôn Bảo<sup>(29)</sup>, thế danh Phạm Hựu, trú trì chùa Vu Lan, Hòa Vang.

#### **4.2.2. Chức sự Đại giới đàn Từ Vân**

- Chứng minh: Hòa thượng Thanh Trí<sup>(30)</sup>, Tăng Cang Ngự kiến Thiên Mục tự, phủ Thừa Thiên.

- Chứng đàn: Hòa thượng Pháp Ngữ, trú trì chùa Sắc tứ Từ Quang, tỉnh Phú Yên.

- Minh đàn: Hòa thượng Tâm Khoan<sup>(31)</sup>, Tăng Cang Ngự chế Diệu Đế tự, sung trú trì Báo Quốc tự, phủ Thừa Thiên.

- Minh đàn: Hòa thượng Hoằng Tịnh, Tăng Cang chùa Thiên Ân, trú trì Sắc tứ Phước Quang tự, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tuyên luật sư: Hòa thượng Viên Thành<sup>(32)</sup>, trú trì chùa Tra Am, phủ Thừa Thiên.

- Thị sự: Hòa thượng Chánh Nhơn<sup>(33)</sup>, trú trì chùa Long Khánh, Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Thị sự: Hòa thượng Tĩnh Lộc<sup>(34)</sup>, trú trì chùa Huệ Lâm, sung Quan Sơn tự Tri sự, phủ Thừa Thiên.

- Sám chủ: Hòa thượng Bảo Sơn, trú trì chùa Long Triều, hạt chợ Đệm, Nam Kỳ.

- Chủ sự: Hòa thượng Phước Huệ, trú trì chùa Sắc tứ Kim Quang, khai kiến chùa Hải Đức, phủ Thừa Thiên.

- Chánh chủ kỳ: Hòa thượng Phổ Trí, trú trì chùa Văn Thánh, tỉnh Gia Định, Nam Kỳ.

- Phó chủ kỳ: Đại sư Bảo Phong<sup>(35)</sup>, trú trì chùa Mỹ Phước, xã Mỹ Phước, Đà Nẵng.

- Chánh thư ký: Đại sư Khánh Lâm, trú trì chùa Quang Lộc, lãnh quan bằng Phó trụ trì chùa Sắc tứ Phước Quang, tỉnh Quảng Ngãi.

- Phó thư ký: Đại sư Huyền Đạo, thủ tọa chùa Cảnh Phước tỉnh Phú Yên, kiêm Chánh chúng tại Trường Hương.

- Tri sự: Đại sư Dương Chí<sup>(36)</sup>, trú trì chùa Quan Tiên và chùa tỉnh thành Quảng Nam.

- Chánh phó tuần chiếu: Đại sư Hưng Thái, trú trì chùa Phước Diên, phủ Thừa Thiên.

- Quản giới tử: Đại sư Tôn Thắng<sup>(37)</sup>, trú trì chùa Phổ Thiên sung Kiểm tăng Đà Nẵng.

- Nội ngoại hương đàn công văn: Đại sư Huệ Chấn thế danh Nguyễn Trà và Đại sư Huệ Tràng thế danh Nguyễn Trác, quản lãnh chùa Tam Thai.

Như vậy, sau 3 tháng khai mở Trường Hương, vào ngày mùng 8 tháng 7 năm Mậu Thìn [1928], chùa Sắc tứ Từ Vân khai Đại giới đàn để truyền trao giới pháp, tuyển người làm Phật y như luật định.

敕賜慈雲寺戒壇

[illegible]

右牒給付空一壇沙彌戒鄧五子法名奇字祥普收執

TÌM LAI DẤU XƯA • 177

## 5. Một số nhận định

Qua hai văn bản còn lưu lại sự kiện Trường Hương và Đại giới đàn chùa Sắc tứ Từ Vân tại Đà Nẵng năm Mậu Thìn [1928], chúng tôi có một số nhận định sau:

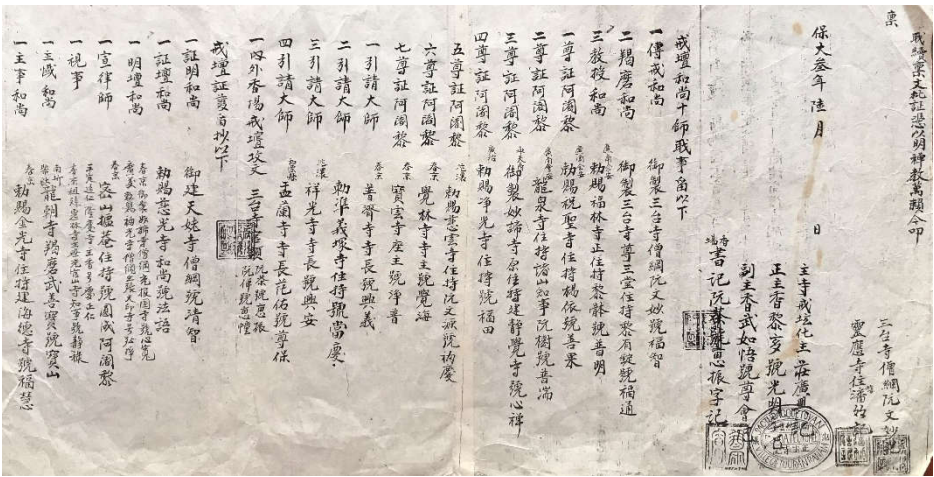
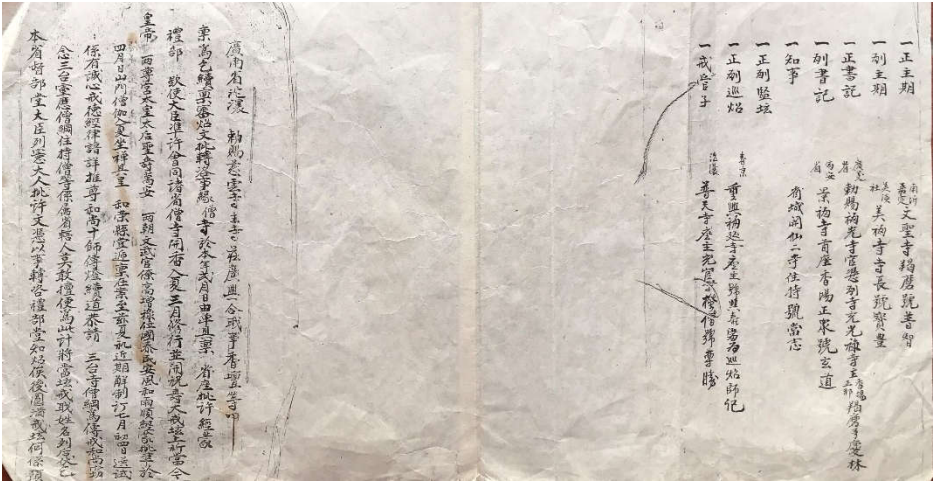
- Đây là những tư liệu quý, giúp chúng ta biết thêm thông tin cũng như hoạt động của chư vị Hòa thượng tiền bối trong phong trào chấn hưng Phật giáo. Hai văn bản này chỉ ghi chức sự Trường Hương, phương danh đại chúng nhập hạ cũng như Hội đồng Thập sư và Ban Chức sự giới đàn. Rất tiếc, những văn bản ghi về thời khóa tu học, hiệu lệnh báo chúng hoặc chương trình sinh hoạt trong ngày không còn để chúng ta biết rõ hơn về nét sinh hoạt của Trường Hương xưa tại miền Trung. Từ đó, chúng ta so sánh có sự tương đồng và khác biệt với các Trường Hương ở miền Nam và miền Bắc trước đây.

- Trường Hương Từ Vân năm 1928 là một trong những Trường Hương lớn được tổ chức tại miền Trung. Trong những thập niên 20-30 của thế kỷ XX, tại miền Trung có một số chùa tổ chức Trường Hương và Đại giới đàn như: Trường Hương và Giới đàn chùa Từ Hiếu ở Huế năm 1924; Trường Hương và Giới đàn chùa Sắc tứ Phước Quang, Quảng Ngãi vào các năm 1920, 1925 và 1932; Trường Hương và Giới đàn chùa Sắc tứ Long Khánh, Quy Nhơn năm 1927; Trường Hương và Giới đàn chùa Sắc tứ Long Sơn Bát Nhã, tỉnh Phú Yên năm 1935 v.v... Tuy nhiên, đa phần các Trường Hương đều không còn tư liệu, may lắm chỉ còn lưu lại các bức Hộ Giới Diệp cấp cho các giới tử thọ giới. Riêng chùa Long Sơn Bát Nhã tỉnh Phú Yên hiện còn lưu lại một tấm bảng gỗ ghi phương danh chư vị Hòa thượng chức sự Trường Hương được tổ chức tại đây vào năm Ất Hợi, niên hiệu Bảo Đại thứ 10 [1935]; ngoài ra không còn một thông tin gì về đại chúng tọa thiền an cư kiết hạ trong Trường Hương này. May mắn thay, trải qua gần 100 năm với biết bao biến động lịch sử, Trường Hương và Giới đàn Từ Vân năm



Mậu Thìn [1928] vẫn còn đầy đủ phương danh chư tôn đức tham dự cũng như bức Hộ Giới Diệp cấp cho giới tử thọ giới trong Đại giới đàn này.

- Trong danh sách các vị hành giả nhập thiền đường kiết hạ tại Trường Hương Từ Vân, chúng ta thấy có một số vị về sau trở thành các bậc lương đồng trong Phật pháp, trong đó có Hòa thượng Thích Phúc Hộ. Trường Hương Từ Vân với sự tham dự của các vị cao tăng như: Phước Trí, Bửu Sơn, Hoàng Tịnh, Phước Huệ, Giác Viên v.v... đã tác động rất nhiều đến sự tu tập hành trì giới luật của Tỳ-kheo Thích Phúc Hộ và sau này ngài trở thành một trong những vị Luật sư tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.





## Các văn kiện liên quan đến trường Hương và giới đàn Từ Vân năm 1928

Ảnh Như Tịnh

- So với các ngôi tổ đình trong tỉnh Quảng Nam hoặc các chùa có bề dày lịch sử từng mở Trường Hương tại các tỉnh thành như đã nêu ở trên, chùa Từ Vân kể từ khi thành lập đến lúc khai kiến Trường Hương và Giới đàn, chỉ mới thành lập được 6 năm (1922-1928). Với một khoảng thời gian rất ngắn như vậy, Hòa thượng Trang Quảng Hưng đã mở được Trường Hương và khai kiến Giới đàn, lại còn cung thỉnh được các vị cao tăng khắp các tỉnh miền Trung và Nam kỳ về tham dự. Điều này càng khẳng định uy tín, đạo



hạnh cũng như khả năng linh hoạt trong hoạt động hoằng pháp của Hòa thượng Trang Quảng Hưng, được sự đồng tình tán trợ của chư sơn thiện lữ khắp các tỉnh thành từ miền Trung cho đến miền Nam.

- Đến nay, chúng ta vẫn chưa có tư liệu nào ghi cụ thể số lượng giới tử thọ giới trong Giới đàn Từ Vân. Tuy nhiên, có một số vị nhập chúng an cư rồi thọ Tỳ-kheo tại Giới đàn này như các vị: Như Niệm Giải Khoan Bảo Toàn (thế danh Trang Văn Tại); Như Linh Giải Quang Bảo Thắng (thế danh Nguyễn Văn Năng); Như Tài Giải Trân Bảo Tạng<sup>(38)</sup> (Lương Dư) v.v... Đặc biệt có một giới tử không nhập chúng an cư nhưng thọ Tỳ-kheo giới và đậu Thủ Sa-di trong Giới đàn này, đó là Hòa thượng Thích Trí Thủ, pháp danh Tâm Như. Theo thầy mình là Tuyên luật sư Viên Thành, Sa-di Tâm Như đã từ Huế vào thọ giới tại Giới đàn Từ Vân. Vượt qua các bạn đồng liêu, ngài đậu Thủ Sa-di của Giới đàn. Chính vì lẽ đó mà ngài được bổn sư Viên Thành phú pháp hiệu là Trí Thủ. Các vị giới sư tại Giới đàn Từ Vân đã tác thành giới thân huệ mạng của Tỳ-kheo Trí Thủ. Về sau, Hòa thượng Trí Thủ trở thành một trong những bậc long tượng của Phật giáo Việt Nam cận đại. Đời sống phạm hạnh và sự nhiệt tâm hoằng pháp trong lãnh vực giáo dục của ngài luôn là một tấm gương sáng cho các thế hệ Tăng Ni, Phật tử Việt Nam noi theo.

Chùa Từ Vân kể từ khi thành lập vào năm 1922 cho đến khi chấm dứt sinh hoạt trong ngôi nhà Phật giáo vào năm 1975, tổng cộng có 53 năm tồn tại và phát triển. Tuy nhiên vào những thập niên 30-40 của thế kỷ XX, chùa Từ Vân đã nổi danh khắp xứ Trung Kỳ. Sở dĩ có sự nổi danh ấy là do tài năng và sự dấn thân hoạt động chấn hưng Phật giáo của Hòa thượng Trang Quảng Hưng. Đặc biệt, Trường Hương và Giới đàn năm Mậu Thìn [1928] đã tạo một dấu ấn đặc biệt để cái tên Từ Vân bất hủ trong lòng người con Phật, mặc dù đến nay chùa đã không còn. Và ngày hôm nay, khi nhắc đến tên chùa Từ Vân, các bậc tôn túc cao niên đều không khỏi ngậm ngùi, tiếc nuối một đạo tràng lừng danh một thời, giờ đã không còn hiện hữu trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam.

Đôi dòng sử liệu ghi lại Trường Hương và Đại giới đàn Từ Vân năm Mậu Thìn [1928] tại Đà Nẵng, bài viết không ngoài mục đích truy niệm công đức của các bậc tiền nhân đã một thời tận tâm hoằng dương Chánh pháp. Bên cạnh đó, nhằm giúp các thế hệ hậu bối tại Đà Nẵng biết rằng cách đây gần 100 năm đã có một ngôi chùa Từ Vân hiện hữu trên đất Đà thành, góp phần không nhỏ cho sự phát triển của Phật giáo Đà Nẵng trong thời cận đại.

### Chú thích

- [1]. Trước năm 1975, địa chỉ chùa thuộc số 204 Đại lộ Hùng Vương, khu phố Thạc Gián, thị xã Đà Nẵng. Sau năm 1975, chùa thuộc phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- [2]. Quả chuông này hiện được trưng bày tại Bảo tàng Đà Nẵng, số 24 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- [3]. Trước thời chấn hưng Phật giáo, chư Hòa thượng thường dùng họ thật của mình trước pháp danh thay vì họ Thích như bây giờ. Trong tất cả các giấy tờ, Hòa thượng Quảng Hưng đều dùng họ Trang nên nơi đây chúng tôi ghi nguyên văn để tiện theo dõi.
- [4]. Hòa thượng pháp danh Chơn Thành, tự Đạo Đạt, hiệu Pháp Ngữ.
- [5]. Hòa thượng pháp danh Chơn Pháp, tự Đạo Diệu, hiệu Phước Trí.
- [6]. Hòa thượng pháp danh Ấn Kim, tự Tổ Tuân, hiệu Hoằng Tịnh.
- [7]. Hòa thượng pháp danh Chơn Đỉnh, tự Đạo Đạt, hiệu Phước Thông.
- [8]. Hòa thượng pháp danh Chơn Thể, tự Đạo Viên, hiệu Phổ Minh.
- [9]. Hòa thượng pháp danh Trùng Huệ, tự Chí Lâm, hiệu Giác Viên.
- [10]. Hòa thượng pháp danh Chơn Trung, tự Đạo Chí, hiệu Diệu Quang.
- [11]. Hòa thượng pháp danh Chơn Bồn, tự Đạo Nguyên, hiệu Phước Khánh.
- [12]. Hòa thượng pháp danh Trùng Châu, hiệu Thiện Bửu. Ngoài ra ngài còn có pháp danh Ngô Hải, hiệu Bảo Sơn, thế danh Võ Thiện Bửu. Ngài là bổn sư của Hòa thượng Tâm Lợi Thích Thiện Hòa, chùa Ấn Quang, Sài Gòn.
- [13]. Hòa thượng pháp danh Trùng Tịnh, tự Như Trung, hiệu Phước Hậu.
- [14]. Hòa thượng pháp danh Chơn Nhật, tự Đạo Chiêu, hiệu Quang Minh.
- [15]. Hòa thượng pháp danh Như Ngô, tự Giải Giác, hiệu Tôn Hội.
- [16]. Hòa thượng pháp danh Chơn Huệ, tự Đạo Nhật, hiệu Phổ Trí.
- [17]. Hòa thượng pháp danh Ngô Tánh, tự Hưng Long, hiệu Phước Huệ.

- [18]. Hòa thượng pháp danh Chơn Chánh, tự Đạo Tâm, hiệu Thiện Quả.
- [19]. Phương danh Hội đồng Thập sư chúng tôi ghi theo văn bản chứ không ghi theo bản Hộ Giới Diệp.
- [20]. Thắt vị Tôn chúng chúng tôi dùng từ “Đại sư” theo như bản Diệp đàn đã ghi.
- [21]. Hòa thượng pháp danh Ân Nghiêm, tự Tổ Thân, hiệu Phổ Thoại.
- [22]. Hòa thượng pháp danh Thanh Liêm, tự Hy Hữu, hiệu Tâm Thiền.
- [23]. Hòa thượng pháp danh Thanh Xuân, tự Sung Mãn, hiệu Phước Điền, khai sơn chùa Long An, Quảng Trị.
- [24]. Hòa thượng pháp danh Trường Nhã, tự Chí Thanh, hiệu Giác Hải.
- [25]. Hòa thượng pháp danh Trường Không, tự Pháp Thông, hiệu Tịnh Phổ.
- [26]. Hòa thượng pháp danh Trường Khiết, tự Như Quang, hiệu Hưng Nghĩa.
- [27]. Hòa thượng pháp danh Chơn Lăng, tự Đạo Linh, hiệu Đương Khánh.
- [28]. Hòa thượng pháp danh Trường Phước, tự Như Xuân, hiệu Hưng An.
- [29]. Hòa thượng pháp danh Chơn Tá, tự Đạo Hóa, hiệu Tôn Bảo.
- [30]. Hòa thượng pháp danh Thanh Trí, tự Hải Luận, hiệu Huệ Giác.
- [31]. Hòa thượng pháp danh Thanh Đức, tự Gia Khánh, hiệu Tâm Khoan.
- [32]. Hòa thượng pháp danh Trường Thông, hiệu Viên Thành.
- [33]. Hòa thượng pháp danh Trường Chấn, hiệu Chánh Nhơn.
- [34]. Chưa tìm được pháp danh của ngài.
- [35]. Đại sư pháp danh Chơn Thông, thế danh Nguyễn Văn Hanh, đệ tử của ngài Ân Thanh Chí Thành, sau cầu pháp với ngài Phước Trí nên có hiệu Bảo Phong. Chùa Mỹ Phước chính là chùa Mỹ Khê ngày nay tại Sơn Trà, Đà Nẵng.
- [36]. Đại sư pháp danh Chơn Đề, tự Đạo Hanh, hiệu Đương Chí.
- [37]. Hòa thượng pháp danh Trường Kê, tự Như Nhu, hiệu Tôn Thắng.
- [38]. Các vị này được Hòa thượng Phước Trí phú pháp, truyền pháp quyền vào ngày 19 tháng 9 năm Mậu Thìn [1928], sau khi thọ Tỳ-kheo được 3 tháng.

## KỆ PHÁI TRUYỀN THỪA & GIỚI ĐÀN PHẬT GIÁO QUẢNG NGÃI<sup>12</sup>

Nói đến Phật giáo Quảng Ngãi, người ta thường liên tưởng ngay đến câu “Thiên Ân niêm hà” với hình ảnh ngôi tổ đình Thiên Ân cổ kính tọa lạc trên đỉnh núi Ân - ngọn núi như hình chiếc án khổng lồ “in dấu” xuống dòng sông Trà thơ mộng uốn mình qua các làng mạc bên dưới. Tổ đình Thiên Ân là biểu tượng thiêng liêng, là niềm tự hào không chỉ riêng đối với Phật giáo mà của cả người dân Quảng Ngãi. Đây là ngôi tổ đình chính và lớn nhất của Phật giáo Quảng Ngãi từ xưa đến nay.



**Tổ đình Thiên Ân, ngôi tổ đình chính của Phật giáo Quảng Ngãi**

*Ảnh Không Nhiên*

Trải qua quá trình lịch sử, Phật giáo Quảng Ngãi đã có những đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng ngôi nhà Phật giáo Việt Nam, cả về vấn đề truyền thừa của các tông phái, tạo lập chùa tháp, cũng như hoàng dương Chánh pháp, tiếp dẫn hậu lai.

---

<sup>12</sup> Đăng trên Tạp chí Liễu Quán số 22, NXB Thuận Hóa 2021

Trong bài viết này, qua những nguồn sử liệu sưu lục được, chúng tôi xin giới thiệu đôi nét về kệ phái truyền thừa của các dòng thiền tại Quảng Ngãi, cũng như các Đại giới đàn được tổ chức từ trước đến nay.

## **I. Các kệ phái truyền thừa tại Quảng Ngãi**

Cũng như các tỉnh miền Trung, trong quá trình du nhập và phát triển, Phật giáo Quảng Ngãi chịu ảnh hưởng rất lớn của các dòng thiền do chư vị tổ sư từ Trung Hoa truyền sang. Khảo sát các tư liệu còn lưu lại, chúng ta thấy có 2 dòng chính là Tào Động và Lâm Tế đã có mặt rất sớm trong thời kỳ phôi thai của Phật giáo Quảng Ngãi.

### **1. Thiền phái Tào Động**

Dòng thiền Tào Động do thiền sư Động Sơn Lương Giới (807-869) sáng lập tại Trung Hoa vào đời Đường. Dưới thời các chúa Nguyễn, dòng thiền này được các du tăng Trung Hoa truyền sang Đàng Trong nước ta, tuy nhiên chỉ truyền xuống theo pháp kệ của ngài Vô Minh Huệ Kinh (1548-1618) mà sử Phật giáo gọi là chi phái Tào Động Thọ Xương<sup>(1)</sup>.

Người truyền tông Tào Động chi phái Thọ Xương sang Đàng Trong thời các chúa Nguyễn là thầy trò thiền sư Thạch Liêm Đại Sán (đời 29) và Hưng Quả Hoằng (đời 30).

Qua những thông tin in trong bản kinh *Kim Cang thọ mạng* năm Giáp Tuất [1754] của Viện Sơn Long thuộc chùa Vạn Phước (huyện Bình Sơn) chúng ta thấy, từ giữa thế kỷ XVIII, chư tăng thuộc phái Tào Động Thọ Xương đã có mặt và truyền thừa kệ phái này tại Quảng Ngãi. Trang cuối của bản kinh này ghi lại như sau: “*Đại Việt, Cảnh Hưng thập ngũ niên, Giáp Tuất trọng đông lập vu Bình Sơn huyện, nội phủ Châu Me Đông xã, Vạn Phước tự, Phước Lâm phường, Sơn Long viện. Kinh chủ: Giới Đức tự Minh Chiếu khê thủ phụng lục kính san lưu thông* - 大越景興十五年甲戌

仲冬立于平山縣內府珠眉東社萬福寺福臨坊山院  
經主界德字明照稽首奉錄敬刊流通”.

Nghĩa là: “Bản kinh được hoàn thành tại Viện Sơn Long ở phường Phước Lâm, trực thuộc chùa Vạn Phước ở xã nội phủ Châu Me Đông, huyện Bình Sơn, nước Đại Việt, vào tháng trọng đông năm Giáp Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 15 [1754]. Kinh chủ là thiền sư pháp danh Giới Đức tự Minh Chiếu cung kính cúi đầu sao lục, san khắc, lưu thông”.

Căn cứ vào pháp danh Giới Đức, chúng ta có thể khẳng định vị kinh chủ Giới Đức tự Minh Chiếu nối pháp đời 32 tông Tào Động, thế hệ thứ 7 chi phái Thọ Xương. Tuy nhiên, về sau này chúng ta không còn thấy sử liệu ghi lại truyền nhân của ngài Giới Đức Minh Chiếu cũng như tông Tào Động trong dòng lịch sử Phật giáo Quảng Ngãi.

## **2. Thiền phái Lâm Tế**

Thiền phái Lâm Tế do thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền (...?-866) sáng lập tại Trung Hoa vào thời Đường. Khi truyền sang Đàng Trong nước ta, dòng thiền này đã phát triển rất rực rỡ và được truyền xuống theo nhiều kệ phái khác nhau. Chính vì thế, sự truyền thừa của tông Lâm Tế tại Việt Nam rất đa dạng. Các kệ phái cụ thể như sau:

### **2.1. Kệ phái Lâm Tế Vạn Phong Thời Ủy**

Kệ phái này do ngài Vạn Phong Thời Ủy (1303-1381), thuộc đời 21 tông Lâm Tế xuất kệ truyền thừa, thường được gọi là kệ phái Lâm Tế Vạn Phong Thời Ủy, gồm 4 câu, 20 chữ như sau:

祖道戒定宗

方廣證圓通

行超明寔際

了達悟真空。

*Tổ Đạo Giới Định Tông*

*Phương Quảng Chứng Viên Thông*

*Hành Siêu Minh Thiệt Tế*

*Liễu Đạt Ngô Chơn Không.*

Chi phái Lâm Tế Vạn Phong Thời Ủy được truyền đến Quảng Ngãi khá sớm, vào thời các chúa Nguyễn. Đến thế kỷ XVIII, ở Quảng Ngãi đã có các vị cao tăng thuộc kệ phái này tích cực hoằng đạo như thiền sư Thiệt Giám Trí Quang (đời 35 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 14 kệ phái Vạn Phong Thời Ủy), trụ trì chùa Liên Tôn, xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa. Thiền sư Thiệt Giám Trí Quang là một pháp sư nổi tiếng thời bấy giờ. Ngài có viết lời bạt trong cuốn *Di Đà sơ sao* do thiền sư Thiệt Uyên Chí Bảo trùng khắc tại chùa Bửu Lâm tỉnh Quảng Nam vào năm Cảnh Hưng thứ 22 [1761]. Kế tiếp, chúng ta còn thấy có thiền sư Tế Chơn Liễu Ngô hoằng pháp tại huyện Bình Sơn; thiền sư Tế Bi Trí Từ trụ trì chùa Long Bàn, huyện Bình Sơn - người đứng khắc in bộ *Quy nguyên trực chỉ* vào năm Long Đức thứ 3 [1734]. Cả hai vị thiền sư Tế Chơn và Tế Bi đều thuộc đời 36 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 15 pháp phái Vạn Phong Thời Ủy, sau thiền sư Thiệt Giám Trí Quang một đời pháp. Tuy chưa có sử liệu để khẳng định mối quan hệ giữa ba vị thiền sư, nhưng qua thế thứ trong pháp kệ, chúng ta có thể xác định hai vị Tế Chơn và Tế Bi có thể là đệ tử hoặc pháp diệt của thiền sư Trí Quang. Đến thời Tây Sơn bình hòa, các ngôi chùa Liên Tôn và Long Bàn bị suy sụp, môn nhơn tứ tán và chi phái Vạn Phong Thời Ủy ngày càng mai một theo thời gian, không còn dấu vết trên đất Quảng Ngãi.

## **2.2. Kệ phái Lâm Tế Trí Bản Đột Không**

Kệ phái gồm 48 chữ, do thiền sư Trí Bản Đột Không (1381-1449) thuộc đời 24 tông Lâm Tế biệt xuất và truyền thừa<sup>(2)</sup>.

Sự xuất hiện của kệ phái Lâm Tế Trí Bản Đột Không tại Quảng Ngãi được ghi nhận qua tư liệu bộ *Thiền tâm thượng phẩm*, được khắc in vào năm Bính Tuất, niên hiệu Chính Hòa thứ 27 [1706], do thiền tăng Như Huệ trùng san tại am Chánh Minh trực thuộc chùa Vạn Phước, xã Châu Me Đông nội phủ, thuộc Hà Bạc, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi. Các thiền sư mang pháp danh chữ “Như” trong giai đoạn này thì chắc chắn thuộc kệ phái Trí Bản Đột Không chứ không thể thuộc chi phái Thiên Đồng hay Chúc Thánh<sup>(3)</sup>.

Đối chiếu kệ phái Lâm Tế ta biết, thiền sư Như Huệ ở am Chánh Minh nói trên thuộc đời Lâm Tế thứ 33, thế hệ thứ 10 của kệ phái Trí Bản Đột Không. Về sau, kệ phái dòng thiền này không còn thấy truyền thừa tại tỉnh Quảng Ngãi.

### 2.3. Kệ phái Lâm Tế Thiên Đồng

Chi phái Lâm Tế Thiên Đồng do tổ Đạo Mân Mộc Trần (1596-1674) thuộc đời 31 tông Lâm Tế biệt kệ, gồm 28 chữ<sup>(4)</sup>, truyền pháp tại chùa Thiên Đồng, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc vào thời nhà Minh.



Tổ đình Diệu Giác tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Ảnh Như Tịnh



Pháp kệ này được tổ sư Nguyên Thiều Siêu Bạch (1648-1728) truyền sang Việt Nam vào những thập niên cuối thế kỷ XVII. Tại Quảng Ngãi, thiền sư Phật Bảo Pháp Hóa - tổ khai sơn tổ đình Thiên Ân và thiền sư Phật Tuyết Tường Quang Quảng Độ<sup>(5)</sup> - trụ trì chùa Viên Tôn (nay là chùa Diệu Giác, huyện Bình Sơn) đều thuộc đời 35 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 5 pháp phái Thiên Đồng. Tuy nhiên chi phái Thiên Đồng cũng không tồn tại bao lâu trong dòng Phật sử Quảng Ngãi.

#### **2.4. Kệ phái dòng thiền Liễu Quán**

Thiền phái Liễu Quán do tổ sư Thiệt Diệu Liễu Quán (1667-1742), đời 35 tông Lâm Tế, tổ khai sơn chùa Thuyền Tôn (Huế) và Bảo Tịnh (Phú Yên) xuất kệ truyền thừa<sup>(6)</sup>. Bài kệ gồm 12 câu, 48 chữ. Tuy xuất thân từ thiền phái Lâm Tế, nhưng kể từ tiền bán thế kỷ XVIII, khi ngài biệt kệ và truyền thừa tại Nam Hà thì hậu thế vẫn xem đây là dòng thiền nội sinh, và thường gọi là thiền phái Liễu Quán.

Có thể nói, thiền phái [thiền - bổ] Liễu Quán đã sớm có mặt tại đất Quảng Ngãi với các gương mặt tiêu biểu như: Thiền sư Tế Hiệp Hải Điện (...?-1775), nối pháp đời 36 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 2 kệ phái Liễu Quán, vị thiền sư hành đạo và khai sơn Viên Tôn đường (tức chùa Diệu Giác ngày nay) tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi vào khoảng giữa thế kỷ XVIII. Đạo hạnh của ngài có tầm ảnh hưởng rất lớn đến cộng đồng tăng lữ miền Trung thời bấy giờ. Ngài từng được Hòa thượng Chí Bảo cung thỉnh làm Đường đầu tại Giới đàn chùa Bảo Lâm, tỉnh Quảng Nam [giới tử đắc giới với ngài có thiền sư Pháp Chuyên Diệu Nghiêm (1712-1796)]. Về sau, ngài về kế đăng tổ Liễu Quán trụ trì Tổ đình Thuyền Tôn. Kế thừa trụ trì chùa Sắc tứ Viên Tôn ở Bình Sơn là thiền sư Đại Niệm Hoằng Từ Quảng Vi, đời 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 thiền phái Liễu Quán.

Tại chùa Long Tuyền xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn có ngài Đạo Tế hiệu Viên Cung trác tích trụ trì. Tuy nhiên, sau thời Tây Sơn và mãi cho đến những năm giữa thế kỷ XX, gần như chư tăng thuộc thiền phái Liễu Quán không thấy xuất hiện trong dòng Phật sử Quảng Ngãi. Đến năm 1958, Hòa thượng Trừng Thanh Thanh Phước khai sơn chùa Phổ Thiện tại xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa. Kế tiếp, ngài khai sơn chùa Phổ Huy tại xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa vào năm 1964 và chùa Phổ Tịnh ở phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi vào năm 1965. Ngài Trừng Thanh Thanh Phước nổi pháp đời 42 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 8 thiền phái Liễu Quán. Ngài gốc người Quảng Ngãi nhưng không rõ xuất gia với vị tổ sư nào tại Bình Định, sau về hành đạo tại quê nhà.

Tiếp đến, năm 1975, Đại đức Thích Huệ Đạt, pháp danh Quảng Phát, là đệ tử Hòa thượng Nguyên Phước Quang Thê tại chùa Thọ Quang (Đà Nẵng) về đảm nhận trụ trì chùa Sắc tứ An Long tại xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa. Đến những năm gần đây, một số chư tăng thuộc thiền phái Liễu Quán về đảm nhận trụ trì các chùa tại Quảng Ngãi nhưng số lượng cũng không nhiều.

**2.5. Kế phái Thiền Lâm Tế Chúc Thánh**

Thiền phái này được tổ sư Minh Hải Pháp Bảo (1670-1746) khai sáng tại tổ đình Chúc Thánh, phường Tân An, thành phố Hội An. Tổ Minh Hải thuộc đời 34 dòng Lâm Tế theo kế tổ Vạn Phong Thời Ủy. Khi sang Việt Nam hoằng pháp, ngài lập chùa Chúc Thánh và biệt xuất kế truyền thừa<sup>(7)</sup>.



**Pháp quyền của dòng Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Ngãi**

*Ảnh Như Tịnh*

Đệ tử của tổ Minh Hải Pháp Bảo hành đạo tại Quảng Ngãi có Bồ-tát giới Thiệt Đàm Chánh Luân tại xã Ba La, huyện Chương Nghĩa, phủ Quảng Ngãi - người đã phát tâm quyền mộ khắc ván bộ *Đại phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh* vào năm Nhâm Tý [1732]. Trong lần trùng khắc này, ngài Thiệt Đàm Chánh Luân đã về Chúc Thánh cầu thỉnh bốn sư Minh Hải Pháp Bảo giúp đỡ trong việc tìm thợ san khắc.

Trước thời Tây Sơn, thiền sư Pháp Minh Khánh Vân thuộc đời 36 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 pháp phái Chúc Thánh đảm nhiệm trụ trì chùa Thiên Ân và được tôn xưng là đệ nhị tổ. Thời Minh Mạng, thiền sư Toàn Chiếu Bảo Ân (1798-1866) sau khi đắc pháp với tổ Pháp Liêm Minh Giác (1747-1830) tại chùa Phước Lâm (Hội An) đã về trụ trì chùa Thiên Ân. Ngài đã đào tạo được 3 vị đệ tử nổi tiếng là: Thiền sư Chương Khước Giác Tánh (1830-1908) trụ trì chùa Thiên Ân; thiền sư Chương Nhẫn Từ Nhơn (1834-1897) trụ trì chùa Viên Quang; thiền sư Chương Trang Quảng Chân (...?-1898) khai sơn chùa Phước Quang v.v... Từ ba vị thiền sư này đào tạo trên hàng trăm đệ tử đời 39 có pháp danh chữ Ân, pháp hiệu chữ Hoằng hoặc Phổ tỏa ra đảm nhận trụ trì các tự viện khắp lục phủ, huyện trên toàn tỉnh Quảng Ngãi và đảm trách hầu hết các Phật sự tại đây.

Như vậy, từ những ngày đầu Phật giáo có mặt tại Quảng Ngãi, chúng ta thấy có sự xuất hiện của chư tăng thuộc tông Tào Động và Lâm Tế. Đặc biệt, tông Lâm Tế tại Quảng Ngãi có đủ các chi phái: Vạn Phong Thời Ủy, Trí Bản Đột Không, Thiên Đồng, Liễu Quán và Chúc Thánh. Do những biến thiên của lịch sử nên kể từ đầu thế kỷ XIX, chư tăng thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh đã đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển của Phật giáo tại vùng núi Ấn sông Trà cho đến ngày hôm nay.

## II. Sử liệu về giới đàn phật giáo Quảng Ngãi

### 1. Các Giới đàn được tổ chức trong lịch sử Phật giáo Quảng Ngãi

Trong quá trình hình thành và phát triển, Phật giáo tại Quảng Ngãi từ xưa đến nay đã tổ chức rất nhiều Giới đàn để đào tạo các thế hệ kế thừa mạng mạch Chánh pháp. Tuy nhiên, nguồn tư liệu ghi lại các Giới đàn rất là hiếm hoi nên chúng ta khó có thể tường tận khúc chiết các sự kiện quan trọng này. Với những gì tìm hiểu được qua hành trạng chư tổ cũng như các Diệp thọ giới còn được lưu giữ, trong bài viết này, chúng tôi xin liệt kê một số Giới đàn mà Phật giáo Quảng Ngãi đã tổ chức được từ xưa đến nay:

- Tháng 5 năm Mậu Tuất [1838], Hòa thượng Toàn Chiếu Bảo Ân (1798-1866) mở Giới đàn tại chùa Thiên Ân, Hòa thượng Toàn Định Bảo Tạng (1789-1842) trụ trì chùa Thắng Quang (Hoài Nhơn, Bình Định) được cung thỉnh làm Yết-ma A-xà-lê<sup>(8)</sup>.

- Ngày 13 tháng 5 năm Nhâm Ngọ [1882], Hòa thượng Chương Khước Giác Tánh (1830-1908) mở Giới đàn tại chùa Thiên Ân. Giới tử thọ giới có ngài Thanh Thái Phước Chỉ (1858-1926) - đệ tam tổ chùa Tường Vân (Huế), Đại sư Chơn Huệ Đạo Diễn Phước Hoa (1859-...?) - tăng chúng chùa Tam Thai, Ngũ Hành Sơn<sup>(9)</sup>.

- Năm Giáp Ngọ [1894], Hòa thượng Chương Nhẫn Từ Nhơn<sup>(10)</sup> (1834-1897) khai mở Giới đàn tại chùa Viên Quang, thôn An Châu, xã Bình Thới<sup>(11)</sup>, huyện Bình Sơn. Giới tử đắc giới có ngài Ấn Đức Thiện Thơ - trụ trì chùa An Phước, huyện Bình Sơn.

- Tháng 8 năm Bính Thân [1896], Hòa thượng Ấn Hương Pháp Nhẫn (1858-1912) mở Giới đàn tại chùa Long Tiên Thạch Động, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Giới tử có ngài Chơn Cảnh Huệ Duyệt (1863-1940) - Tăng cang chùa Vĩnh An, khai sơn chùa Sắc tứ Thọ Sơn ở huyện Duy Xuyên, Quảng Nam.

- Năm Tân Hợi [1911], chùa Thiên Ân khai mở Giới đàn (không rõ vị Hòa thượng nào làm Đường đầu), ngài Chơn Phước Huệ Pháp (1887-1975) - khai sơn chùa Minh Tịnh (Quy Nhơn) thọ Tỳ-kheo tại Giới đàn này.

- Ngày 14 tháng 3 năm Canh Thân [1920], Hòa thượng Ấn Kim Hoằng Tịnh (1862-1932) mở Giới đàn tại chùa Sắc tứ Phước Quang, xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa. Giới tử thọ giới có các vị như: Hòa thượng Chơn Quý Khánh Anh (1895-1961) - trụ trì chùa Phước Hậu (Vĩnh Long); Hòa thượng Chơn Sử Khánh Tín (1896-1992) - khai sơn chùa Thọ Sơn (Quảng Ngãi).

- Mùa hạ năm Ất Sửu [1925], Hòa thượng Ấn Kim Hoằng Tịnh (1862-1932) mở trường Hương và Giới đàn tại chùa Sắc tứ Phước Quang.

- Ngày 19 tháng 11 năm Đinh Mão [1927], Hòa thượng Ấn Cù Phước Từ (1867-1936) mở Giới đàn tại chùa Từ Quang, xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức. Giới tử thọ Tỳ-kheo có ngài Chơn Thính Trí Tạng - trụ trì chùa Phước Sơn (Tư Nghĩa).

- Năm Tân Mùi [1931], Hòa thượng Chơn Từ Vạn Thọ khai Giới đàn tại chùa Bửu Lâm, làng Mỹ Khê.

- Mùa hạ năm Nhâm Thân [1932], Hòa thượng Ấn Kim Hoằng Tịnh (1862-1932) mở Giới đàn lần 3 tại chùa Sắc tứ Phước Quang. Ngài Chơn Đảnh Chánh Long (1906-2009) chùa Long Hoa, thành phố Quảng Ngãi thọ Sa-di.

- Ngày mồng 8 tháng 4 năm Canh Tuất [1934], Hòa thượng Ấn Lãnh Hoằng Thạc (1873-1944) mở Giới đàn tại chùa Thạch Sơn, xã Nghĩa Phú (nay thuộc thành phố Quảng Ngãi). Giới tử thọ Tỳ-kheo có ngài Chơn Miên Trí Hưng (1908-1986) - khai sơn chùa Từ Lâm (Quảng Ngãi); Như Triện Trí Nhân (1909-2004) - trụ trì Tổ đình Chúc Thánh (Quảng Nam).

- Ngày 11 tháng 7 năm Canh Tuất (1934), Hòa thượng Phổ An mở Giới đàn tại chùa Linh Quang ( tức chùa làng Văn Bản), xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức.

- Mùa hạ năm Tân Tỵ [1941], Hòa thượng Chơn Quỳnh Diệu Nguyên (?-1942) mở Giới đàn tại chùa Thạch Sơn, huyện Tư Nghĩa. Giới tử thọ Tỳ-kheo có ngài Như Vinh An Chánh (1922-1991) - trụ trì Tổ đình Bắc Ái (Kon Tum).

- Năm 1942, Hòa thượng Chơn Tánh Khánh Hạ (1881-1953) khai Giới đàn tại chùa Sắc tứ Thiên Phước, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức.

- Năm Mậu Tý [1948], Hòa thượng Chơn Trung Diệu Quang (1891-1952) mở Giới đàn tại chùa Viên Giác, núi Thịnh Thịnh, xã Bình Tân, huyện Bình Sơn. Giới tử thọ Tỳ-kheo có ngài Như Kế Huyền Tôn hiện đang hoằng pháp tại Úc.

- Ngày 10 tháng 7 năm Tân Sửu [1961], Giáo hội Cổ Sơn Môn (GHCSM) Quảng Ngãi mở Giới đàn tại chùa Từ Lâm, xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa (nay thuộc thành phố Quảng Ngãi). Giới đàn do Hòa thượng Chơn Miên Trí Hưng (1908-1986) làm Hòa thượng Đường đầu. Giới tử có các vị như: Như Duyên An Điền - trụ trì chùa Từ Nghiêm (Quảng Ngãi); Như Hùng Trí Giác - trụ trì chùa Minh Tịnh (Bình Định).

- Ngày 4 tháng 7 năm Giáp Thìn [1964], GHCSM Quảng Ngãi mở Giới đàn tại chùa Liên Quang, xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn, do Hòa thượng Chơn Đình Phước Huy (1909-1980) làm Hòa thượng Đường đầu. Giới tử có ngài Thị Thọ An Túc - khai sơn chùa An Sơn (Đức Trọng, Lâm Đồng).

- Ngày 15 tháng 7 năm Bính Ngọ [1966], GHCSM Quảng Ngãi mở Giới đàn tại chùa Thiên Bút, xã Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, do Hòa thượng Chơn Phú Khánh Vinh (1891-1967) làm Đường đầu.

- Ngày 26 tháng 7 năm Đinh Mùi [1967], Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) Quảng Ngãi mở Giới đàn tại Phật học đường Trúc Lâm, huyện Sơn Tịnh (nay là phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi), do Hòa thượng Như Long Huyền Tế (1905-1985) làm Đường đầu.

- Ngày mùng 8 tháng 7 năm Mậu Thân [1968], GHCSM Quảng Ngãi mở Giới đàn tại chùa Bửu Long, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, do Hòa thượng Chơn Khai Quang Lý (1918-1990) làm Đường đầu.

- Ngày 01 tháng 8 năm Kỷ Dậu [1969], GHPGVNTN Quảng Ngãi mở Giới đàn tại chùa Tịnh Hội (nay là chùa Pháp Hóa), do Hòa thượng Chơn Sử Khánh Tín (1896-1992) làm Đường đầu.

- Năm Canh Tuất [1970], GHCSM Quảng Ngãi mở Giới đàn tại chùa Thiên Bút, Quảng Ngãi, do Hòa thượng Như Đạo Từ Minh (1892-1981) làm Đường đầu.

- Ngày 01 tháng 7 năm Tân Hợi [1971], GHCSM Quảng Ngãi mở Giới đàn tại chùa Long Tiên (nay thuộc phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi), do Hòa thượng Ấn Niệm Phước Hưng (1890-1971) làm Đường đầu.

- Năm Tân Hợi [1971], GHCSM Quảng Ngãi mở Giới đàn tại chùa Sắc tứ Thiên Phước, Mộ Đức, do Hòa thượng Chơn Mai Khánh Cẩm (1900-1972) làm Đường đầu.

- Ngày mùng 10 tháng 7 năm Nhâm Tý [1972], GHCSM Quảng Ngãi mở Giới đàn tại chùa Từ Nghiêm, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, do Hòa thượng Như Lạc Tín Truyền (1902-1984) làm Đường đầu.

- Năm Giáp Dần [1974], GHPGVNTN Quảng Ngãi mở Giới đàn tại chùa Bảo Linh (nay thuộc phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi), do Hòa thượng Như Lợi Huyền Đạt (1903-1994) làm Đường đầu.

- Từ ngày 20 đến 23 tháng 11 năm Kỷ Sửu (04-06/01/2010), Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Đại giới đàn Pháp Hóa tại chùa Pháp Hóa, trụ sở Tỉnh hội Phật giáo Quảng Ngãi (thành phố Quảng Ngãi). Giới đàn này do Hòa thượng Tâm Địa Thiện Bình (1933-2016) làm Đường đầu.



**Tổ đình Phước Quang, nơi tổ chức các giới đàn và trường Hương đầu thế kỷ 20 của Phật giáo Quảng Ngãi**

*Ảnh Như Tịnh*

## **2. Phương danh Hội đồng Thập sư một số Giới đàn tiêu biểu**

Như trên đã trình bày, từ khi hình thành đến nay Phật giáo Quảng Ngãi đã tổ chức rất nhiều Giới đàn để truyền trao giới pháp cho Tăng Ni tu học, duy trì mạng mạch Chánh pháp. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, sử liệu Giới đàn hiện không còn đầy đủ để phản ánh một cách trung thực các sự kiện trọng đại này. Dưới đây, chúng tôi xin ghi lại phương danh Hội đồng Thập sư của một số Giới đàn tiêu biểu:

### **2.1. Giới đàn chùa Long Tiên Thạch Động**

Giới đàn được tổ chức vào ngày mùng 6 tháng 7 năm Bính Thân [1896] tại chùa Long Tiên Thạch Động (tục gọi chùa Hang)



thuộc núi Mèo Cào, xã Tam Anh, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Tuy được tổ chức tại Quảng Nam nhưng chúng tôi xếp vào tỉnh Quảng Ngãi bởi vì toàn bộ Hội đồng Thập sư của Giới đàn đều là chư tăng tỉnh Quảng Ngãi. Đây có lẽ là Giới đàn duy nhất của Tăng-già Quảng Ngãi ở thế kỷ XIX hiện còn đầy đủ phương danh Hội đồng Thập sư. Phương danh các vị giới sư như sau:

- Đường đầu: Hòa thượng Pháp Nhân
- Yết-ma: Hòa thượng Từ Lâm
- Giáo thọ: Hòa thượng Phục Lễ
- Tôn chứng 1: Đại sư Hoằng Tuấn
- Tôn chứng 2: Đại sư Hoằng Tiếp
- Tôn chứng 3: Đại sư Hoằng Giảng
- Tôn chứng 4: Đại sư Hoằng Tịnh
- Tôn chứng 5: Đại sư Hoằng Châu
- Tôn chứng 6: Đại sư Hoằng Long
- Tôn chứng 7: Đại sư Hoằng Nhiếp
- Dẫn thỉnh 1: Thượng tọa Hoằng Du
- Dẫn thỉnh 2: Thượng tọa Hoằng Hiệp
- Dẫn thỉnh 3: Thượng tọa Hoằng Cứu
- Dẫn thỉnh 4: Thượng tọa Thiện Giáo.

## **2.2. Giới đàn chùa Sắc tứ Phước Quang**

Giới đàn tổ chức vào ngày 14 tháng 3 năm Canh Thân [1920] tại chùa Sắc tứ Phước Quang, thôn Hòa Bình, xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, do Hòa thượng Tăng cang Hoằng Tịnh khai mở và chính ngài làm Đường đầu truyền giới.

- Đường đầu: Hòa thượng Hoằng Tịnh
- Yết-ma: Hòa thượng Hoằng Chương
- Giáo thọ: Hòa thượng Hoằng Thạc

- Tôn chứng 1: Đại sư Phổ Minh
- Tôn chứng 2: Đại sư Hoằng Đề
- Tôn chứng 3: Đại sư Hoằng Tri
- Tôn chứng 4: Đại sư Hoằng Cung
- Tôn chứng 5: Đại sư Diệu Nguyên
- Tôn chứng 6: Đại sư Hoằng Trung
- Tôn chứng 7: Đại sư Diệu Quang
- Dẫn thỉnh 1: Thượng tọa Hoằng Sự
- Dẫn thỉnh 2: Thượng tọa Huệ Pháp
- Dẫn thỉnh 3: Thượng tọa Khánh Lâm
- Dẫn thỉnh 4: Thượng tọa Diệu Toàn.

Trong Giới đàn này, có nhiều vị giới tử về sau trở thành bậc lương đồng của Phật giáo Việt Nam và Quảng Ngãi như: Hòa thượng Chơn Quý Khánh Anh - Thượng thủ Giáo hội Tăng-già Nam Việt, trụ trì chùa Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long; Hòa thượng Chơn Sử Khánh Tín - Thành viên Hội đồng Trưởng lão Viện Tăng Thống GHPGVNTN, khai sơn chùa Thọ Sơn, huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi, v.v...

### **2.3. Giới đàn chùa Sắc tứ Thạch Sơn**

Giới đàn được khai mở ngày mùng 8 tháng 4 năm Giáp Tuất [1934] tại chùa Sắc tứ Thạch Sơn trên núi Phú Thọ, huyện Tư Nghĩa. Giới đàn này do Hòa thượng Hoằng Thạch làm Đường đầu và được thiên sư Mật Thể và ngài Trí Độ ghi rõ trong tạp chí *Viên Âm* như sau:

- Đường đầu: Hòa thượng Hoằng Thạch
- Yết-ma: Hòa thượng Huệ Minh
- Giáo thọ: Hòa thượng Thiện Quả
- Tôn chứng 1: Đại sư Hoằng Chí
- Tôn chứng 2: Đại sư Tôn Nguyên

- Tôn chứng 3: Đại sư Diệu Đàm
- Tôn chứng 4: Đại sư Hoằng Quy
- Tôn chứng 5: Đại sư Hoằng Duyệt
- Tôn chứng 6: Đại sư Bảo Thọ
- Tôn chứng 7: Đại sư Hoằng Nghi
- Dẫn thỉnh 1: Thượng tọa Quảng Tu
- Dẫn thỉnh 2: Thượng tọa Chơn Không
- Dẫn thỉnh 3: Thượng tọa Phước Hậu
- Dẫn thỉnh 4: Thượng tọa Khánh Tôn.

Giới tử đắc giới có các vị như: Chơn Miên Trí Hưng - Phó Đạo thống Giáo hội Cổ Sơn Môn Việt Nam, khai sơn chùa Từ Lâm (Tư Nghĩa, Quảng Ngãi); Hòa thượng Như Triện Trí Nhân - Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN, trụ trì Tổ đình Chúc Thánh (Hội An).

#### **2.4. Giới đàn chùa Sắc tứ Từ Lâm**

Giới đàn được khai mở vào ngày mùng 10 tháng 7 năm Tân Sửu [1961] tại chùa Sắc tứ Từ Lâm, do Hòa thượng Chơn Miên Trí Hưng làm Đường đầu.

- Đường đầu: Hòa thượng Trí Hưng
- Yết-ma: Hòa thượng Huệ Phước, Hòa thượng Phước Minh
- Giáo thọ: Hòa thượng Chánh Đạo, Hòa thượng Quang Lý
- Tôn chứng 1: Thượng tọa Pháp Minh
- Tôn chứng 2: Thượng tọa Tín Truyền
- Tôn chứng 3: Thượng tọa Trí Tạng
- Tôn chứng 4: Thượng tọa Phước Chí
- Tôn chứng 5: Thượng tọa Hồng Liên
- Tôn chứng 6: Thượng tọa Diên Khánh
- Tôn chứng 7: Thượng tọa Phước Hiền

- Dẫn thỉnh 1: Đại đức An Truyền
- Dẫn thỉnh 2: Đại đức An Thiên
- Dẫn thỉnh 3: Đại đức Minh Ngộ
- Dẫn thỉnh 4: Đại đức An Chấn.

Giới tử đắc giới tại Giới đàn này có các vị: Hòa thượng Như Duyên An Điền - trụ trì chùa Từ Nghiêm (Tư Nghĩa); Hòa thượng Như Hùng Trí Giác - trụ trì chùa Minh Tịnh (Quy Nhơn).

## **2.5. Giới đàn chùa Tỉnh hội Phật giáo Quảng Ngãi**

Giới đàn tổ chức vào ngày 01 tháng 8 năm Kỷ Dậu (1969)<sup>(12)</sup> tại chùa Phật Học tỉnh Quảng Ngãi (nay là chùa Pháp Hóa), do Hòa thượng Thích Khánh Tín làm Đường đầu Hòa thượng.

- Đường đầu: Hòa thượng Khánh Tín
- Yết-ma: Thượng tọa Huyền Đạt
- Giáo thọ: Thượng tọa Huyền Tế
- Tôn chứng 1: Thượng tọa Giải An
- Tôn chứng 2: Thượng tọa Hồng Ân
- Tôn chứng 3: Đại đức Thanh Phước
- Tôn chứng 4: Đại đức Diên Thành
- Tôn chứng 5: Đại đức Giải Tân
- Tôn chứng 6: Đại đức Hạnh Trí
- Tôn chứng 7: Đại đức Như Hậu.

## **2.6. Đại giới đàn Pháp Hóa**

Đại giới đàn lấy đạo hiệu của tổ Phật Bảo Pháp Hóa - Tổ khai sơn tổ đình Thiên Ấn, do Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Ngãi tổ chức vào các ngày 20-23 tháng 11 năm Kỷ Sửu (04-06/01/2010) tại chùa Pháp Hóa, trụ sở Ban Trị sự tỉnh Giáo hội. Giới đàn cung thỉnh Hòa thượng Thích Thiện Bình làm Đường đầu truyền giới. Hội đồng Thập sư gồm chư vị tôn túc được cung thỉnh từ các tỉnh thành như sau:

- Đường đầu: Hòa thượng Thiện Bình
- Yết-ma: Hòa thượng Viên Giác
- Giáo thọ: Hòa thượng Minh Thông
- Tôn chứng 1: Hòa thượng Giác Hà
- Tôn chứng 2: Hòa thượng Tâm Linh
- Tôn chứng 3: Thượng tọa Hạnh Trình
- Tôn chứng 4: Thượng tọa Viên Thanh
- Tôn chứng 5: Thượng tọa Giải Trọng
- Tôn chứng 6: Thượng tọa Thiện Vinh
- Tôn chứng 7: Thượng tọa Hạnh Trân
- Dẫn thỉnh 1: Thượng tọa Minh Nghĩa
- Dẫn thỉnh 2: Thượng tọa Như Phẩm
- Dẫn thỉnh 3: Thượng tọa ...
- Dẫn thỉnh 4: Thượng tọa Hạnh Khương.

Đây là Giới đàn duy nhất của Phật giáo Quảng Ngãi kể từ sau năm 1975 cho đến ngày hôm nay.

\* \* \*

Trong tinh thần “Tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức”, từ trước đến nay chư vị tôn túc tại Quảng Ngãi thường khai mở Giới đàn để tuyển người nối tiếp dòng Thánh. Với những tư liệu còn lưu lại chúng ta có thể thống kê các giới đàn như sau:

- Trong thế kỷ XIX, chỉ còn lưu lại sử liệu 4 Giới đàn, trong đó có 1 Giới đàn biết rõ tôn danh Hội đồng Thập sư.

- Trong thế kỷ XX, Tăng-già tỉnh Quảng Ngãi đã mở được 22 Giới đàn. Trong đó, từ năm 1950 trở về trước có 11 Giới đàn do tông môn pháp phái khai mở. Từ năm 1950 đến năm 2000 có 11 Giới đàn, trong đó GHPGVNTN tổ chức 3 Giới đàn và GHCSM tổ chức 8 Giới đàn.

- Từ năm 2000 đến nay, tỉnh Quảng Ngãi mở duy nhất một Giới đàn vào năm 2010, do Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Ngãi tổ chức.

Sự thống kê trên chỉ mang tính tương đối chứ chưa hẳn hoàn toàn chính xác. Tuy nhiên, phần nào cũng mô tả khái quát được tình hình sinh hoạt của Tăng-già Quảng Ngãi xuyên suốt chiều dài lịch sử Phật giáo. Mong rằng trong tương lai, Phật giáo Quảng Ngãi sẽ kiến khai nhiều Giới đàn để đào tạo tăng tài, đáp ứng được nhu cầu tu học của Tăng Ni, Phật tử nơi vùng đất Cẩm Thành này.

### Chú thích

- [1]. Tổ Vô Minh Huệ Kinh thuộc đời 26 tông Tào Động và là Sơ tổ chi phái Thọ Xương. Kệ truyền pháp của ngài như sau: “慧元道大興。法界一鼎新。通天兼徼地。耀古復騰今” (Tuệ Nguyên Đạo Đại Hưng, Pháp Giới Nhất Đỉnh Tân, Thông Thiên Kiêm Triệt Địa, Diệu Cổ Phục Đằng Kim).
- [2]. Kệ phái do thiền sư Trí Bản Đột Không biệt xuất như sau: “智慧清淨。道德圓明。真如性海。寂照普通。心源廣續。本覺昌隆。能仁聖果。常演寬弘。惟傳法印。証悟會容。堅持戒定。永繼祖宗” (Trí Tuệ Thanh Tịnh, Đạo Đức Viên Minh, Chơn Như Tánh Hải, Tịch Chiếu Phổ Thông, Tâm Nguyên Quảng Tục, Bồn Giác Xương Long, Năng Nhơn Thánh Quả, Thường Diễn Khoan Hoảng, Duy Truyền Pháp Ấn, Chánh Ngộ Hội Dung, Kiên Trì Giới Hạnh, Vĩnh Kế Tổ Tông).
- [3]. Trong chi phái Lâm Tế Thiên Đồng có pháp danh chữ Như thuộc đời pháp 39 và chi phái Lâm Tế Chúc Thánh chữ Như thuộc đời pháp 41. Tuy nhiên trong giai đoạn lịch sử này, chi Thiên Đồng mới xuống tới chữ Phật hoặc Tổ tức đời 35, 36 và chi Chúc Thánh mới tới chữ Thiệt hoặc Pháp tức đời 35, 36. Vì thế chữ Như ở đây thuộc pháp kệ của chi phái Trí Bản Đột Không.
- [4]. Kệ phái Lâm Tế Thiên Đồng do tổ Đạo Mân Mộc Trần biệt xuất như sau: “道本元成佛祖先。明如紅日麗中天。靈源廣潤慈風普。照世真燈萬古傳” (Đạo Bồn Nguyên Thành Phật Tổ Tiên, Minh Như Hồng Nhật Lệ Trung Thiên, Linh Nguyên Quảng Nhuận Từ Phong Phổ, Chiếu Thế Chơn Đăng Vạn Cổ Truyền) [Xem thêm: Thích Như Tịnh, *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*, phần “Phụ lục - Các bài kệ truyền thừa của tông Lâm Tế tại Việt Nam”, Nxb. Phương Đông, TP.HCM 2009, tr. 557].

- [5]. Long vị thờ ngài tại chùa Diệu Giác, huyện Bình Sơn ghi là “Phật Tuyết Tường Quang Quảng Độ”. Nhưng long vị thờ tại tổ đình Phước Lâm, Hội An ghi là “Pháp Ấn Tường Quang Quảng Độ”. Cả hai long vị đều ghi thể thứ đời 36 tông Lâm Tế. Nếu dùng pháp danh chữ “Phật” phải là đời 35 mới đúng. Tương truyền ngài xuất gia với tổ Minh Lượng Thành Đăng, sau cầu pháp với tổ Thiệt Dinh Ấn Triêm nên có 2 pháp danh. Ở đây, chúng tôi căn cứ theo long vị chùa Diệu Giác, xếp ngài vào kệ phái Thiên Đồng.
- [6]. Tổ sư Thiệt Diệu Liễu Quán xuất kệ truyền thừa như sau: “實際大道。性海清澄。心源廣潤。德本慈風。戒定福慧。體用圓通。永超智果。密契成功。傳持妙理。演暢正宗。行解將應。達悟真空”(Thiệt Tế Đại Đạo, Tánh Hải Thanh Trùng, Tâm Nguyên Quảng Nhuận, Đức Bản Từ Phong, Giới Định Phước Huệ, Thể Dụng Viên Thông, Vĩnh Siêu Trí Quả, Mật Khế Thành Công, Truyền Trì Diệu Lý, Diễn Xướng Chánh Tông, Hành Giải Tương Ứng, Đạt Ngộ Chân Không).
- [7]. Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo biệt xuất kệ truyền thừa như sau: “明實法全彰。印真如是同。祝聖壽天久。祈國祚地長。得正律爲宗。祖道解行通。覺華菩提樹。充滿人天中”(Minh Thiệt Pháp Toàn Chương, Ấn Chơn Như Thị Đồng, Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu, Kỳ Quốc Tộ Địa Trường, Đắc Chánh Luật Vi Tông, Tổ Đạo Giải Hạnh Thông, Giác Hoa Bồ Đề Thọ, Sung Mãn Nhơn Thiên Trung).
- [8]. Xem thêm: Thích Như Tịnh, *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*, Nxb. Phương Đông, TP.HCM 2009.
- [9]. Về sử liệu Giới đàn này, tiểu sử ngài Thanh Thái Phước Chỉ ghi Giới đàn mở tháng 7 năm Nhâm Ngọ [1882], tiểu sử ngài Phước Hoa trong “Gia phả tộc Trang” ghi ngày 13 tháng 5 năm Nhâm Ngọ [1882].
- [10]. Căn cứ vào lòng long vị Hòa thượng Từ Nhơn thờ tại chùa Viên Quang và bản “Chánh pháp nhân tạng” do ngài Từ Nhơn phú pháp cho đệ tử Ấn Đức Tổ Luân Thiện Thơ ngày 15 tháng Giêng năm Ất Mùi [1895].
- [11]. Vì không đủ tư liệu tra địa danh xưa để đúng với tên thật làng, xã nơi các chùa mà chư tổ mở Giới đàn nên chúng tôi ghi địa danh ngày hôm nay để tiện theo dõi.
- [12]. Căn cứ điệp đàn của Hòa thượng Thích Hạnh Khương - trụ trì chùa Phú Văn, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi. Ngài thọ Sa-di trong Giới đàn này.

# THIỀN PHÁI LÂM TẾ CHÚC THÁNH

## TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH<sup>13</sup>

Trong lịch sử xây dựng và phát triển đất nước, thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh hay còn gọi Đàng ngoài-Đàng trong là giai đoạn bi hùng của dân tộc Việt Nam. Cũng trong giai đoạn này, thiền phái Lâm Tế được truyền vào và phát triển nhanh chóng tại Việt Nam. Các vị thiền sư Viên Văn Chuyết Chuyết (1590-1644); Minh Châu Hương Hải (1628-1715); Nguyên Thiều Siêu Bạch (1648-1728), Minh Hải Pháp Bảo (1670-1746), Thiệt Diệu Liễu Quán (1667-1741) v.v... đều là những bậc long tượng, sùng hưng Phật pháp, phát triển tông môn khiến dòng thiền Lâm Tế ngày càng hưng thịnh. Trong đó, thiền sư Minh Hải Pháp Bảo (1670-1746) biệt kê truyền thừa lập nên chi phái thiền mà lịch sử gọi là Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh.

### 1. Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo và kệ truyền thừa:

Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo thế danh Lương Thế Ân, sinh giờ Tuất ngày 28 tháng 6 năm Canh Tuất (1670), tại huyện Đồng An, tỉnh Phước Kiến, Trung Hoa. Ngài xuất gia tại chùa Báo Tư tỉnh Quảng Châu với pháp danh Minh Hải, tự Đắc Trí <sup>(1)</sup>, nối pháp đời 34 tông Lâm Tế theo kệ phái Thiên Đồng pháp phái của tổ sư Tổ Định Tuyết Phong <sup>(2)</sup>. Năm 1695, Ngài sang Đàng Trong cùng phái đoàn của thiền sư Thạch Liêm Thích Đại Sán và tham dự giới đàn tại chùa Thiền Lâm. Tại Thuận Hóa, tổ Minh Hải đã cầu pháp nhân duyên với thiền sư Siêu Bạch Thọ Tông tại chùa Quốc Ân với pháp hiệu Pháp Bảo. Sau đó, Ngài vào Quảng Nam lập chùa Chúc Thánh để hoằng dương chánh pháp. Tại nơi đây, thiền sư Minh Hải Pháp Bảo đã biệt kê khai phái, lập nên dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh được truyền thừa mãi cho tới ngày hôm nay.

---

<sup>13</sup> Kỷ yếu hội thảo khoa học, Phật Giáo và Văn Học Bình Định, T1, Nxb KHXH 2018.



Bài kệ truyền pháp của tổ Minh Hải Pháp Bảo như sau:

明實法全彰

印真如是同

祝聖壽天久

祈國祚地長

得正律為宗

祖道解行通

覺花菩提樹

充滿人天中

Minh Thiệt Pháp Toàn Chương

Ấn Chơn Như Thị Đồng

Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu

Kỳ Quốc Tộ Địa Trường

Đắc Chánh Luật Vi Tông

Tổ Đạo Giải Hành Thông

Giác Hoa Bồ Đề Thọ

Sung Mãn Nhơn Thiên Trung

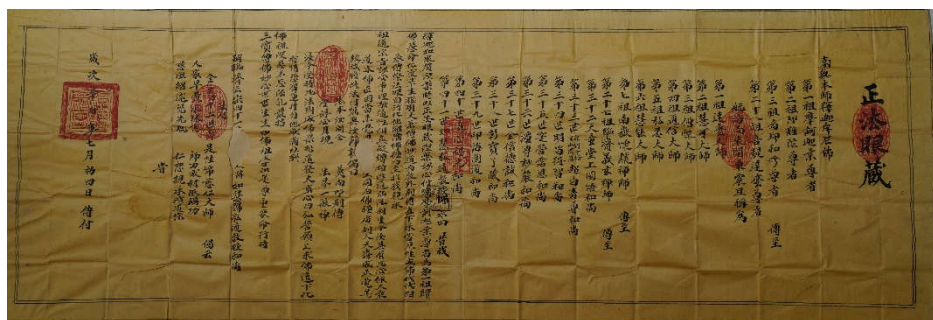
Bài kệ truyền pháp của Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo tổng cộng 8 câu và 40 chữ. Trong đó 4 câu đầu dùng để đặt pháp danh và 4 câu sau dùng để đặt pháp tự. Đây có thể là quy định của tổ sư Minh Hải Pháp Bảo và cũng là điểm đặc biệt của dòng thiền này. Các vị đệ tử của Tổ đều có pháp danh, pháp tự song hành cùng nhau như: Thiệt Dinh Chánh Hiền Ân Triêm (1712-1796): *khai sơn chùa Phước Lâm, Quảng Nam*; Thiệt Uyên Chánh Thông Chí Bảo: *khai sơn chùa Bảo Lâm, Quảng Nam*; Thiệt Diệu Chánh Hiền (...?-1749): *trụ trì chùa Chúc Thánh, Quảng Nam*; Thiệt Mãn Chánh Dung (...?-1785); Thiệt Thọ Chánh Khóa (...?-1751): *tăng chúng chùa Chúc Thánh*; Thiệt Đạo Chánh Thường Chơn Như, Thiệt Gia

Chánh Thất: *tăng chúng chùa Phước Lâm*; Thiệt Đàm Chánh Luân: *chùa Long Bàn, Quảng Ngãi*; Thiệt Đăng Chánh Trí Bảo Quang (1699-1782): *khai sơn chùa Sơn Long, Quy Nhơn, Bình Định*; Thiệt Thuận Chánh Mạng Huệ Trương (1716-1764): *khai sơn chùa Linh Sơn, Phù Cát, Bình Định v.v...*

Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo viên tịch vào ngày mồng 7 tháng 11 năm Bính Dần (1746), thế thọ 77 tuổi, bảo tháp lưu giữ nhục thân Ngài được kiến lập trong khuôn viên tổ đình Chúc Thánh, Quảng Nam.

Từ tổ đình Chúc Thánh, các hàng đệ tử, pháp tôn của tổ sư Minh Hải Pháp Bảo đã đem chánh pháp và pháp kệ của Ngài truyền bá khắp nơi tại Đàng Trong nước Việt trong đó có tỉnh Bình Định.

## 2. Sự truyền thừa Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại tỉnh Bình Định:



### Pháp quyền truyền thừa của dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh tại tỉnh Bình Định

#### Ảnh Thông Từ

Theo như tư liệu sưu khảo của cố Hòa thượng Thích Đồng Quán (1926-2009) trụ trì chùa Thiên Hòa thì hai vị thiền sư Thiệt Đăng Chánh Trí Bảo Quang (1699-1782) sáng lập Giang Long thiền thất tức tổ đình Sơn Long thuộc thành phố Quy Nhơn và Thiệt Thuận Chánh Mạng Huệ Trương (1716-1764) khai sơn chùa Linh Sơn thuộc huyện Phù Cát tỉnh Bình Định là đệ tử tổ Minh Hải Pháp Bảo. Có nghĩa là hai vị thiền sư này là những người đầu tiên đem

pháp kệ của dòng Chúc Thánh truyền bá tại Bình Định. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát chùa Sơn Long cũng như căn cứ tư liệu của Lộc Xuyên Đặng Quý Địch trong tác phẩm "Những Ngôi Chùa Tiêu Biểu tỉnh Bình Định, tập Hạ" (còn thảo bản) phần viết về chùa Linh Sơn thì chúng tôi thấy cả hai vị thiền sư đều không có pháp tự chữ Chánh đứng đầu. Có nghĩa là chỉ có pháp danh Thiệt Đăng hiệu Bảo Quang và Thiệt Thuận hiệu Huệ Trương. Nơi đây chúng tôi ghi lại lòng long vị để khảo cứu vấn đề này.



**Tổ đình Sơn Long, TP, Quy Nhơn: Tổ đình của Thiền phái Chúc Thánh tại tỉnh Bình Định**

*Ảnh Thông Từ*

Long vị thiền sư Thiệt Đăng Bảo Quang tại tổ đình Sơn Long ghi như sau:

嗣臨濟三十五世江隆堂上上寶下光諱實燈老和尚覺靈  
貌座

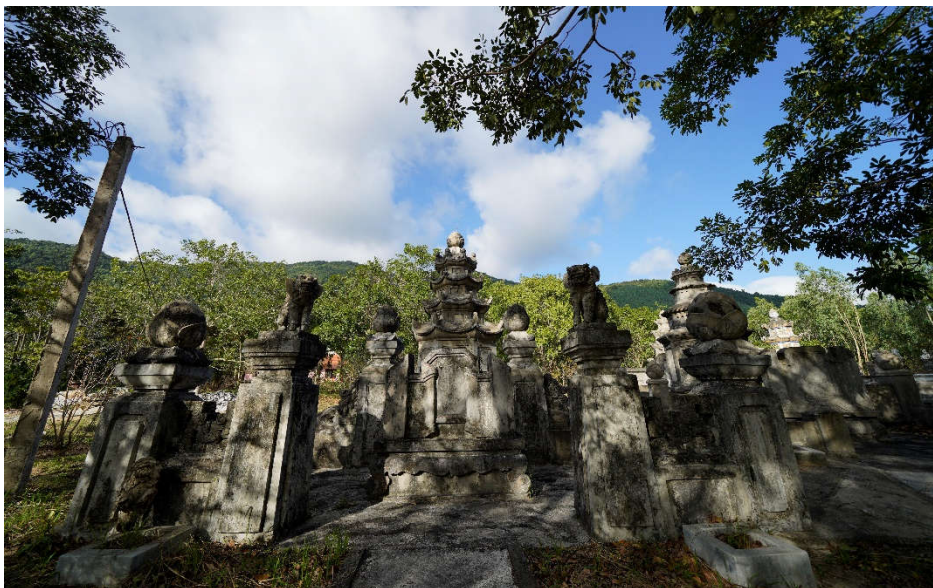
Tự Lâm Tế Tam Thập Ngũ Thế Giang Long Đường Thượng  
thượng BẢO hạ QUANG Húy THIỆT ĐĂNG Lão Hòa Thượng  
Giác Linh Nghê Tọa.

Long vị thiền sư Thiệt Thuận Huệ Trương tại tổ đình Linh Sơn ghi như sau:

勅賜臨濟正宗三十五世靈山堂上上實下順號慧張和尚覺  
靈蓮座

Sắc Tứ Lâm Tế Chánh Tông Tam Thập Ngũ Thế Linh Sơn  
Đường Thượng thượng THIỆT hạ THUẬN Hiệu HUỆ TRƯỞNG  
Hòa Thượng Giác Linh Liên Tòa.

Căn cứ vào lòng long vị của hai vị tổ sư, chúng tôi hoàn toàn không thấy có pháp tự Chánh Trí và Chánh Mạng. Như vậy, thiền sư Thiệt Đăng Bảo Quang và Thiệt Thuận Huệ Trương có phải là đệ tử truyền thừa của tổ Minh Hải Pháp Bảo hay không? Căn cứ vào tư liệu nào mà cố Hòa thượng Thích Đồng Quán lại khẳng định như vậy? Bởi lẽ đồng thời pháp đời thứ 35, các vị thiền sư có pháp danh chữ THIỆT đứng đầu theo pháp kệ Thiên Đồng pháp phái rất nhiều, nếu như không có pháp tự chữ CHÁNH đi kèm thì chúng ta khó phân biệt vị nào là đệ tử tổ Minh Hải Pháp Bảo hay là đệ tử tổ Minh Giác Kỳ Phương hoặc là Minh Dung Pháp Thông, Minh Hoàng Tử Dung, Minh Lượng Thành Đăng v.v...



**Bảo tháp thiền sư Thiệt Thuận Huệ Trương, đời 35 tông Lâm Tế, thế hệ thứ  
2 thiền phái Chúc Thánh, khai sơn tổ đình Linh Sơn, Phù Cát**

*Ảnh Thông Từ*



Cho đến nay, chúng tôi cũng chưa tìm được sử liệu cụ thể liên quan đến hành trạng của hai vị thiền sư, hy vọng về sau đây đủ nhân duyên sẽ đưa ra kết luận cụ thể. Tạm thời, chúng tôi xem thiền sư Thiệt Đăng Bảo Quang và Thiệt Thuận Huệ Trương đời 35 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 2 pháp phái Chúc Thánh là những vị truyền pháp kế đầu tiên của dòng Chúc Thánh vào tỉnh Bình Định.

Đến đời pháp thứ 36 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 pháp phái Chúc Thánh có các thiền sư như: Pháp Mãn Truyền Thành<sup>(3)</sup>: *long vị thờ tại chùa Linh Sơn, Phù Cát*; Pháp Tịnh Luật Phong Viên Quang<sup>(4)</sup>: *khai sơn chùa Thiên Hòa, Tuy Phước*<sup>(5)</sup> v.v...



**Tổ đình Thiên Hòa huyện Tuy Phước, Bình Định  
do thiền sư Pháp Tịnh Viên Quang đời 36 tông Lâm Tế,  
thế hệ thứ 3 thiền phái Chúc Thánh khai sơn**

*Ảnh Như Tịnh*

Đến đời pháp thứ 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 4 pháp phái Chúc Thánh có các thiền sư như: Toàn Chơn Thành Nhơn<sup>(6)</sup>: *long vị thờ tại chùa Linh Sơn, Phù Cát*; Toàn Thái Phước Long<sup>(7)</sup> (1767-1838): *long vị thờ tại chùa Linh Sơn, Phù Cát*; Toàn Ứng Phổ Chiêu<sup>(8)</sup>

(1760-1815): *khai sơn chùa Long Sơn, Phù Cát*; Toàn Tín Đức Thành <sup>(9)</sup>: *khai sơn chùa Khánh Lâm, Tuy Phước và chùa Thanh Long, Phù Cát*; Toàn Ý Vi Tri Phổ Huệ <sup>(10)</sup> (1799-1872): *khai sơn chùa Phổ Bảo, Tuy Phước*; Toàn Định Vi Quang Bảo Tạng <sup>(11)</sup> (1789-1842): *trùng hưng trụ trì chùa Thắng Quang tại Hoài Nhơn v.v...*



**Tổ đình Phổ Bảo huyện Tuy Phước, Bình Định**  
do thiền sư Toàn Ý Phổ Huệ (1799-1872) đời 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 4  
thiền phái Chúc Thánh khai sơn

*Ảnh Như Tịnh*

Căn cứ vào những tư liệu còn lưu tại các tổ đình cũng như các bảng Chánh pháp nhãn tạng, chúng tôi có thể khẳng định thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại tỉnh Bình Định được truyền thừa và phát triển bởi pháp hệ của thiền sư Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác từ tổ đình Phước Lâm, Quảng Nam truyền vào và pháp hệ của thiền sư Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm từ tổ đình Từ Quang, Phú Yên truyền ngược ra.

#### **a. Pháp hệ của Thiền sư Pháp Kiêm Minh Giác (1747-1830):**

Đệ tử của thiền sư Pháp Kiêm Minh Giác hành đạo tại Bình Định có 2 vị. Đó là thiền sư Toàn Định Vi Quang Bảo Tạng: *trùng hưng chùa Thắng Quang, huyện Hoài Nhơn* và Toàn Ý Vi Tri Phổ Huệ: *khai sơn chùa Phổ Bảo, huyện Tuy Phước*.

Mạch pháp của ngài Toàn Ý Phổ Huệ như sau:

- Đồi 34: Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo: *Chùa Chúc Thánh, Quảng Nam*

- Đồi 35: Thiệt Dinh Chánh Hiển Ân Triêm: *Chùa Phước Lâm, Quảng Nam*

- Đồi 36: Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác: *Chùa Phước Lâm, Quảng Nam*

- Đồi 37: Toàn Ý Vi Tri Phổ Huệ: *Chùa Phổ Bảo, Bình Định*

- Đồi 38: Chương Hiệp Tuyên Thủ Chánh Trì: *Chùa Thiên Hòa, Bình Định*

- Đồi 39: Ân Bình Như Cẩn Bửu Quang: *Chùa Thiên Hòa, Bình Định*

- Đồi 40: Chơn Cảnh Đạo Thông Trí Thắng<sup>(12)</sup>: *Chùa Thiên Hưng, Phan Rang*

- Đồi 41: Như Thọ Giải Thoát Huyền Tân: *Chùa Thiên Lâm, Phan Rang*

- Đồi 42: Thị Quảng Hạnh Nhơn Đồng Quán: *Chùa Thiên Hòa, Bình Định*

Trong khi đó, hệ của ngài Toàn Định Bảo Tạng phát triển tại tổ đình Thắng Quang cũng như các tự viện tại khu vực Bắc Bình Định bao gồm Hoài Nhơn, Tam Quan v.v...

Mạch pháp của ngài Toàn Định Bảo Tạng được truyền thừa như sau:

- Đồi 34: Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo: *Chùa Chúc Thánh, Quảng Nam*

- Đồi 35: Thiệt Dinh Chánh Hiển Ân Triêm: *Chùa Phước Lâm, Quảng Nam*

- Đồi 36: Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác: *Chùa Phước Lâm, Quảng Nam*

- Đồi 37: Toàn Định Vi Quang Bảo Tạng: *Chùa Thắng Quang, Bình Định*

- Đồi 38: Chương An Tông Bồn Quảng Khánh: *Chùa Thắng Quang, Bình Định*

- Đồi 39: Ân Luân Mỹ Hoán Hoằng Hóa: *Chùa Thắng Quang, Bình Định*

- Đồi 40: Chơn Sự Đạo Thê Khánh Quý: *Chùa Thắng Quang, Bình Định*

- Đồi 41: Như Thông Giải Minh Huyền Ngộ: *Chùa Thắng Quang, Bình Định*

- Đồi 42: Thị Bồn Hạnh Thiện Hồng Viên: *Chùa Thắng Quang, Bình Định*

Đầu thế kỷ 20, một hệ trực thuộc chi thiền sư Pháp Kiêm Minh Giác từ Quảng Ngãi truyền vào Bình Định. Đó là thiền sư Chơn Giám Đạo Quang Trí Hải đời 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 8 pháp phái Chúc Thánh khai sơn chùa Bích Liên, huyện An Nhơn và thiền sư Chơn Phước Đạo Thông Huệ Pháp (1887-1975), đời pháp 40, thế hệ thứ 8 pháp phái Chúc Thánh khai sơn chùa Minh Tịnh tại thành phố Quy Nhơn.

Mạch pháp của Thiền sư Chơn Giám Trí Hải chùa Bích Liên được truyền thừa như sau:

- Đồi 36: Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác: *Chùa Phước Lâm, Quảng Nam*

- Đồi 37: Toàn Chiếu Trí Minh Bảo Ân: *Chùa Thiên Ân, Quảng Ngãi*

- Đồi 38: Chương Khước Tông Tuyên Giác Tánh: *Chùa Thiên Ân, Quảng Ngãi*

- Đồi 39: Ân Lãnh Tổ Tông Hoằng Thạc: *Chùa Thạch Sơn, Quảng Ngãi*



- Đồi 40: Chơn Giám Đạo Quang Trí Hải: *Chùa Bích Liên, Bình Định*

- Đồi 41: Như Định Giải Phát Huyền Ân: *Chùa Bích Liên, Bình Định*

Mạch pháp của Thiền sư Chơn Phước Huệ Pháp chùa Minh Tịnh được truyền thừa như sau:

- Đồi 36: Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác: *Chùa Phước Lâm, Quảng Nam*

- Đồi 37: Toàn Chiếu Trí Minh Bảo Ân: *Chùa Thiên Ân, Quảng Ngãi*

- Đồi 38: Chương Khước Tông Tuyên Giác Tánh: *Chùa Thiên Ân, Quảng Ngãi*

- Đồi 39: Ân Tịnh Kim Liên Hoằng Thanh: *Chùa Cảnh Tiên, Quảng Ngãi*

- Đồi 40: Chơn Phước Đạo Thông Huệ Pháp: *Chùa Minh Tịnh, Bình Định*

- Đồi 41: Như Hùng Minh Oai Trí Giác: *Chùa Minh Tịnh, Bình Định*

Như vậy, hệ của ngài Pháp Kiêm Minh Giác truyền thừa tại Bình Định rất ít. Trong khi đó hệ của ngài Pháp Chuyên Diệu Nghiêm từ Phú Yên truyền ngược ra rất sâu rộng và đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh.

### **b. Pháp hệ của thiền sư Pháp Chuyên Diệu Nghiêm (1726-1798):**

Thiền sư Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm là đệ tử đặc pháp của thiền sư Thiệt Dinh Ân Triêm tại tổ đình Phước Lâm, Hội An. Ngài vào hành đạo tại Phú Yên là khai sơn chùa Từ Quang tại Bạch Thạch sơn, huyện Tuy An. Từ đây, chùa Từ Quang đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo Tăng tài cho thiền phái Chúc Thánh nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung từ cuối thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 20. Từ Phú Yên, các đệ tử của thiền sư Pháp Chuyên

Diệu Nghiêm đã đem pháp kệ tổ Minh Hải Pháp Bảo truyền ngược ra lại tỉnh Bình Định. Trong đó có các ngài như Toàn Thê Vi Lương Linh Nguyên (1765-1844): *khai sơn chùa Long Tường*; Toàn Tín Đức Thành: *khai sơn chùa Khánh Lâm và chùa Thanh Long* và một vài vị đệ tử của thiền sư Toàn Nhật Vi Bảo Quang Đài (1757-1834) thuộc hàng chữ Chương hoằng hóa tại Bình Định.

- Mạch pháp truyền thừa của thiền sư Toàn Thê Vi Lương Linh Nguyên như sau:

Thiền sư Toàn Thê Linh Nguyên là đệ tử thượng túc của tổ Pháp Chuyên Diệu Nghiêm và được kế đăng trụ trì chùa Từ Quang. Về sau, ngài ra Bình Định khai sơn chùa Long Tường tại thôn Lương Quang, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước. Ngoài sự truyền thừa sâu rộng ở tỉnh Phú Yên, tại đây pháp mạch của ngài Toàn Thê Linh Nguyên như sau:

- Đòi 37: Toàn Thê Vi Lương Linh Nguyên: *Chùa Long Tường, Bình Định*

- Đòi 38: Chương Hướng Chí Thăng: *Chùa Long Tường, Bình Định*

- Đòi 39: Ân Thanh Tổ Cần Chánh An: *Chùa Long Tường, Bình Định*

- Đòi 40: Chơn Hòa Đạo Nguyên Chánh Nhơn: *Chùa Long Tường, Bình Định*

- Đòi 41: Như Chất Tâm Thông: *Chùa Long Tường, Bình Định*

Đến đời ngài Như Chất Tâm Thông, do không có đệ tử nên sự truyền thừa bị gián đoạn. Ngoài ra, chúng ta được biết thiền sư Toàn Thê Linh Nguyên còn có một vài vị đệ tử như: Chương Tân Tuyên Chí Chánh Trực (1803-1874): *trụ trì chùa Long Tường kế sư huynh Chương Hướng Chí Thăng*; Chương Tông Chí Bảo (1779-1849): *trụ trì chùa Hội Khánh, thôn Kim Xuyên, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước*; Chương Nhật Chí Minh: *trụ trì chùa Thiên Đức, huyện Tuy Phước v.v...*

- Mạch pháp của thiền sư Toàn Nhật Vi Bảo Quang Đài thì có thiền sư Chương Thiện Hoằng Đạo (1797-1865): *khai sơn chùa Phổ Quang, thôn Phổ Trạch, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước*; thiền sư Chương Lý Nhất Quán Hoằng Hóa (1779-1849): *khai sơn chùa Diêu Phong, thôn Diêu Trì, huyện Tuy Phước*. Trong đó thiền sư Chương Lý Hoằng Hóa không có truyền nhân, còn thiền sư Chương Thiện Hoằng Đạo truyền được 6 đời như sau:

- Đời 37: Toàn Nhật Vi Bảo Quang Đài: *Chùa Viên Quang, Phú Yên*

- Đời 38: Chương Thiện Hoằng Đạo: *Chùa Phổ Quang, Bình Định*

- Đời 39: Ân Tịnh Phổ Tịnh Chánh Quảng: *Chùa Phổ Quang, Bình Định*

- Đời 40: Chơn Lộc Thiện Niệm Hoằng Tế: *Chùa Phổ Quang, Bình Định*

- Đời 41: Như Viễn Thiện Tư Chánh Niệm: *Chùa Phổ Quang, Bình Định*

- Đời 42: Thị Thiệt Thiện Tâm Tâm An: *Chùa Phổ Quang, Bình Định*

- Đời 43: Đồng Tâm Phước Lâm: *Chùa Phổ Quang, Bình Định*

Đến đời ngài Đồng Tâm Phước Lâm do không có đệ tử kế thừa nên pháp mạch của ngài Chương Thiện Hoằng Đạo tại chùa Phổ Quang chấm dứt.

- Pháp mạch truyền thừa của thiền sư Toàn Tín Đức Thành<sup>(13)</sup> có 3 chi như sau:

Chi thứ nhất là ngài Chương Bảo Liễu Tạng truyền tại tổ đình Sơn Long cũng như các chùa Bạch Sa, chùa Thọ Sơn, chùa Bình Quang v.v....

- Đời 34: Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo: *Chùa Chúc Thánh, Quảng Nam*.

- Đồi 35: Thiệt Dinh Chánh Hiên Ân Triêm: *Chùa Phước Lâm, Quảng Nam*

- Đồi 36: Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm: *Chùa Từ Quang, Phú Yên*

- Đồi 37: Toàn Tín Đức Thành: *Chùa Khánh Lâm-Thanh Long, Bình Định*

- Đồi 38: Chương Bảo Liễu Tạng: *Chùa Khánh Lâm, Bình Định*

- Đồi 39: Ấn Hải Viên Thông: *Chùa Sơn Long, Bình Định*

- Đồi 40: Chơn Tâm Phước Quang: *Chùa Sơn Long, Bình Định*

- Đồi 41: Như Huệ Thanh Nguyên Hoằng Thông: *Chùa Bạch Sa, Bình Định*

Chi thứ hai của ngài Chương Trí Quảng Giác truyền tại chùa Hưng Khánh, về sau phát triển qua Phổ Bảo, Khánh Lâm, Nhạn Sơn v.v...

- Đồi 37: Toàn Tín Đức Thành: *Chùa Khánh Lâm-Thanh Long, Bình Định*

- Đồi 38: Chương Trí Quảng Giác: *Chùa Hưng Khánh, Bình Định*

- Đồi 39: Ấn Tổ Phước Minh: *Chùa Hưng Khánh, Bình Định*

- Đồi 40: Chơn Hương Chí Bảo: *Chùa Hưng Khánh, Bình Định*

- Đồi 41: Như Hòa Tâm Ấn: *Chùa Hưng Khánh, Bình Định*

Chi thứ ba của ngài Chương Giác Nhơn Tâm tức Nhất Đắc hòa thượng trụ trì chùa Thanh Long, huyện Phù Cát.

- Đồi 37: Toàn Tín Đức Thành: *Chùa Khánh Lâm-Thanh Long, Bình Định*

- Đồi 38: Chương Giác Nhơn Tâm: *Chùa Thanh Long, Bình Định*

- Đồi 39: Ấn Cơ Viên Thường: *Chùa Thiên Bình, Bình Định*

- Đồi 40: Chơn Dụng Quang Phước: *Chùa Thiên Bình, Bình Định*

- Đồi 41: Như Từ Tâm Đạt: *Chùa Thiên Bình, Bình Định*

- Đồi 42: Thị Duật Hạnh Pháp Liễu Không: *Chùa Thiên Bình, Bình Định*

- Đồi 43: Đồng Tâm Phước Minh: *Chùa Thiên Bình, Bình Định*

Ngoài ra, khoảng giữa và đầu thế kỷ 19, tại Bình Định có các vị thiền sư có pháp danh chữ Chương, thuộc đời 38 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 5 pháp phái Chúc Thánh ra khai sơn hoặc đảm nhiệm trụ trì một số tự viện như sau:

- Chương Nghĩa Tuyên Đức Thanh Tuyền (1761-1864): *trùng hưng trụ trì chùa Sơn Long, xã Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.*

- Chương Hải Thanh Nguyên (1779-1851): *khai sơn chùa Thiên Trúc, thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước.*

- Chương Hạnh Chánh Tông: *trụ trì chùa Linh Phong, thôn Phương Phi, xã Cát Tiến, huyện Phù Cát.*

- Chương Tánh Đức An: *trụ trì chùa Bảo Quang, thôn Thắng Công, xã Nhơn Phúc, huyện An Nhơn. Ngài còn có long vị thờ tại tổ đường chùa Tường Vân, Huế.*

- Tỳ kheo ni Chương Tường Tuyên Thanh Vĩnh Điền (1798-1871): *khai sơn chùa Vĩnh Khánh, thôn Cẩm Văn, xã Nhơn Hưng, huyện An Nhơn. v.v...*

Tuy nhiên, với các vị Thiền sư này chúng tôi chưa đủ sử liệu để xác lập lại sự truyền thừa từ tổ Minh Hải Pháp Bảo đến đời các vị cũng như các thế hệ truyền thừa mạng mạch về sau.

Cho đến giữa và cuối thế kỷ 19, các đời pháp thứ 38, 39 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 5, thứ 6 chi phái Chúc Thánh thuộc chữ Chương, chữ Ấn đã ra khai sơn hoặc kế thừa phát huy tông môn rộng rãi khắp tỉnh Bình Định. Các ngôi tổ đình Sơn Long, Thiên Hòa, Khánh Lâm, Thanh Long, Phổ Bảo, Hưng Khánh, Thiên Bình, Thắng Quang v.v... đã đào tạo được nhiều Tăng nhân tài đức thừa đương tổ nghiệp khiến cho thiền phái Chúc Thánh ngày một hưng thịnh.

### 3. Sự biệt kê của dòng thiền Lâm tế Chúc Thánh tại Bình Định:

Kể từ khi tổ sư Minh Hải Pháp Bảo xuất kê sáng lập nên dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh tính đến nay đã trên 300 và truyền được 13 đời pháp. Đa phần chư Tăng các tỉnh thành đều truyền theo pháp kê của Tổ không hề có sự sai lệch. Chỉ thỉnh thoảng có một số nơi vị bổn sư chỉ cho pháp danh theo kê còn pháp tự thì tùy nghi. Sự sai lệch này không ảnh hưởng gì đến pháp kê truyền thừa. Tuy nhiên, vào giữa thế kỷ 20 tại Bình Định, chư Tăng trong dòng thiền Chúc Thánh có biệt xuất hai bài kê và được truyền thừa cho đến ngày hôm nay.

#### a. Bài kê truyền thừa tại chùa Bích Liên:

Bài kê này được Thiền sư Chơn Giám Đạo Quang Trí Hải trụ trì chùa Bích Liên, thôn Háo Đức, huyện An Nhơn biệt xuất vào ngày 19 tháng 6 năm Bảo Đại thứ 16, Tân Tỵ (1941). Bài kê truyền pháp của thiền sư Chơn Giám Trí Hải như sau:

真玉紅山照

澄珠碧海圓

理明知性妙

智密悟心玄

淨緣懷翠柳

樂國御金蓮

聖境歸來日

宗風振古傳

Chơn Ngọc Hồng Sơn Chiếu

Trùng Châu Bích Hải Viên

Lý Minh Tri Tánh Diệu

Trí Mật Ngộ Tâm Huyền

Tịnh Duyên Hoài Thúy Liễu

Lạc Quốc Ngự Kim Liên  
Thánh Cảnh Quy Lai Nhật  
Tông Phong Chấn Cổ Truyền

Sau khi biệt kê, thiền sư Chơn Giám Trí Hải bèn truyền pháp danh theo kê mới của mình. Những vị xuất gia trước năm 1941 có pháp danh chữ NHƯ thì đổi thành chữ NGỌC, có pháp tự chữ GIẢI đổi thành chữ TỊNH. Chẳng hạn như ngài Huyền Hy ban đầu có pháp danh Như Khánh tự Giải Hỷ đổi thành Ngọc Khánh tự Tịnh Hỷ; ngài Huyền Quang có pháp danh Như An tự Giải Hòa đổi thành Ngọc Tân tự Tịnh Bạch; ngài Huyền Ấn có pháp danh Như Định tự Giải Phát đổi thành Ngọc Tùng tự Tịnh Mãn; ngài Ngọc Lộ, tự Tịnh Bình, hiệu Huyền Minh <sup>(14)</sup>, Sư bà Tịnh Viên có pháp danh Như Ái đổi thành Ngọc Ấu; các đệ tử xuất gia sau 1941 được ban pháp danh theo kê mới như: Ngọc Lương tự Tịnh Trụ (Lê Văn Mười) v.v...

Như vậy, thiền sư Chơn Giám Trí Hải đời 40 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 8 pháp phái Chúc Thánh đã biệt kê truyền thừa, tạo thành một chi phái mới trong hệ Lâm Tế Chúc Thánh. Chúng ta có thể gọi thiền sư Chơn Giám Trí Hải là sơ tổ của kê phái Bích Liên vậy.

Hiện nay, pháp kê của thiền sư Chơn Giám Trí Hải chúng ta có thể gọi là kê phái Bích Liên chỉ truyền thừa rất ít tại các chùa: Bích Liên, Khánh Liên, Vĩnh Khánh tại Bình Định và chùa Đại Giác tại Cam Ranh. Chư tăng ni truyền theo kê phái này đã xuống đến chữ Sơn tức là đời thứ 4 kể từ tổ Chơn Giám Trí Hải.

**b. Bài kê khác biệt của Thiền phái Chúc Thánh tại tỉnh Bình Định:**

Ngoài bài kê truyền pháp tại Quảng Nam, chư Tăng thuộc môn phái Chúc Thánh tại Bình Định cũng có một bài kê truyền thừa như sau:

明實法全彰  
印真如是同

萬有唯一體  
觀了心境空  
戒香成聖果  
覺海湧蓮花  
信進生福慧  
行智解圓通  
影月清中水  
雲飛日去來  
達悟微妙性  
弘開祖道長

**Minh Thiệt Pháp Toàn Chương**

**Ấn Chơn Như Thị Đồng**

**Vạn Hữu Duy Nhất Thể**

**Quán Liễu Tâm Cảnh Không**

**Giới Hương Thành Thánh Quả**

**Giác Hải Dũng Liên Hoa**

**Tín Tấn Sinh Phước Huệ**

**Hạnh Trí Giải Viên Thông**

**Ảnh Nguyệt Thanh Trung Thủy**

**Vân Phi Nhật Khứ Lai**

**Đạt Ngộ Vi Diệu Tánh**

**Hoằng Khai Tổ Đạo Trường**

Và bài truyền pháp tự như sau:

得正律為宗  
祖道解行通  
覺花圓境智  
充滿利人天  
恆沙諸法界



濟度等含生  
周圓體相用  
觀照剎塵中  
去來當一念  
能所豈非他  
心境誰邊取  
真望總皆如

**Đắc Chánh Luật Vi Tông  
Tổ Đạo Giải Hạnh Thông  
Giác Hoa Viên Cảnh Trí  
Sung Mãn Lợi Nhân Thiên  
Hằng Sa Chư Pháp Giới  
Tế Độ Đẳng Hàm Sanh  
Châu Viên Thể Tướng Dụng  
Quán Chiếu Sát Trần Trung  
Khứ Lai Đương Nhất Niệm  
Năng Sở Khởi Phi Tha  
Tâm Cảnh Thùy Biên Thủ  
Chơn Vọng Tổng Giai Như**

Nguyên nhân xuất hiện của bài kệ thứ hai này được ghi lại như sau:

*“Vào năm năm 1967, một học sinh gốc người Hoa đến nộp đơn nhập học tại trường Trung học Bồ Đề Nguyên Thiều, và cho biết dòng họ nhà em có liên quan đến tổ Nguyên Thiều. Nhân đó, thầy Giám học nhà trường (Thầy Thích Đồng Quán) yêu cầu gia đình em cung cấp một số tư liệu về Tổ, trong đó có bài pháp kệ này. Đây là bản chép tay của một người trong gia đình em học sinh ấy, sao lục từ bản gốc ở gia phả trong dòng họ của Tổ.*

*Vào dịp về dự tang lễ cố Hòa thượng Thích Đồng Thiện (thượng Thị hạ Công), trú trì Tu viện Nguyên Thiều, tôi và thầy*

*Minh Hạnh có đến thăm chùa Thiên Hòa (thôn Tri Thiện-Bình Định), và được Ngài trú trì cho photo bản chép tay này (ngày 10-8-Tân Ty).*

*Qua câu chuyện đạo vị về bài pháp kệ nói trên, tôi không thấy có sự “**giả lập**” nào nơi Ngài trú trì. Nhưng chúng ta ước mong được một lần xem tận mắt bản gốc cho thỏa lòng”<sup>(15)</sup>*

Như vậy, vào những thập niên 70-80 của thế kỷ XX tại tỉnh Bình Định đã chớm xuất hiện một bài kệ truyền pháp được cho là của tổ sư Minh Hải Pháp Bảo được ghi trong gia phả của tổ sư Nguyên Thiều. Điều này đúng hay sai? Thực hư của vấn đề như thế nào?

b1. Xét về mặt truyền thừa: Về mặt truyền thừa thì từ trước đến nay các vị tổ sư khi xuất kệ truyền pháp thì chỉ có một bài duy nhất, không có bài thứ hai. Đồng thời các chữ trong bài kệ theo từng đời không được trùng lặp nhau. Ở hai bài này trùng lặp chữ quá nhiều khiến người đọc sinh tâm hồ nghi...?

b2. Xét về niên đại: Tại các chùa Sơn Long, chùa Phổ Bảo đều có khắc bài kệ này trên bức hoành treo ở tổ đường. Trong dòng lạc khoản có ghi như sau: “*Khang Hy Thập Bát Kỷ Mùi Hạ, Tây Lịch Nhất Lục Thất Cửu Niên*”, đối chiếu dương lịch là năm 1679. Điều này thật là bất hợp lý. Bởi lẽ tổ sư Minh Hải Pháp Bảo sinh năm Canh Tuất (1670) và tịch năm Bính Dần (1746). Năm 1679 tổ mới 10 tuổi, nhanh lắm là mới vào hành điệu xuất gia, chưa đủ tuổi thọ Đại giới thì làm sao xuất kệ truyền pháp?

Trong quá trình tìm hiểu chúng tôi được biết rằng, vào những thập niên 60-70 của thế kỷ XX, một số chư vị tôn túc tại Bình Định thấy trong bài kệ của tổ Minh Hải Pháp Bảo có hai chữ “Chúc Thánh” có vẻ mang tính xu phụ thế quyền. Đồng thời các chữ về sau như chữ Bồ, chữ Đề khó đặt pháp tự nên đã biệt ra bài kệ như trên. Có thể Thiền sư Chơn Giám Trí Hải đã thấy trước vấn đề này nên sớm biệt ra kệ phái Bích Liên chăng?

Đứng về phương diện truyền thừa thì chúng tôi tán đồng quan điểm của chư tôn đức tiền bối của môn phái Chúc Thánh tại Bình Định. Bởi lẽ từ trước đến nay chư vị tổ sư kế thừa nhau và thường biệt kệ để mạch pháp tương tục không gián đoạn. Giống như tổ sư Minh Hải Pháp Bảo, tổ sư Thiết Diệu Liễu Quán đã biệt kệ kế tục dòng pháp Thiên Đồng của thiền sư Tổ Định Tuyết Phong từ Trung Hoa sang và lập nên hai dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh và Lâm Tế Liễu Quán cho Phật giáo Đàng Trong trước đây và Phật giáo Việt Nam ngày hôm nay.

Đứng về phương diện lịch sử thì chúng tôi không đồng quan điểm cách làm việc như vậy. Bởi vì bài kệ này không phải của tổ sư Minh Hải Pháp Bảo mà hậu thế gán cho Ngài. Vì thế, trong đề tài này, chúng tôi cũng xin xác định lại đâu là sự thật lịch sử để người đời sau khỏi hiểu lầm.

Trước năm 1975, bài kệ này chưa được công bố rộng rãi nên một số chùa tại Bình Định đã cho đệ tử xuống đến chữ Chúc, chữ Thánh. Đến những thập niên 90 thì bài kệ mới này được áp dụng đa phần tại các chùa truyền thừa theo môn phái Lâm Tế Chúc Thánh. Hiện nay tại Bình Định đã truyền xuống tới chữ Hữu, chữ Duy tức tương đương với chữ Thánh, chữ Thọ theo pháp kệ tại tổ đình Chúc Thánh, Quảng Nam.

Cùng với các thiền phái Lâm Tế Thiên Đồng và Lâm Tế Liễu Quán, thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh đã đóng góp rất lớn cho sự hình thành và phát triển của Phật giáo Bình Định trong quá khứ cũng như hiện tại. Các vị cao tăng như: Toàn Định Bảo Tạng: *Chùa Thắng Quang, Hoài Nhơn*; Toàn Ý Phổ Huệ: *Chùa Phổ Bảo, Tuy Phước*; Toàn Tín Đức Thành: *Chùa Khánh Lâm, Tuy Phước và chùa Thanh Long, Phù Cát*; Chương Bảo Liễu Tạng: *Chùa Khánh Lâm, Tuy Phước*; Chương Thiện Hoàng Đạo: *Chùa Phổ Quang, Tuy Phước*; Chương Trí Quảng Giác: *Chùa Hưng Khánh, Tuy Phước*; Ấn Hải Viên Thông: *Chùa Sơn Long, Quy Nhơn*; Ấn Tổ Phước

Minh: *Chùa Hưng Khánh, Tuy Phước*; Ấn Bình Bửu Quang: *Chùa Thiên Hoà, Tuy Phước*; Ấn Cơ Viên Thường: *Chùa Thiên Hoà, An Nhơn*; Chơn Giám Trí Hải (tức Hòa thượng Bích Liên): *Chùa Bích Liên, An Nhơn*; Chơn Đạo Chí Mẫn: *Chùa Nhạn Sơn, An Nhơn*; Chơn Hương Chí Bảo: *Chùa Hưng Khánh, Tuy Phước*; Chơn Tịnh Cao Minh: *Chùa Tịnh Liên, Bình Định*; Chơn Phước Huệ Pháp: *Chùa Minh Tịnh, Quy Nhơn*; Như Phước Huyền Ý (Hòa thượng Liên Tôn): *Chùa Liên Tôn, Phù Cát*; Như Đăng Trí Độ: *Chùa Quán Sứ, Hà Nội*; Như Huệ Hoằng Thông: *Chùa Bạch Sa, Quy Nhơn*; Như Phước Tường Quang: *Chùa Phước Sơn<sup>(16)</sup>, Bồng Sơn*; Như Từ Tâm Đạt: *Chùa Thiên Bình, An Nhơn*; Như Hòa Tâm Ấn: *Chùa Hưng Khánh, Tuy Phước*; Như An Huyền Quang: *Tu viện Nguyên Thiều, Tuy Phước*; Thị Sa Bình Chánh: *Chùa Sơn Long, Quy Nhơn*; Thị Huệ Bảo An: *Chùa Phổ Bảo, Tuy Phước*; Thị Duật Liễu Không: *Chùa Thiên Bình, An Nhơn*; Thị Công Đồng Thiện: *Tu viện Nguyên Thiều, Tuy Phước*; Thị Quảng Đồng Quán: *Chùa Thiên Hoà, Tuy Phước* v.v.. đều là những bậc long tượng trong nhà thiền. Những gì các ngài đã làm cho đạo pháp và tông môn luôn được các thế hệ kế thừa trân trọng và tiếp nối. Trong tinh thần "Âm thủy tư nguyên" chúng tôi thiết nghĩ rằng việc nghiên cứu và lập lại phả hệ của mỗi dòng thiền là việc cần nên làm để các thế hệ về sau được biết rõ dòng mạch tâm linh mà mình được thừa ân thọ hưởng.

### **Chú thích:**

- [1]. Cho đến nay vẫn chưa có tư liệu chính thức về Bôn sư của tổ Minh Hải Pháp Bảo. Khi sang Đàng Trong, Ngài đắc pháp với tổ sư Siêu Bạch Hoán Bích tức Nguyên Thiều Thọ Tông tại chùa Quốc Ân-Huế.
- [2]. Tổ Đạo Giới Định Tông
  - i. Phương Quảng Chứng Viên Thông
  - ii. Hành Siêu Minh Thiệt Tế
  - iii. Liễu Đạt Ngộ Chơn Không
- [3]. Không rõ ngài Pháp Mãn Truyền Thành là đệ tử của thiền sư nào thuộc chữ Thiệt, đời pháp 35, thế hệ thứ 2 pháp phái Chúc Thánh.

- [4]. Theo cổ Hòa thượng Thích Đồng Quán, ngài Pháp Tịnh Viên Quang là đệ tử thiền sư Thiệt Dinh Ân Triêm tại tổ đình Phước Lâm, Hội An, Quảng Nam.
- [5]. Theo bản Lịch sử chùa Thiên Hòa do cổ Hòa thượng Thích Đồng Quán biên soạn.
- [6]. Có thể là đệ tử của thiền sư Pháp Mãn Truyền Thành.
- [7]. Đệ tử ngài Pháp Kiêm Minh Giác tại tổ đình Phước Lâm, Hội An, Quảng Nam. Vì tại Phước Lâm có thờ Ngài trên bài biển. Đồng thời long vị thờ tại chùa Linh Sơn có ghi: "Lâm Tế Tam Thập Thất Thế Phước Lâm Đường Thượng Húy TOÀN THÁI Hiệu PHƯỚC LONG Đại Sư".
- [8]. Không rõ ngài Toàn Ứng Phổ Chiêu là đệ tử của thiền sư nào thuộc chữ Pháp, đời pháp 36, thế hệ thứ 3 pháp phái Chúc Thánh.
- [9]. Ngài Toàn Tín Đức Thành là đệ tử thiền sư Pháp Chuyên Diệu Nghiêm tại chùa Từ Quang, Tuy An, tỉnh Phú Yên.
- [10]. Ngài Toàn Ý Phổ Huệ là đệ tử thiền sư Pháp Kiêm Minh Giác tại tổ đình Phước Lâm, Hội An, Quảng Nam.
- [11]. Ngài Toàn Định Bảo Tạng là đệ tử thiền sư Pháp Kiêm Minh Giác tại tổ đình Phước Lâm, Hội An, Quảng Nam.
- [12]. Chúng tôi căn cứ vào sử liệu chùa Thiên Hòa của cổ Hòa thượng Thích Đồng Quán soạn và lập lên sự truyền thừa chỉ ngài Toàn Ý Vi Tri Phổ Huệ như thế này. Nhưng căn cứ vào pháp quyền của Hòa thượng Huyền Tân phú pháp cho Hòa thượng Đồng Minh thì khác. Thứ hệ theo bản phú pháp như sau: 34. Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo; 35. Thiệt Dinh Chánh Hiển Ân Triêm. 36. Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác; 37. Toàn Chiêu Trí Minh Bảo Ân; 38. Chương Khước Tông Tuyên Giác Tánh; 39. Ấn Nguyệt Tổ Chiêu Hoàng Đàm; 40. Chơn Cảnh Đạo Thông Trí Thắng; 41. Như Thọ Giải Thoát Huyền Tân; 42. Thị Khai Hạnh Huệ Đồng Minh. Sở dĩ có sự khác biệt như vậy là vì ngài Chơn Cảnh Trí Thắng xuất gia với tổ Ấn Bình Bửu Quang nhưng lại cầu pháp với ngài Ấn Nguyệt Hoàng Đàm tại chùa Vĩnh Khánh. Ngài Hoàng Đàm đệ tử tổ Giác Tánh từ Thiên Ấn, Quảng Ngãi vào trụ trì chùa Vĩnh Khánh. Vì bốn sư viên tịch sớm nên ngài Chơn Cảnh cầu pháp tu học với tổ Hoàng Đàm nên có hiệu Trí Thắng. Vì lẽ đó pháp quyền chùa Thiên Lâm, Phan Rang viết theo hệ ngài Ấn Nguyệt Hoàng Đàm chứ không theo hệ ngài Ấn Bình Bửu Quang.
- [13]. Căn cứ vào điệp phú pháp của thiền sư Chơn Tâm Phước Quang cho đệ tử Như Huệ Hoàng Thông vào tháng 5 năm Bính Thìn (1916).
- [14]. Hòa thượng Ngọc Lộ xuất gia rất sớm với tổ Chơn Giám Trí Hải tại chùa Linh Sơn, Phù Cát. Có thể ngài cũng được ban pháp danh chữ Như và pháp tự chữ Giải. Sau năm 1941 mới đổi thành pháp danh, pháp tự như hiện nay. Tuy nhiên chúng tôi chưa có cơ duyên được tham vấn Hòa thượng để hiểu rõ thêm vấn đề.

- [15]. Tu viện Nguyên Thiều, Tưởng niệm Giác Linh Hòa Thượng Thích Đồng Thiện, PL.2545, trang 34, tác giả Thích Quảng Hạnh.
- [16]. Chùa này đã bị sụp trong chiến tranh, chỉ còn bảo tháp của HT.Như Phước Giải Mộng Tường Quang.

### **Tư liệu tham khảo:**

- Đặng Quý Dịch, Những ngôi chùa tiêu biểu trong tỉnh Bình Định, Tập Thượng quyền Thượng, NXB Đà Nẵng, 2011.
- Đặng Quý Dịch, Những ngôi chùa tiêu biểu trong tỉnh Bình Định, Tập Thượng quyền Hạ (cảo bản).
- Đặng Quý Dịch, Những ngôi chùa tiêu biểu trong tỉnh Bình Định, Tập Trung (Cảo bản).
- Đặng Quý Dịch, Những ngôi chùa tiêu biểu trong tỉnh Bình Định, Tập Hạ (cảo bản).
- Thích Như Tịnh, Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, NXB Phương Đông, 2009.

# **SỰ DU NHẬP CỦA PHẬT GIÁO VÀO HỘI AN THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN<sup>14</sup>**

## **I. Dẫn nhập:**

Hội An là một trong những thương cảng lớn tại Đàng Trong của nước Đại Việt vào thế kỷ 17, 18. Với một vị trí thuận lợi, Hội An là nơi giao lưu với các nước trong khu vực Châu Á cũng như Châu Âu. Hội An là nơi đặt chân đầu tiên của các vị thiền sư từ Trung Hoa sang Việt Nam hoằng hóa. Chính mảnh đất nhỏ bé này đã in đậm những dấu chân hoằng truyền Chánh pháp của các vị Tổ sư.

Trong giới hạn của đề tài này, chúng tôi chỉ ghi nhận lại tình hình Phật giáo du nhập vào Hội An dưới thời các chúa Nguyễn nên có những quy định về mốc niên đại và địa lý như sau:

- Về thời gian: Chỉ ghi nhận từ thời Tiên chúa Nguyễn Hoàng bắt đầu vào trấn nhậm Thuận Hóa cho đến khi phong trào Tây Sơn lật đổ chúa Nguyễn tại Đàng Trong, tức từ năm 1558 đến năm 1778, thời gian kéo dài 220 năm.

- Về không gian: Chúng tôi chỉ ghi nhận sự du nhập Phật giáo vào địa bàn Hội An (theo mức địa giới hành chánh hiện nay-2015).

- Về tư liệu: Chúng tôi thu thập thông tin từ các văn bản Hán Nôm, kinh sách chữ Hán cũng như các tác phẩm có liên quan in bằng tiếng Việt. Cũng như khảo sát các tự viện, văn bia, mộ tháp của các chùa trong địa bàn thành phố Hội An.

## **II. Tình hình chính trị xã hội Quảng Nam và Hội An dưới thời các chúa Nguyễn:**

### **2.1 Tình hình chính trị xã hội:**

Sau cái chết của Nguyễn Uông, Nguyễn Hoàng lo sợ cho số phận của mình nên đến vấn kế Trạng Trình - Nguyễn Bình Khiêm.

---

<sup>14</sup> Bài viết cho Trung tâm Bảo tồn di tích Hội An để thực hiện Địa Chí Hội An.

Với tám chữ ngắn gọn “*Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân*”, Trịnh Trình đã mở cho Nguyễn Hoàng một con đường sống, không những vậy mà còn tạo dựng nên một cơ nghiệp lâu dài về sau.

Tháng 10 năm 1558, Nguyễn Hoàng được vua Lê Anh Tông phong tước Đoan quận công và cử vào trấn nhậm đất Thuận Hóa. Đến năm 1570, Ông được nhà vua cho kiêm lãnh trấn thủ Quảng Nam. Từ đó, Nguyễn Hoàng ra sức chiêu hiền đãi sĩ, mộ phu khai hoang vùng đất mới này. Với những chính sách đối nội và đối ngoại khôn khéo, chúa Tiên-Nguyễn Hoàng đã dần dần biến hai xứ Thuận - Quảng thành một vùng đất trù phú. Ông được sử sách ca ngợi như sau: “*Đoan quận công vũ trị vài mươi năm, chính trị khoan hòa, thường ra ân huệ, dùng pháp luật công bằng, răn giới bản bộ, cấm tráp kẻ hung dữ, dân hai trấn cảm mến ân đức, dòi dôi phong tục, chợ không hai giá, dân không ăn trộm, cửa ngoài không phải đóng, thuyền buôn ngoại quốc đều đến buôn bán, quân lệnh nghiêm túc, mọi người đều cố gắng, vì vậy không ai dám dòm ngó, dân trong xứ đều được an cư lạc nghiệp*”<sup>(1)</sup>.

Kế nghiệp chúa Tiên - Nguyễn Hoàng (1558 -1613), các vị chúa anh minh của họ Nguyễn như: chúa Sãi - Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635); chúa Thượng - Nguyễn Phúc Lan (1635-1648); chúa Hiền - Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) v.v... đã cùng cố thế lực của mình, dần dần tạo thành cục diện đối lập với thế lực họ Trịnh ở phương Bắc mà lịch sử gọi là Đàng Ngoài-Đàng Trong. Với chủ trương nhất quán “*Nam tiến, Bắc cự*”, các chúa Nguyễn đã khiến cho họ Trịnh phải lấy sông Gianh phân chia biên giới, đồng thời lãnh thổ Đàng Trong được mở rộng vào vùng đất phương Nam.

So với Đàng Ngoài, tình hình chính trị xã hội tại Đàng Trong tương đối ổn định hơn. Ở vùng đất mới này, với chính sách khoan dung của Chúa Nguyễn nên xã hội không có sự phân tầng rõ rệt như của họ Trịnh. Khôn khéo trong chính trị đã đưa lại một kết quả khả quan là lãnh thổ vẫn mở rộng vào miền Nam nhưng không có một



cuộc xung đột nào đáng kể. Các cuộc nổi loạn của Nhân quân công Nguyễn Phước Anh vào năm 1635 hay của một người lái buôn tên Linh tại Quảng Ngãi năm 1695 v.v... cũng không có tác động đáng kể đối với đời sống xã hội.

Với chính sách mở rộng, thông thoáng trong ngoại giao, các chúa Nguyễn đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi để các thương gia nước ngoài vào Đàng Trong buôn bán. Thương cảng Hội An là một trong những trung tâm kinh tế thương mại phồn thịnh thời bấy giờ. Nơi đây, có thể được coi là con đường tơ lụa trên biển nối liền Đại Việt với các nước trong khu vực cũng như các nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha v.v... ở Châu Âu. Sự phồn thịnh của thương cảng Hội An được ghi nhận như sau: *“Nhân dân đông đúc, cá tôm rau quả tập hợp mua bán suốt ngày. Thuốc Bắc hay các món hàng khác, tìm mua ở Thuận Hóa không có thì người mua vào mua ở đây”*<sup>(2)</sup>

Về nông nghiệp, các chúa Nguyễn cho quan lại đứng ra chiêu mộ dân đi khai khẩn cũng như dùng quân đội đồn trú để khai hoang. Điều này đã được đánh giá như sau: *“Chỉ trong vòng một thời gian ngắn, các chúa Nguyễn đã biến nhiều vùng đất hoang thành ruộng đồng tươi tốt, thành xóm làng trù mật và từng bước nâng cao mức sống của nhân dân”*<sup>(3)</sup>.

Lúc bấy giờ tại Trung Quốc, bộ tộc Mãn Châu từ phương Bắc tràn xuống đánh chiếm Trung Nguyên, lật đổ nhà Minh lập ra vương triều Mãn Thanh. Các cựu thần nhà Minh không chịu thần phục nhà Thanh nên đã bỏ nước ra đi. Mảnh đất Đại Việt trở thành điểm đến của những người Trung Hoa vong quốc. Tại Đàng Ngoài, các chúa Trịnh đề đặt trong vấn đề cho người Hoa cư ngụ. Trái lại, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong lại ưu đãi để người Hoa định cư và cho họ thành lập từng làng sống theo cộng đồng. Vì thế, các làng Minh Hương được thành lập nhiều nơi như ở Huế, Hội An, Gia Định v.v... và những người Hoa đã góp phần không nhỏ trong việc phát triển kinh tế cũng như mở mang bờ cõi. Cụ thể như các tướng nhà

Minh là Trần Thượng Xuyên, Trần An Bình lập ra Cù Lao Phố , Dương Ngạn Địch, Hoàng Tiến lập ra Mỹ Tho Đại Phố , Mạc Cửu cũng đã đem đất Hà Tiên sáp nhập vô lãnh thổ Đại Việt dưới sự cai trị của chúa Nguyễn.

Tóm lại, trong giai đoạn từ khi mới thành lập cho đến những năm cuối thế kỷ 17, tình hình chính trị Đàng Trong tương đối ổn định. Lãnh thổ mở rộng về phương Nam, kinh tế phát triển, đời sống người dân được cải thiện. Sự ổn định đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tôn giáo phát triển, trong đó Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong đời sống tư tưởng của người dân ở Đàng Trong.

## **2.2 Thái độ của các Chúa Nguyễn đối với Phật giáo.**

Kể từ khi vào trấn nhậm hai xứ Thuận-Quảng, chúa Tiên - Nguyễn Hoàng cũng như các Chúa về sau đều là những người sùng mộ Phật pháp. Dưới sự hộ trì của nhà Chúa, Phật giáo tại Đàng Trong phát triển rất mạnh. Tuy rằng các Chúa không lấy Phật giáo làm quốc giáo như thời Lý - Trần, nhưng lại lấy Phật giáo làm chỗ dựa cho chính sách an dân trị quốc. Vì sao các chúa Nguyễn lại đề tâm đến việc phát triển Phật giáo? Sau đây là hai nhận xét của các nhà nghiên cứu sử sẽ cho chúng ta thấy được phần nào của vấn đề: *“Quá trình tạo lập xứ Đàng Trong cũng là quá trình liên tục tổ chức khẩn hoang. Lực lượng khẩn hoang đông đảo nhất chính là những người nông dân nghèo khổ. Họ không có điều kiện để cho con em tới trường, và với số ít ỏi có điều kiện thì đạo thánh hiền mà Nho gia rất mực tôn kính, trong họ cũng đã dần dần bớt thiêng. Họ tìm đến những gì phù hợp hơn, thiết thực vô về và an ủi họ khi đối mặt với vùng đất mới bao la và dữ dội. Họ cần trước hết là những bài học về đức làm người, cụ thể, giản dị và sinh động chứ không phải là (bởi vì cũng khó có thể là) sự nghiên ngẫm thiên kinh vạn quyển với vô số những triết lý cao siêu. Và, Phật giáo với đội ngũ các nhà tu hành giàu nhiệt huyết nhập thế một cách tích cực đã mau chóng đáp ứng được điều này. Ở đâu có đất mới được mở ra là ở đó có*

*chùa mới dựng. Tiếng chuông chùa và tiếng tụng kinh chẳng khác gì lời ru êm ái đối với một xã hội lầm lũi”<sup>(4)</sup>. Nhà Việt Nam học Li Tana cũng đã nhận xét như sau: “Trong tình hình mới này, các nhà lãnh đạo họ Nguyễn cảm thấy cần phải đưa ra một cái gì đó khác với tín ngưỡng của người Chăm để củng cố các di dân người Việt về mặt tinh thần và tâm lý. Không thể sử dụng Khổng giáo vì những khẳng định cơ bản của Khổng giáo trực tiếp mâu thuẫn với vị trí của họ Nguyễn bị coi là một chế độ ly khai và nổi loạn đối với triều đình. Tuy nhiên, họ Nguyễn lại không dám đi quá xa và không dám tìm ra một giải pháp hoàn toàn khác biệt với truyền thống của người Việt ở phía bắc. Trong những hoàn cảnh đó, Phật giáo Đại Thừa đã cung cấp một giải pháp đáp ứng nhu cầu của họ Nguyễn. Phật giáo, một mặt đẩy mạnh bản sắc dân tộc của người Việt và mặt khác làm lắng đọng các mối lo âu của người di dân mà không đặt lại vấn đề về tính hợp pháp của những người cai trị”<sup>(5)</sup>.*

Trở lại bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, chúng ta thấy những điều mà các chúa Nguyễn làm là hoàn toàn phù hợp với tình hình chính trị thực tại. Trong giai đoạn đầu của cuộc Nam tiến, những người Việt di cư sống lẫn lộn với người Chăm. Lúc ấy, văn hóa của người Chăm vẫn còn nhiều và đôi lúc ảnh hưởng đến người Việt. Vì lẽ đó, người Việt phải tìm về với cội nguồn văn hóa của mình để an ủi trong những lúc xa xứ. Lúc này, nếu đem Nho gia ra áp dụng thì không phù hợp. Bởi lẽ, những người dân Việt đã chán ngán Nho gia với tư tưởng hủ lậu làm khổ đau họ bao đời. Vả lại Nho gia hoàn toàn xa lạ với văn hóa người Chăm nên dễ đưa đến sự xung đột tôn giáo, ảnh hưởng đến sự cai trị của nhà Chúa. Chỉ có Phật giáo Đại thừa mới thỏa mãn được nhu cầu của cả hai bên. Vì Phật giáo Đại Thừa với tư tưởng khoáng đạt không chấp nê sự chính thống hay phản nghịch của chúa Nguyễn. Các nhà sư Phật giáo với sự nhập thế tích cực đã đem lại niềm an ủi cho những người Việt di cư. Thêm vào đó, Phật giáo Đại Thừa có những sự tương đồng trong việc thờ

tự của người Chăm nên họ không cảm thấy ngỡ ngàng khi tiếp cận. Qua đây, ta thấy được các chúa Nguyễn dựa vào tinh thần của Phật giáo để trị nước là hoàn toàn phù hợp.

### **III. Phật Giáo Du Nhập Vào Hội An.**

#### **3.1. Khái quát tình hình Phật giáo tại Hội An.**

Cho đến nay, chúng ta hoàn toàn chưa có tư liệu chính xác về tình hình sinh hoạt của Phật giáo tại Hội An vào những ngày đầu du nhập. Vị thiền sư đầu tiên được lịch sử ghi lại có khoảng thời gian mười năm tu học và hành đạo tại Hội An giai đoạn này đó chính là ngài Minh Châu Hương Hải. Theo sử sách ghi lại, Thiền sư Minh Châu Hương Hải đã đến Hội An ra đảo Tiêm Bút La (tức Cù Lao Chàm) tu tập và hành đạo vào khoảng năm 1655 đến khoảng 1665, tổng cộng gần 10 năm. Sau đó, ông được chúa Hiền-Nguyễn Phúc Tần (1649-1687) mời ra trụ trì thiền viện Thiền Tịnh tại núi Quy Kinh và ông ra Đàng Ngoài hành đạo vào năm 1682.

*“Một thời gian sau ông đóng thuyền đến Cù Lao Chàm ở ngoài cửa biển Hội An, dựng ba gian am nhỏ để ở và tu trì. Thời gian thiền sư ở đảo này khoảng chục năm. Tiếng tăm tu thiền của ông được nhiều người biết đến. Trong số đó có Hoa Lễ Hầu là Tổng thái giám. Hoa Lễ Hầu tâu với Dũng Quốc Công Nguyễn Phúc Tần (1649-1687) về thiền sư và thiền sư được quốc công mời về trụ trì viện Thiền tịnh ở núi Qui Kinh. Mẹ của Nguyễn Phúc Tần và 3 con là Phúc Mỹ, Hiệp Đức và Phúc Tộ đều đến quy y cùng đông đảo quan lính”<sup>(6)</sup>*

Một sự kiện Phật giáo nổi bật trong giai đoạn này chính là việc Thiền sư Thạch Liêm Thích Đại Sán từ Quảng Đông Trung Hoa được chúa Nguyễn Phúc Chu mời sang Đàng Trong hoằng pháp.

Ngày 28 tháng Giêng năm Ất Hợi (1695), Tăng đoàn của Hòa thượng Thạch Liêm đã đến Hội An. Sau đó, đoàn tiếp tục ra Thuận Hóa, mãi đến ngày 28 tháng 6 mới trở lại Hội An để lên thuyền về

nước. Tuy nhiên, do thời tiết bất lợi nên đoàn ngụ lại tại chùa Di Đà, Hội An. Vào ngày mồng 7 tháng 7, ngài Thạch Liêm đã tổ chức một giới đàn để truyền trao giới pháp cho Tăng nhân và Phật tử tại đây. “*Tăng tục luôn luôn đến xin truyền giới, hơn nghìn còn mười ngày nữa mới khai thuyền, bọn chúng đã thành tâm khẩn cầu, tiếc chi khó nhọc hai ba ngày, không thành tựu cho vẹn toàn công đức; bèn truyền rao xa gần, hẹn đến ngày mồng 7 truyền giới.*”

*Đến ngày kỳ hẹn, tứ chúng giới tử hơn 300 người, đến thụ giới hoàn tất. Khiến quốc sư và Hậu đường cấp phát điệp-văn cho họ, mặc khác tư giấy trình Quốc vương xin dùng ấn để đóng kiểm điệp văn.”<sup>(7)</sup>*

Đây là một sự kiện Phật giáo quan trọng diễn ra trong giai đoạn này. Bởi lẽ, theo quan điểm Phật giáo, việc kiến lập giới đàn truyền trao giới pháp là việc tối trọng đại. Bởi lẽ giới đàn là nơi tuyển chọn những vị Tăng ưu tú để kế thừa sự phát triển của Phật giáo về sau. Hiện nay, chúng ta không có con số thống kê số lượng dân chúng và Tăng sĩ tại Hội An thời đó nhưng với số lượng Tăng tục hơn 300 vị xin được thọ giới thì không phải là ít.

Diễn qua một vài dữ kiện trên, ta thấy Phật giáo tại Hội An lúc đó thật hưng thịnh. Tuy rằng các thiền sư Minh Châu, Thạch Liêm giáo hóa nơi đây không lâu nhưng tầm ảnh hưởng của các Ngài rất lớn trong đời sống tinh thần của tín đồ Phật giáo nơi đây. Các Ngài đã xây dựng một nền móng vững chắc để Phật giáo phát triển về sau.

### **3.2. Việc kiến tạo tự viện tại Hội An.**

Trên bước đường hành đạo, việc xây dựng tự viện để có nơi cư trú và hành đạo là một vấn đề thiết yếu của chư vị Tổ sư. Ngay trong những ngày đầu du nhập, các vị Thiền sư đã dựng am tranh tu hành và dần dần biến thành những ngôi phạm vũ trang nghiêm thanh tịnh. Trong giai đoạn cuối thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18 nhiều ngôi chùa đã được xây dựng cụ thể như sau:

- Chùa Di Đà có từ lâu đời, không rõ niên đại và người khai sơn. *(nay đã không còn nhưng địa điểm thuộc khu vực chùa Ông trở xuống)*

- Chùa Chúc Thánh: Do thiền sư Minh Hải Pháp Bảo khai sơn. *(nay tọa lạc tại phường Tân An)*

- Chùa Vạn Đức do thiền sư Minh Lượng Thành Đăng khai sơn *(nay tọa lạc tại thôn Bến Trễ, xã Cẩm Hà)*



**Tổ đình Vạn Đức, TP.Hội An do thiền sư Minh Lượng Thành Đăng khai sơn**

*Ảnh Như Tịnh*

- Chùa Phước Lâm do thiền sư Thiệt Dinh Ân Triêm khai sơn *(nay tọa lạc tại thôn Cửa Suối, xã Cẩm Hà).*

- Chùa Hội Nguyên do thiền sư Thiệt Uyên Chí Bảo khai sơn *(Vừa mới được tái thiết vào năm 2014 tại xã Cẩm Kim)*

- Chùa Kim Liên do đệ tử thiền sư Minh Lượng<sup>(8)</sup> khai sơn. *(nguyên tháp mộ tổ khai sơn chùa này nằm gần miếu Ông Cọp, sau dời về chùa Chúc Thánh. Như vậy chùa nằm ở khu vực gần miếu Ông Cọp, phường Sơn Phong)*



- Chùa Kim Sa do thiền sư Phật Thiền Hoa Nghiêm khai sơn.  
(Mộ tháp ngài còn nằm ở ấp Trảng Sỏi, phường Thanh Hà. Có thể  
chùa được tạo dựng tại nơi đây.)



**Bảo tháp thiền sư Phật Thiền Hoa Nghiêm, đời 35 tông Lâm Tế,  
thế hệ thứ 5 thiền phái Thiên Đồng nằm trên phế tích chùa Kim Sa,  
xứ Trảng Sỏi, khối Thanh Chiếm, phường Thanh Hà, TP. Hội An**

*Ảnh Như Tịnh*

- Chùa Bửu Kim (nay là Kim Bửu) do dân làng Cẩm Kim tạo  
dựng. (Nay thuộc xã Cẩm Kim)



**Chùa Kim Bửu do dân làng Cẩm Kim tạo dựng vào thế kỷ 17**

*Ảnh Như Tịnh*

- Chùa Hải Tạng được dân làng Tân Hiệp lập năm Cảnh Hưng thứ 19, 1758. *(Nay thuộc xã Tân Hiệp, Cù Lao Chàm)*



**Chùa Hải Tạng được dân làng Tân Hiệp lập năm Cảnh Hưng thứ 19, 1758**

*Ảnh Như Tịnh*

- Chùa Sắc tứ Cẩm An do thiền sư Đại Quảng Trí Quang khai sơn. *(Chùa đã bị mất tích, theo văn bản thì chùa nằm trong địa phận xã Cẩm Phô thời ấy, nay là phường Cẩm Phô)*

- Chùa Bảo (Bửu) Long do thiền sư Đại Trí khai sơn. *(Chùa đã bị mất tích, theo văn bản thì chùa nằm trong địa phận xã Cẩm Phô thời ấy, nay là phường Cẩm Phô)*

- Chùa Vĩnh Long do thiền sư Trường Viễn khai sơn. *(không rõ chùa nằm ở khu vực nào. Tuy nhiên, bảo tháp của ngài Trường Viễn được lập bên cạnh tháp ngài Phật Thiền Hoa Nghiêm tại ấp Trảng Sỏi, phường Thanh Hà. Vì ngài Trường Viễn và Phật Thiền là hai anh em ruột.)*

- Chùa Thiên Đức tức Phở Tuyên am do thiền sư Thiệt Lương khai sơn vào năm 1734. *(Chùa hiện tại nằm tại phường Tân An nhưng giờ chỉ mang tính cách chùa của gia tộc họ Đinh, tên dân gian gọi là chùa Lư)*



- Chùa Chiên Đàn ( tức Quan Âm Đường) do cộng đồng người Hoa xây dựng vào năm 1653. *(năm trong khu vực phường Minh An, có thể là tiền thân của Minh Hương Phật tự ngày nay)*

Trên đây tổng cộng 13 tự viện được xây dựng tại Hội An trong thời các chúa Nguyễn trị vì Đàng Trong mà hiện nay chúng ta biết được. Trong đó 10 ngôi chùa do Chư Tăng khai sơn kiến tạo, hai ngôi chùa do dân làng lập nên và một ngôi chùa do cộng đồng người Hoa xây dựng. Với một địa bàn nhỏ như vậy nhưng mật độ chùa tương đối nhiều đủ thấy rằng Phật giáo tại Hội An thời bấy giờ rất hưng thịnh.

Trải qua bao cuộc binh hỏa chiến chinh, một số chùa ngày nay đã bị phá hủy hoàn toàn không còn dấu tích như: Chùa Kim Liên, chùa Kim Sa, chùa Thanh Long, chùa Vĩnh Long, chùa Cẩm An.

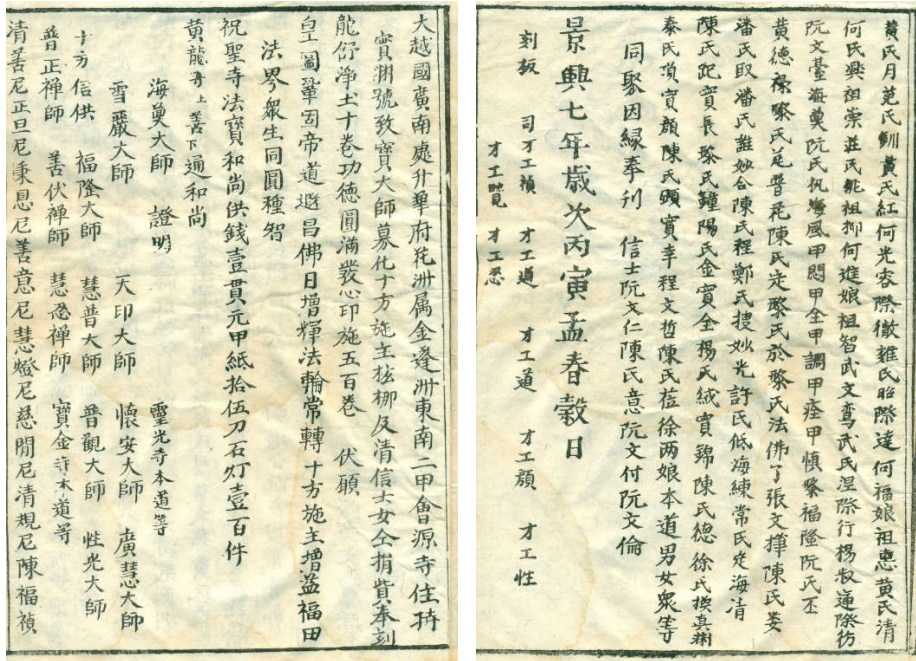
### **3.3. Tình hình in ấn kinh sách tại Hội An.**

Trong vấn đề truyền bá Phật giáo, việc in ấn kinh sách không thể thiếu được. Đây là phương tiện để các Thiền sư dạy dỗ học trò mình ngõ hầu mở mang trí tuệ trên con đường tu tập.

Thời bấy giờ, Hội An là một thương cảng trù phú, kinh tế phát triển nên hội đủ điều kiện để các Thiền sư vận động tín đồ ấn tống kinh sách. Việc in ấn một bộ kinh rất công phu và tốn kém từ khâu viết chữ, khắc mộc bản, in thành văn bản rồi mới đóng tập cất xén. Theo như những tư liệu chúng tôi có được, giai đoạn này các vị Thiền sư đã in một số bộ kinh như sau:

- **Sa Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú** (1 quyển), do Thiền sư Minh Hải Đắc Trí khắc in tại chùa Chúc Thánh, xã Thuận An, huyện Tân Phước, phủ Điện Bàn, xứ Quảng Nam<sup>(9)</sup> vào năm Vĩnh Khánh thứ 4, Nhâm Tý (1732)

- **Long Thơ Tịnh Độ** (bộ 2 quyển) do Thiền sư Thiệt Uyên Chí Bảo khắc in tại chùa Hội Nguyên, thuộc Đông Nam nhị Giáp, châu Kim Bồng, thuộc Hoa Châu, phủ Thăng Hoa, xứ Quảng Nam<sup>(10)</sup> vào năm Cảnh Hưng thứ 7, Bính Dần (1746).



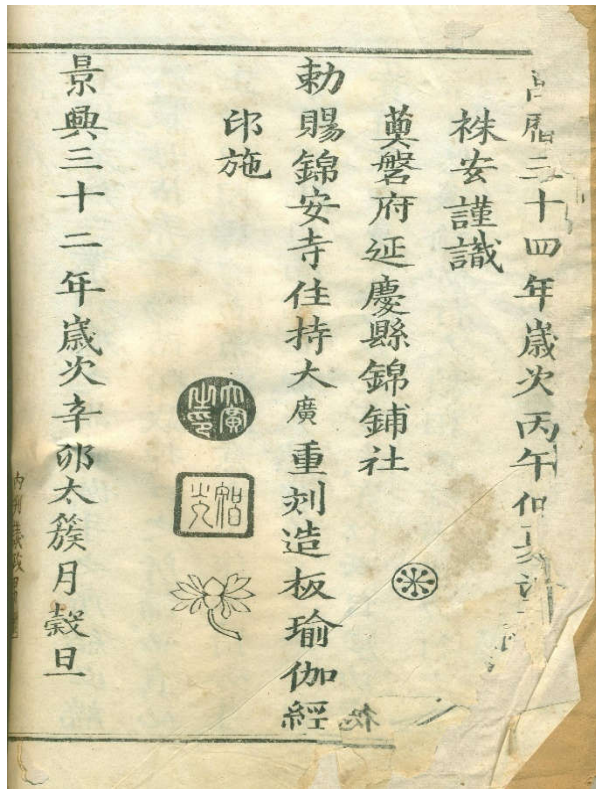
**Nội dung lạc khoản của cuốn Long Thơ Tịnh Độ**  
do thiền sư Thiệt Uyên Chí Bảo khắc in tại chùa Hội Nguyên  
năm Bính Dần (1746), Cảnh Hưng thứ 7

*Ảnh Như Tịnh*

- **Đại Bi Xuất Tượng Đà La Ni Kinh**<sup>(11)</sup> do Thiền sư Đại Hưng Trường Long khắc in tại chùa Vạn Đức, xã Thanh Hà, Nội phủ, huyện Hà Đông, phủ Thăng Hoa<sup>(12)</sup>, xứ Quảng Nam vào năm Cảnh Hưng thứ 25, Giáp Thân (1764) dưới sự chứng minh của Hòa thượng Phổ Triêm.

- **Không Môn Nhật Dụng Tổng Tập Yếu** (2 quyển) do Thiền sư Đại Tri khắc in tại chùa Bảo (Bửu) Long, xã Cẩm Phô, huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn<sup>(13)</sup>, xứ Quảng Nam vào năm Cảnh Hưng thứ 30, Kỷ Sửu (1769).

- **Đại Khoa Du Già** (1 quyển) do Thiền sư Đại Quảng Trí Quang khắc in tại chùa Sắc tứ Cẩm An, xã Cẩm Phô, huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn<sup>(14)</sup> vào năm Cảnh Hưng thứ 32, Tân Mão 1771.



**Bản Đại Khoa Du Già do thiền sư Đại Quảng trụ trì chùa Sắc tứ Cẩm An, xã Cẩm Phô khắc in vào năm Cảnh Hưng 32, Tân Mão (1771)**

*Ảnh Như Tịnh*

Ngoài ra, trong giai đoạn này các vị Thiền sư tại Quảng Nam in ấn kinh sách rất nhiều. Nhưng vì giới hạn của đề tài nên chúng tôi không ghi vào đây. Theo sự thống kê của chúng tôi thì số lượng kinh sách in ấn tại Hội An chiếm tỷ lệ 70% so với tổng số kinh sách in tại Quảng Nam<sup>(15)</sup> dưới thời các chúa Nguyễn.

Trong năm tiêu đề kinh in tại Hội An, hiện tại chỉ còn 4 bộ được in thành bản kinh nhưng ván khắc không còn. Chỉ duy nhất bộ Đại Bi Xuất Tượng Đà La Ni Kinh còn ván khắc nhưng không đủ số cũng như bản in cũng không còn.

Qua 5 tác phẩm này, chúng ta có thể phân ra làm 4 loại như sau:

- Về luật học: Có bộ Sa Di Luật Nghi Yếu Lược và bộ Không Môn Nhật Dụng Tổng Tập Yếu.

- Về Mật tông: Có bộ Đại Bi Xuất Tượng Đà La Ni Kinh

- Về Tịnh Độ tông: Có bộ Long Thơ Tịnh Độ

- Về Nghi lễ: Có bộ Đại Khoa Du Già.

Có thể nói rằng, trong giai đoạn các chúa Nguyễn trị vì, nên kinh tế Đàng Trong mà tiêu biểu là thương cảng Hội An phát triển vô cùng rực rỡ. Sự phát triển kinh tế sẽ đưa đến sự phát triển các giai tầng trong xã hội. Đây là một nhân tố quan trọng để các vị Thiền sư có thể khắc ván in kinh thực hiện sứ mệnh hoằng bá Phật pháp của mình.

### **3.4. Các dòng thiền tiêu biểu có mặt tại Hội An.**

Sau thời Lục Tổ Huệ Năng, tại Trung Hoa thiền tông chia ra làm năm tông phái. Đó là: Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Quy Ngưỡng và Pháp Nhãn. Năm tông phái này phát triển làm cho Thiền tông Trung Hoa đạt đến đỉnh cao mà thiền sư thường gọi là “*Nhất chi sanh ngũ diệp*” (một cành sanh ra năm lá). Tuy nhiên, khi truyền vào Hội An thì chỉ có tông Tào Động và tông Lâm Tế.

#### **3.4.1. Tông Tào Động:**

Như phần trên đã trình bày, Thiền sư Thạch Liêm Thích Đại Sán đến Hội An vào ngày 28 tháng Giêng năm Ất Hợi (1695), sau đó tiếp tục ra Thuận Hóa để mở giới đàn tại chùa Thiền Lâm. Đến ngày 28 tháng 6 mới trở lại Hội An để lên thuyền về nước. Tuy nhiên, do thời tiết bất lợi nên đoàn ngụ lại tại chùa Di Đà, Hội An. Vào ngày mùng 7 tháng 7, ngài Thạch Liêm đã tổ chức một giới đàn để truyền trao giới pháp cho Tăng tục nơi đây. Thiền sư Thạch Liêm thuộc đời thứ 29 tông Tào Động truyền theo bài kệ như sau:

Huệ Nguyên Đạo Đại Hưng

Pháp Giới Nhất Đỉnh Tân

Thông Thiên Tịnh Triệt Địa

Diệu Cổ Phục Đăng Kim<sup>(16)</sup>

Tại Hội An chúng ta chỉ thấy hoạt động của Ngài là mở giới đàn tại chùa Di Đà. Còn phần truyền thừa đệ tử tại nơi đây chưa thấy có sử liệu nào nhắc đến. Hiện tại chỉ biết đệ tử của Ngài là Thiền sư Hưng Liên Quả Hoằng hành đạo tại chùa Tam Thai, Ngũ Hành Sơn. Còn các vị đồ tôn khác thì hành đạo tại Thừa Thiên Huế.

Tuy nhiên, tầm ảnh hưởng của chuyên hoằng pháp của ngài Thạch Liêm vào năm 1695 rất lớn. Đây là một bước ngoặt lớn để Phật giáo Đàng Trong nói chung và Phật giáo Hội An nói riêng phát triển sau này.

### **3.4.2. Tông Lâm Tế:**

Bên cạnh tông Tào Động, tông Lâm Tế truyền vào Hội An và phát triển rất mạnh. Do đặc tính truyền thừa theo từng bài pháp kệ mà chúng ta phân ra như sau: Dòng Lâm Tế Trí Bản Đột Không; Dòng Lâm Tế Thiên Đồng; Dòng Lâm Tế Liễu Quán và dòng Lâm Tế Chúc Thánh.

#### **a. Dòng thiền Lâm Tế Trí Bản Đột Không:**

Dòng thiền này do Thiền sư Trí Bản Đột Không đời thứ 25 tông Lâm Tế, xuất kệ truyền pháp như sau:

Trí Tuệ Thanh Tịnh

Đạo Đức Viên Minh

Chân Như Tánh Hải

Tịch Chiếu Phổ Thông<sup>(17)</sup>

Tâm Nguyên Quảng Tục

Bổn Giác Xương Long

Năng Nhân Thánh Quả

Thường Diển Khoan Hoằng

Duy Truyền Pháp Ấn

Chánh Ngộ Hội Dung

Kiên Trì Giới Định

Vĩnh Kế Tổ Tông

Người đầu tiên đem dòng thiền này đến Hội An là Thiền sư Minh Châu Hương Hải. Sau khi thọ giáo với Thiền sư Viên Cảnh Lục Hồ, Viên Khoan Đại Thâm tại Quảng Trị, Thiền sư Hương Hải đã đến đảo Tiêm Bút La (Tức Cù Lao Chàm) vào khoảng năm 1655 dựng thảo am tu hành. Ngài hành đạo tại đây được mười năm, đến năm 1665 ra Thuận Hóa nhận trụ trì viện Thiền Tịnh tại núi Quy Kinh. Tuy nhiên, các thế hệ kế tiếp của Thiền sư Minh Châu Hương Hải vẫn kế thừa cùng với dân làng lập chùa Hải Tạng. Ngày nay, tại chùa Hải Tạng còn có thờ hai vị Thiền sư thuộc dòng thiền này. Đó là thiền sư Như Chiêu Vĩnh Hưng và Hải Lượng Tế Quảng.

#### **b. Dòng Thiền Lâm Tế Thiền Đồng:**

Dòng thiền này do thiền sư Đạo Mân Mộc Trần (1596-1674) đời 31 tông Lâm Tế trụ trì chùa Thiền Đồng ở Quảng Châu sáng lập. Pháp kệ của dòng phái này như sau:

Đạo Bồn Nguyên Thành Phật Tổ Tiên

Minh Như Hồng Nhật Lệ Trung Thiên

Linh Nguyên Quảng Nhuận Từ Phong Phổ

Chiếu Thế Chơn Đăng Vạn Cổ Truyền.

Thiền sư Nguyên Thiều Siêu Bạch là đệ tử đời thứ 3 của dòng kệ này đã đến Đàng Trong hoằng hóa. Trong các đệ tử của Thiền sư Nguyên Thiều có thiền sư Minh Lượng Thành Đăng (1686-1769) khai sơn chùa Vạn Đức tại Hội An. Từ đây, các đệ tử của ngài như Phật Thiền Hoa Nghiêm ra khai sơn chùa Kim Sa; Phật Tuyết Tường Quang về sau y chỉ Thiền sư Thiệt Dinh Ân Triêm nên còn có pháp danh Pháp Ấn Quảng Độ và kế thừa trụ trì chùa Phước Lâm.

Tuy nhiên sự truyền thừa của kệ phái này đến khoảng đầu thời Gia Long đã không còn tại Hội An.

### **c. Dòng Thiền Lâm Tế Liễu Quán:**

Thiền sư Thiệt Diệu Liễu Quán (1667 – 1742) sau khi đắc pháp với Tổ Minh Hoàng Tử Dung tại chùa Ấn Tông (tức Từ Đàm ngày nay), Ngài ra khai sơn chùa Thiền Tôn và biệt xuất một bài kệ như sau:

Thiệt Tế Đại Đạo,  
Tánh Hải Thanh Trùng,  
Tâm Nguyên Quảng Nhuận,  
Đức Bồn Từ Phong,  
Giới Định Phước Huệ,  
Thể Dụng Viên Thông,  
Vĩnh Siêu Trí Quả,  
Mật Khế Thành Công,  
Truyền Trì Diệu Lý,  
Diễn Xướng Chánh Tông,  
Hành Giải Tương Ứng,  
Đạt Ngộ Chơn Không.

Theo như những sử liệu mà chúng tôi thu thập thì trong thời vua Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng (1740 đến 1786) thì có đến 3 vị Thiền sư thuộc dòng Liễu Quán hoằng pháp tại Hội An. Đó là Thiền sư Đại Quảng Trí Quang: trụ trì chùa Sắc tứ Cẩm An; Thiền sư Đại Tri trụ trì chùa Bảo (Bửu) Long và thiền sư Đại Hưng Trường Long hành đạo tại chùa Vạn Đức. Cả ba vị này đều có pháp hỷ chữ Đại tức thuộc đời 37 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 theo pháp kệ tổ sư Liễu Quán “Thiệt Tế Đại Đạo...”. Cả ba vị không rõ là đệ tử của vị Thiền sư nào có chữ Tế đứng đầu. Riêng trường hợp thiền sư Đại Hưng Trường Long tại chùa Vạn Đức có khả năng là đệ tử của Tổ Phổ Triêm. Bởi lẽ từ trước đến nay, chúng ta chỉ biết Tổ Phổ Triêm thuộc đời 36 tông Lâm Tế nhưng không biết pháp danh Ngài chữ

gì? Truyền theo pháp kệ của Tổ nào? Qua niên đại in cuốn Đại Bi Xuất Tượng Đà La Ni Kinh vào năm Cảnh Hưng 25, Giáp Thân (1764) do Thiền sư Đại Hưng Trường Long chủ trương khắc in tại chùa Vạn Đức và đã thỉnh Hòa thượng Phổ Triêm chứng minh. Như vậy, có thể lúc đó thiền sư Phổ Triêm đã cao niên nên giao chùa Vạn Đức cho đệ tử Đại Hưng Trường Long tiếp tục trụ trì. Nếu như vậy thì Thiền sư Phổ Triêm có khả năng là đệ tử tổ Liễu Quán và có pháp danh chữ Tể đứng đầu?

Cho đến thời Tây Sơn khởi nghĩa, đa phần các tự viện tại Hội An đều bị san bằng trong những cuộc chiến khốc liệt. Cũng từ đó, dòng thiền Lâm Tế Liễu Quán không còn phát triển tại nơi đây.

#### **d. Dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh:**

Dòng thiền này do Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo đời thứ 34 tông Lâm Tế khai sơn chùa Chúc Thánh sáng lập. Dòng Chúc Thánh có bài kệ truyền pháp như sau:

Minh Thiệt Pháp Toàn Chương

Ấn Chơn Như Thị Đồng

Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu

Kỳ Quốc Tộ Địa Trường

Đắc Chánh Luật Vi Tông

Tổ Đạo Giải Hạnh Thông

Giác Hoa Bồ Đề Thọ

Sung Mãn Nhon Thiên Trung

Trong 8 câu kệ này, 4 câu đầu dùng để đặt Pháp danh và 4 câu sau dùng để đặt Pháp tự. Đây là điểm đặc biệt của dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh.

Dòng thiền này phát triển rất mạnh vào đời nhà Nguyễn, gần như cả tỉnh Quảng Nam nói chung và Hội An nói riêng mọi sinh hoạt tu tập và tín ngưỡng đều do các vị Thiền sư dòng Chúc Thánh



đảm nhiệm. Không những thế, dòng Thiền này còn phát triển mạnh vào các tỉnh miền Nam như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Gia Định v.v...

### **3.5. Các vị Thiền sư tiêu biểu.**

#### **a. Thiền sư Minh Châu Hương Hải (1628-1715):**

Thiền sư Minh Châu Hương Hải (1628-1715) tổ tiên vốn người Áng Độ, Nghi Lộc, Nghệ An theo phò chúa Nguyễn Hoàng vào sinh sống tại Quảng Nam. Ngài sinh vào năm Mậu Thìn (1628), niên hiệu Vĩnh Tộ năm thứ 10 đời vua Thần Tông nhà Lê tại làng Bình An thượng, phủ Thăng Hoa, tỉnh Quảng Nam.

Năm vừa tròn 18 tuổi thì Ngài thi đỗ Hương cống và được bổ làm tri phủ Triệu Phong dưới thời chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) ở Đàng Trong.

Năm Nhâm Thìn (1652), Ngài đến học Phật với thiền sư Viên Cảnh Lục Hồ, được ban pháp danh là Minh Châu Hương Hải, hiệu là Huyền Cơ Thiện Giác, tiếp đến lại tới học đạo với thiền sư Viên Khoan Đại Thâm, năm này Ngài vừa tròn 25 tuổi. Ba năm sau, Ngài chính thức từ quan đi xuất gia.

Sau một thời gian tu học, Ngài đóng thuyền đến đảo Cù Lao Chàm ở ngoài cửa biển Hội An, dựng ba gian am nhỏ để ở và tu trì. Thời gian Ngài ở đây khoảng được 10 năm.

Sự tu hành thiền định của Ngài đã dần dần được mọi giới ở Đàng Trong biết đến, trong đó có Hoa Lễ Hầu là Tổng thái giám. Hoa Lễ Hầu tâu với Dũng Quốc Công Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) về sự tu hành của Hòa thượng và Ngài được quốc công mời về trụ trì viện Thiền Tịnh ở núi Quy Kinh. Mẹ của Nguyễn Phúc Tần và 3 con là Phúc Mỹ, Hiệp Đức, Phúc Tộ đều đến quy y cùng với đông đảo quan lại, binh dân.

Tháng 3 năm Nhâm Tuất (1682), Ngài cùng với 50 đồ đệ vượt biển từ Quảng Nam ra Đàng Ngoài, năm ấy Ngài vừa tròn 55 tuổi..

Tại Đàng Ngoài Ngài được chúa Trịnh mời làm trụ trì chùa Nguyệt Đường tại Phố Hiến (nay là Hải Dương). Từ đó, Ngài hành đạo tại Đàng Ngoài và viên tịch vào ngày 12 tháng 5 năm Ất Mùi (1715), hưởng thọ 88 tuổi.

Sinh thời, Ngài trước tác rất nhiều kinh sách bằng chữ Nôm, góp phần làm giàu cho nền văn học chữ Nôm nước nhà. Đề từ của Ngài có trên cả 100 vị. Trong đó, xuất chúng là các vị Chân Nguyên Tuệ Đăng, Chân An Tuệ Tĩnh, Chân Lý Hiển Mật v.v..đều là những bậc danh nhân của Phật giáo nói riêng và Dân Tộc nói chung.

Tuy rằng, Thiền sư Minh Châu Hương Hải tu tập và hành đạo tại Hội An chỉ trong khoảng thời gian 10 năm. Với ngần ấy thời gian, nhưng đạo hạnh và kiến thức của Ngài đã nhiếp phục quần chúng quay về con đường tu tập, đặt nền tảng cho sự phát triển của Phật giáo về sau.

### **b. Thiền sư Thạch Liêm Thích Đại Sán (1633-1704)**

Thiền sư sinh năm Quý Dậu (1633) tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Thiếu thời xuất gia với Thiền sư Đạo Thịnh Giác Lăng thuộc đời 28 tông Tào Động tại chùa Thượng Lam nên có Pháp danh Đại Sán, hiệu Thạch Liêm, cũng còn tên gọi khác là Thạch Đầu Đà. Sau Sư đến trụ trì chùa Trường Thọ tỉnh Quảng Đông. Thiền sư là người đa văn quảng bác, thông thạo Cầm, Kỳ, Thi, Họa, Độn giáp tướng số v.v... Với một sở học như vậy, Ngài đã kiến tạo chùa Trường Thọ thành một danh lam nổi tiếng tại Quảng Đông.

Ngài đến Đàng Trong vào tháng Giêng năm Ất Hợi (1695) theo lời thỉnh cầu của Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu. Sau giới đàn ở chùa Thiền Lâm, Thuận Hóa Ngài vào Hội An để lên thuyền về nước. Tuy nhiên thời tiết không thuận lợi nên Ngài ngụ lại thời gian khoảng một tháng và đã mở giới đàn tại chùa Di Đà, Hội An vào ngày mùng 7 tháng 7 năm 1695, có khoảng 300 giới tử Tăng tục theo Ngài lãnh thọ giới pháp.

Tháng 7 năm 1696, Ngài về lại Trung Quốc và qua đời vào năm Giáp Thân (1704), hưởng thọ 71 tuổi.

Ngài đã để lại tác phẩm Hải Ngoại Ký Sự rất có giá trị về sử liệu Đảng Trong dưới thời Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu trị vì.

Tuy rằng Thiền sư Thạch Liêm ở Hội An không lâu nhưng sự kiện Ngài mở giới đàn truyền trao giới pháp đã đặt nền tảng căn bản cho Phật giáo Hội An phát triển về sau.

### **c. Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo (1670-1746)**

Thiền sư Minh Hải (1670 - 1746) thế danh Lương Thế Ân, sinh vào giờ Tuất, ngày 28 tháng 6 năm Canh Tuất (1670) nhằm vào năm Khang Hy thứ 8 triều nhà Thanh tại làng Thiệu An, huyện Đồng An, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến, Trung Quốc. Thân phụ là Lương Đôn Hậu, thân mẫu là Trần Thục Thận, anh trai là Lương Thế Bảo, em trai là Lương Thế Định, Ngài là người con thứ hai trong gia đình.

Thuở thiếu thời, Ngài đã tỏ ra thông minh khác người và có tâm hướng về đạo Phật. Năm Mậu Ngọ (1678), Ngài được song thân đưa đến xuất gia tại chùa Báo Tư thuộc tỉnh Phước Kiến, lúc bấy giờ Ngài vừa tròn 9 tuổi. Sau một thời gian dài tu học, khi tuổi vừa tròn 20 thì Ngài được đăng đàn thọ cụ túc giới với pháp danh Minh Hải, tự Đắc Trí. Như vậy, Ngài nối pháp đời 34 dòng Lâm Tế truyền theo bài kệ của ngài Vạn Phong - Thời Uy. Về sau, Ngài cầu pháp với tổ Nguyên Thiều Siêu Bạch tại chùa Quốc Ân nên có pháp hiệu Pháp Bảo.

Tương truyền rằng Ngài sang An Nam trong phái đoàn của Thiền sư Thạch Liêm vào năm Ất Hợi (1695). Sau khi Phật sự ở Thuận Hóa xong, Ngài vào lập chùa Chúc Thánh tại xã Thuận An, huyện Tân Phước, phủ Điện Bàn (nay là phường Tân An, thành phố Hội An). Tại đây Ngài biệt kệ truyền pháp lập nên dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh. Đệ tử của Ngài khá đông nhưng tiêu biểu nhất là ngài Thiệt Dinh Ân Triêm và Thiệt Uyên Chí Bảo.

Suốt cuộc đời hành đạo, Ngài chú trọng đến giới luật và đứng ra in bộ Sa Di Luật Nghi Chú Lược vào năm 1732. Cũng như Ngài hỗ trợ cho đệ tử Thiệt Đàm Chánh Luân chùa Long Bàn ở xã Ba La, huyện Chương Nghĩa, phủ Quảng Ngãi khắc in bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh vào năm Vĩnh Khánh thứ tư, Nhâm Tý (1732); Chứng minh cho đệ tử Thiệt Uyên Chí Bảo khắc in bộ Long Thơ Tịnh Độ vào năm 1746.

Sau gần 50 năm trác tích hoằng hóa, đến ngày mồng 7 tháng 11 năm Bính Dần (1746), Ngài viên tịch, hưởng thọ 77 tuổi, tháp lập trong khuôn viên chùa Chúc Thánh, Hội An.

#### **d. Thiền sư Phổ Triêm (1675-1772)**

Thiền sư thế danh Lê Công Mạo, sinh năm Ất Mão (1675), tổ tiên gốc người huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào định cư tại Quảng Nam vào thời Thịnh Đức (1653-1658) và là tiền hiền của làng Sơn Phô. Tương truyền Ngài từng ra làm quan trước khi xuất gia. Cho đến nay ta chỉ biết Ngài có pháp hiệu Phổ Triêm, đời 36 tông Lâm Tế chứ chưa biết rõ pháp danh Ngài, thuộc pháp kệ phái nào cũng như bốn sư thế độ là ai?

Ngài là một trong những bậc danh Tăng tại Hội An lúc bấy giờ. Sau khi ngài Minh Hải Pháp Bảo mất thì ngài Phổ Triêm là bậc tôn túc lớn nhất nên đứng chứng minh việc in ấn các bộ kinh như: Chứng minh cho Thiền sư Thiệt Uyên Chí Bảo chùa Bảo Lâm xã Lạc Cầu<sup>(18)</sup>, huyện Diên Khánh, Thăng Hoa Điện Bàn nhị phủ in bộ Di Đà Sớ Sao (4 quyển) vào năm Cảnh Hưng thứ 27, Bính Tuất (1766) và bộ Quy Sơn Cảnh Sách Cú Thích Ký<sup>(19)</sup>, cũng như chứng minh cho Phật tử Lê Công Ngoạn, pháp danh Tế Chơn tự Bát Nhã, hội chủ chùa Hội Phước tại châu Đại Phước An, châu Lỗ Hương Tây, huyện Phú Châu, phủ Điện Bàn<sup>(20)</sup> khắc in bộ Pháp Giới An Lập Đồ vào tháng Giêng năm Cảnh Hưng thứ 31, Canh Dần (1770), trước khi Ngài viên tịch 1 năm.

Ngài là người có công trùng tu chùa Vạn Đức và đổi tên chùa từ Lang Thọ tự sang Vạn Đức tự. Thời Ngài trụ trì chùa Vạn Đức thật là hưng thịnh, điều này đã được sử triều Nguyễn ghi lại như sau: “*Chùa Trường Lệ ở huyện Diên Phước tục gọi là chùa Long Thụ (Cây cau), quy chế tráng lệ, tăng đồ rất đông*”<sup>(21)</sup>

Thiền sư viên tịch vào ngày 25 tháng Chạp năm Nhâm Thìn (1772), hưởng thọ 98 tuổi<sup>(22)</sup>. Trước lúc viên tịch, Ngài có phát nguyện sau khi trà tỳ sẽ để lại ngón tay cái để làm biểu chứng cho sự tu tập của mình. Y như nguyện ấy, sau khi hỏa thiêu, tất cả xương cốt đều thành tro, duy chỉ ngón tay cái vẫn còn. Môn đồ đem ngón tay cái vào phụng thờ tại tổ đường<sup>(23)</sup>

### **e. Thiền sư Thiệt Dinh Ân Triêm (1712-1796)**

Thiền sư thế danh Lê Hiền, sinh năm Bính Thìn (1712) tại xã Bến Đền, phủ Điện Bàn, dinh Quảng Nam. Nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Tương truyền rằng mẹ Ngài một đêm nằm mộng thấy con trâu chọc sừng chui vào bụng, bà bắt đầu thọ thai. Từ khi mang thai thì bà cảm thấy nhàm chán những thức ăn thịt cá, chỉ dùng toàn chay tịnh và sau đó sanh ra Ngài

Từ nhỏ, Ngài đã ăn chay và có chí tu hành nên khi lên 10 tuổi được cha mẹ cho làm đệ tử Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo tại chùa Chúc Thánh.

Đến năm 20 tuổi, Ngài được Tổ Minh Hải cho thọ giới Cụ túc được ban pháp danh Thiệt Dinh, Pháp tự Chánh Hiền, Pháp hiệu Ân Triêm. Như vậy, Ngài thuộc thế hệ 35 dòng Lâm Tế và là đời thứ 2 của thiền phái Chúc Thánh.

Vào năm 1736, Ngài vừa tròn 25 tuổi bèn xin phép tổ Minh Hải lập thảo am tại ấp Trảng Kèo, xã Thanh Hà, phủ Điện Bàn để nhập thất tu. Thảo am này được đặt tên Phước Lâm, về sau trở thành một trong những tổ đình chính của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh.

Năm Bính Dần (1746) vào ngày mồng 7 tháng 11, Tổ sư Minh Hải viên tịch. Trước lúc viên tịch, Tổ đã ân cần phó chúc, truyền trao y bát ấn chứng cho Sư làm tổ kế thừa đời thứ 2 dòng thiền Chúc Thánh. Không bao lâu, hương thơm giới hạnh của Sư lan khắp mười phương và đồ chúng theo về tu học ngày càng đông đảo và dần dần tịnh thất Phước Lâm trở thành một Tùng Lâm nguy nga tại Xứ Quảng.

Sau hơn 50 năm khai sáng và hành đạo tại Phước Lâm, Ngài thấy cơ duyên đến đây đã mãn nên tập hợp đồ chúng cũng như thân hào xã Bền đền và thân tộc đến rồi hỏi:

- *Sau khi tôi viên tịch, hài cốt của tôi giao cho ai?*

Đại diện thân hào xã Bền Đền thưa:

- *Ngài là người của bản xã, nhưng đã xuất gia theo đạo Phật, nay Ngài trở thành người của đạo thì nên giao linh cốt của Ngài cho môn đồ đệ tử là đúng.*

Đại diện tộc Lê cũng đồng nhất quan điểm như vậy.

Sau khi thu xếp mọi việc và ấn chứng cho đệ tử Pháp Ấn kế thế trụ trì chùa Phước Lâm và viên tịch vào ngày 24 tháng 4 năm Bính Thìn (1796) thọ 85 tuổi. Đồ chúng xây bảo tháp tại phía Tây Nam chùa Phước Lâm để phụng thờ linh cốt của Ngài.

Thiền sư Ân Triêm đã đào tạo được nhiều đệ tử ưu tú như: Pháp Ấn Tường Quang Quảng Độ, Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm, Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác. Chính từ những vị Thiền sư lỗi lạc này mà dòng thiền Chúc Thánh phát triển nhanh chóng và rực rỡ.

#### **4. Kết Luận:**

Giai đoạn Phật giáo du nhập vào Hội An dưới thời các chúa Nguyễn có thể nói là giai đoạn đầu của Phật giáo Bắc tông tại vùng này nhưng nhanh chóng phát triển. Điềm qua những dữ liệu về tự viện, số lượng kinh sách in ấn chúng ta có thể khẳng định được điều đó. Sự phát triển này phụ thuộc bởi ba nguyên nhân chính như sau:

- Đa phần các chúa Nguyễn đều có tinh thần mộ đạo, hộ trì Phật pháp. Vì muốn hưng thịnh Phật pháp nên đã thỉnh cao Tăng Thạch Liêm sang giáo hóa, chấn chỉnh lại Tăng đồ vốn dĩ có nhiều tình trạng tiêu cực. Sự hộ trì của chính quyền đương đại là điều kiện cho Phật giáo nhanh chóng hội nhập và phát triển.

- Lúc bấy giờ Hội An là một thương cảng trù phú nên điều kiện kinh tế hết sức dồi dào. Kinh tế ổn định đã trợ duyên cho các Thiền sư tạo dựng tự viện<sup>(24)</sup>, in ấn kinh sách để làm phương tiện truyền đạo.

- “Đạo do Tăng hoằng” có nghĩa là đạo pháp có phát triển hay không là do sự hoằng hóa của chư Tăng. Nếu được chính quyền yểm trợ, có kinh tế dồi dào mà không có các vị cao Tăng giáo hóa thì đó là cái họa của Phật giáo. May mắn thay, trong giai đoạn này Phật giáo Hội An đã được đón các vị cao Tăng đến giáo hóa.

Trước hết phải nói đến Thiền sư Minh Châu Hương Hải và Thiền sư Thạch Liêm Đại Sán đã đến hoằng pháp tại đây. Tuy các Ngài không ở Hội An lâu nhưng với sự uyên thâm kinh điển và đạo phong của mình, các vị đã đặt một nền tảng căn bản để Phật giáo Hội An phát triển về sau.

Kế tiếp là các Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo, Thiền sư Phổ Triêm, Thiền sư Thiết Dinh Ân Triêm đã kế thừa sự nghiệp các vị Thiền sư đi trước đưa Phật giáo Hội An ổn định và phát triển. Đặc biệt Thiền sư Minh Hải đã biệt lập nên dòng Thiền Lâm Tế Chúc Thánh, một dòng Thiền có vị trí đặc biệt trong lịch sử phát triển của Phật giáo Đàng Trong trước đây và Phật giáo Việt Nam ngày nay. Chính dòng Thiền Lâm Tế Chúc Thánh đã đưa vị trí Phật giáo Hội An thành một điểm son trong dòng chảy của Phật giáo Việt Nam.

Hy vọng, trong thời gian tới chúng ta có thêm nhiều tư liệu để khẳng định hơn nữa sự du nhập và phát triển của Phật giáo Hội An dưới thời các chúa Nguyễn. Đồng thời nỗ lực tìm lại các di tích, di chỉ của các chùa đã bị tàn phá để có kế hoạch bảo vệ, giúp các thế hệ hậu lai hiểu rõ hơn lịch sử Phật giáo tại địa phương.

## Chú thích:

- [1]. Phan Khoang, *Việt Sử Xứ Đàng Trong*, NXB Văn Học, 2001, tr 115-116
- [2]. Thích Đại Sán, Hải ngoại ký sự, Sử liệu nước Đại Việt thế kỷ XVIII, nhà in viện Đại học Huế, 1963, tr 154
- [3]. Nguyễn Khắc Thuần, *Đại Cương Lịch Sử Cổ Trung Đại Việt Nam*, tr 286
- [4]. Nguyễn Khắc Thuần, *Đại Cương Lịch Sử Văn Hóa Việt Nam, tập 2*, tr 156
- [5]. LiTana, Xứ Đàng Trong, NXB Trẻ, 1999, tr 194.
- [6]. Lê Mạnh Thát, Toàn Tập Minh Châu Hương Hải, NXB TP.Hồ Chí Minh, 2000, tr 145-146
- [7]. Thích Đại Sán, Hải ngoại ký sự, Sử liệu nước Đại Việt thế kỷ XVIII, nhà in viện Đại học Huế, 1963, tr 158
- [8]. Tương truyền vị Tổ khai sơn chùa Kim Liên là đệ tử ngài Minh Lượng Thành Đẳng. Ngày nay, tháp mộ Ngài được cải táng về trong khuôn viên Tổ đình Chúc Thánh. Văn bia trên mộ tháp chỉ ghi vón vẹn mấy chữ “Kim Liên Tự Khai Sơn Lão Hòa Thượng Tháp”. Chính lối ghi vắn tắt này khiến cho người đời sau không rõ pháp danh và pháp hiệu của Ngài.
- [9]. Nay thuộc phường Tân An, thành phố Hội An.
- [10]. Nay thuộc xã Cẩm Kim, thành phố Hội An.
- [11]. Mộc bản hiện còn lưu tại chùa Phước Lâm, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An
- [12]. Nay thuộc xứ Trảng Kèo, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An
- [13]. Nay thuộc phường Cẩm Phô, thành phố Hội An.
- [14]. Nay thuộc phường Cẩm Phô, thành phố Hội An
- [15]. Đây là sự so sánh khái lược với những bộ sách được in vào thời Chúa mà chúng tôi biết được. Đó là các bộ: Di Đà Sớ Sao (4 quyển) và Cảnh Sách (1 quyển) do Thiền sư Thiệt Uyên Chí Bảo in tại chùa Bảo Lâm ở Lạc Câu xã (nay thuộc Thăng Bình) và bộ Pháp Giới An Lập Đồ khắc in tại chùa Hội Phước, huyện Điện Bàn.
- [16]. Nguyên bài này thuộc phái Thọ Xương tại tỉnh Giang Tây, Trung Quốc.
- [17]. Nguyên kệ của ngài Trí Bản Đột Không chỉ có 4 câu đầu, còn 8 câu sau do các chùa tại Phố Đà Sơn, Nga Mi Sơn, Ngũ Đài Sơn tục kệ.
- [18]. Nay thuộc thôn Lạc Câu, xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
- [19]. Bộ này tờ lạc khoảng bị rách nên không xác định được niên nại, nhưng ít nhất nó ra đời trước năm Ngài viên tịch 1772.
- [20]. Nay thuộc xã Điện Phương, huyện Điện Bàn.
- [21]. Đại Nam Nhất Thống Chí, Tập 2, tr 387, nxb Thuận Hóa, 1997.



- [22]. Căn cứ vào năm tịch và tuổi thọ của Ngài, chúng tôi đoán định Ngài sinh năm Ất Mão (1675).
- [23]. Về sau do chiến tranh nên xá lợi Ngón tay cái của Ngài bị thất lạc.
- [24]. Hiện tại, chưa có một tư liệu nào ghi lại kiến trúc cũng như tầm quy mô của các tự viện thời Chúa, Ngoài các chùa đã mất tích, các chùa còn hiện hữu cũng đã nhiều lần trùng tu không còn giữ được kiến trúc ban sơ nên cũng khó có thể khẳng định tầm quy mô của tự viện thuở ấy.

## Tài liệu tham khảo

### 1. Văn bản chữ Việt:

- Phan Du, *Quảng Nam qua các thời đại*, NXB Thời Mới, 1974.
- Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học xã hội, 1977.
- Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, NXB Văn Học, 2001.
- Hồ Ngân, *Quảng Nam xưa và nay* (Di cảo), NXB Thanh Niên, 2004.
- Nguyễn Khắc Thuần, *Đại cương lịch sử cổ trung đại Việt Nam*.
- Nguyễn Khắc Thuần, *Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam*.
- Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự, Sử liệu nước Đại Việt thế kỷ XVIII*, nhà in viện Đại học Huế, 1963.
- Li Tana, *Xứ Đàng Trong*, NXB Trẻ, 1999
- Lê Mạnh Thát, *Toàn Tập Minh Châu Hương Hải*, NXB TP.Hồ Chí Minh, 2000.
- Thích Như Tịnh, *Hành Trạng Chư Thiên Đức Xứ Quảng*, NXB Tôn Giáo, 2008.
- Thích Như Tịnh, *Lịch Sử Truyền Thừa Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh*, NXB Phương Đông, 2009.
- Tập văn Khánh thành chùa Vạn Đức năm 1995.

### 2. Văn bản chữ Hán:

- Sa Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú (1 quyển), do Thiền sư Minh Hải Đắc Trí khắc in tại chùa Chúc Thánh, vào năm Vĩnh Khánh thứ 4, Nhâm Tý (1732)
- Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh do Thiền sư Thiết Đàm Chánh Luân khắc in tại chùa Long Bàn, vào năm Vĩnh Khánh thứ 4, Nhâm Tý (1732).
- Long Thơ Tịnh Độ (bộ 2 quyển) do Thiền sư Thiết Uyên Chí Bảo khắc in tại chùa Hội Nguyên, vào năm Cảnh Hưng thứ 7, Bính Dần (1746).
- Đại Bi Xuất Tượng Đà La Ni Kinh do Thiền sư Đại Hưng Trường Long khắc in tại chùa Vạn Đức, vào năm Cảnh Hưng thứ 25, Giáp Thân (1764) dưới sự chứng minh của Hòa thượng Phổ Triêm.
- Không Môn Nhật Dụng Tổng Tập Yếu (2 quyển) do Thiền sư Đại Tri khắc in tại chùa Bảo (Bửu) Long, vào năm Cảnh Hưng thứ 30, Kỷ Sửu (1769).
- Đại Khoa Du Già (1 quyển) do Thiền sư Đại Quảng Trí Quang khắc in tại chùa Sắc tứ Cẩm An, vào năm Cảnh Hưng thứ 32, Tân Mão 1771.
- Thiền Môn Nhật Tụng, bản in vào năm Dân Quốc thứ 22, Quý Dậu (1933) tại phủ Thường Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.

# PHẬT GIÁO Ở HỘI AN<sup>15</sup>

## A. Lời dẫn:

Hội An là một trong những đô thị cổ nổi tiếng của Việt Nam. Sự hình thành và phát triển của thương cảng Hội An gắn liền với quá trình Nam tiến của Dân tộc. Trong quá trình hình thành và phát triển ấy, Phật giáo đã gắn liền và đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân nơi đây. Tuy nhiên, từ trước đến nay chưa có một công trình nghiên cứu cụ thể về Phật giáo tại Hội An. Từ đó, ta có thể khái quát quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo tại Hội An cũng như những đóng góp cho đời sống văn hoá và tinh thần của cộng đồng dân cư tại địa phương.

Vì thế, ở chuyên đề này chúng tôi sẽ khái quát sự phát triển của Phật giáo Hội An qua các giai đoạn lịch sử của Dân tộc. Đồng thời ghi lại các hệ phái Phật giáo có mặt tại Hội An, đặc điểm những ngôi chùa tại Hội An và cuối cùng là tầm ảnh hưởng của Phật giáo Hội An trong quá khứ và hiện tại đối với người dân bản xứ cũng như các vùng phụ cận. Từ đó, khẳng định lại vị trí của Phật giáo của Hội An trong lòng Phật giáo và Dân tộc.

## B. Nội Dung.

### 1. Phật giáo Hội An qua các thời kỳ lịch sử:

#### 1.1. Giai đoạn đất Hội An thuộc Đại Việt đến thời Trịnh Nguyễn (1403- 1558)

Từ thời nhà Hồ (1402), khu vực đất Hội An đã thuộc về lãnh thổ Đại Việt. Đến thời Hồng Đức (1471) danh từ Quảng Nam chính

---

<sup>15</sup> Bài viết cho Trung tâm Bảo tồn di tích Hội An để thực hiện Địa Chí Hội An.

thức có mặt trong lịch sử. Danh từ Hội An có tên trên bản đồ Đại Việt do đại thần Đỗ Bá vẽ in trong *Thiên Nam tứ chí lộ đồ*. Tuy nhiên, các tự viện cũng như sự sinh hoạt của Tăng chúng trong giai đoạn này hoàn toàn không có tư liệu. Lẽ dĩ nhiên theo dòng người di dân, các thiền sư dòng Trúc Lâm Yên Tử từ Thanh Hóa, Nghệ An sẽ đến Hội An truyền đạo, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người dân Đại Việt. Lúc bấy giờ giao thương đường biển chưa phát triển mạnh cũng như đất nước Trung Hoa còn ổn định nên các Thiền sư Trung Hoa chưa có vị nào sang Hội An tu tập và hành đạo.

## **1.2. Giai đoạn Đàng Ngoài - Đàng Trong (1558-1778)**

Đàng Ngoài-Đàng Trong là giai đoạn lịch sử bi hùng của dân tộc Việt Nam. Trong lúc tại Đàng Ngoài vua Lê và chúa Trịnh có sự tranh giành quyền lực nên tình hình chính trị nhiễu nhương, kinh tế suy thoái. Ngược lại tại Đàng Trong, các chúa Nguyễn chiêu hiền đãi sĩ, mở rộng giao thương nên chính trị ổn định, kinh tế phát triển. Đây là một yếu tố quan trọng để Phật giáo dễ dàng hội nhập phát triển. Các thiền sư đến Hội An tu tập và hoằng truyền giáo pháp như: Minh Châu Hương Hải, Thạch Liêm Đại Sán, Minh Hải Pháp Bảo, Minh Lượng Thành Đăng v.v... Sự kiện nổi bật nhất là thiền sư Thạch Liêm Đại Sán mở giới đàn tại chùa Di Đà vào ngày mùng 7 tháng 7 năm Ất Hợi (1695) cho hơn 300 Tăng tục thọ giới.

Các chùa được xây dựng trong giai đoạn này như sau:

- Chùa Di Đà được xây dựng từ lâu đời, không rõ niên đại và vị khai sơn.

- Chùa Chúc Thánh do thiền sư Minh Hải Pháp Bảo khai sơn<sup>(1)</sup>.

- Chùa Vạn Đức do thiền sư Minh Lượng Thành Đăng khai sơn<sup>(2)</sup>

- Chùa Phước Lâm do thiền sư Thiệt Dinh Ân Triêm khai sơn<sup>(3)</sup>

- Chùa Hội Nguyên do thiền sư Thiệt Uyên Chí Bảo khai sơn<sup>(4)</sup>

- Chùa Kim Liên do đệ tử thiền sư Minh Lượng khai sơn <sup>(5)</sup>  
- Chùa Kim Sa do thiền sư Phật Thiền Hoa Nghiêm khai sơn <sup>(6)</sup>  
- Chùa Bửu Kim (nay là Kim Bửu) do dân làng Cẩm Kim tạo dựng <sup>(7)</sup>

- Chùa Hải Tạng được dân làng Tân Hiệp lập năm Cảnh Hưng thứ 19, 1758 <sup>(8)</sup>

- Chùa Sắc tứ Cẩm An do thiền sư Đại Quảng Trí Quang khai sơn <sup>(9)</sup>

- Chùa Bảo (Bửu) Long do thiền sư Đại Trí khai sơn <sup>(10)</sup>

- Chùa Vĩnh Long do thiền sư Trường Viễn khai sơn <sup>(11)</sup>

- Chùa Thiên Đức tức Phổ Tuyền am do thiền sư Thiệt Lương khai sơn vào năm 1734<sup>(12)</sup>.

- Chùa Chiên Đàn (tức Quan Âm đường) do cộng đồng người Hoa xây dựng vào năm 1653<sup>(13)</sup>.

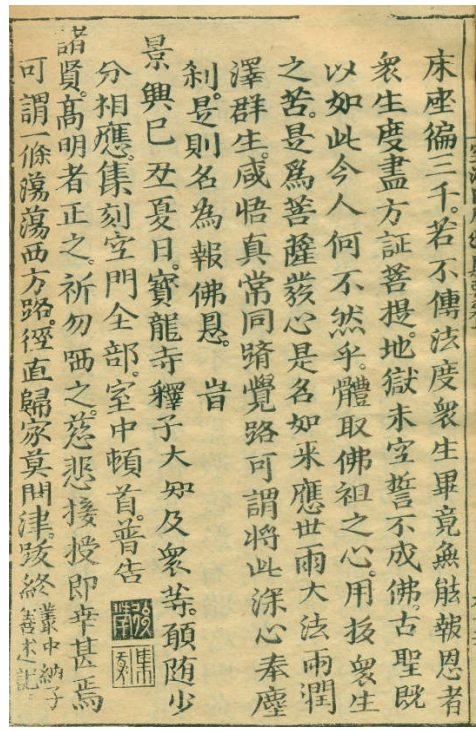
Đồng thời, để có phương tiện truyền đạo, các vị thiền sư đã vận động tín đồ khắc ván in một số bộ kinh như sau:

- **Sa Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú** (1 quyển), do Thiền sư Minh Hải Đắc Trí khắc in tại chùa Chúc Thánh vào năm Vĩnh Khánh thứ 4, Nhâm Tý (1732).

- **Long Thơ Tịnh Độ** (bộ 2 quyển) do Thiền sư Thiệt Uyên Chí Bảo khắc in tại chùa Hội Nguyên, vào năm Cảnh Hưng thứ 7, Bính Dần (1746).

- **Đại Bi Xuất Tượng Đà La Ni Kinh**<sup>(14)</sup> do Thiền sư Đại Hưng Trường Long khắc in tại chùa Vạn Đức, vào năm Cảnh Hưng thứ 25, Giáp Thân (1764).

- **Không Môn Nhật Dụng Tổng Tập Yếu** (2 quyển) do Thiền sư Đại Trí khắc in tại chùa Bảo (Bửu) Long, vào năm Cảnh Hưng thứ 30, Kỷ Sửu (1769).



**Cuốn Không Môn Nhật Dụng Tổng Tập Yếu (2 quyển)**  
do Thiền sư Đại Trí khắc in tại chùa Bảo (Bửu) Long, xã Cẩm Phô,  
huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn, xứ Quảng Nam  
vào năm Cảnh Hưng thứ 30, Kỷ Sửu (1769)

*Ảnh Như Tịnh*

- **Đại Khoa Du Già** (1 quyển) do Thiền sư Đại Quảng Trí Quang khắc in tại chùa Sắc tứ Cẩm An, vào năm Cảnh Hưng thứ 32, Tân Mão (1771).

Trong giai đoạn này, Phật giáo Hội An vô cùng phát triển. Sự phát triển ấy đều nhờ vào các vị Thiền sư lỗi lạc hoằng hóa. Cụ thể như thế hệ đi tiên phong, đặt nền tảng đầu tiên là Thiền sư Minh Châu Hương Hải (1628-1715): về sau ra Đàng Ngoài trụ trì chùa Nguyệt Đường ở Phố Hiến<sup>(15)</sup>; Thiền sư Thạch Liêm Đại Sán (1633-1704): trụ trì chùa Trường Thọ, Quảng Đông, Trung Quốc.

Tiếp đến, các thế hệ kế thừa có những vị Thiền sư tiêu biểu như sau: Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo (1670-1746): khai sơn trụ trì chùa Chúc Thánh; Thiền sư Minh Lượng Thành Đăng (1686-1769):

*khai sơn chùa Vạn Đức* <sup>(16)</sup>; Thiền sư Phổ Triêm (1675-1772): *trụ trì chùa Vạn Đức*; Thiền sư Thiệt Dinh Ân Triêm (1712-1798): *khai sơn chùa Phước Lâm*.

Các vị thiền sư này là những bậc tông sư lỗi lạc, đã khiến cho Phật giáo Hội An ổn định và phát triển lâu dài về sau.

### **1.3. Giai đoạn nhà Tây Sơn (1771-1802)**

Trong vòng 31 năm kể từ khi nhà Tây Sơn dấy nghĩa cho đến khi Gia Long thống nhất sơn hà là gần ấy năm Phật giáo Đàng Trong bị tàn phá bởi chiến tranh. Theo nhiều nguồn sử liệu phần lớn các chùa chiền cái thì bị tháo dỡ, cái thì bị các tướng lĩnh Tây sơn chiếm làm phủ đệ, chuông đồng bị đập nát để đúc súng đạn phục vụ chiến tranh v.v...

Chúng ta có thể thấy được tình hình sinh hoạt tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng dưới thời Tây Sơn theo như lời ghi lại của các giáo sĩ Tây phương. Linh mục người Pháp, ông La Barbette, ở Quảng Trị viết ngày 23 tháng 6 năm 1786, sau khi Nguyễn Huệ tiến quân ra Quảng Trị “*Quân phiến loạn đã phá hủy các nhà thờ đẹp đẽ nhất của chúng ta, họ phá các chùa chiền và buộc các sư phải cầm súng đi ra chiến trường*” <sup>(17)</sup> và linh mục Doussain ghi ngày 8 tháng 7 năm 1787 “*Người ta cũng phá hủy đền thờ và lấy tượng lấy đồng để đúc vũ khí và nôi*” <sup>(18)</sup>

Từ bối cảnh chung như vậy thì thương cảng Hội An lúc bấy giờ bị tàn phá tiêu điều, Phật giáo cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều. Trận đánh lớn tại Cẩm Sa vào ngày 24 tháng 4 năm 1775 giữa quân Tây Sơn và chúa Trịnh rất khốc liệt ảnh hưởng đến sự sinh hoạt thường nhật của cư dân Phố Hội. Theo văn bia ghi lại hành trạng tổ Ân Triêm (1712-1798) khai sơn chùa Phước Lâm thì lúc đó Ngài phải ôm y bát vào rừng lánh nạn.

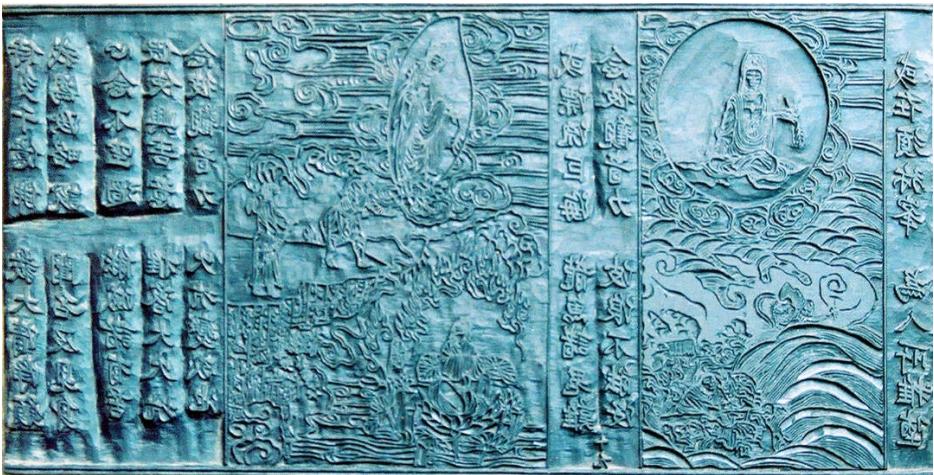
Giai đoạn này, các chùa như Kim Sa, Kim Liên, Bảo (Bửu) Long, Cẩm An, Vĩnh Long v.v... bị triệt hạ và hiện nay không còn một dấu tích. Theo sự suy đoán của chúng tôi, lúc bấy giờ chùa chiền rất khiêm tốn, vật liệu thô sơ chủ yếu cây gỗ và tranh tre. Chỉ

cần một mồi lửa thì trong vòng 1 tiếng đồng hồ tất cả sẽ bị thiêu rụi hoàn toàn. Lại nữa, nếu như những chùa này bị tàn phá thời Pháp thì ít ra cũng còn có các vị cao niên am hiểu tự tích. Nếu chùa Kim Liên, Kim Sa, Vĩnh Long không còn những tháp mộ; Chùa Bảo (Bửu) Long, chùa Sắc tứ Cẩm An không lưu lại những bản kinh thì chắc chắn chúng ta không bao giờ biết được có những ngôi chùa mang tên như vậy đã từng một thời tồn tại trên đất Hội An.

**1.4. Giai đoạn triều Nguyễn (1802-1945)**

Sau khi Gia Long lên ngôi, thống nhất đất nước thì Phật giáo dần ổn định và phát triển. Đây là giai đoạn Phật giáo ổn định và hồi sinh. Lúc bấy giờ, các thiền sư thuộc thiền phái Chúc Thánh đảm nhận vai trò chủ đạo trong sự hoằng pháp tại Hội An. Trong giai đoạn này các chùa Chúc Thánh, Phước Lâm, Vạn Đức, Hải Tạng v.v... đều được trùng tu lại do bị chiến tranh tàn phá. Ngoài ra còn có một số các chùa được xây dựng mới cụ thể như sau:

- Chùa Viên Giác do dân làng Cẩm Phô xây dựng năm Thiệu Trị nguyên niên, Tân Sửu (1841)<sup>(19)</sup>.



**Bản ván khắc kinh Phổ Môn Xuất Tượng**  
**do Hòa thượng Chơn Nhật Quang Minh: trụ trì tổ đình Chúc Thánh**  
**thực hiện vào những năm 1934**

*Ảnh Như Tịnh*



- Chùa Long Tuyền do Thiền sư Ân Nghiêm Phổ Thoại khai sơn năm Kỷ Dậu (1909)<sup>(20)</sup>.

- Chùa Pháp Bảo do Hội An Nam Phật Học tỉnh Quảng Nam sáng lập năm Nhâm Thân (1932)<sup>(21)</sup>.

Trong giai đoạn này, chúng tôi chỉ tìm thấy được bản kinh Phổ Môn Xuất Tượng do thiền sư Chơn Nhật Quang Minh khắc in vào khoảng những năm 1930-1940 tại chùa Chúc Thánh. Phần lớn chư tổ chỉ khắc in các mộc bản như: Hộ Giới Điệp, Chánh Pháp Nhãn Tạng, Điệp Quy Y, Điệp Thế Độ và một số các mộc bản bùa chú sử dụng trong nghi lễ Phật giáo.

Dưới triều Nguyễn, có một số giới đàn<sup>(22)</sup> đã được tổ chức tại Hội An như: Giới đàn chùa Chúc Thánh năm 1847 do Hòa thượng Quán Thông chủ trì và năm 1893 do Hòa thượng Chí Thành chủ trì; Giới đàn chùa Phước Lâm năm 1869 do Hòa thượng Huệ Quang chủ trì và năm 1910 do Hòa thượng Vĩnh Gia chủ trì. Như vậy, cứ gần khoảng 20 năm thì các thiền sư mở giới đàn một lần để tuyển chọn những người kế thừa sự nghiệp hoằng pháp.

Đến những năm đầu thế kỷ 20, phong trào Chấn hưng Phật giáo dấy lên khắp nơi. Hội An chính là nơi các vị Thiền sư chọn đặt làm trụ sở của Hội An Nam Phật học. Phong trào học Phật từ đây lan tỏa sang khắp các huyện thị trong tỉnh Quảng Nam.

Với 143 năm dưới 13 triều vua nhà Nguyễn, Phật giáo Hội An đã có các vị thiền sư tiêu biểu đảm nhiệm sự nghiệp hoằng hóa như: Thiền sư Pháp Ân Quảng Độ (1739-1811): *trụ trì chùa Phước Lâm*<sup>(23)</sup>; Pháp Kiêm Minh Giác (1747-1830): *trụ trì chùa Phước Lâm*; Toàn Đức Hoằng Tông<sup>(24)</sup> (1779-1843): *trụ trì chùa Vạn Đức*; Toàn Nhâm Quán Thông (1798-1883): *trụ trì chùa Chúc Thánh và Phước Lâm*; Chương Bằng Trí Tịnh (...?-1898): *trụ trì chùa Hội Nguyên*; Ân Bồn Vĩnh Gia (1840-1918): *trụ trì chùa Phước Lâm*.

Các vị thiền sư này đã có tầm ảnh hưởng rất lớn đến Phật giáo các tỉnh thành. Môn hạ của các Ngài hành đạo vào các tỉnh phía Nam và sang tận Campuchia.



### **1.5. Giai đoạn chia đôi đất nước (1945-1975)**

Từ năm 1945 đến 1975, trong suốt 30 năm đất nước loạn ly từ phong trào cách mạng mùa thu, đến kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Phật giáo Hội An chịu sự thịnh suy cùng dân tộc. Từ năm 1945 đến 1954, đa phần các chùa rơi vào sự khó khăn do bị thực dân Pháp kiểm chế bởi đạo dụ số 10 cũng như sự suy thoái kinh tế nên tự viện không có những hoạt động gì nổi bật. Sau hiệp định Giơnevơ, từ năm 1954 đất nước chia đôi, tuy Hội An không còn là thương cảng trù phú nhưng lại là trụ sở của tỉnh lỵ Quảng Nam nên mọi sinh hoạt đều tập trung tại đây. Giai đoạn này có sự ra đời của Giáo hội Tăng già và Hội An Nam Phật học của các vị cư sĩ và tổ chức Gia Đình Phật tử ra đời nhằm mục đích giáo dục thanh thiếu niên. Sau pháp nạn 1963, đầu năm 1964 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời thì sinh hoạt Phật giáo Hội An phát triển mạnh trở lại. Các trường Trung, Tiểu học Bồ Đề được thành lập góp phần vào sự nghiệp giáo dục tuổi trẻ. Phật học viện Quảng Nam ra đời tại chùa Long Tuyên nhằm mục đích đào tạo Tăng tài cho Quảng nam nói riêng và các tỉnh thành miền Trung nói chung.

Trong giai đoạn này có một số giới đàn được mở như: Giới đàn chùa Phước Lâm năm 1962, Giới đàn chùa Long Tuyên vào các năm 1963, 1965, 1967, 1972 v.v...đều do Hòa thượng Thích Tôn Bảo chủ trì. Tuy nhiên các giới đàn này đều chỉ truyền giới Sa di và Thập thiện.

Giai đoạn này Phật giáo Nguyên Thủy và hệ phái Khất sĩ đã đến truyền pháp tại Hội An khiến cho ngôi nhà Phật giáo Hội An thêm nhiều hương sắc. Các chùa được xây dựng trong giai đoạn này cụ thể như sau:

- Chùa Bảo Thắng do đạo hữu Phật tử xây dựng năm 1949.
- Chùa Minh Giác<sup>(25)</sup> do quân nhân Phật tử xây dựng năm 1957.

- Tịnh xá Ngọc Cẩm do Hòa thượng Thích Giác Lý khai sơn năm 1958.

- Tịnh xá Ngọc Châu do Ni trưởng Thích Nữ Đức Liên<sup>(26)</sup> khai sơn năm 1959.

- Chùa Long An do đạo hữu Phật tử xây dựng năm 1962

- Chùa Long Thọ do đạo hữu Phật tử xây dựng năm 1965.

- Chùa An Lạc do Hòa thượng Thích Hành Sơn<sup>(27)</sup> khai sơn năm 1966

- Chùa Phổ Triêm do đạo hữu Phật tử xây dựng năm 1966.

- Chùa Nam Quang do Hòa thượng Thích Giới Nghiêm khai sơn năm 1969.

- Chùa Cẩm Giác do Hòa thượng Thích Long Trí khai sơn.

- Thiền tự Bảo Châu<sup>(28)</sup> được thành lập vào năm 1970.

- Tịnh xá Ngọc Truyền do Đại Đức Thích Giác Công khai sơn năm 1970.

- Tịnh xá Ngọc Hương do chư Tăng hệ phái Khất sĩ khai sơn năm 1970.

- Chùa Cẩm Thanh do đạo hữu Phật tử sáng lập năm

- Chùa Phước An do đạo hữu Phật tử sáng lập năm

Các vị Hòa thượng có công đóng góp cho sự phát triển của Phật giáo Hội An giai đoạn này gồm có: Hòa thượng Thích Phổ Thoại (1875-1954): *khai sơn trụ trì chùa Long Tuyền*; Hòa thượng Thích Thiện Quả (1881-1962): *trụ trì chùa Chúc Thánh*; Hòa thượng Thích Trí Minh (1904-1971): *trụ trì chùa Pháp Bảo*. Các Ngài đã chứng minh cho Hội An Nam Phật Học cũng như đảm nhận vai trò Hội trưởng để hướng dẫn đạo hữu Phật tử tu học.

Đến thời Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thì có các vị Hòa thượng tiếp tục lãnh đạo Phật giáo tại Hội An như: Hòa thượng Thích Trí Giác (1915-2005): *trụ trì chùa Phước Lâm*; Hòa

thượng Thích Long Trí (1928-1998): *trụ trì chùa Viên Giác*; Hòa thượng Thích Như Vạn (1930-1980): *trụ trì chùa Phước Lâm*; Hòa thượng Thích Chơn Phát: *đương kim trụ trì chùa Long Tuyền*; Hòa thượng Thích Như Huệ: *đương kim trụ trì chùa Pháp Hoa, Nam Úc*. Chư vị Hòa thượng đã cùng nhau xây dựng Phật giáo Hội An vững mạnh và chi phối gần như tất cả các hoạt động Phật giáo tại tỉnh Quảng Nam<sup>(29)</sup>.

### **1.6. Giai đoạn thống nhất đất nước (1975 đến nay)**

Sau 30 tháng 4 năm 1975, đất nước Việt Nam nối liền một dải từ mũi Cà Mau đến tận Móng Cái. Đi đôi với niềm vui ấy là bao nỗi khó khăn mà toàn dân phải gánh chịu do hậu quả chiến tranh gây nên, Phật giáo vẫn luôn đồng hành cộng khổ cùng dân tộc.

Dưới thời bao cấp (1976-1986), gần như mọi hoạt động tôn giáo chỉ được tổ chức trong khuôn viên tự viện. Chư Tăng chủ yếu tham gia công tác nông thiện để đảm bảo kinh tế tự túc trong chùa. Sau năm 1980, Hòa thượng Thích Long Trí (bấy giờ là Thượng tọa) đã tổ chức an cư lại tại chùa Phước Lâm, sau đó là định kỳ hằng năm tại chùa Pháp Bảo cũng như phục hồi lại gia đình Phật tử Quảng Nam tại chùa Pháp Bảo.

Giai đoạn này một vài tự viện được chỉnh trang như: Thượng tọa Thích Long Trí xây dựng Tổ đường chùa Pháp Bảo năm 1981; Hòa thượng Thích Trí Giác xây dựng tổ đường chùa Phước Lâm năm 1985.

Sau năm 1986, tình hình chính trị xã hội chuyển biến tích cực trong công cuộc đổi mới, việc sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo thông thoáng hơn. Mọi hoạt động của Phật giáo ngày càng khởi sắc. Các chùa đều có tổ chức khóa tu Bát quan trai định kỳ. Các lễ hội Phật Đản, Vu Lan được tổ chức ra ngoài phạm vi tự viện. Các chùa được trùng tu ngày càng nhiều như Vạn Đức, Viên Giác, Tịnh xá Ngọc Cẩm, Hải Tạng v.v.... Gần đây, các chùa Cẩm Thanh, chùa Hội Nguyên được tái thiết mới lại hoàn toàn trên nền chùa cũ.

Giai đoạn này, Phật giáo Hội An tổ chức được ba giới đàn: năm 1982 tại chùa Pháp Bảo; năm 1985 tại chùa Long Tuyền và năm 1992 tại chùa Phước Lâm. Hai giới đàn năm 1982 và 1992 do Hòa thượng Thích Trí Giác chủ trì chỉ truyền giới Sa di và Thập thiện. Giới đàn năm 1985 tại chùa Long Tuyền do Hòa thượng Thích Chơn Phát chủ trì có truyền giới Tỳ kheo.

Giai đoạn này các vị như: Hòa thượng Thích Như Vạn, Hòa thượng Thích Đồng Nghĩa, Hòa thượng Thích Hạnh Thiện được bầu làm Chánh đại diện Phật giáo Hội An. Hiện nay Thượng tọa Thích Hạnh Hoa đảm nhiệm Trưởng ban trị sự Phật giáo Hội An.

## **2. Các hệ phái Phật giáo tại Hội An<sup>(30)</sup>:**

Hội An tuy là một thành phố nhỏ nhưng nơi đây hiện diện đầy đủ các hệ phái trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam. Điều này chứng tỏ Hội An là mảnh đất hiền hòa, người dân có niềm tin vào giáo lý Phật đà một cách chắc chắn và tâm thức luôn rộng mở đón nhận tư tưởng các hệ phái Phật giáo để làm giàu cho nền văn hóa tại địa phương.

### **2.1. Hệ phái Bắc Tông**

Hệ phái Bắc Tông được truyền thừa và phát triển sâu rộng tại Hội An từ những ngày đầu cư dân Đại Việt định cư tại đây. Gần 400 năm truyền thừa và phát triển, đa phần sự hành đạo chỉ do chư Tăng Bắc Tông đảm trách. Đến những thập niên 50-60 của thế kỷ 20 mới có sự xuất hiện của chư Ni Bắc Tông tham gia vào các công tác của Giáo Hội. Hiện nay tại Hội An có cả thảy 24 chùa, trong đó các chùa thuộc hệ Bắc Tông có 19 ngôi. Trong đó chùa do chư Tăng trụ trì 9 ngôi, chùa do chư Ni trụ trì 5 ngôi và chùa do Ban Hộ Tự quản lý 5 ngôi.

### **2.2. Hệ phái Nam Tông**

Phật giáo Nam Tông hình thành và phát triển ở các nước Lào, Campuchia, Thái Lan v.v... từ lâu đời nhưng thực sự hình thành và phát triển tại Việt Nam vào năm 1957 khi Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy được thành lập tại chùa Kỳ Viên, Sài Gòn. Đến năm 1969, Hòa thượng Giới Nghiêm mới khai sơn chùa Nam Quang,

nay thuộc phường Cẩm Châu, thành phố Hội An. Từ đó, Phật giáo Nam Tông có mặt tại Hội An. Tuy nhiên hệ phái này ít phát triển và chỉ duy nhất có một ngôi chùa Nam Quang mà thôi.

### **2.3. Hệ phái Khất sĩ**

Hệ phái khất sĩ do Tổ sư Minh Đăng Quang sáng lập tại miền Nam vào những năm 1947. Hệ phái này nhanh chóng phát triển ở Sài Gòn cũng như lục tỉnh miền Tây Nam bộ. Từ đó, các Sư trong hệ phái khất sĩ đến Hội An truyền đạo vào những năm 1950. Tuy nhiên, mãi đến năm 1958 khi Hòa thượng Thích Giác Lý chính thức khai sơn Tịnh xá Ngọc Cẩm thì Hệ phái Khất sĩ định hình và phát triển tại Hội An. Tiếp tục các ngôi Tịnh xá Ngọc Châu, Tịnh xá Ngọc Hương, Tịnh xá Ngọc Truyền lần lượt ra đời để đáp ứng nhu cầu tu học và hoằng pháp của quý Sư.

Hiện nay tại Hội An có tổng cộng 4 ngôi Tịnh xá, trong đó 3 ngôi do chư Tăng trụ trì và 1 ngôi do chư Ni trụ trì.

### **3. Đặc điểm các chùa tại Hội An:**

Cho đến thời điểm hiện nay (2015), Phật giáo Hội An có tổng cộng 24 ngôi chùa. Chúng tôi tùy theo đặc điểm, thời gian và người sáng lập mà phân loại ra các thể loại như sau:

#### **3.1. Chùa do chư Tổ sáng lập**

Ở Hội An, hiện tại có 5 ngôi chùa do Chư vị Tổ sư sáng lập. Đó là chùa Chúc Thánh, Chùa Vạn Đức, Chùa Phước Lâm, chùa Long Tuyền và chùa Hội Nguyên. Trong đó có 4 ngôi chùa mang tầm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Phật giáo tại Hội An nói riêng và Quảng Nam nói chung. Chỉ có chùa Hội Nguyên vừa mới được tái thiết trùng tu vào năm 2014 trên nền chùa cũ.

#### **3.2. Chùa do dân làng kiến tạo**

Các ngôi chùa do dân làng sáng lập từ lâu đời như chùa Hải Tạng, chùa Bửu Kim (nay là Kim Bửu), chùa Viên Giác. Ban đầu chùa do dân làng quản lý nhưng sau đó cúng lại cho chư Tăng để làm nơi sinh hoạt tín ngưỡng thuần túy Phật giáo.

Chùa Hải Tạng do dân làng Tân Hiệp thành lập và sớm có chư Tăng trụ trì. Tuy nhiên, tại chùa Hải Tạng chư Tăng không có sự kế thừa tương tục nên chúng ta chưa xác định được năm nào Chư Tăng trụ trì, năm nào dân làng quản lý. Từ đầu thế kỷ 20 thì chùa không có Chư Tăng thường trú và do Ban hộ tự quản lý.

Chùa Bửu Kim do dân làng Kim Bồng thành lập từ thời chúa. Đến năm 1941 làng cúng cho Hòa thượng Phổ Thoại tại chùa Long Tuyền. Hòa thượng trùng tu và đổi tên thành Kim Bửu Tự cũng như xin Sắc tứ cho chùa. Tuy nhiên, đa phần chùa do đạo hữu Phật tử trông nom. Đến năm 2008, Sư cô Thích Nữ Hạnh An được thỉnh làm trụ trì tại đây.

Chùa Viên Giác do dân làng Cẩm Phô xây dựng vào năm 1841 tại địa điểm hiện nay. Dưới triều nhà Nguyễn, chùa sinh hoạt theo tinh thần Tam giáo đồng nguyên, theo lệ làng Tam Ngươn Tứ Quý. Năm 1951, dân làng cúng chùa cho Giáo Hội Tăng Già Quảng Nam và Hòa thượng Thích Long Trí được đề cử về trụ trì tại đây. Từ đây, chùa Viên Giác sinh hoạt theo hệ thống của Phật giáo.



**Chùa Viên Giác do dân làng Cẩm Phô  
tái thiết lập vào năm Thiệu Trị nguyên niên, Tân Sửu (1841)**

*Ảnh Như Tịnh*

### **3.3. Chùa xây dựng trong phong trào Chấn hưng Phật giáo**

Ngoài 8 ngôi chùa đã nêu ở mục 3.1 và 3.2, còn lại 16 ngôi chùa và Tịnh xá đều được xây dựng trong phong trào Chấn hưng Phật giáo.

Các chùa thuộc hệ Bắc tông thì cách thờ tự theo truyền thống Tiền Phật Hậu Tổ, hai bên thờ Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Phổ Hiền hoặc là Bồ tát Quan Âm và Bồ tát Địa Tạng.

Chùa Nam tông thì xây dựng theo kiến trúc chùa tháp của Campuchia. Chỉ thờ Phật Thích Ca chứ không thờ chư vị Bồ tát.

Các Tịnh xá thì xây dựng theo kiến trúc Lục giác đặc thù của Hệ phái Khất sĩ. Trong chánh điện thờ Phật Thích Ca và phía sau là thờ Tổ sư Minh Đăng Quang.

### **3.4. Chùa mang tính cách gia tộc.**

Đặc biệt tại Hội An có một ngôi chùa do tộc họ quản lý. Đó là ngôi chùa Thiên Đức<sup>(31)</sup> tọa lạc tại phường Tân An. Chùa do Thiền sư Thiệt Lương (1666-1758) là đệ tử của Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo khai sơn vào năm 1728, ban đầu có tên là Phổ Tuyền am, sau cải là Thiên Đức Tự. Thiền sư Thiệt Lương họ Đinh, người Trung Quốc, trung niên mới xuất gia. Sau khi Ngài viên tịch, thân tộc có nhiều người làm quan có điều kiện kinh tế nên vẫn duy trì ngôi chùa và trùng tu nhiều lần. Những năm đầu thế kỷ 20, hậu nhân tộc Đinh vẫn còn có sự qua lại sinh hoạt với chư Tăng các chùa. Sau năm 1975 gần như hoàn toàn không còn liên lạc. Mọi việc thờ cúng đều do con cháu ngoại tộc Đinh đảm nhận. Vì thế dân gian còn gọi là chùa Lư hoặc là Đinh từ đường.

Chùa còn mang dáng dấp xưa với kết cấu nhà rường cổ Quảng Nam. Bảo tháp Thiền sư Thiệt Lương vẫn giữ nguyên kiến trúc từ thời chúa đến nay. Bảo tháp này cần nên được quan tâm bảo tồn để giữ được nét kiến trúc của một giai đoạn lịch sử.

#### **4. Sự ảnh hưởng của Phật giáo Hội An trong quá khứ và hiện tại:**

Trong suốt hơn 4 thế kỷ hình thành và phát triển tại Hội An, Phật giáo đã đóng góp rất nhiều cho cộng đồng người dân địa phương từ đời sống tinh thần cho đến các loại hình nghệ thuật.

##### **4.1. Đời sống tâm linh của cư dân địa phương**

Hiện tại, ở Hội An hơn 50% dân số là tín đồ, là người có tín ngưỡng Phật giáo. Tuy có nhiều hệ phái cùng hành đạo nhưng tư tưởng Tịnh Độ vẫn là tư tưởng chủ đạo của đồng bào Phật tử tại đây. Đa phần các chùa hăng đem đều trì tụng kinh thuộc Tịnh Độ tông và niệm Phật A Di Đà. Tư tưởng này đã có từ những ngày đầu Phật giáo Hội An hình thành kéo dài cho đến mãi ngày nay.

Trong vấn đề ma chay tang lễ, tín đồ Phật giáo hoặc những người theo tín ngưỡng ông bà vẫn chủ trương mời Thầy về làm đám để cầu nguyện. Trong các đội âm công, Tổng sinh thường có bài hò đưa linh để tiễn vong linh về cảnh Tây phương của Phật A Di Đà.

Những đêm tối 14 hoặc 30 hằng tháng, dọc theo hai bên đường con phố cổ, chúng ta thấy các nhà đều có bày hương án lễ phẩm để cúng cô bác. Đây là một việc làm thâm nhuần tư tưởng từ bi của Phật giáo. Bởi lẽ theo quan niệm Phật giáo, những người chết đi mà chưa đầu thai hay sanh về một cảnh giới khác thì dễ dàng trở thành những cô hồn vất vưởng, không nơi nương tựa, không người cứu tế. Bốn phận người còn sống phải có tinh thần bi mẫn, hướng tâm về những người xấu số đó để họ được ấm lòng ở cảnh âm ty.

##### **4.2. Văn hoá nghệ thuật**

- **Mỹ thuật kiến trúc:** Sự ra đời của các chùa đã tạo nên được một quần thể kiến trúc các tự viện tại Hội An. Trước đây, các chùa Chúc Thánh, Phước Lâm đều được làm bằng gỗ theo kết cấu nhà rường Quảng Nam. Tuy nhiên, đa phần các chùa được trùng tu nhiều lần nên không giữ được những kiến trúc ban đầu. Chùa Phước Lâm làm lại hoàn toàn bằng xi măng vào năm 1964. Chùa Chúc



Thánh mới trùng tu lại vào năm 2009, tuy không giữ được nguyên vẹn tổng thể như xưa nhưng kiến thiết lại bằng gỗ theo lối chồng rường cổ điển đặc trưng của Hội An. Đặc biệt tại Hội An, chùa Hải Tạng tại xã Tân Hiệp vẫn còn giữ được nguyên trạng kiến trúc thời Tự Đức.

Có thể tại Hội An do điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn nên chưa có một ngôi chùa nào được xây dựng mang đậm nét văn hóa nghệ thuật.

- **Văn hóa lễ hội:** Một năm Phật giáo có 4 ngày lễ chính như: Lễ Cầu an rằm tháng Giêng, Lễ Phật Đản vào rằm tháng 4, Lễ Vu Lan rằm tháng 7 và lễ Phật thành đạo mùng 8 tháng chạp. Tuy nhiên, tại Hội An chỉ có lễ Phật Đản là các chùa tổ chức tương đối quy mô mang tính cách lễ hội, các lễ còn lại cũng đơn giản. Gần đây có chùa còn tổ chức hoa đăng nhân vía Phật A Di Đà 17 tháng 11 âm lịch cũng như Phật giáo Hội An kết hợp với nhà nước tổ chức lễ cài hoa hồng hiếu hạnh trong mùa Vu Lan.

Đồng thời, tùy theo đặc thù của từng hệ phái mà các chùa tổ chức những lễ riêng của mình. Các chùa theo hệ Bắc tông như Chúc Thánh, Phước Lâm, Vạn Đức, Long Tuyền, Viên Giác, An Lạc, Bảo Thắng hằng năm đều tổ chức kỵ tổ khai sơn hoặc Thầy tổ của mình. Duy chỉ có lễ kỵ tổ Minh Hải Pháp Bảo tại chùa Chúc Thánh cứ 3



**Quả chuông Cẩm Lý Tự được đúc vào năm Gia Long năm thứ 13, Giáp Tuất (1814), hiện được trân tàng tại chùa Viên Giác**

*Ảnh Như Tịnh*

năm tổ chức lớn một lần để chư Tăng Ni trong thiền phái Chúc Thánh tưởng niệm chư vị lịch đại tổ sư. Ngoài ra hằng năm Tịnh xá Ngọc Cẩm đều tổ chức tưởng niệm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng vào ngày mùng 1 tháng 2 âm lịch. Chùa Nam Quang hằng năm tổ chức Khóa tu gieo duyên cho Phật tử vào rằm tháng 2 âm lịch cũng như lễ dâng y Kathina vào ngày 18 tháng 10 âm lịch.

Nhìn chung đa phần các ngày lễ lớn của Phật giáo hoặc các ngày lễ đặc trưng theo từng hệ phái tại các chùa Hội An chưa có một lễ nào được tổ chức một cách quy mô mang dáng dấp lễ hội quốc gia. Phần lớn các chùa đều tổ chức một cách trầm mặc, mang nặng tính tâm linh hơn là phô trương hình thức lễ hội bên ngoài. Đây cũng là điểm đặc biệt của Phật giáo Hội An.

### **4.3. Ảnh hưởng đến sự phát triển của Phật giáo các địa phương trong và ngoài nước.**

Hội An là chiếc nôi của dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh. Chính từ đây, chư Tăng của thiền phái này đã đi đến các tỉnh miền Trung, miền Nam hành đạo và hiện nay có mặt tại các nước Châu Âu và Mỹ quốc. Thiền phái Chúc Thánh có một vị trí quan trọng đặc biệt trong lịch sử phát triển Phật giáo Việt Nam với tinh thần hộ quốc an dân. Chính vì thế, Phật giáo Hội An trước đây có sự ảnh hưởng rất lớn đến Phật giáo các tỉnh thành.

Trước năm 1975, Hội An là trung tâm hành chính của tỉnh lỵ Quảng Nam. Vì thế, chùa Pháp Bảo (tức chùa Tịnh hội trước đây) là trung tâm sinh hoạt của Phật giáo Quảng Nam<sup>(32)</sup>. Vì thế, đa phần chư Tăng lãnh đạo Phật giáo Quảng Nam đều trụ tại Hội An và các Ngài đi về các huyện thị trong tỉnh để điều hành Phật sự. Sau năm 1975, khi sáp nhập ba đơn vị: Thị xã Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Tín thành tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng thì Hội An vẫn là trung tâm điều hành Phật sự tại khu 2 (bao gồm các huyện thị: Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn và Đại Lộc). Đến năm 1997, tách tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng thành tỉnh Quảng Nam và thành phố

Đà Nẵng. Trụ sở Phật giáo tỉnh Quảng Nam đặt tại chùa Đạo Nguyên, Thành phố Tam Kỳ. Đồng thời tại các huyện thị chư Tăng Ni đều đầy đủ nhân sự để điều hành Phật sự nên tầm ảnh hưởng của Phật giáo Hội An không còn nữa. Tuy nhiên, nhìn về quá khứ và trong tâm khảm của người con Phật xứ Quảng thì Hội An vẫn là chiếc nôi của Phật giáo tỉnh Quảng Nam. Về mặt hành chánh thì tầm ảnh hưởng của Phật giáo Hội An không còn lan rộng nhưng về mặt tâm linh thì Hội An vẫn có chỗ dựa tinh thần cho Tăng Ni và tín đồ Phật giáo Quảng Nam.

### **C. Kết luận:**

Phật giáo Hội An có một quá trình du nhập, hình thành và phát triển trên 4 thế kỷ. Trong ngàn ấy thời gian, Phật giáo đã ăn sâu vào trong đời sống tâm linh của người dân nơi đây. Dù rằng Phật giáo có những lúc thăng trầm, có những lúc nhiều nhưng mạch ngầm tâm linh vẫn không bao giờ đứt. Trong quá khứ, Phật giáo Hội An đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển của Phật giáo ở các huyện thị lân cận. Không những thế, Phật giáo Hội An mà tiêu biểu là dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh có sự ảnh hưởng rất lớn đến các tỉnh thành.

Nhờ thâm nhuần tư tưởng từ bi của Phật giáo cộng với nền tảng văn hiến của dân tộc nên người dân Hội An trước đây có một đời sống thuần hậu chất phác. Từ phong cách sống cho đến những giá trị đạo đức nhân bản, những thuần phong mỹ tục là yếu tố quan trọng để Unesco công nhận Hội An là di sản văn hóa thế giới.

Để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của tiền nhân, các thế hệ kế thừa cần quan tâm những vấn đề như sau:

- Về việc kiến tạo tự viện: nên cố gắng phục dựng lại những kiến trúc cổ kính đặc thù của Quảng Nam. Ngày hôm nay, có sự giao thoa giữa các làng nghề với nhau nên những đường nét kiến trúc từ chạm gỗ cho đến đắp vẽ xi măng dễ bị lai căn. Bởi lẽ mỗi vùng miền đều có một những nét văn hóa riêng biệt. Nếu không

nắm rõ thì cũng ta dễ dàng đánh mất bản chất văn hóa đặc thù vùng Quảng Nam mà tiền nhân chúng ta đã xây dựng.

- Về vấn đề sinh hoạt tâm linh: Đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của đại đa số quần chúng là việc mà các tự viện phải làm và cần làm. Bởi lẽ qua con đường này, đạo Phật dễ dàng đi đến mọi tầng lớp nhân dân. Tuy nhiên, ngày hôm nay nhiều lễ nghi đã bị biến dạng nhất là trong việc cử hành tang lễ cho người quá cố. Chúng tôi nhận thấy đa phần tang lễ giờ có sự xuất hiện của các đội kèn tây làm không khí thêm huyền ảo, mất đi vẻ tôn nghiêm của những nghi thức cổ truyền. Vì thế, các vị tu sĩ Phật giáo cần phải có phương thức như thế nào để phù hợp để lễ nghi được trang nghiêm, giữ đúng bản chất của truyền thống Á Đông.

### **Chú thích:**

- [1]. Nay thuộc phường Tân An, thành phố Hội An.
- [2]. Nay thuộc thôn Bến Trễ, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An.
- [3]. Nay thuộc thôn Cửa Suối, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An.
- [4]. Nay thuộc xã Cẩm Kim, thành phố Hội An.
- [5]. Tương truyền vị Tổ khai sơn chùa Kim Liên là đệ tử ngài Minh Lượng Thành Đẳng. Trước đây tháp mộ Ngài và tháp Tăng chúng nằm tại phường Sơn Phong (gần miếu Ông Cọp) nên có thể chùa ở khu vực này. Ngày nay, tháp mộ Ngài được cải táng về trong khuôn viên Tổ đình Chúc Thánh. Văn bia trên mộ tháp chỉ ghi vắn vắn mấy chữ “Kim Liên Tự Khai Sơn Lão Hòa Thượng Tháp”. Chính lối ghi vắn tắt này khiến cho người đời sau không rõ pháp danh và pháp hiệu của Ngài.
- [6]. Mộ tháp ngài còn nằm ở ấp Trảng Sỏi, phường Thanh Hà. Có thể chùa được tạo dựng tại nơi đây.
- [7]. Nay thuộc xã Cẩm Kim, thành phố Hội An.
- [8]. Nay thuộc xã Tân Hiệp, thành phố Hội An.
- [9]. Chùa đã bị mất tích, theo văn bản thì chùa nằm trong địa phận xã Cẩm Phô thời ấy, nay là phường Cẩm Phô.
- [10]. Chùa đã bị mất tích, theo văn bản thì chùa nằm trong địa phận xã Cẩm Phô thời ấy, nay là phường Cẩm Phô

- [11]. Không rõ chùa nằm ở khu vực nào. Tuy nhiên, bảo tháp của ngài Trường Viễn được lập bên cạnh tháp ngài Phật Thiền Hoa Nghiêm tại ấp Trảng Sỏi, phường Thanh Hà. Vì ngài Trường Viễn và Phật Thiền là hai anh em ruột.
- [12]. Chùa hiện tại nằm tại phường Tân An nhưng giờ chỉ mang tính cách chùa của gia tộc họ Đinh, tên dân gian gọi là chùa Lư
- [13]. Nằm trong khu vực phường Minh An, có thể là tiền thân của Minh Hương Phật tự ngày nay.
- [14]. Mộc bản hiện còn lưu tại chùa Phước Lâm, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An
- [15]. Chùa này đã bị mất tích. Tháp mộ ngài nằm trong nhà dân tại tỉnh Hải Dương.
- [16]. Ngoài khai sơn chùa Vạn Đức ở Hội An, thiền sư Minh Lượng Thành Đăng còn khai sơn chùa Phổ Bảo tại Bình Định (không phải chùa Phổ Bảo hiện nay do thiền sư Toàn Ý Phổ Huệ khai sơn). Tuy nhiên, chúng tôi vẫn tồn nghi về việc có phải thiền sư Minh Lượng Thành Đăng có phải là người khai sơn chùa Vạn Đức hay không? Bởi lẽ tuổi đời Ngài nhỏ hơn Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo đến 16 tuổi. Nếu ngài Minh Lượng muốn khai sơn chùa Vạn Đức thì lúc đó Ngài ít nhất là 25 tuổi theo tinh thần Phật giáo, có nghĩa là phải khoảng từ năm 1710 trở lên. Vấn đề này cần đặt lại và tìm nguồn tư liệu để làm sáng tỏ.
- [17]. Những Người Bạn Cổ Đô Huế, tập 2, tr 280, nxb Thuận Hóa 1997
- [18]. Những Người Bạn Cổ Đô Huế, tập 2, tr 280, nxb Thuận Hóa 1997
- [19]. Nguyên thủy chùa có tên là Cẩm Lý tự nằm tại thôn Xuyên Trung, xã Cẩm Phô (nay thuộc phường Cẩm Nam). Do bị thiên tai sạt lở nên chùa dời về vị trí hiện nay và cải lại là Viên Giác Tự.
- [20]. Nay thuộc phường Thanh Hà, thành phố Hội An.
- [21]. Nay thuộc phường Minh An, thành phố Hội An.
- [22]. Đây chỉ là con số mà chúng tôi có được tư liệu. Theo chúng tôi nghĩ rất còn nhiều giới đàn được mở tại Hội An nhưng không còn sử liệu ghi lại.
- [23]. Về sau, Ngài về quê nhà trụ trì chùa Viên Tông (nay là chùa Diệu Giác) Thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và viên tịch tại đây.
- [24]. Sau căn tên húy vua Thiệu Trị nên ghi lại là Hoàng Tuyên.
- [25]. Ban đầu chùa có tên là Cẩm Hà tự. Đến năm 2004, thượng tọa Thích Hạnh Nhân lấy đạo hiệu Minh Giác của tổ Pháp Kiêm đổi lại tên chùa là Minh Giác Tự.
- [26]. Thực ra chùa do Giáo Hội Khất Sĩ đứng xây dựng nhưng Ni trưởng Đức Liên là người trực tiếp chỉ đạo nên chúng tôi để Ni trưởng là người khai sơn.
- [27]. Chùa do GHPGVNTN tỉnh Quảng Nam lập để có nơi cho đồng bào tỵ nạn trại Thanh Đông quy ngưỡng tu học. Tuy nhiên Hòa thượng Thích Hành Sơn là người trực tiếp đứng xây dựng và trụ trì đầu tiên nên xem Hòa thượng là vị Tổ khai sơn.
- [28]. Nguyên đây là nền của đình làng Đế Võng. Năm 1970, Đại Đức Thích Như Huệ trụ trì chùa Pháp Bảo mua lại đặt tên là Tịnh thất Đế Châu. Đến năm 1977, Đại

Đức chuyển nhượng lại cho nhị vị Sư bà chùa Bảo Thắng và hai Sư bà đổi lại là Tịnh Thất Bảo Châu. Đến năm 2000 Ni sư Thích Nữ Giải Thiện về trụ trì và đổi tên lại là Thiền Tự Bảo Châu.

- [29]. Bao gồm 5 huyện thị: Hội An, Điện Bàn, Quế Sơn, Duy Xuyên và Đại Lộc.
- [30]. Ở nơi đây, chúng tôi chỉ ghi lại các hệ phái chính thức nằm trong tổ chức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam hiện tại.
- [31]. Sở dĩ chúng tôi không đưa chùa Thiên Đức vào hệ thống các chùa Hội An vì chùa giờ do Gia tộc quản lý, không có Tăng Ni tu hành cũng như tín đồ đến sinh hoạt lễ bái.
- [32]. Chúng tôi chỉ tính 5 huyện thị Quảng Nam trước đây: Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn, Đại Lộc.

## Tài liệu tham khảo

### 1. Văn bản chữ Việt:

- Phan Du, *Quảng Nam qua các thời đại*, NXB Thời Mới, 1974.
- Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học xã hội, 1977.
- Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, NXB Văn Học, 2001.
- Hồ Ngân, *Quảng Nam xưa và nay* (Di cảo), NXB Thanh Niên, 2004.
- Nguyễn Khắc Thuần, *Đại cương lịch sử cổ trung đại Việt Nam*.
- Nguyễn Khắc Thuần, *Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam*.
- Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự, Sử liệu nước Đại Việt thế kỷ XVIII*, nhà in viện Đại học Huế, 1963.
- Li Tana, *Xứ Đàng Trong*, NXB Trẻ, 1999
- Lê Mạnh Thát, *Toàn Tập Minh Châu Hương Hải*, NXB TP.Hồ Chí Minh, 2000.
- Thích Như Tịnh, *Hành Trạng Chư Thiên Đức Xứ Quảng*, NXB Tôn Giáo, 2008.
- Thích Như Tịnh, *Lịch Sử Truyền Thừa Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh*, NXB Phương Đông, 2009.
- Chơn Phát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, giáo tài lưu hành nội bộ, 1998.
- Thích Chơn Phát, *Sử liệu Danh tăng – Tự viện – Thắng cảnh Phật giáo Quảng Nam*, Phật học viện Quảng Nam ấn hành, 1970.
- Nguyễn Quyết Thắng, *Quảng Nam Đất Nước và Nhân vật*, NXB Văn hoá thông tin, 2001.
- Thích Như Tịnh, *Lược sử Phật giáo và những ngôi chùa tại Hội An*, cảo bản.
- Đặng Như Tùng dịch, *Những người bạn cổ đô Huế*, nxb Thuận hóa 1997

### 2. Văn bản chữ Hán:

- Sa Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú (1 quyển), do Thiền sư Minh Hải Đắc Trí khắc in tại chùa Chúc Thánh, vào năm Vĩnh Khánh thứ 4, Nhâm Tý (1732)
- Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh do Thiền sư Thiết Đàm Chánh Luân khắc in tại chùa Long Bàn, vào năm Vĩnh Khánh thứ 4, Nhâm Tý (1732).
- Long Thơ Tịnh Độ (bộ 2 quyển) do Thiền sư Thiết Uyên Chí Bảo khắc in tại chùa Hội Nguyên, vào năm Cảnh Hưng thứ 7, Bính Dần (1746).
- Đại Bi Xuất Tượng Đà La Ni Kinh do Thiền sư Đại Hưng Trường Long khắc in tại chùa Vạn Đức, vào năm Cảnh Hưng thứ 25, Giáp Thân (1764) dưới sự chứng minh của Hòa thượng Phổ Triêm.
- Không Môn Nhật Dụng Tổng Tập Yếu (2 quyển) do Thiền sư Đại Tri khắc in tại chùa Bảo (Bửu) Long, vào năm Cảnh Hưng thứ 30, Kỷ Sửu (1769).
- Đại Khoa Du Già (1 quyển) do Thiền sư Đại Quảng Trí Quang khắc in tại chùa Sắc tứ Cẩm An, vào năm Cảnh Hưng thứ 32, Tân Mão 1771.
- Thiền Môn Nhật Tụng, bản in vào năm Dân Quốc thứ 22, Quý Dậu (1933) tại phủ Thường Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.

## Mục lục

---

|   |                                                                                   |     |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------|-----|
| ❖ | Lời giới thiệu .....                                                              | 3   |
| ❖ | Lời nói đầu .....                                                                 | 7   |
| ❖ | Bổ chính sử liệu về thiền sư Minh Hải Pháp Bảo .....                              | 9   |
| ❖ | Sử liệu mới về thiền sư Toàn Nhâm Quán Thông .....                                | 18  |
| ❖ | Sử liệu mới về pháp sư Toàn Nhật Quang Đài .....                                  | 30  |
| ❖ | Khảo sát các dòng kệ truyền thừa thuộc thiền phái Lâm Tế trên đất Quảng Bình..... | 47  |
| ❖ | Lịch đại tổ sư trú trì chùa Quốc Ân.....                                          | 63  |
| ❖ | Danh tăng núi Ngũ Hành.....                                                       | 84  |
| ❖ | Về hai văn bản Ma Nhai thời Đồng Khánh tại động Huyền Không .....                 | 105 |
| ❖ | Ván khắc phái quy y, điệp thế độ, hộ giới điệp & pháp quyền tại Quảng Nam.....    | 117 |
| ❖ | Truyền thừa thiền phái liễu quán tại Quảng Nam - Đà Nẵng .....                    | 129 |
| ❖ | Dấu ấn thiền phái Liễu Quán trong dòng chảy phật giáo Đại Lộc .....               | 147 |
| ❖ | Sử liệu về Trường Hương và Đại Giới Đàn năm 1928 tại chùa Từ Vân - Đà Nẵng .....  | 160 |
| ❖ | Kệ phái truyền thừa & giới đàn phật giáo Quảng Ngãi.....                          | 184 |
| ❖ | Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại tỉnh Bình Định .....                             | 204 |
| ❖ | Sự du nhập của phật giáo vào Hội An thời các chúa Nguyễn .....                    | 227 |
| ❖ | Phật giáo ở Hội An .....                                                          | 254 |





# Tìm lại dấu xưa

**Thích Như Tịnh**

## **NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG**

Lô 103 - Đường 30 Tháng 4 - P. Hòa Cường Bắc - TP. Đà Nẵng

ĐT: 0236 3797814 - 3797823 Fax: 0236 3797875

[www.nxbdanang.vn](http://www.nxbdanang.vn)

### **Chịu trách nhiệm xuất bản:**

Giám đốc: NGUYỄN THÀNH

### **Chịu trách nhiệm nội dung:**

Tổng biên tập: NGUYỄN KIM HUY

***Liên kết xuất bản:*** Thích Như Tịnh - Chùa Viên Giác

***Địa chỉ:*** 48/6 Hùng Vương- Thành phố Hội An - Quảng Nam

---

In 1.000 cuốn khổ 16 x 24 cm. In tại Công ty TNHH In ấn - QC&TM Thành Tín  
Địa chỉ: 12 Nguyễn Phi Khanh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Giấy ĐKXB - /CXBIPH/ - /ĐaN cấp ngày / / 2021

Giấy QĐXB - /QĐ-ĐaN Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp ngày / / 2021

Mã ISBN: . In xong và nộp lưu chiểu tháng /2021